

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
15

Vu Lan Thắng Hội 2542

Trung Tâm Thẩm-Mỹ Ngoài Da và Giải Phẫu Thẩm-Mỹ

Trung Tâm Khang Trang, Uy Tín và Lâu Năm Nhất tại Little Saigon



BOARD CERTIFIED
DERMATOLOGISTS

■
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA
NGOÀI DA &
GIẢI PHẪU DA

**NGUYỄN T. TUẤN,
M. D.**

**NGUYỄN H. QUÂN,
M. D.**

**ALYSSA KIM,
M. D.**

BOARD CERTIFIED
PLASTIC SURGEON

■
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA
GIẢI PHẪU THẨM MỸ
& TẠO HÌNH TOÀN KHOA

**JAE CHUN,
M. D.**

Mọi Tham Khảo
Ý Kiến Xin Liên Lạc:
ANGIE NGUYỄN

**(714)
898-9368**
HOẶC
1-800-88-ORIKI

*Nhất Dáng Nhì Da?
hay Nhất Da Nhì Dáng?*



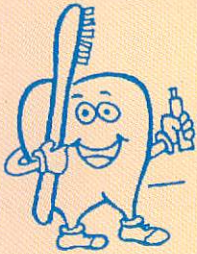
**ADVANCED SKIN
& LASER CLINIC**

A Complete Dermatology and Plastic Surgery Center

7901 Westminster Blvd. • Westminster, CA 92683

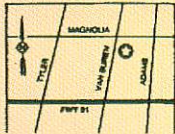
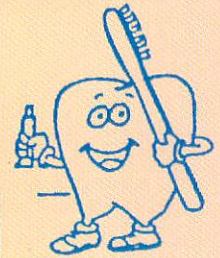
TRUNG TÂM NHA KHOA

PACIFIC DENTAL GROUP, INC.



NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
* Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo ráp.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.

Tạp Chí

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

*Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN-HK*



Chủ nhiệm:

Hòa Thượng Thích Đức Niệm

Chủ bút: Quảng Thành

Phụ tá chủ bút: Tâm Huy

Tổng thư ký: Tâm Quang

Thủ quỹ: Thanh Chánh



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317

*Bài vở đăng tải trên PGHN
không nhất thiết phản ảnh quan
điểm của tòa soạn.*

*Bài gửi đăng PGHN xin đánh
máy hay viết tay rõ ràng để đọc để
tránh nhầm lẫn về nội dung cũng
như hình thức bài gốc.*

*Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật
và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có
thể liên lạc khi cần.*

SỐ 15, MÙA VU LAN BÁO HIẾU – PL 2542 – Tháng 09/1998

Mục Lục

Chúng sanh khổ, Ngời siêu thoát, thơ Thuyền Ấn	2
Cảm niệm Vu Lan, HT Thích Đức Niệm	3
Người đi, thơ Diệu Nga	5
Sức mạnh của nghiệp, HT Thích Trí Quang	6
Khóa hư lục, một kiệt tác phẩm, HT Thích Đức Nhuận	9
Thế chân vạc, Lý Đại Nguyên	12
Xây nền chính tâm, thơ Ng. Đức Linh	19
Quan niệm Sử học và Triết học, HT Thích Thắng Hoan	20
Cuộc du hành sang Lạp Tát, HT Thích Trí Chơn	29
Em, thơ Minh Dung & Thương , thơ Tâm Văn	32
Phật giáo và Khoa học, ĐD Thích Tâm Quang	32
Sáng một niềm tin, thơ Lý Vạn Thắng	36
Hiếu về sự chết, Sri Swami Rama - L.T. Ly dịch	37
Nhớ Mẹ, thơ Diệu Nhựt	41
Công đức và Phước đức, Chánh Trực	42
Sứ mạng và tình thương, Tâm Đức	48
Đi vào cõi mơ, thơ Thúy Trúc	49
Niệm Phật pháp môn siêu việt, Vân Nguyên	50
Tình Mẹ 1 & Mất Mẹ 2, thơ Huyền Minh	55
Phật học căn bản, Trần Quang Thuận	56
Đuốc từ tâm, thơ Thúy Trúc	62
Một niệm buồng lung, Huỳnh Trung Chánh	63
Người về, thơ Diệu Nga	76
Hữu công hữu tội, Diệu Nga	77
Phước Cái Chánh Hành Sở Tập Kinh, Vân Nguyên dịch	87
Luận cổ suy kim, Sỹ Nguyên	90
Ba câu chuyện một vấn đề, Tịnh Hải	97
Văn tế Mẹ, Lê Trọng Thi	106
Bánh tét của Mẹ tôi, Phạm Thăng	108
Đức Phật độ Magandiya, Thiện Bửu	115
Bước thụt lùi trên con đường dân chủ, Inna Malkhanavo	119
Mẹ là chân thân, thơ Huyền Thượng	122
Bà mẹ điên - Crazy Mother, thơ Trần Trung Đạo	123
Tin tức sinh hoạt của Giáo Hội trong và ngoài nước	125
Rừng mai Phật Học Viện, thơ Thanh Hiền	129
Hình ảnh sinh hoạt	131
Tri ân.....	135
Thư mục kinh sách PHVQT	136
Quảng Cáo	142

Hình bìa: *Quê hương trùng dương, dừa xanh rợp bóng.*

thơ Thuyền Ấn

Chúng Sinh Khổ

Chúng sinh khổ muôn đời Bồ-Tát độ.
Từ nơi đây phát khởi đại bi tâm.
Thương chúng sinh nên diệt hết tham sân.
Lòng hỷ xả vui kiêu căng ngã mạn.

Chúng sinh khổ Bồ-Tát không vui cạn.
Biển từ bi tràn ngập rộng bao la.
Chúng sinh đau lòng Bồ-Tát xót xa.
Nguyện cứu độ muôn loài đang luân lạc.

Chúng sinh khổ quyết dẫn thân độ thoát.
Lái thuyền từ vượt biển khổ xa khơi
Đưa chúng sinh về bến giác tuyệt vời.
Đời siêu thoát như trăng vàng bát ngát.

Chúng sinh khổ lòng điên mê tà ác.
Bồ-Tát thương dạy pháp Phật nhiệm mầu
Khai mở cho trí Bát-nhã thâm sâu.
Để đạt ngộ quả Bồ-đề Vô-thượng.

Chúng sinh khổ vì gây nhiều nghiệp chướng
Bồ-Tát dùng thuốc tuệ diệt vô minh.
Đốt tan đi nghiệp phiền não tử sinh.
Giải thoát sống trong Niết-bàn diệu vợi.

Chúng sinh khổ điều linh không biên giới.
Nước cam lồ cứu độ Quán-Thế-Âm.
Trăng thanh lương tỏa sáng ngộ chân tâm.
Lên bờ giác chúng sinh thành Phật đạo.

Ngời Siêu Thoát

Chơi vui mãi trong trăm luân sinh tử.
Vạn ba đào vui dập kiếp điều linh.
Đời tang thương mang nặng nợ tử sinh.
Ta mơ ước thoát vòng luân hồi khổ.

Trăng rực sáng mơ chân trời giác ngộ.
Vũ trụ ngời mười phương rộng bao la.
Ta vẫy vùng trong thế giới Ta-bà.
Ta mơ ước Phật tánh ngời siêu thoát.

Làm sao đốt kiếp luân hồi đọa lạc.
Cháy tan đi trọn vẹn tham sân si.
Ngập lòng ta đầy hỷ xả từ bi.
Ôm nhân loại vào hồn ta vĩnh cửu.

Trăng sáng tỏa đỉnh núi vàng Linh Thứu.
Ta cúi đầu ngưỡng vọng đức Mâu-Ni.
Ta nung lòng nuôi chí mơ thoát ly.
Đời luân lạc điều linh sinh tử khổ.

Trăng vàng tỏa là ánh trăng giác ngộ.
Ta ước mơ trí tuệ ngập lòng ta.
Ta ước mơ khắp thế giới hằng sa.
Toàn muôn loại đều chứng thành Phật đạo.

Mây không khuất ánh trăng vàng diễm ảo.
Ta ước mơ muôn loại hết vô minh.
Đốt tan đi vạn kiếp nghiệp tử sinh.
Niết-bàn tỏa vũ trụ ngời siêu thoát.

Cảm Niệm Vu Lan

Thích Đức Niệm

Hằng năm khi tiết thu về, cây lá đổi màu, trên không trung bâng bặc những áng mây lơ lửng, khiến cho lòng người cảm thấy bâng khuâng nỗi nhớ niềm thương. Thương nhớ cha mẹ, những người thân thương. Thương nhớ quê hương, nơi tiếng khóc chào đời với bao kỷ niệm thời thơ ấu.

Người sống trên đời ai mà chẳng có mẹ cha. Không cha mẹ thì làm sao có ta ? Không mẹ mang nặng đẻ đau ẵm bồng săn sóc, không cha cực nhọc nuôi nấng áo cơm, thì làm sao ta sống còn đến ngày nay ? Nếu không có tình thương bao la trời biển của mẹ cha nuôi nấng vỗ về săn sóc dạy dỗ, thì ta khó mà khôn lớn nên người. Tất cả tinh thần năng lực tâm huyết của cha mẹ đều vì con, cho con.

*Người tai mắt ở trong trời đất
Ai mà không cha mẹ sanh thành
Non cao đất nghĩa trời sanh
Ở sao cho biết phận mình làm con.*

Cha mẹ ngày ngày phải làm việc cực nhọc vất vả để cho con được no cơm ấm áo học hành. Đêm đêm khi con ngủ, mẹ phải canh cánh thao thức để tâm xem chừng giấc ngủ của con. Con mát mình ngủ ngon thì mẹ mới an lòng nằm ngủ. Nếu nhằm khi trái gió trở trời, con ấm mình quậy khóc không ngủ, thì mẹ phải cực nhọc thức suốt đêm với con. Bất cứ lúc nào, con khóc là mẹ có ngay bên cạnh. Con vui chơi thì mẹ vui cười. Con

biếng ăn ảm mình bệnh hoạn thì lòng mẹ xốn xang lo âu cầu thầy chạy thuốc. Đến những thứ ô uế hôi tanh bẩn thỉu của con, mẹ vẫn vui lòng chịu đựng lau chùi giặt rửa bất luận khi ăn lúc ngủ. Vì săn sóc con, tất cả tâm tình cho con mà mẹ quên bản thân mẹ ăn uống tắm gội ngủ nghỉ :

*Mẹ cho con tất cả
Hết quãng đời tuổi xanh
Cả thương yêu dịu ngọt
Rộng hơn biển trời thanh
Mẹ là gió mát tinh anh
Là cây tiên dịu là cành thùy dương
Mẹ là hoa mẹ là hương
Mẹ là nguồn cội tình thương nhiệm mầu
Bây giờ bóng mẹ còn đâu
Chỉ còn non nước một màu xanh xanh.*

Mẹ cha suốt đời khổ cực vì con để rồi cha mẹ được gì ? Hay lại tiếp tục khổ vì con cho đến hơi thở cuối cùng ! Khi còn bé thơ, con đã từng giận dữ dấy dựa, cào cấu, đập đánh mẹ, đòi thứ nợ vật kia. Dù bị như vậy, mẹ vẫn nhẫn chịu với đôi mắt dịu hiền ôm con vào lòng, nhìn con cưng chiều dịu ngọt :

*Nuôi con trong lúc đổi hờn
Dịu dàng mắt mẹ khuyên lơn ngọt ngào
Một đời vốn liếng mẹ trao
Mẹ cho tất cả mẹ nào giữ riêng
Mẹ hiền như một bà tiên
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.*

Khi con khôn lớn, cha mẹ phải sắm sửa áo quần cặp sách dắt con đến trường. Dù gặp phải lúc gia đình thiếu thốn, mẹ cha vẫn bóp bụng, cố gắng làm lưng để nuôi con ăn học nên người cho bằng chúng bạn. Nhưng khi con khôn lớn nên người, ra đời đua đòi danh vọng, đắm mê ái tình, thì liền vội quên ân sâu nghĩa nặng sanh thành nuôi dưỡng, xem thường cha mẹ, chẳng nghĩ tưởng để tâm thăm viếng, phụ bạc lời khuyên, làm cho cha mẹ buồn đau. Nhưng lòng mẹ vẫn bao la, tất cả tình thương cho con :

*Một đời mẹ trọn cho con
Thức ngon vật lạ có còn thiếu chi
Giờ đây mẹ có còn gì
Lưng còm tóc bạc nhiều khi khóc ròng
Con ơi những ngóng cùng trông
Héo hon mẹ đợi chờ mong tin lành
Nhiều đêm thức suốt năm canh
Cầu trời khẩn Phật con mình bình yên.*

Dù con có quên cha mẹ, mãi mê rượt đuổi theo công danh ái tình, thì mẹ vẫn nguyên vẹn lòng thương nhớ dõi theo hình bóng con trong héo hon mong chờ, vẫn tâm tâm cầu nguyện cho con được an lành. Lòng mẹ đối với con như tâm Bồ-Tát đối với chúng sanh, đủ cả bốn đức tánh Từ Bi Hỷ Xả.

Người có lương tâm đâu thể thọ ơn mà không nghĩ đến báo đáp ! Làm con hiếu thảo nở lòng nào để cha mẹ đau buồn mòn mỏi đợi trông ! Kinh điển sách sử quý giá của nhân loại xưa nay đều đề cao lòng hiếu thảo. Những bậc trượng phu, thánh hiền để tiếng thơm muôn đời, đều là những người có tâm hiếu kính, nặng tình hiếu đạo. Điển hình như thầy Tử Lộ, tôn giả Mục Kiền Liên, Mẫn Tử

Khiên v.v...

Đức Phật nói : “Tâm hiếu là tâm Phật. Hạnh hiếu là hạnh Phật. Muốn được đồng với chư Phật thì trước phải hiếu kính mẹ cha”. Việc hiếu kính mẹ cha quan trọng như vậy, nên kinh Đại Tập nói : “Người sanh ra đời nếu không gặp Phật để phụng thờ, mà một lòng hiếu kính mẹ cha, thì đó là cúng dường Phật”. Bởi mẹ mang nặng đẻ đau, cha suốt đời lao碌 vất vả, mẹ cha cực nhọc nuôi con, dạy dỗ khôn lớn nên người, công lao đó không lời nào diễn tả cho hết, không bút mực nào ghi chép cho cùng. Ân đức sanh thành dưỡng dục của cha mẹ cao dày như đất trời. Nên trong kinh Nhẫn Nhục đức Phật nói : “Hiếu là điều lành thiện to lớn không gì bằng. Bất hiếu là điều tội ác to lớn không gì bằng”. Vì sao ? Bởi vì không có cha mẹ ta thì làm sao có ta. Do vậy, nếu không có hiếu thì không thể nào có nghĩa, có trung, có tín, có thành. Không có lòng hiếu kính thì không xứng danh làm người.

Người con hiếu thảo sống với lương rau mảnh vườn trọn lòng thương hiếu mẹ vẫn thấy hạnh phúc ấm cúng hơn là kẻ rượt bắt lợi danh tiền bạc mà bỏ quên cha mẹ.

*Mẹ ơi tro bụi về tro bụi
Lầu ngọc bằng châu một góc vườn
Ai mãi mê tìm sơn phấn giả
Con xin đạm bạc một cành đơn
Bầu trời hiếu tử nghe sao ấm
Nệm quý công hầu biết có hơn.*

Người con hiếu thảo lúc nào cũng trọn lòng thương kính nghĩ đến mẹ cha. Khi cha mẹ còn tại thế thương sớm hôm thăm viếng, hiến tặng thức ngon vật lạ, vật dụng cần dùng, ốm đau săn sóc thuốc

thang. Khuyên cha mẹ hướng tâm về việc phước thiện, quy y Tam Bảo, tu tâm dưỡng tánh. Khi cha mẹ qua đời, đem hết tâm thành lo việc siêu độ hương linh bằng cách tự mình phát nguyện ăn chay tụng kinh ít nhất trong thời gian cầu siêu độ bốn mươi chín ngày. Đồng thời nên cúng dường trai tăng, làm việc bố thí, in kinh ấn tống. Cố tránh bày tiệc tùng rượu thịt, để cho người quá cố đỡ bớt đi được gánh nặng chất chồng tội lỗi.

Lòng hiếu kính được soi sáng bằng niềm tin chơn chánh và trí huệ đạo đức thì có sức mạnh vạn năng chuyển hóa kiếp người. Ngày xưa, tôn giả Mục Kiền Liên được đức Phật chỉ dạy phương pháp cứu độ, ngài thành tâm thực hành, chuyển hóa được ác nghiệp của mẹ là bà Thanh Đề thoát kiếp địa ngục ngạ quỷ trong dịp rằm tháng Bảy Vu Lan, ngày chư Tăng tròn đầy ba tháng kiết hạ, hoàn mãn bằng pháp nghi Tự tứ giải hạ.

*Mẹ hiền về chốn thiên cung
Toại lòng con thảo nguyện cùng thánh
tăng*

*Từ bi công đức vạn năng.
Mấy nghìn năm vẫn chưa từng đổi thay
Chư tăng trọn chín mươi ngày
Cát tường bảo tọa giải bày tâm can
Bao nhiêu nghiệp hải chướng san
Đây ngày tự tứ sạch ngàn ác duyên.*

Hôm nay nhân mùa Vu Lan rằm tháng Bảy, ngày báo hiếu, là con thảo cháu hiền, dù sống trên quê hương hay sống tha hương nơi phương trời nào, chúng ta nên dành vài phút lắng đọng tâm tư nghĩ về mẹ, thương mẹ :

*Tôi yêu mẹ già như yêu đạo
Lòng mãi thương hoài suốt tháng năm*

*Giọt lệ âm thầm rơi kín áo
Trong như là những ánh trăng Rằm.*

Thâm lặng tưởng nhớ mẹ cha vẫn là chưa đủ. Ta nên thể hiện bằng cử chỉ, hoặc dâng cành hoa cho mẹ, đi chùa dự lễ Vu Lan, hoặc cúng dường trai tăng, làm việc phước thiện, với lời phát nguyện :

*Hôm nay gặp lễ giải đảo huyền
Con nguyện theo gót Mục Kiền Liên
Chư Tăng tự tứ con cầu nguyện
Mười phương phụ mẫu giải đảo huyền.*

Dù cho cuộc đời đổi thay, lòng người thay đổi, đạo hiếu với cha mẹ, lòng trung với quốc gia dân tộc ta vẫn giữ.

*Vai mang đức Phật Di-Đà
Hiếu trung ta giữ gian tà mặc ai.*



thơ Diêu Nga

Người Đi

*Trăng soi chênh chếch dặm dài,
Khen ai khéo máng chiếc hài ngọn cây.
Mấy tầng khói kết sương dày,
Người đi phiêu lãng, chân mây gập ghềnh.
Ngày say, đêm mộng, chênh vênh,
Mấy khi tỉnh thức, dần quên nẻo về.
Sóng triều dồn dập đam mê,
Đỉnh cao gió hú, vực sâu ngõ ngàng.
Người đi hiu quạnh nghĩa trang,
Thương ai sinh tử, thương mình lang thang ...*

Sức Mạnh Của Nghiệp

H.T. Thích Trí Quang

Đức Phật dạy : Ngang với sức mạnh của tâm trí, vật chất, sức mạnh của nghiệp lực cũng là một sức mạnh bất tư nghị. Như vậy thế nào gọi là nghiệp ? Sức mạnh của nghiệp lực đối với đời sống như thế nào ? Đó là những điều mà chúng ta không thể không biết một cách rõ ràng.

Tiếng Phạm là “Karma”, Trung Hoa dịch ý là nghiệp. Nghiệp ấy là chỉ cho những hành động có ý thức của chúng ta.

Thực ra những động tác của sự vật không tâm thức, hay những hành động không cố ý của loài hữu tình cũng đều có thể gọi là nghiệp. Nhưng, những sự động tác và những hành động không cố ý ấy, chỉ là những sự chuyển động tự nhiên, cho nên không phải đích xác là nghiệp. Nghiệp phải là những hành động cố ý, vì chỉ những hành động ấy mới có kết quả ý nghĩa.

Cũng do theo sự cắt nghĩa trên đây mà chúng ta thấy rằng không cứ là sự hành động của thân thể, mà sự hành động của miệng lưỡi (lời nói) và sự hành động của ý nghĩ (tư tưởng) cũng đều gọi là nghiệp, nếu những hành động ấy phát hiện bởi sự cố ý.

Một điều chúng ta phải cải chính mau lẹ là có nhiều người lầm tưởng nghiệp là nghiệp dĩ, và hễ nghe đến nghiệp là họ chỉ liên tưởng ngay đến hành vi quá khứ. Do đó, một ý tưởng rất

thông thường được nảy nở ra, là cho đời sống hiện tại hoàn toàn kết quả của hành vi quá khứ, không thể thay đổi, không thể cải tạo. Nhân lực hiện tại của con người không thể chi phối đời sống hiện tại của con người, sự ngộ nhận của họ thường kết luận sai lầm như thế. Đó là một quan niệm mà đạo Phật bảo là “Túc tác ngoại đạo” một học thuyết chủ trương tất cả đều là kết quả của hành vi quá khứ, không thể chuyển cải. Đạo Phật cực lực bài xích chủ trương ấy, và xem tai hại của chủ trương ấy cũng ngang như tai hại của chủ trương “thượng đế tạo vật”.

Như một bức họa thành được là bởi hai nét : Những nét phác họa tổng quát và những nét điểm tô kỹ lại. Cũng như thế, đời sống của chúng ta thành được là bởi hai thứ hành động : Hình thái tổng quát của đời sống ấy có ra là bởi sức mạnh của hành động quá khứ, còn tất cả hình thức sự sống cụ thể là do sức mạnh của hành động hiện tại gây ra. Ấy vậy, đời sống của chúng ta từ hình thái tổng quát cho đến hình thức cụ thể, hết thấy đều do năng lực hành động (nhân lực) của chúng ta phát sanh và chuyển biến, cải tạo. Năng lực hành động ấy tức gọi là sức mạnh của nghiệp, hay gọi tắt là nghiệp lực. Cho nên đức Phật dạy : Hết thấy chúng sanh đều do nghiệp của mình làm sở hữu, làm nhân duyên, làm thân

thuộc, làm quy túc ; đời sống của tất cả chúng sanh đều do sức mạnh của nghiệp mà có ra và có sai biệt.

Một điều chúng ta cần phải chú ý nữa là nói nghiệp, nói năng lực hành động tạo thành và tác động đời sống là, ví như trong một gian nhà, vật nào đều có giới tuyến của vật ấy, nhưng sự trình bày là tùy sự sắp đặt của người chủ ; lại như một dòng nước chảy siết, nhưng trắng hay đen là tùy màu sắc của chúng ta pha vào. Vũ trụ cũng vậy, cảnh vật cùng tâm thức, thứ nào do nhân của thứ ấy trực tiếp tạo thành, nhưng hết thấy sự khổ vui, sự tốt xấu, đều tùy sức mạnh của hành động, của nghiệp định đoạt.

Sức mạnh của nghiệp vĩ đại là thế. Trên thực tế, hành động của từng cá nhân ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống từng cá nhân, điều đó chứng minh sức mạnh của nghiệp đã đành, mà sự hoạt động của tất cả quần chúng thay đổi biến cải tất cả xã hội, điều đó không những là một chứng cứ vĩ đại để chứng minh sức mạnh của nghiệp, mà nó còn chứng minh rằng sự cải tạo xã hội chỉ do năng lực hoạt động tất cả quần chúng (1). Như vậy chỉ có những người không tin ở sức mạnh hành động của mình, không thừa nhận sức mạnh hành động của quần chúng, mới phủ nhận sức mạnh của nghiệp. Trái lại, những người tin và thấy rằng đời ta ta sáng tạo, và nhất là những người tin tưởng quần chúng, hành động cho quần chúng, là phải xác nhận sức mạnh vĩ đại của nghiệp lực.

Nhưng hành động là do tâm trí phát hiện. Như vậy một lý lẽ hiển nhiên mà chúng ta phải thấy là, muốn cải tạo đời sống tất phải cải tạo hành động, muốn

cải tạo hành động tất phải cải tạo tâm trí. Tâm trí có sáng suốt thì hành động mới hợp lý, và kết quả là đời sống mới hạnh phúc ; trái lại, tâm trí mà mê muội, độc ác, thì hành động dù mạnh mẽ, hành động ấy cũng như cây gươm trong tay kẻ hung bạo, kết quả của hành động ấy, tất nhiên đời sống phải mang chịu bao nhiêu tai hại và đau khổ.

Do tất cả những lý lẽ đã trình bày trên, Phật tử chúng ta luôn luôn tin ở sức mạnh của hành động và luôn luôn nhận thấy sức mạnh chi phối của tâm trí đối với hành động. Cho nên thường thường tưởng niệm ba đức tánh sau đây của chư Phật để áp dụng vào đời sống của mình mà cải tạo tâm trí và hành động :

- Đức tánh đại hùng lực dùng để tiêu diệt những sự rụt rè, nhút nhát, đờn hèn, mà thúc đẩy mình quả cảm hành động.

- Đức tánh đại từ bi để tiêu diệt những sự tàn ác, gian hùng, phản bội lợi ích chung, mà bắt buộc mình luôn luôn hành động với mục đích tôn trọng sự sống và quyền sống của mọi người.

Đức tánh đại trí huệ để tiêu diệt những sự ngộ nhận, mê muội, chủ trương sai lầm. Mà rèn luyện cho tâm trí hằng sáng suốt hành động hợp lý.

Nói vắn tắt, người Phật tử là người phải hành động và phải thận trọng trong hành động. Người phải hành động ngần nào thì phải thận trọng trong sự hành động ngần ấy.

Đức Phật dạy : Đau khổ hay an vui, đọa lạc hay giải thoát, là ở nơi thân người chứ không phải cầu ở ngoài. Cho nên Phật tử đã nhận thấy sức mạnh của hành động thì cũng phải nhận thấy, đối với đời sống, chỉ có hành động hợp lý

mới có giá trị : Giá trị trong sự chuyển bỏ đau khổ, sáng tạo an lạc.

Giảng bài này, chúng tôi cũng biết rằng, với sự trình bày như thế, những người sơ cơ khó bề hiểu rõ. Nhưng đạo Phật là đạo như thật, thì tất nhiên giáo lý phải khó, cho nên chúng ta phải cố gắng mới hiểu nổi, vì có hiểu như thật mới làm như thật được.

(1) Thuật ngữ gọi là "cộng nghiệp" chủ trương xã hội là kết quả bởi hành động chung của quần chúng, cho nên cũng do hành động của quần chúng chịu trách nhiệm và chuyển biến cải tạo.

Giới Thiệu Sách Mới

Không có khổ nào lớn bằng khổ sanh tử, cũng không có vòng lẩn quẩn nào vừa lâu dài, mà lại vừa rối ren như cái vòng luân hồi.

Mạng người thật mỏng manh, chỉ cần thở ra mà quên hít vào thì tám thân trần quý, nuông chiều bằng trăm thứ ngon bỏ ngày nào, nay chỉ còn trơ lại một khối thịt bất động, vô tri ! Một phen mất thân người thì thần thức rất bàng hoàng, bơ vơ, không nơi nương, không nơi dựa, rồi theo nghiệp lành nghiệp dữ mà trôi lăn trong sáu nẻo, nhận chịu thống khổ triền miên, còn phần vui sướng (dựa trên sự đối đãi của tâm thức và khách trần) thì ví bằng đất dính trên các

móng tay ! Sống nay thác mai, nhưng trở trêu thay, mấy ai trong chúng ta có thể tự hào là mình có khả năng làm chủ được giây phút cuối cùng của đời mình !

Trong tất cả cái ngu, không có trí tuệ là ngu nhất. Người xưa há chẳng từng nói "khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có biết mới không bị khổ đau buộc ràng", mà biết cái gì ? Biết cách sống và biết khi chết phải đương đầu với những gì. Tuy nhiên, nếu ngày thường không lo tu tập thì đến khi nghiệp đến dù cho cha mẹ, vợ con, thân bằng, quyến thuộc, thầy giỏi, thuốc hay, v.v... có muốn giúp mình đi nữa, thì chuyện giúp đỡ kia cũng ví như lửa đốt trong mộng mà thôi !

Sách dịch ra Anh-ngữ và Việt-ngữ về Thân-Trung-Ấm từ tiếng Tây-Tạng cũng không phải là ít, nhưng sách nói về cảnh giới trước khi cận tử nghiệp đến, trong khi đang hấp hối, khi hơi thở ngưng bật, cho đến khi mọi người la hoảng lên là ... đã chết, bằng Việt-ngữ thì chưa ai viết tận tường. Muốn biết giữa lần ranh sống chết để có thể tự mình giải thoát về cõi mình mong ước, hoặc tự tại trở lại thế gian, thì không có cách gì hay hơn bằng, quý vị liên lạc về Phật-Học-Viện Quốc-Tế thỉnh sách "GIÁO LÝ BÍ MẬT VỀ THÂN-TRUNG-ẤM" do Nguyễn Pram biên soạn để biết thế nào là Thân-Trung-Ấm và kinh điển nào đã nói về điều này. Sách viết về Thân-Trung-Ấm phát xuất từ Ấn-Độ rồi truyền đi các nơi, chớ không phải là một đặc quyền của dân Tây-Tạng như nhiều người lầm tưởng xưa nay !

Nguyễn-Nguyệt-Trí Pháp danh
Diệu Huệ kính bút.



KHÓA HƯ LỤC, MỘT KIỆT TÁC PHẨM CỦA NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT, THẾ KỶ XIII

H.T. Thích Đức Nhuận

Riêng đối với đạo Phật và dòng sử Việt, công nghiệp của vua Trần-Thái-Tông thật là to lớn. Ngoài việc in kinh, xây chùa, tô tượng, đúc chuông ; về diện văn hóa, vua đã viết Khóa Hư Lục, một kiệt tác phẩm của nền văn học Phật giáo dân tộc, thế kỷ XIII. Sách gồm ba quyển Thượng, Trung và Hạ, viết theo thể văn biên ngẫu bằng Hán tự, một lối văn rất khó viết, ở người cầm bút phải có một trình độ học vấn uyên bác mới dám sử dụng tới. Về nội dung cuốn sách tác giả trình bày những tư tưởng triết lý đại thừa Phật giáo nhằm mục đích tự thức tỉnh và đồng thời có tính cách giáo dục quần chúng, nói lên niềm thao thức khổ đau cùng sự giác ngộ của một người có trách nhiệm với mình, với đời và với đồng bào, nhân loại.

Tác giả, sau bao năm đối diện với những dằn vặt khổ đau ray rứt của tự thân. Năm vua lên hai mươi tuổi, hoàng hậu là Chiêu-Thánh (Lý-Chiêu-Hoàng) mới mười chín tuổi, chỉ vì muợn có con, Trần-Thủ-Độ bắt ép vua phải bỏ Chiêu-Thánh để lấy người chị dâu đã có mang ba tháng là Thuận-Thiên, vợ của anh mình, tức Trần-Liễu. Có lẽ Trần-Thủ-Độ muốn vua có con ngay để sau này nối nghiệp nhà Trần. Hiển nhiên là vua đã kịch liệt phản đối việc làm trái lẽ giáo này của Trần-Thủ-Độ. Nhưng uy quyền của ông ta quá lớn. Vua đành nhẫn nhục

đau khổ, chịu đựng. Người con trai hai mươi tuổi mới lớn lên, lòng mang nặng một nỗi buồn u ẩn, vua đã nhất quyết bỏ ngai vàng ra đi, tìm lên núi Yên Tử, và xin ở lại đó để tu học Phật Pháp hầu tìm ra một lối thoát cho tâm tư uất nghẹn khổ đau ; mặt khác, đứng trước tình cảnh rối bời của đất nước lúc bấy giờ, tuy tâm tư vua chưa nguôi hết nỗi đau buồn, do người chú họ Trần-Thủ-Độ gây ra, nhưng trên cương vị một người lãnh đạo quốc gia, vua không thể nhất đán phủi tay; buông xuôi, bỏ mặc cho vận nước nổi trôi ... và nhất là trước sự van nài khẩn thiết của Trần-Thủ-Độ : “Xin bệ hạ nghĩ đến trăm họ. Lòng dân như hoa hướng dương, luôn hướng về nẻo mặt trời mọc, là bệ hạ. Vậy xin bệ hạ gấp hồi loan”. Vua cảm động, rướm rướm nước mắt rồi cùng các quan trở về kinh sư, gượng lên ngôi báu. Trong 33 năm trị vì vua đã làm tròn sứ mệnh của một đấng quân vương, hết lòng lo sửa sang việc nước ; bên trong, bình trị nội loạn ; phía ngoài, dẹp yên xâm lăng. Nhờ vậy mà toàn dân được sống an vui hạnh phúc.

Với trí sáng như mặt trời và với lòng thì rộng như biển cả, vua quả là một vị A-la-hán, một vị đại Bồ-Tát thị hiện ở Việt-Nam để cứu nước Việt-Nam. Nên sau khi đã hoàn thành sự nghiệp cứu nước, vua nhường ngôi cho con là Trần Hoảng tức Trần Thánh Tông. Chắc chắn

sau đấy vua có nhiều thì giờ rảnh rỗi để dành hết tâm tư vào việc tu niệm, và viết sách truyền lại cho đời.

Tất cả nỗi thao thức khổ đau đối với bản thân, đối với cuộc đời, và với lòng từ bi thương xót chúng sanh, vì u mê tạo nghiệp xấu ác, nên phải luân hồi chìm đắm trong ba cõi, sáu ngã. Do những ý nghĩa ấy, tác giả đã viết Khóa Hư Lục, trước hết là để tự thức tỉnh mình trên đường tu niệm và thực hành, nhằm thanh lọc sáu quan năng, mong đạt đến chỗ “lục căn viên thông”, tức là chứng Thánh quả, đồng thời khuyên mọi người nên hướng tâm lên đức Phật từ bi cao cả và hãy học hỏi giáo lý vô thượng của Ngài, và lấy đó làm chiếc bè đưa ta qua sông mê, tới bờ giác.

Trước hết ta tìm hiểu về hai chữ “Khóa Hư”. Chữ Khóa (trong Khóa Hư Lục), theo Hán tự, có nghĩa là bài học dạy về cách thức tu trì đúng chính pháp. Chữ Hư, nghĩa là rỗng lặng, tâm luôn luôn thức tỉnh, không chấp vào hình tướng sự vật một cách giáo điều, cố định. Khóa, tượng trưng tinh thần hữu vi, minh chánh, quả quyết. Hư, tượng trưng tinh thần vô vi, lỏng trong một ý nghĩa : Vạn hữu chuyển biến, khổ, không, vô thường, vô ngã. hiểu được lẽ sanh hóa của vũ trụ vạn hữu, là đi vào cõi Niết-bàn, bất sanh bất diệt, là chứng đạo, đạt tới trạng thái chân lý tối cao : Phật-đà.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào nội dung tác phẩm quyển Thượng :

- Lời Tựa.

- Tứ Sơn kệ, và những bài bình giải về cảnh, sanh, già, ốm, chết.

- Phổ thuyết Sắc thân, tức nói về thân phận con người trước cuộc đời.

- Khuyên phát Bồ-đề tâm (khuyên mọi người phát lòng Bồ-đề).

Lời Tựa

“Xét đến ngọn nguồn thì tứ đại vốn không, ngũ uẩn (cũng) chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc ; sắc vốn tự không. Bởi vọng theo không, không hiển vọng ; vọng sanh các sắc. (Một khi) Đã trái với lẽ không sanh không hóa, nên vạn hữu mới có hóa có sanh - Nếu không sanh hóa thời không hóa, không sanh. Vì có hóa sanh nên có sanh, có hóa - hoặc sanh thánh, hiền, khôn, đại, hoặc sanh lông, cánh, vảy, sừng, chìm đắm ở bến mê hoại, lênh đênh trong bể khổ mãi. Lờ mờ mù昧, nào có biết chi : Luống cuống luồng cuống, không sao tỉnh được. Thấy đều do phóng túng cái tâm đi, không một ai hay quay đầu trở lại. Mặc kệ (cho) đi lại sáu đường ; lên xuống bốn núi. Bốn núi là gì ? Tức là sanh, già, ốm, chết vậy.

Hãy xin bàn rõ bốn núi, để cho sau này cùng noi”

Bài kệ Bốn Núi

Tứ sơn kiêu bích vạn thanh tùng

Liễu ngộ đô vô vạn vật không

Hỹ đắc lưu nhi tam cước tại,

Mạch kị dã sấn thượng cao phong.

Rừng cây bốn núi xanh xanh biếc,

Vạn vật nhìn chung chẳng thực nào

Vui tạm “lừa con ba vó gác”

Gắng lên thẳng tới đỉnh non cao.

Bài kệ trên ngụ ý diễn tả bốn núi ví với bốn tướng (Sanh, Già, Ốm, Chết) mà mọi sanh vật đều không tránh khỏi. Khi một sanh vật sanh ra đời có nghĩa là sanh vật đó đã thoát được một tướng sanh, (nói cách khác : Nếu không sanh, làm gì có già, ốm, và chết, ví như con lừa

lúc nằm giấu kín một chân) ; nhưng còn ba tướng kia, tức Già, Ốm, Chết, nó luôn luôn rình rập, định cướp đoạt sanh mệnh của mỗi loài ... biết rằng : Mỗi loài hiện hữu trên cõi đời này là do nhân duyên sinh, nên chúng luôn mang trong mình cái lẽ đời đổi, khổ đau, vô thường, vô ngã. Sự tu của con người ta vốn thường hay lười biếng, khác nào con lừa bản tính nó chậm chạp - muốn cho nó leo núi thì phải thúc dục nó đi mau. Cũng như người tu hành phải tử công phu lắm mới mong chứng được đạo quả ... (Lược).

Tác giả sách Khóa Hư Lục đã thống thiết nói cho ta rõ về bốn nỗi khổ : Sanh, Già, Ốm, Chết của một kiếp người. Thật vậy, không một đứa trẻ nào lúc mới ra chào đời mà không khóc. Khóc là sự báo hiệu một sự nhận chịu nỗi khổ đau ở đời, một khi con người đã mang lấy nghiệp vào thân. Con người từ khi sanh ra, lớn lên và sống trong một khoảng thời gian dài ngắn không nhất định ; cuối cùng bao giờ cũng đi đến cái chết, dù (người ấy) là trai hay gái, da vàng, da trắng, da đen, thông minh hay ngu tối, đẹp, xấu, sang, hèn, giàu, nghèo ... tuy có khác nhau về hình thể nhưng trên danh nghĩa mọi con người đều gọi chung bằng một chữ "Người". Đức Phật dạy : "Con người vốn có Phật tánh và có khả năng thành Phật". Có điều Phật tánh ấy được hiển lộ - khi con người nghĩ và làm điều thiện - hay bị mờ - khi con người nghĩ và làm việc ác - chỉ khác nhau giữa hai tuyến Mê và Ngộ. Con người, theo đạo Phật, thường được đề cao một cách toàn triệt, vì con người có năng lực trí tuệ bén nhạy hơn hẳn muôn loài vạn vật ; mà các sanh vật khác chúng thường sống theo bản

năng. Do đó, con người có thể tiến hóa để trở nên những nhà bác học, vĩ nhân, hiền triết, bậc thánh, và cũng rất dễ thụt lùi, sa ngã, đắm chìm trong ba ngã, sáu đường để nhận lấy cái Nghiệp hoặc "thiện" hoặc "ác" do chính mỗi người đã tạo từ kiếp trước hay kiếp này và liên hệ ở kiếp mai sau. Nói cách khác, "loài người có thể tiến hóa đi lên, nhưng cũng rất có nguy cơ bị đào thải, vì không có gì bảo đảm rằng loài người tất yếu tiến hóa tốt".

Giới Thiệu

**Kinh Sách do Hòa-Thượng
Thích-Đức-Niệm dịch - giải và sáng tác.
Phật-Học-Viện Quốc-Tế Xuất Bản**

1. Kinh Bảo Tích Yếu Giải
2. Kinh Thắng Man Giảng Giải
3. Kinh A Nan Vấn Phật Cát Hung
Luận Giải
4. Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận
5. Tâm Kinh Yếu Giải
6. Câu Xá Luận Cương Yếu
7. Phật Pháp Yếu Nghĩa
8. Tại Gia Bồ Tát Giới
9. Lược Truyện Tiên Thân Đức Phật
10. Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận
11. Pháp Ngữ Lục
12. Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng
13. Người Muôn Thuở
14. Những Mùa Vu Lan
15. Cho Trọn Mùa Xuân
16. Thiện Tài Cầu Đạo

Thế Chân Vạc Washington -- Tokyo -- Bắc Kinh

Lý Đại Nguyên

Chưa có cuộc công du nước ngoài nào của Tổng Thống Mỹ lại bị chống đối, phản đối và được nhắc nhở nhiều bằng chuyến Hoa du của T.T. Clinton.

Những người đối kháng với cuộc Hoa du này, kể cả các nghị sĩ, dân biểu Mỹ đều đưa ra lý do hết sức chính nghĩa và chính đáng để buộc ông Clinton phải ngưng chuyến đi và nhất là không được nhận nghi lễ đón rước tại Quảng trường Thiên-An-Môn, nơi mà các sinh viên đòi Dân Chủ bị xe tăng Trung-cộng đàn áp dã man.

Ông Clinton ghi nhận tất cả những ý kiến đối kháng trên, và đã mở ra một cuộc họp với các lãnh tụ đối lập của các phe Cộng Hòa lẫn Dân Chủ, cũng như những người đồng ý với ông về chuyến đi Tàu này. Rồi cuối cùng ông quyết định ra đi và theo đúng như chương trình mà hai bên Mỹ-Hoa đã thỏa thuận.

Nhìn bằng lối nhìn bình thường của những người đã quen thuộc với lối nhìn : Bọn, thù, trắng, đen, như từ trước tới nay thì cũng tự hỏi : Phải chăng T.T. Clinton đang quay lưng lại với lý tưởng nhân quyền mà lúc nào cũng đề cao để đặt quyền lợi kinh tế Mỹ lên hàng ưu tiên ?

Nhưng nếu nhìn từ con mắt của một Tổng Thống siêu cường không còn đối thủ, mà nhu cầu thời đại "Hòa bình phát triển" của thế giới đang buộc ông phải

đưa ra một chiến lược mới, để thay cho chiến lược cũ là ĐỐI ĐẦU, thì rất có thể hiểu được phần nào ý nghĩa của chuyến đi đầy gai góc này.

Quả thật chuyến Hoa du của ông Clinton chỉ là "việc gặt lúa" vốn đã được gieo trồng từ chuyến Mỹ du của chủ tịch Trung-cộng Giang-Trạch-Dân năm 1997. Những gì mà hai bên đã thỏa thuận công khai cũng như bí mật đều phải đưa ra thực hiện, lẽ dĩ nhiên vấn đề dễ thấy nhất là việc quân bằng cán cân thương mại giữa hai đầu xuất nhập từ hai nước. Trong dịp này ông Clinton đem về cho các đại công ty Hoa Kỳ nhiều tỷ Mỹ kim là đương nhiên.

Riêng vấn đề Dân Chủ hóa Trung Hoa, vốn là tử huyệt của Cộng-đảng độc tài độc tôn thì đích thân Tổng Thống Mỹ, kẻ cừu thù lớn nhất và nguy hiểm nhất thường bị các cơ quan tuyên truyền của Đảng lên án là can thiệp vào nội bộ Trung Hoa, đã vào tận gian nhà "thờ Tổ" của đảng Cộng-sản Trung Hoa để lên án việc Trung-Cộng đàn áp sinh viên tại Thiên-An Môn là SAI LẦM, và rao giảng về nhân quyền và lý tưởng tự do dân chủ qua truyền hình nhà nước đến với hàng tỷ người Trung Hoa, mà bên cạnh đó có sự hiện diện của nhà lãnh đạo cao nhất nước Tàu, cứ phải nở nụ cười cầu tài.

Khác với các cuộc biểu tình chống

đối vũa dân chúng theo bẻn gót ông Giang-Trạch-Dân trong chuyến Mỹ du vừa qua, chuyến Hoa du của ông Clinton đã được diễn ra hết sức tưng bừng lễ độ bởi cả chính quyền lẫn nhân dân Trung Quốc. Ở bất cứ cuộc gặp mặt nào, ông cũng đặt vấn đề tự do dân chủ là điều cần thiết để đưa nước Trung Hoa đi lên. Tại đại học Bắc Kinh ông đã đứng trên bục giảng để nói với sinh viên về nhân quyền, tự do tôn giáo, tự do dân chủ là trách nhiệm của họ. Nơi đây vốn là cái nôi của những biến cố đòi Dân chủ tại Thiên-An Môn trước kia.

Kết quả nhân quyền của chuyến Hoa-du chắc chắn không thể có ngay tức thời, nhưng phải nói chưa có cuộc vận động nhân quyền nào ở Hoa-lục lại công khai quyết liệt và có ưu thế bằng cuộc vận động của ông Clinton qua chuyến Hoa du này. Ông Clinton cũng nhắc thẳng với chủ tịch Giang-Trạch-Dân là phải trực tiếp gặp gỡ thảo luận với đức Đạt Lai Lạt Ma về đề nghị chính đáng của Ngài : "Quyền tự trị của dân tộc Tây Tạng".

Vấn đề Đài Loan cũng được Giang-Trạch-Dân đặt ra với T.T. Clinton như lần gặp gỡ trước tại Washington, để ông lại khẳng định lập trường của nước Mỹ trước sau như một, là nhìn nhận một nước Trung Hoa, nhưng không chấp nhận việc thống nhất Đài Loan với lục địa bằng võ lực, mà chỉ chấp nhận giải quyết vấn đề Đài Loan bằng phương pháp hòa bình dân chủ. Chính vì vậy mà Mỹ phải bán vũ khí tự vệ cho Đài Loan.

Vấn đề nóng bỏng nhất được đặt ra trong chuyến Hoa du của T.T. Clinton là ngăn cấm việc phổ biến vũ khí nguyên

tử. Vì Ấn Độ và Pakistan đã có nguyên tử mà trong đó Trung Cộng có trách nhiệm đã cung cấp kỹ thuật và nguyên liệu cho Pakistan, còn Ấn Độ thì thừa hưởng kỹ thuật nguyên tử của Nga và Liên Xô trước kia. Nay thì nguy cơ nguyên tử đã đến sát bên hông của Trung Cộng, vì ngay sau khi thành công việc thí nghiệm nguyên tử, thì Ấn Độ đã không che dấu mục tiêu là nhắm thẳng vào Trung Cộng dù chỉ giới hạn trong việc tự vệ. Còn Pakistan thì nhắm vào Ấn-Độ.

Nguy cơ chiến tranh nguyên tử thực sự đã xuất hiện tại khu vực Á Châu. Tuy không nước nào trong 3 nước Trung Cộng - Ấn Độ - Pakistan có những kho vũ khí hủy diệt được toàn thể Địa cầu, nhưng nếu nó xảy ra thì cũng rất nhiều thành phố bị tàn phá, hàng trăm triệu sinh mạng con người bị chết, và chắc chắn môi trường sinh thái của Á Châu sẽ nguy hiểm. Bởi vì cuộc chiến tranh giữa 3 nước trên nó vừa mang tính chất Dân tộc, vừa mang tính chất Tôn giáo. Khi đã có yếu tố tín ngưỡng can thiệp vô thì điều gì cũng có thể xảy ra.

Để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh Á châu bất thần xảy ra, cũng như Ấn Độ bất thần thử nguyên tử bất chấp hậu quả, thì một Liên minh an ninh Mỹ Nhật quả là chưa đủ, vì vùng Đông nam Á, vùng Nam Á vẫn còn bỏ ngỏ, chỉ khi nào các liên minh an ninh Mỹ - Đông Nam Á, Mỹ - Nam Á thành tựu thì An ninh Á châu mới thực sự bảo đảm, mà muốn được vậy việc không thể không giải quyết là phải tìm được sự an lòng của Trung cộng. Nay thì T.T. Clinton đã trấn an được giới lãnh đạo Trung cộng, đã đặt Trung cộng vào Thế Đối Tác tin cậy, đã nâng Trung cộng

lên hàng ưu thế phát triển, và đã tạo được THẾ CHÂN VẠC MỸ - NHẬT - TẦU giữ vững hòa bình phát triển Châu Á. Những thỏa hiệp đạt được về mặt Quân sự giữa Mỹ Tầu như : Cấm xuất cảng hỏa tiễn. Không hướng tên lửa vào nhau. Trao đổi nhân viên Quân sự từ cấp cao đến cấp thấp. Tiến hành cuộc tập trận chung Mỹ Tầu tại vùng lòng chảo Thái Bình Dương cuối năm nay, là những chỉ dấu cho thấy vấn đề an ninh Mỹ Tầu đã đặt chân vào đường Hòa bình rồi.

Công tâm mà nói thì vấn đề Nhân quyền và Dân chủ hóa Trung Hoa phải khởi đi từ người Trung Hoa, thế giới bên ngoài chỉ sắm vai trò hỗ trợ dư luận, áp lực ngoại giao, trừng phạt kinh tế cho đúng mức, đúng lúc và đúng thế mới mong có hiệu quả. Ý niệm và khát vọng về Nhân quyền và Dân chủ hóa chưa có chưa nẩy nở trong đại khối người Trung Hoa thì nếu có một chế độ gọi là Dân chủ, đó cũng chỉ là hình thức giả hiệu, và Nhân quyền vẫn lại là thứ được bố thí ban phát của kẻ có quyền mà thôi. Đừng quên rằng Trung Cộng cũng đang từng bước dò dẫm làm Dân chủ kiểu vừa nêu. Điều này cũng tốt, nếu giới Trí thức Trung Hoa biết nắm lấy cơ hội để vận động Ý thức Tự do Dân chủ nơi toàn dân, vận động xây dựng khung pháp lý, nhìn nhận các quyền Xã hội Công dân : Tự do Tôn giáo. Tự do Ngôn luận. Tự do Đảng phái. Tự do Nghiệp đoàn ... để có được cuộc sống Dân chủ đích thật vững bền cho nước Trung Hoa. Vậy việc vận động Tự do Nhân quyền và Dân chủ hóa Trung Hoa của ông Clinton lúc này có giá trị thật lớn.

Và biết đâu lại chẳng nhờ dư luận

phản đối cuộc Hoa du của T.T. Clinton quá quyết liệt bởi Quốc hội Mỹ lẫn những người đấu tranh cho Nhân quyền trên toàn Thế giới mà T.T. Mỹ đã bị đặt vào thế phải công khai vận động cho Lý tưởng Tự do Nhân quyền tại Hoa lục. Phải nói cũng nhờ sự hiểu biết, sáng dạ, và dám nhận trách nhiệm của ông Giang Trạch Dân, đã bất thần ra lệnh cho Đài truyền hình nhà nước cho truyền hình trực tiếp các buổi nói chuyện của T.T. Mỹ. Đây còn là điểm mừng cho Người dân thế giới, là giới lãnh đạo Hoa Kỳ đã đặt yếu tố Dân chúng trong vấn đề chiến lược của họ.

Cuộc Hoa du của T.T. Clinton diễn ra đúng lúc Kinh tế Á châu đang đổ dốc thê thảm, đồng Yen của Nhật bị mất giá, khả năng là lời luôn đồng Nhân dân Tệ của Trung Cộng bị phá giá, khiến cho kinh tế toàn vùng bước vào đợt 2 của cuộc khủng hoảng nguy hiểm hơn. Thêm vào đó Ấn Độ rồi Pakitan theo nhau thử bom nguyên tử đe dọa An ninh Á châu. Vậy ngoài vấn đề Nhân quyền, Kinh tế, vấn đề An ninh chắc là mối quan tâm lớn của T.T. Mỹ. Chuyến Hoa du của T.T. Clinton phải chăng là cơ hội mở đầu cho tiến trình thể hiện CHIẾN LƯỢC THỜI BÌNH của Hoa Kỳ : Kinh tế TOÀN CẦU HÓA, Chính trị DÂN CHỦ HÓA và An ninh MINH ƯỚC VÙNG.

ĐỐI-TÁC THAY ĐỔI-ĐẦU

Đối với Hoa Kỳ thì Chiến lược Toàn cầu từ xưa cho tới nay vốn chỉ có ĐỐI TƯỢNG, chứ chẳng làm gì có THÙ BẠN một cách dứt khoát, là bạn đấy mà cũng có thể là thù đấy. Bạn hay thù là tùy nơi tùy lúc và tùy việc, có lợi hay hại cho mục tiêu chiến lược của họ. Thế nhưng

về mặt danh xưng cho từng đối tượng của chính sách thì phải minh định công khai, ví dụ trong thời chiến thì có những từ như thù địch, đối đầu, đồng minh. Đồng minh để chỉ cho các nước bạn, thù địch thì phải tiêu diệt, đối đầu dùng trong chiến tranh lạnh để chỉ cho hai thế lực, hai hệ thống xã hội kinh chống nhau.

Liên Xô trong lúc chống Phát Xít, được nhận là đồng minh của Mỹ, khi Phát Xít bị diệt, thì lại thành Đối đầu với Mỹ. Trung Cộng vốn là thù địch của Mỹ trong chiến tranh Triều Tiên, là đối đầu của Mỹ trong chiến tranh lạnh, và là trợ thủ đắc lực cho Mỹ trong cuộc xé nát Thế giới Cộng Sản tiến đến tiêu diệt Liên Xô sào huyệt của Cách mạng Vô sản. Trung Cộng đã được Mỹ trả công hậu hĩ là lấy chiếc ghế Thường trực của hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc từ tay Đài Loan trao cho, và còn được hưởng quy chế Tối Huệ Quốc nữa. Nếu không có biến cố đàn áp Phong trào Dân chủ của Sinh viên tại Thiên An Môn, thì có thể Hoa Lục trở thành bạn của Mỹ sớm rồi.

Từ vụ đàn áp, bang giao Mỹ Tàu ở thế ngắc ngư bạn chẳng ra bạn, thù không là thù, Mỹ vẫn phải nuôi Tàu bằng Quy chế tối huệ quốc, mà Tàu lại cứ dùng tiền lời kiếm được ở thị trường Mỹ, đi mua hàng ở các nước khác, hòng tạo thanh thế chính trị, và lại muốn dùng thế nước lớn để vừa áp lực vừa lôi kéo các nước nhỏ quanh vùng vào làm thế đối trọng để yêu sách Mỹ. Nếu Mỹ chọn Tàu làm đối trọng thực, thì chiến lược thời chiến vẫn còn kéo dài sang thế kỷ tới, nhưng kinh tế Mỹ đã chuyển vào thời bình một cách vững chãi và đầy triển

vọng tốt. Lục chủ đạo chiến lược thời chiến là Tài phiệt Công nghiệp Quốc phòng đã thoái nhượng địa vị, nhường cho giới Tài phiệt Ngân hàng, nhưng tự thân giới này chưa thực sự đủ bề dầy để trở thành lực chủ đạo chiến lược thời bình, một cách uy lực nhất quán ; đây là cơ hội tối ưu cho giới lãnh đạo chính trị Mỹ để đưa ra một Chiến lược toàn diện mới, đáp ứng đúng với nhu cầu Thời đại, lợi cho Tư bản Mỹ, lợi cho Tư thế Lãnh đạo của nước Mỹ, và tốt cho toàn thể loài người.

Chuyến đi Tàu của T.T. Clinton vì mang tầm vóc Chiến lược Toàn cầu mới, mà đằng sau không có lực hậu thuẫn thống nhất, nên mới có tình trạng đối kháng mang đáng tính gay gắt như đã thấy. Thật ra dù là Tổng Thống Dân chủ hay Cộng hòa thì cũng không thể làm khác được, là đã đến lúc phải đổi THẾ ĐỐI ĐẦU thành THẾ ĐỐI TÁC giữa hai nước Mỹ Tàu. Đối tác vốn mang ý nghĩa một cuộc, một sự làm ăn, minh bạch sòng phẳng cùng lợi, mà hai bên hoàn toàn tự nguyện và tự do lựa chọn, đúng với nguyên tắc của thị trường Tự do.

Tuy không đặt vấn đề chế độ xã hội trên mặt giao thương, mà chỉ cần công bằng : Tôi mở cửa thị trường thì anh cũng phải mở tôi dành cho anh Tối huệ quốc thì anh phải ưu tiên mua hàng của tôi. Ở điểm này Mỹ đã chịu thiệt với Tàu suốt 9 năm qua, từ khi trừng phạt Trung Cộng mà không dám bỏ tối huệ quốc. Nhưng vấn đề đầu tư và cho mượn nợ thì lại khác. Đầu tư thì quyền tuyệt đối trong tay người có vốn, họ có quyền lựa nơi chốn, lựa chế độ, lựa luật lệ, có khi còn lựa cả Người có đáng tin hay không nữa ... Mà

việc chuẩn bị thị trường đầu tư và đảm bảo an toàn cho vốn tư bản lại thuộc bốn phần của Chính quyền. Chính vì vậy mới có những cuộc đối thoại giữa các Chính phủ liên hệ, để thảo luận về những điều kiện cần và đủ cho công cuộc bỏ vốn vào đầu tư.

Nhất là việc cho vay vốn, thì các nước, các cơ quan tài chính Thế giới lại đòi hỏi những điều kiện thiết thực và gắt gao, họ phải được biết rõ từng chi tiết về dự án dự chi cho đề án ... Còn đòi phải được biết ngân sách Nhà nước nữa, điều này đã làm cho chế độ Cộng Sản lúng túng, vì từ trước tới giờ ngân sách được xem như bí mật quốc gia, Đảng đưa sang Quốc hội bù nhìn thông qua trong các phiên họp kín, thế rồi Đảng tùy tiện muốn cho chính phủ tiêu gì thì tiêu. Cuộc họp tại Huế của các nước cấp viện và chủ nợ của Việt Nam đã yêu cầu chính phủ Việt Nam phải công khai hóa ngân sách, thì họ mới tiếp tục trợ giúp và cho vay thêm tiền. Đây là một đòi hỏi rất bình thường của các nước Dân chủ, nhưng nó lại là điều không thể hiểu, không thể chấp nhận được của tập đoàn lãnh đạo Hà Nội, làm cho thủ tướng VC Phan Văn Khải phải xin khát với hội nghị để đi năn nỉ với nhóm lãnh đạo mù tịt về nguyên tắc sơ đẳng của đối tác quốc tế, thế là hội nghị tan, và Hà Nội xách túi về không.

Điều đó thì Trung Cộng thoát được, họ đang từng bước cho giải tư các công ty Quốc doanh, sửa đổi luật lệ để đón vốn đầu tư ngoại quốc, nhưng vấn đề gốc để diệt trừ tham nhũng buôn lậu, bằng cách hòa bình là Dân chủ hóa chế độ, phân quyền hóa quyền lực, tôn trọng đệ tứ

quyền : Tự do Ngôn luận, thì Trung Cộng chưa dám, mà đó mới là điều giới Tư bản đầu tư cần trong nền kinh tế toàn cầu hóa, vì rằng họ không muốn thiệt hại bởi nạn tham ô, không muốn lỗ vốn trước sự cạnh tranh của hàng lậu. Nếu Trung Cộng dùng biện pháp cố hữu sát máu để thanh trừng "Ô-Lậu" làm vừa ý nhất thời của giới đầu tư, rồi thì sao ? Rồi thì toàn dân biến thành "cu ly" cho các ông chủ mới, mà Đảng Cộng Sản là tập đoàn trung gian cai trị mà thôi. Thực ra đây chỉ là làm vừa lòng một số Tư bản lạc hậu. Còn với các nhà đầu tư lớn của thời đại Hòa bình phát triển, thì họ biết rõ, vốn của họ chỉ tăng lên theo với trình độ hiểu biết của nhân loại : Phát minh nhiều, tay nghề giỏi, tiêu thụ cao, còn ở xã hội tối tăm thì vốn của Tư bản cùn hệt theo với mức thấp kém của cuộc sống xã hội.

Vậy Thế Đối Tác giữa hai nước không nhất thiết và ngay lập tức buộc hai bên phải có cùng một chế độ xã hội, nhưng muốn cùng làm ăn giao dịch và đối đãi ngang tầm với nhau, thì phải : Thăng tiến Dân Trí, nâng cao mức sống Xã hội, điều này gắn liền với sự TỰ DO TOÀN TRIỂN của CON NGƯỜI và DÂN CHỦ HÓA CHẾ ĐỘ, dù không ép buộc, không can thiệp vào nội bộ của nhau, nhưng khi trở thành đối tác của Mỹ, Trung Cộng phải mở mọi cánh cửa để cho không khí Mỹ tràn vào cùng với vốn đầu tư Quốc tế.

Mỹ không chỉ đối tác với Tàu, còn là một lời nhắc đến với người bạn lâu năm là Nhật nữa. Thực ra không phải chỉ với Chính phủ Mỹ, mà ngay cả Dân chúng Mỹ cũng tức tối khi thấy cán cân thương

mai Mỹ Nhật, năm nào phần thua cũng nghiêng về phía Mỹ, các cuộc thương thảo đòi Nhật mở rộng thị trường liên tục diễn ra, chính phủ Nhật có thể chịu mọi đòi hỏi của Mỹ, nhưng cuối cùng thì sản phẩm của Mỹ cũng chẳng bán được là bao tại thị trường Nhật. Tại sao lại thế ?

Bởi, tuy hai nước cùng một chế độ chính trị kinh tế, nhưng hai Xã hội Tư bản đó lại có bản chất khác nhau : Mỹ là một Xã hội tiêu thụ, là một thị trường tiêu thụ khổng lồ. Nhật là một Xã hội tích lũy, là một thị trường phòng thủ tế nhị. Hàng sản xuất có hai loại, một tiêu thụ tại nội địa, một xuất cảng trên thị trường thế giới, giá cả của hai mặt hàng cách biệt nhau, không ảnh hưởng gì đến nhau, mà người Nhật lại có tinh thần phòng vệ rất cao, Văn hóa Nhật đề cao chữ NHẪN, thế nên mặc cho giá cả hàng hóa cao thấp, đồng Yen mất giá hay lên giá, người Nhật vẫn trầm tĩnh, xã hội Nhật vẫn không phản ứng. Đồng Yen mất giá thì hại về mặt đầu tư mà các nước Á châu sẽ gặp nạn. Đồng Yen lên giá quá cao sẽ hại trực tiếp đến hàng hóa của Nhật trên thị trường thế giới. Điều đó mới thực là mối nguy cho Nhật một siêu cường xuất cảng.

Ưu điểm trong quá khứ lại là nhược điểm hiện nay về tổ chức Tài Chánh Nhật, nước Nhật phục hồi mau chóng, và phát triển thần tốc là dựa vào Tinh Thần Đại Gia Tộc, mọi người coi công việc của sở như công việc nhà, được chia lời trong công ty, ưu tiên mua cổ phần của công ty, tiết kiệm tích lũy được nhiều, dân Nhật giàu lên rất mau, nước Nhật có được một kho dự trữ Ngoại tệ nặng nề nhất thế giới, làm chủ nợ khắp nơi. Các ngân

hàng được tổ chức như là các vệ tinh cho các Đại Công Ty Mẹ, rồi vì các Công ty Mẹ phạm sai lầm TÙY TIỆN đã giới thiệu các con nợ khó đòi, và không thể đòi cho ngân hàng, khiến hàng loạt ngân hàng bị phá sản, đặt nước Nhật trước bờ vực suy thoái. Đã tới điểm mà nước Nhật phải làm một cuộc cách mạng về tài chánh, có nghĩa là phải thực hiện chế độ DÂN CHỦ PHÁP TRỊ trong sáng, để giữ vững vị thế của mình trong thế đối tác lớn của nền Kinh Tế Toàn Cầu Hóa. Và ngay lập tức phải giữ trọn vẹn vai trò là một chân thật vững trong ba chân của THẾ CHÂN VẠC tại Á châu, và cũng là THẾ AN NINH cho toàn thế giới, mà Âu châu hiện đang nỗ lực thống nhất tiền tệ để thành THẾ TỨ TRỤ của căn nhà HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN THẾ GIỚI.

THAY CHỮ KHÔNG THỂ ĐỔI

Trung Cộng đã chính thức đi vào quỹ đạo của THẾ ĐỐI TÁC với Mỹ, có nghĩa là từng bước một thực hiện DIỄN TIẾN HÒA BÌNH, điều mà mỗi khi Việt Cộng nghe nhắc tới, thì cứ như một tội nhân đứng trước vành móng ngựa, nghe tuyên đọc án tử hình vậy. Tại sao thứ gì Việt Cộng cũng bắt chước Trung Quốc mà không dám noi gương về điểm này ? Cũng dễ hiểu thôi vì Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được nhào nặn trong một khuôn đúc NÔ LỆ. Phải có thầy chỉ vẽ cho mới dám làm, kể từ Hồ Chí Minh xuống đều như thế. Nhưng nay Trung Cộng đã chuyển thế sang một hướng khác, hướng đó, với đầu óc dẫn độn của nhóm lãnh đạo Hà Nội thì không sao hiểu nổi, vì họ biết rõ rằng : Thực hiện diễn tiến hòa bình là Xã hội chủ nghĩa tiêu ma, Đảng Cộng Sản hết còn độc quyền lãnh đạo.

Trung Cộng làm được, vì Giang-Trạch-Dân đã củng cố và xây dựng vững địa vị lãnh đạo, được Hoa Kỳ tiếp nhận là người đáng tin cậy có sáng kiến cởi mở tự tin và quyết tâm đổi mới, cộng với một Chu-Dong-Cơ biết giá trị của luật thị trường tự do. Còn Việt Nam thì thảm hại, lãnh đạo thì cá mè một lứa, dựa vào tập thể thì tập thể chỉ là một phường không óc, hay chỉ mỗi một bộ óc Mác-Lê đặt sệt giáo điều lạc hậu, đến gần ngày bước vào thế kỷ 21 rồi mà còn bắt tuổi trẻ Việt Nam phải học chủ nghĩa Mác-Lê lỗi thời độc ác, tư tưởng Hồ Chí Minh chấp vá ngay lại của Mao-Trạch-Đông.

Quả họ đã quá xem thường tuổi trẻ Việt Nam, hay đây là một thủ đoạn của những người muốn dùng sức phấn nộ của tuổi trẻ để khai tử những đầu óc thủ cựu của Cộng Sản. Dù gì thì đây cũng là dấu hiệu báo nguy cho Cộng Sản Việt Nam. Xét về mặt hậu thuẫn quốc tế thì Trung Cộng không còn là chỗ dựa cho Việt Cộng để mà thực hiện chính sách đu giây với Mỹ như từ trước nay, không còn núp bóng hung thần để mà hù dọa người đổi mới nữa. Tóm lại nếu lãnh đạo Hà Nội không muốn bị tuổi trẻ Việt Nam cho đi chung xuống với ông Suharto của Nam Dương, thì phải thực hiện cuộc đổi mới đợt 2 theo đúng với khuyến cáo của ngân hàng phát triển thế giới, và nhất là hợp với chính sách ngoại giao của Mỹ, mới mong nhận được sự tài trợ của các tổ chức tài chánh này, vì tiếng nói của Mỹ có tính cách quyết định.

Quá thật dù có muốn thực hiện cuộc đổi mới đợt 2 thì Việt Cộng cũng chẳng biết đường nào mà làm, vì họ thiếu sự suy nghĩ độc lập vô vị lợi, họ vẫn chưa ra

thoát quán tính nô lệ và phương pháp và thủ đoạn quen thuộc của Cộng Sản. Cứ xem Lê Khả Phiêu tổng bí thư đảng nhìn vấn đề tôn giáo thì rõ. Vì phải nói cho đúng với đòi hỏi của sách lược ngoại giao Mỹ, đặt tự do tôn giáo lên hàng ưu tiên, mà Phiêu đã phải đề cao tôn giáo tại Việt Nam, bắt cán bộ đảng viên phải kính trọng, nhưng đồng thời cũng buộc các tôn giáo phải triệt để tôn trọng luật pháp, mà luật pháp của Cộng Sản lại không công nhận tính cách pháp nhân của các tôn giáo, bắt các tôn giáo muốn sinh hoạt công khai hợp pháp thì phải chui vào cái túi của Đảng là Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Vậy thì tự do tôn giáo ở đâu ? Khi luật pháp chưa công nhận tính cách độc lập của tôn giáo, mà chỉ buộc tôn giáo phải tuân theo thứ luật “phi pháp” một chiều áp chế.

Một người hiểu về tự do què quặt như thế, hiểu về luật pháp cạn cợt như thế, mà lại có thể lãnh đạo được cuộc đổi mới đợt 2 đó sao ? Không một ai dám tin vào điều đó. Đến đây cũng cần phải nhắc với người Mỹ rằng : Toàn dân Việt Nam, không riêng người miền Nam mà người miền Bắc cũng vậy, khi hay tin nước Mỹ bỏ cấm vận để trở lại Việt Nam, thì không ai bảo ai đều nghĩ rằng : “Mỹ đến thì Cộng đi”, nhưng hy vọng đó chỉ có thể giữ được trong vài ba năm, nếu kéo dài trên năm năm, thì bắt buộc người Việt cũng lại phải nghĩ như người Nam Dương, là Mỹ lại muốn nuôi một tên đày tớ mới. Thái độ và cách ứng xử của ngài đại sứ Mỹ tại Hà Nội, lại còn cho thấy, ông đang đi vận động vốn đầu tư của doanh nhân Mỹ, để vỗ béo cho chế độ ô lậu mà toàn dân Việt Nam đang muốn

đuổi đi.

Trong thời chiến người Mỹ giữ một chế độ độc tài để phục vụ cho chiến lược, đều đó dễ hiểu, nhưng nay chiến lược thời bình, kinh tế toàn cầu hóa, các nước phải dân chủ hóa, là một nhu cầu không thể thiếu được của phát triển, như vậy thì Mỹ chẳng có lý do gì mà nuôi tay sai độc tài ô lậu. Những người hiểu biết đều thấy chính phủ Mỹ đã quay lưng lại với chế độ độc đoán trường trị của Suharto, và các đoàn dân sự vụ Mỹ cũng góp phần không nhỏ vào biến cố tại Indonesia, thế nhưng dân chúng và tuổi trẻ Indonesia vẫn sợ Mỹ lại nuôi một chế độ độc tài mới, nên mới có cảnh biểu tình đốt cờ Mỹ, điều này trong quá khứ đã quá quen thuộc với Mỹ. Nhưng trong tương lai chữ tín sẽ phải đặt lên hàng đầu trong mọi lãnh vực sinh hoạt, kinh tế, chính trị, văn hóa ... mới thực là cần đối với một quốc gia lãnh đạo như Mỹ.

Hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, đối với Việt cộng thì buộc phải THAY mà không thể ĐỔI, vì đổi là phải đổi ngay trong tư tưởng, đổi cách nhìn, đổi lối suy nghĩ, rồi mới đổi nổi kinh tế, chính trị, và luật pháp ... trong hàng ngũ lãnh đạo chóp bu của Cộng Sản, suy tư mới mẻ thì chẳng có, nhưng thủ đoạn giữ quyền để mà làm giấu thì lại nhiều, mà dân chúng thì bất mãn đã dâng cao, chỉ chờ cơ hội là đứng dậy. Lúc này chính là thời của các người hùng, nếu họ thực sự có tâm nguyện người hùng, biết nhìn cho đúng vị thế người hùng thời đại là phải như thế nào ? Không thể được xem là người hùng của thời đại, của dân chúng, và của dân tộc, nếu chỉ biết đoạt quyền hành, thỏa mãn tham vọng cá nhân, ngồi trên trăm

họ, rồi đầu lại như cũ. Người thức thời là người chỉ giữ quyền hành trong giai đoạn ngắn Chuyển Tiếp, xây dựng cho bằng được các quyền xã hội công dân : Tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do đảng phái, tự do nghiệp đoàn ... rồi tổ chức một cuộc bầu cử tự do trong sạch công bằng. Được bảo đảm bằng sự không có mình và phe cánh mình dự tranh, chỉ có như thế mới phục hồi được niềm tin của dân chúng, thế giới mới đặt được niềm tin vào dân tộc mình, và những người như thế mới đúng là người anh hùng muôn thuở của giang sơn.

06/07/1998

Thơ Ng. Đức Linh

Xây Nền Chính Tâm

*Ta đi cho suốt chặng đường,
Để nhìn THẾ SỰ buồn thương khổ sầu,
Để cho thấm thía niềm đau,
Để cho thương nhớ bắc cầu cảm thông,
Để cho THÙ HẬN vui dần,
Để cho Tim Lạnh ấm nồng Yêu Thương,
Để Hoa NHÂN ÁI mười phương,
Cùng nhau nở rộ trên đường ta đi.
Đường ta tỏa rạng TÂM BỊ,
Gươm Thiêng TRÍ DŨNG sá gì gian nan,
Bao chướng ngại bấy lắm than,
Là lò lửa luyện trên đàng tiến lên,
Rèn TÂM luyện CHÍ cho bền,
Mới mong VƯỢT THẮNG xây nền
Chính Tâm
Đường ta vàng vạc trắng rằm,
CÀNH DƯƠNG thấm đượm ngàn năm
Ấn Lành.
Đường ta trọng Đức HIẾU SANH,
Theo gương các Đấng CHA LÀNH
Chí Tôn.*

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng : Pháp Sư Pháp Phảng
Người dịch : Thích Thống Hoan

(tiếp theo)

A/- GIÁO NGHĨA TAM LUẬN TÔNG :

1)- PHÁN NHIỆP PHẬT PHÁP : *(Phê phán về Phật Pháp)*

Phật Pháp của Tông Tam Luận có thể phân làm ba điểm :

- *] Bánh xe pháp căn bản của Tông này là hương về kinh Hoa Nghiêm.
- *] Bánh xe pháp chi nhánh của Tông này là giảng kinh A Hàm và Bát Nhã.
- *] Bánh xe pháp thay thế chi nhánh quy về căn bản của Tông này là giảng Kinh Pháp Hoa. *(Chú thích 25)*.

Duy Thức và Bát Nhã đều nằm trong bánh xe pháp thuộc loại chi nhánh, nhằm phát huy giáo nghĩa thâm mật của kinh Lăng Già và Bát Nhã.

2)- PHÁ TÀ HIỂN CHÁNH : *(Đả phá tà pháp để hiển bày chánh pháp)*

Tông chỉ căn bản của Tông Tam Luận là [phá tà hiển chánh]. Về phương diện phá tà, Tông này chủ trương : Một là đả phá quan niệm chấp trước của ngoại đạo cho rằng có ngã thật và pháp thật. Như Bách Luận chính là đả phá sự chấp trước của ngoại đạo cho rằng có Thiên Thần v.v... và cũng đả phá sự chấp một bên của Tiểu Thừa. Hai là đả phá quan niệm chấp trước của Tiểu Thừa cho rằng thật sự có ngã pháp, đặc biệt đối với sự chấp trước về thật pháp của Hữu Bộ và Đại Thừa Duy Thức. Như Trung Luận chính là bộ luận đả phá sự chấp một bên của Tiểu Thừa và ngoại đạo. Ba là đả phá quan niệm chấp trước về thiên không của Thành Thật Luận. Cái Không của Thành Thật Luận quan niệm không giống như cái Không tròn đầy và biến khắp pháp giới của Tam Luận chủ trương. Cho nên cái Không của Thành Thật Luận được gọi là Thiên Không. Yếu chỉ của Tông Tam Luận nhằm mục đích đả phá tà pháp để hiển bày chánh pháp. Về phương diện hiển bày chánh pháp, giáo nghĩa của tông này cũng phân làm ba điểm :

a>- NGHĨA VÔ SỞ ĐẮC : *(Ý nghĩa không có chỗ chứng đắc)*

Nghĩa lý toàn bộ kinh Bát Nhã từ xưa đến nay đều nằm trong phương pháp quy nạp, cho nên mang ý nghĩa Vô Sở Đắc. [Vô Sở Đắc] tức là yếu chỉ nói rằng không có thiết lập một pháp nào cả. Đặc biệt nơi pháp Huệ Học Tánh Không của Phật Pháp nếu như có chỗ chứng đắc [Hữu Sở Đắc] thì không

phải cứu cánh. Vì lý do đó, kinh Bát Nhã nói : Vô Đắc Chánh Quán. Chữ Quán nghĩa là quán sát hoặc nhận thức. Trí Bát Nhã sử dụng để quán chiếu pháp không thì pháp không không có tự tánh để chứng đắc. Trí Bát Nhã hiểu biết chính xác như thế gọi là Vô Đắc Chánh Quán. Nhờ Chánh Quán của Trí Vô Đắc, sự kiến chấp đối với Phật Pháp và Phi Phật Pháp thì mới có khả năng phê bình và phán đoán thêm nữa. Vả lại Chánh Quán của Trí Vô Đắc là thuộc về loại Căn Bản Trí, cho nên có thể chứng trực tiếp được Nhị Không Chân Như. Nhị Không Chân Như nghĩa là cảnh giới năng và sở, cả hai đều tiêu vong. Hơn nữa, nhờ Chánh Quán của Trí Vô Đắc, Đạo Bồ Đề mới có thể chứng đắc và Chân Như Thật Tướng mới có thể hiển bày. Cho nên Tâm Kinh nói rằng : “Vì không có chỗ chứng đắc, các vị Bồ Tát nhờ nương theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho nên tâm không bị chướng ngại. Vì tâm không bị chướng ngại, nên không có sợ hãi, xa lìa mọi mộng tưởng điên đảo, đạt đến Niết Bàn tuyệt đối. Các đức Phật trong ba đời cũng do nương nhờ Bát Nhã Ba La Mật Đa, đều được chứng quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.” Ý nghĩa đây đã được Kinh Đại Bát Nhã giải thích rất sâu rộng.

b>- NGHĨA DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG : *(Ý nghĩa của tánh duyên khởi đều không)*

Kinh Bát Nhã đặc biệt thuyết minh nghĩa [Vô Sở Đắc] là ý chỉ cho những gì không có chỗ chứng đắc ? Theo kinh Bát Nhã, Duyên Khởi Tánh Không đích thực là một loại cước chú cho vấn đề không có chỗ chứng đắc. Đại ý Tam Luận của ngài Long Thọ đặc biệt thuyết minh Tánh Không, cho nên sử dụng ý nghĩa [Vô Sở Đắc] trong Bát Nhã để giải thích vấn đề Duyên Khởi Tánh Không. Như bài Tụng của Trung Luận nói rằng : [Các pháp đều do nhân duyên sanh, ta nói tức là không]. Ý nghĩa của chữ [Không] là không có chỗ chứng đắc. Còn ý nghĩa của hai chữ [Nhân Duyên] là điều kiện hoặc quan hệ. Chẳng hạn, một giống nào đó đã quan hệ thì sau này có thể sanh ra phẩm vật của giống đó. Vạn hữu vũ trụ, Chúng Sanh Pháp và Phật Pháp, tất cả đều do nhân duyên sanh, cho nên nói đến duyên sanh cũng là nói đến hiện tượng giới. Hiện tượng giới đã là duyên sanh thì không có tự tánh và không có tự tánh nên gọi là không, đã là không thì không có chỗ chứng đắc. Không có chỗ chứng đắc tức là duyên sanh, duyên sanh tức là tánh không, tánh không tức là trung đạo, trung đạo tức là Bát Nhã chánh quán ; Bát Nhã chánh quán tức là duyên khởi của không tự tánh. Đây là ý nghĩa thâm sâu về cái Không của Bát Nhã Tam Luận (Chú thích 26) và cũng là đặc điểm của Tam Luận thuyết minh.

c>- NGHĨA TỤC HỮU CHÂN KHÔNG : *(Ý nghĩa Tục Đế thì Có và Chân Đế thì Không)*

Thuyết Nhị Đế cho là : Nơi Tục Đế thì chủ trương rằng Có và nơi Chân Đế thì chủ trương rằng Không. Thế Tục Đế và Thắng Nghĩa Đế, cả hai đều nương nhau để hiển bày. Như Trung Luận nói rằng : “Chư Phật nương nơi

Nhị Đế vì chúng sanh mà thuyết pháp : Một là dùng Thế Tục Đế và hai là dùng Đệ Nhứt Nghĩa Đế. Người nào nếu như không biết rõ, lại phân biệt nơi Nhị Đế thì đối với chỗ thâm sâu của Phật Pháp hoàn toàn không biết được nghĩa chân thật”. Trung Luận lại nói tiếp : “Nếu như không nương nơi Tục Đế thì không thể ngộ được Đệ Nhứt Nghĩa Đế và nếu như không ngộ được Đệ Nhứt Nghĩa Đế thì không chứng được Niết Bàn”. Tông Tam Luận thuyết minh vấn đề Không nhằm mục đích đối trị sự chấp Có của thế gian mà ở đây không phải quan niệm phủ định. Có người nói : Phật Giáo chủ trương không là hoàn toàn phủ nhận tất cả. Đúng ra, đây là một sự ngộ nhận. Phải biết rằng tất cả pháp trong thế gian theo sự hiểu biết thông thường đều cho là tồn tại. Tất cả pháp đã tồn tại thì nhất định phải sự thật. Tam Luận Bát Nhã cũng không phủ định sự thật. Sự thật nếu như vượt ra ngoài đạo lý thường thức hoặc tìm cầu lý Chân Như (Đệ Nhứt Nghĩa Đế) đã nói ở trên để thật chứng thì không thể phủ định cho rằng tất cả đều không hoàn toàn. Theo quan niệm Triết Học, vấn đề Có là hình nhi hạ của thế tục và vấn đề Không là hình nhi thượng của thánh nghĩa, cả hai hoàn toàn khác nhau quan điểm. Nếu căn cứ nơi bản thân của sự vật mà nói, Duyên Khởi Tánh Không là nghĩa hoạt động, là nghĩa chuyển biết và không phải là quan niệm không thuộc chết cứng. Cho nên bài tụng trong Trung Luận nói rằng : “Vì có nghĩa không cho nên tất cả pháp đều được thành lập”. Nghĩa không nếu như chẳng có thì tất cả pháp không thể thành lập. Do đó bài tụng trong Trung Luận lại nói tiếp : “Các pháp đều do nhân duyên sanh, cho nên ta mới nói là không ; các pháp cũng là giả danh và cũng là nghĩa trung đạo. Chưa từng có một pháp nào không từ nhân duyên sanh, cho nên tất cả pháp thấy đều là không”. Vấn đề Không và Trung Đạo trong bài tụng nói trên đều là Đệ Nhứt Nghĩa Đế và cũng là Lý Tánh. Còn các pháp do nhân duyên sanh và giả danh lại là Thế Tục Đế và cũng là Hiện Thật.

Thứ hai, hai mặt của một pháp không thể phân ly nên gọi là “sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc”. Vạn pháp không thể thiên chấp một mặt. Ý nghĩa Không của Tông Tam Luận được thiết lập trên các pháp Có và Nhân Duyên. Nếu như ly khai hoàn toàn vấn đề Có và Nhân Duyên, ý nghĩa Không của Tông Tam Luận thì không biết thiết lập từ đâu. Vấn đề này được trình bày rất rõ ràng trong các bài tụng của Tam Luận.

B/- TAM LUẬN VÀ DUY THỨC :

Căn cứ nơi nguyên lý không chỗ chứng đắc (vô sở đắc) của Bát Nhã để bàn về Duy Thức, hai lập trường của Duy Thức và Tam Luận đều có chỗ dung thông với nhau. Đối tượng của Duy Thức đả phá là không chỗ chứng đắc về Năng và Sở của hai chấp thủ, nghĩa là không có Ngã (năng thủ) của chủ

quan và không có Pháp (sở thủ) của khách quan để chứng đắc. Còn Tam Luận thì cũng đả phá hai lối chấp thủ này để hiển bày về nguyên lý Không của học thuyết Không Chỗ Chứng Đắc (Vô sở đắc). Duy Thức và Tam Luận, cả hai đều cùng đả phá chỉ có một mục tiêu mà thôi. Chẳng qua điểm sai biệt của hai tông là, Duy Thức thì đả phá tận cùng quan niệm Có của những sự vật có thể chỉ bày được, nghĩa là đả phá quan niệm Có về hư vọng phân biệt Thức. Thức (Y Tha Khởi Tánh) của Nhị Thủ Sở Y ; riêng Tam Luận thì đả phá tận cùng nơi những sự vật không tồn tại, cho đến tánh Y Tha Khởi cũng là không. Điểm tranh luận của hai tông phái, Duy Thức và Tam Luận là ở chỗ đó.

Lại nữa vấn đề [Chánh Trí và Như Như] : Chánh Trí tức là trí không phân biệt. Trí này theo quan niệm Duy Thức cho là Có (Khi thân chứng chân như, Trí này thì hiện tiền) ; Chân Như tức là như như (Vả lại Chân Như thì không phân biệt và Chánh Trí có khả năng chứng đắc thì cũng không phân biệt, chúng đều bình đẳng không có hai, nên gọi là Như Như). Chánh Trí và Như Như, cả hai là ngôn ngữ và chúng đều thuộc về Đệ Nhứt Nghĩa Đế. Duy Thức cho Chánh Trí và Như Như là có thật, là diệu hữu ; còn Tam Luận lại cho là không. Tam Luận mặc dù quan niệm Đệ Nhứt Nghĩa Đế là không, nhưng xét cho cùng khi kiến lập Đệ Nhứt Nghĩa Đế cũng có thể cho rằng Chánh Trí và Như Như không ngăn ngại cái Có của duyên khởi. Sự lý luận của chúng ta ở trước có những khái niệm được liệt kê như sau :

1/- Nơi Thuyết Quan Hệ Tương Phản : Tánh và Tướng, Không và Có đều đối lập nhau. Do đó Duy Thức và Tam Luận nhân đây trở thành hai lập trường đối nghịch với nhau.

2/- Nơi Thuyết Quan Hệ Tương Thành : Chỗ đả phá của Tam Luận cũng là chỗ đả phá của Duy Thức. Chân Đế Tánh Không của Tam Luận hiển bày cũng là chỗ chứng đắc của Trí không phân biệt nơi Duy Thức, cả hai đều thể hiện nguyên lý Nhị Không.

3/- Kinh Bát Nhã rộng nói Pháp Tướng là để hiển bày Pháp Tánh ; còn các học giả Pháp Tướng thuộc hệ phái Di Lặc thì cũng lại giải thích Bát Nhã. Do đó, chủ trương của hai phái có thể phối hợp với nhau (tương thành). Chẳng qua quan điểm của hai bên thì không giống nhau mà thôi.

Chúng ta từ nơi đạo lý tương phản và tương thành xem ra có thể nói : Tông Tam Luận chỉ nhằm đả phá sự chấp trước cho nên chú trọng phương pháp lý luận ; bên Duy Thức thì cũng giống như thế, cho nên đa phần đều sử dụng Nhân Minh Luận. Như Duy Thức Tụng nói : “Do vì có chỗ chứng đắc, cho nên không phải thật trụ vào Duy Thức”. Còn Tam Luận nói : “Nếu chấp thật có Duy Thức Tánh cũng là chấp pháp”. Giả như trong tâm còn có chỗ chứng đắc, đó cũng là một thứ chấp trước. Tâm không phân biệt có thể chứng được

Chân Như thì Thật Tánh Duy Thức cũng có thể chứng được. Nhưng Thật Tánh Duy Thức nếu là giả danh thì không khác Đệ Nhất Nghĩa Đế của Tam Luận. Tự Tánh Y Tha Khởi đối với Tục Đế của Tam Luận thì thuộc về loại Có. Cho nên Nhị Không của Duy Thức tức là Tánh Không của Tam Luận. Duy Thức mặc dù nói Nhị Không, nhưng không ngoài mục đích hiển bày cái Có của Chân Như (cùng với Tánh Không chẳng giống nhau). Đây chỉ là cứu cánh của lý tánh vậy.

Theo thuyết Đạo Lý của Tánh Không Duyên Khởi, kinh Kim Cang trình bày rằng : “Không chấp lấy nơi tướng, ở trạng thái như như không động. Tại sao thế ? Tất cả pháp hữu vi như giấc mộng, như bọt nước, như sương móc, như điện chớp, phải nên quán như thế”. Bồ Tát khi tu hạnh Bát Nhã cốt yếu ở chỗ “Không nên chấp lấy pháp tướng và cũng không nên chấp lấy không phải pháp tướng”, đó là thể hiện pháp quán Chân Đế. Tất cả cảnh giới duyên sinh đều là có như huyễn ; câu [phải nên quán như thế] là thuyết minh nguyên lý không thể quán Tục Đế “Y Tha Khởi” cũng là không. Còn câu Pháp Tướng và không phải Pháp Tướng cũng là giải thích vấn đề Nhị Đế. Không chấp lấy Nhị Đế thì mới có thể chứng đắc một cách triệt để cảnh giới Chân và Tục không hai. Vấn đề này Duy Thức và Tam Luận, hai tông phái đều giống nhau. Nhờ có Tục nên mới chứng được Chân cũng là điểm dung thông với nhau của các tông phái tu hành.

Thành Duy Thức Luận nói : “Trí không phân biệt đã chứng được Chân Như thì Trí Hậu Đắc mới có thể liễu ngộ được các pháp thuộc tánh Y Tha Khởi đều là như huyễn v.v... Nếu chẳng biết như thật, các chúng duyên phát khởi là do tự tâm và tâm sở hư vọng phân biệt biến hiện ; khác nào sự việc như huyễn, ngọn lửa dâng cao, cánh trí trong mộng, hiện tượng trong gương, màu sắc lộng lẫy, tiếng vang trong động, mặt trăng dưới nước, tất cả do biến hóa kết thành, chúng tự như có, nhưng thật sự không phải có”. Vấn đề này so với Kinh Kim Cang đã nói ở trước : [Tất cả pháp hữu vi, cũng như cảnh giả trong mộng, cũng như bọt nước trên sông] đều là giống nhau. Chân Đế là một phương diện và Tục Đế là một phương diện : [Không nên chấp lấy nơi tướng, phải ở trạng thái như như] phải là trí không phân biệt thì mới chứng được cảnh giới chân như. Ở nơi Tục Đế, Duy Thức và Tam Luận, hai tông phái lại giống nhau ở chỗ là quán các pháp hữu vi duyên sanh đều như huyễn. Còn ở nơi Chân Đế, chỗ chứng đắc của hai tông phái nói trên thì cũng không khác nhau quan điểm. Nhưng sự bất đồng của hai tông phái là do các luận sư sau này giải thích nghĩa tướng đều hoàn toàn đi thật quá xa. Chúng ta hãy xem lý luận của hai luận sư thuộc hai tông phái nói trên như sau :

✱] Chương Trần Luận của Thanh Biện giải thích : “Chân tánh của hữu vi là không, vì do nhân duyên sanh, cho nên đều như huyễn. Còn vô vi thì đã tiêu

diệt vì không còn sanh khởi, nói không thật khởi giống như hoa đóm giữa hư không”. (Chú thích 27).

*] Đại Thừa Quảng Bát Luận của Hộ Pháp giải thích : “Các pháp hữu vi đều do duyên sanh, cho nên không khác sự việc như huyễn, vì không có thật thể. Còn các pháp vô vi cũng không thật có, vì chúng không có sanh ra, thí dụ như lông rùa”. (Chú thích 28).

Hai đoạn văn đây, trừ lập trường không của Thanh Biện và ngoài hai chữ [Chân Tánh] ra, lý luận của hai người thì đều giống nhau. Vả lại, Tam Luận cũng thuyết minh Lý Duy Tâm và Duy Thức, như : Nguyên vì tư tưởng của Bát Nhã đến rốt ráo cũng trình bày rõ về nhứt tâm, tức là chỉ cho tự tánh thanh tịnh tâm. Về sau, tư tưởng đại thừa của Pháp Hoa, của Hoa Nghiêm v.v... phần nhiều đều nói rõ ý này. Đại Trí Độ Luận, quyển 29 nói rằng : “Ba cõi đều do tâm tạo ra”. Đại thừa Nhị Thập Tụng nói rằng : “Tâm như người thợ vẽ, tự vẽ hình tượng Dạ Xoa, vẽ rồi lại sợ hãi”. Tâm như người thợ vẽ này so với thí dụ tâm như người thợ vẽ của Hoa Nghiêm thì đồng minh với lý Duy Thức.

C/- DUY THỨC HỌC VÀ MẬT TÔNG :

Mật Tông cũng gọi là Chân Ngôn Tông. Chân Ngôn Tông tức là lời nói chân thật. Hiện tại Mật Tông thì thường dùng chú ngữ để truyền thừa cho nhau. Trọng tâm của tông này là tu hành theo những điều bí mật nên gọi là Mật Tông. Các tông phái đã nói ở trước gọi là hiển giáo và tông này gọi là Mật giáo. Học lý của Mật Tông xem lại thì bao quát cả hiển giáo. Mật giáo truyền thừa mặc dù rất lâu, nhưng mãi đến khi khai nguyên nhà Đường thì mới được kiến lập thành tông phái. Mật Tông khi ở Ấn Độ có các Ngài như, Thiện Vô Úy, Nhất Hạnh, Kim Cang Trí, Bát Không, bốn vị trước sau đến Trung Quốc hoàng dương Mật Tông. Thiện Vô Úy truyền cho đại sư Huệ Quả. Lúc bấy giờ, Kim Cang Trí, Thiện Vô Úy và Bát Không đều được gọi là ba đại sĩ khai nguyên Mật Tông. Đối với Mật Tông, các kinh điển và nghi quỹ đều được phiên dịch và trước thuật. Các bậc tiền nhân thì thật ra không ai sánh kịp. Có thể nói, Mật tông từ đời Đường trở về sau truyền thừa hoàn toàn tuyệt diệu. Nghi quỹ Bí Bản Mật Tông của người đời Đường chú số đều bị thất truyền nơi Nhật Bản. Khi đến đời Tống, Mật Tông tuy cũng được phiên dịch và truyền thừa. Nhưng giáo nghĩa của Bốn tông ở trên thì không có kiến lập được gì. Kinh điển cốt yếu của Mật Tông gồm có ba bộ là kinh Đại Nhật, kinh Kim Cang Đỉnh và kinh Tô Tất Địa. Còn yếu nghĩa của Mật Tông thì có những điểm như sau :

1/- GIÁO TƯỚNG VÀ SỰ TƯỚNG :

Giáo Tướng tức là giáo lý. Người học Mật Tông trước hết phải học giáo lý.

Đặc biệt sự truyền thọ Mật Tông của Nhật Bản là trước hết họ dạy các học giả thực tập giáo lý Duy Thức, Tam Luận và sau đó mới truyền thọ sự tướng của Mật Tông. Cũng tương tự như thế, người Tây Tạng học Mật Tông, trước hết phải qua giai đoạn kiểm tra phẩm cách người Tây Tạng và sau đó mới đưa vào Viện Mật Thừa (Chú thích 30). Đây cũng là một hình thức giáo dục. Sự Tướng tức là Nghi Quỹ và cũng có thể nói là Phật Pháp tượng trưng. Tất cả hình tượng tác pháp hành sự của Mật Tông đều là tượng trưng, tức là những pháp sự đó đại biểu cho một thứ gì khác ngoài vũ trụ, như Kim Cang Xử và Mạn Đà La (đại biểu cảnh giới của chúng sanh hoặc cảnh giới của chư Phật), đều là vật tượng trưng, đặc biệt bao hàm một thứ Mật Ý tồn tại ở trong, Mật Tông cốt yếu ở chỗ là vị pháp sư phải đích thân dùng miệng để truyền thọ. Có người cho rằng Mật Tông cao hơn hiển giáo, nhưng kỳ thật cả hai đều giống nhau. Nói chung Mật Tông và Hiển Giáo đều phải tu chứng thì mới thành công. Còn Mật Tông và Duy Thức quan hệ như thế nào ? Sự tướng đều do duy tâm biến hiện, nghĩa là sự tướng hoàn toàn lệ thuộc nơi Tâm. Tất cả pháp biểu hiện của sự tướng có thể nói là do Tâm Thức biến hiện. Thí dụ như Mạn Đà La đều trông cậy vào sự tác dụng của tâm lực. Người Mật Tông quán tất cả đồng tiền rất nhỏ trong một mâm tròn biến thành thế giới và quán một chén nhỏ ba cạnh biến thành ba đạo sĩ. Lại nữa, lời mở đầu của văn Mông Sơn nói rằng : “Nếu người nào muốn biết rõ tất cả Phật ba đời nên quán thể tánh của pháp giới, tất cả đều do tâm tạo”. Ý này nếu như không biết rõ thì bảy hạt cơm của Mông Sơn có công dụng như thế nào ! Cho nên tất cả sự làm phép của Mật tông đều là ý nghĩa như thế.

2/- SÁU ĐẠI DUYÊN KHỞI VÀ SẮC TÂM :

Kinh Lăng Nghiêm thì giảng bảy Đại Duyên Khởi. Còn Mật Tông thì giảng sáu Đại Duyên Khởi gồm có đất, nước, gió, lửa, không gian và tâm thức. Phật Pháp và chúng sanh pháp, tất cả sự tướng đều do sáu đại này làm duyên khởi. Trong sáu đại trên, năm đại thì thuộc về Sắc Pháp và một đại sau cùng thì thuộc về Tâm Pháp. Cho nên sáu đại duyên khởi cũng gọi là Sắc Tâm Duyên Khởi. Duy Thức thì giảng Alaya Duyên Khởi, chỉ do một Tâm Thể sanh khởi hai phần Kiến và Tướng. Sự tác dụng chuyển biến của Alaya là duyên khởi hổ tương, nghĩa là Sắc thì do Tâm Thức duyên khởi và Sắc thì cũng năng sanh ra Tâm Thức.

3/- BA MẬT QUÁN VÀ BA NGHIỆP :

Tam Mật gồm có ba thứ chủ nghĩa gọi là Thân Mật, Khẩu Mật và Ý Mật. Thân Mật thì chú trọng nơi kết Thủ Ấn, như chọn Phật A Di Đà làm bốn tôn để tu thì kiết A Di Đà Ấn. A Di Đà Ấn là tượng trưng xem bản thân của ta không khác thân của Phật A Di Đà và hào quang chiếu tỏa không mảy mề. Kiết Thủ Ấn của Mật Tông không khác sự làm quan của thế tục, sao lại có

Thủ Ấn cũng như chính mình sao lại có thứ Quan Chức.

Khẩu Mật là miệng niệm Chân Ngôn, tượng trưng xem như không phải lời nói của phàm phu và chính là ngôn ngữ của Phật A Di Đà. Ý Mật là hiện bày chữ của hạt giống, như chữ "A" là đại biểu cho hạt giống hoặc Phật Tánh của Phật A Di Đà và tượng trưng xem tâm của ta chính là tâm của Phật A Di Đà. Nhờ phương pháp tượng trưng này, ba nghiệp của chính bản thân hành giả nhờ ba thứ bí mật tượng trưng nói trên có cùng với ba nghiệp của bốn tôn Phật A Di Đà kết hợp làm một để thành tựu Đại Pháp. Phương pháp đây hoàn toàn là một thứ quán giả tưởng và cũng là một thứ tâm lực. Tam Mật của Mật Tông thì rất quan hệ mật thiết với Duy Thức.

4/- HAI BỘ MẠN ĐÀ LA :

Mật Tông từ Nhật Bản truyền đến thì có hai bộ Mạn Đà La (Mạn Đà La tức là Đàn Tràng hình tròn. Chùa miếu của Ấn Độ xưa nay đều kêu là Mạn Đà La). Hai bộ Mạn Đà La gồm có : Kim Cang Giới Mạn Đà La và Thai Tạng Mạn Đà La.

a]- KIM CANG GIỚI MẠN ĐÀ LA :

Sự tướng là đại biểu Phật Trí của lý tướng, cũng như Duy Thức là đại biểu cho bốn trí Bồ Đề và bốn trí bồ đề cũng tức là Phật Trí. Kim Cang là hình dung sự kiên cố của Phật Trí có khả năng phá vỡ sở tri chướng và đoạn trừ tất cả phiền não. Kim Cang Giới Mạn Đà La tức là đại biểu cho Phật Trí. Phật Trí còn có khả năng phá trừ chấp không của chúng sanh, nên gọi là Không Như Lai Tạng. Chữ Tạng ở đây tức là nghĩa của chữ Giới.

b]- THAI TẠNG GIỚI MẠN ĐÀ LA :

Thai Tạng Mạn Đà La không phải đại biểu cho Phật và nó chỉ là tượng trưng cho tánh đức vốn sẵn có của chúng sanh. Như Lai của mỗi chúng sanh là nơi dung chứa và bảo trì tất cả công đức thâu hoạch được. Những hạt nhân công đức này vẫn được tàng trữ và nằm yên trong Như Lai Tạng chưa hiển hiện cũng giống như thai tạng, nên gọi là Thai Tạng Giới. Cũng vì nghĩa này, Như Lai còn có tên khác là Không Như Lai Tạng. Ai đó nếu chẳng thông suốt đạo lý Duy Thức và Bát Nhã thì thế nào cũng chẳng biết đạo lý Mật Tông ít nhất nói gì và trên đũa cái gì. Những sự kiện trình bày trên có thể kết luận hai điều : Thứ nhất, Giáo Tướng của Kim Cang Giới sử dụng Tam Luận và Bát Nhã làm căn bản. Thứ hai, Giáo Tướng của Thai Tạng Giới sử dụng Pháp Tướng của Duy Thức làm căn bản. Phương pháp phán giáo của Mật Tông gồm có mười Trụ Tâm và sự quan hệ của mười Trụ Tâm ở đây không thể giải thích tường tận. Mười Trụ Tâm xin liệt kê bản đồ dưới đây để chỉ bày đại ý :

Mười Trụ Tâm của Mật Tông :

CUỘC DU HÀNH SANG LAP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: Giuseppe Tucci
Phiên dịch: H.T. Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

CHƯƠNG 7

VIẾNG THĂM ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Tiện đây tôi xin trình bày qua về sự việc sau khi một vị Đạt Lai Lạt Ma viên tịch, từ bỏ cái thân cũ, làm sao chúng ta biết ngài đã tái sinh trở lại với một xác thân mới ? Trước tiên quý vị nên nhớ rằng đức Đạt Lai Lạt Ma không chắc sẽ tái sinh liền sau khi Ngài vừa mới mất trong một thời gian ngắn, mà đôi lúc phải chờ đến nhiều năm sau. Chẳng hạn trường hợp đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 viên tịch ba năm sau, ngài mới tái sinh ứng hiện vào nơi thân đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 hiện nay. Trong thời gian chờ đợi đó, chính quyền Tây Tạng thường tổ chức cúng lễ tại các chùa khắp nơi trong nước để cầu nguyện cho sự tái sinh sớm xảy ra. Cùng lúc, giáo hội trung ương phái các vị Lạt Ma có nhiều kinh nghiệm đi tìm kiếm đứa trẻ tái sinh đó. Em bé này nơi thân mình cần có ghi dấu nhiều hảo tướng trong số 32 tướng tốt và 84 tướng phụ của đức Phật. Chẳng hạn như mắt lớn, tai dài, lông mày xoắn ra ngoài ; trên bàn tay có hiện dấu hình vỏ sò. Đặc biệt gần hai xương bả vai em bé nổi lên hai cục bướu, biểu tượng như hai cánh tay phụ của đức Quán Thế Âm là vị

Bồ Tát mà dân chúng Tây Tạng tin rằng sẽ hóa thân hiện vào đức Đạt Lai Lạt Ma. Các dấu tướng đặc biệt nói trên cần được thử nghiệm và kiểm chứng bởi các vị Lạt Ma cao cấp nhất có thẩm quyền ; thứ đến là theo lời chỉ dẫn của hai vị thầy pháp ở chùa Samye và Nechung, sau khi họ ngồi đồng xuất thần báo cho biết thời gian và gia đình nơi đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước sẽ tái sinh hiện vào.

Khi có đủ bằng chứng xác nhận đứa trẻ ấy đúng chắc chắn là vị Đạt Lai Lạt Ma kế tiếp tương lai, em bé sẽ được làm lễ đón rước tưng bừng đưa về thủ đô Lhasa, tại đây các vị Lạt Ma cao cấp sẽ tổ chức cuộc thử nghiệm sau cùng bằng cách mang ra nhiều đồ vật giống nhau của ba thứ sau đây như cuốn kinh, cái tách và một pháp khí (chuỗi tràng, cái khánh, chuông, mõ v.v...) Đứa trẻ cần phải chọn lấy đúng ba đồ vật nói trên mà vị Đạt Lai Lạt Ma đời trước đã dùng với sự chứng kiến xác nhận của các vị Lạt Ma có thẩm quyền trong Giáo Hội. Kết quả của cuộc thí nghiệm này không có gì huyền hoặc hay mê tín, mà do bởi đứa bé, được sự giúp đỡ bằng cách như thôi miên của những vị Lạt Ma tham dự cuộc thí nghiệm. Sự truyền đạt tư tưởng này là một nghệ thuật đã có lâu đời ở

Tây Tạng. Các vị Lạt Ma trưởng lão đã tu luyện nhiều năm và họ có khả năng trao truyền cho nhau sự chứng đắc đạo lý huyền bí thâm sâu của mình cho người khác qua tư tưởng chứ không cần phải viết ra giấy.

Khi cuộc thí nghiệm cuối cùng đã xong, các vị Lạt Ma bắt đầu dạy dỗ cho đứa trẻ. Tái sinh từ một vị Thần Linh và Bồ Tát, hẳn nhiên em bé có khả năng của một đấng toàn trí, nhưng khi đã mang xác thân của người phàm tục, nó cần được giáo dục mọi sự hiểu biết thế gian như bất cứ một đứa trẻ bình thường khác. Những em bé này bị tách rời khỏi gia đình và được gửi vào sống dưới sự giám sát chặt chẽ của những vị Trưởng Lão Lạt Ma, viện chủ các tu viện Phật Giáo. Hàng ngày chúng được hướng dẫn làm lễ, tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, bái sám ; học hỏi giáo lý và luyện tập làm các Phật sự quan trọng mà đức Đạt Lai Lạt Ma trước đó đã làm. Các chú tiểu bé nhỏ này cũng không được trọn hưởng mọi thú vui hồn nhiên như những trẻ thơ khác, mà chúng phải đạo mạo đóng vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo lẫn quốc gia Tây Tạng. Chúng bị hoàn toàn cắt đứt với thế giới tự do trần tục bên ngoài và những giấc mơ của tuổi trẻ cũng khó mà thực hiện.

Tôi nghĩ sự rời bỏ thế tục đi tu có phần dễ dàng đối với hạng người lớn, vì họ đã nếm đủ mùi đời nên đến tuổi già họ đam chán không còn ham thích gì nữa. Nhưng đối với lớp người trẻ còn đầy nhựa sống, sự đòi hỏi mãnh liệt về sinh lý xác thịt và đam mê các dục vọng thế gian, vấn đề đi xuất gia đối với họ thực là hết sức khó khăn. Đứa trẻ vào chùa bị

sống gò bó theo những giới luật khắt khe, hàng ngày phải tiếp xúc với các bậc thầy lớn tuổi, nghiêm nghị qua những giờ học tập giáo lý khô khan buồn chán, vượt quá mức chịu đựng của một người bình thường.

Bởi vậy tôi nghĩ rằng những đứa trẻ xuất gia đó, có lẽ chúng đã có căn tu từ tiền kiếp và đời này chúng thị hiện giáng trần với tâm nguyện Bồ Tát tu hành để cứu độ chúng sanh mà thôi.

Đôi lúc vì lý do chính trị, mà nhà cầm quyền Tây Tạng không muốn thông báo cho dân chúng biết trước việc tìm ra em bé sẽ trở thành đức Đạt Lai Lạt Ma tương lai. Chẳng hạn khi ngài Lobxang Gyatso, vị Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm viên tịch vào cuối thế kỷ 17, quan phụ trách chính quyền Tây Tạng đã giữ kín việc này trong nhiều năm và đưa tin đồn rằng chưa tìm ra đứa trẻ tái sinh hóa thân của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Lý do lúc ấy Tây Tạng đang gặp khó khăn chính trị bởi sự đe dọa xâm lăng của hai nước láng giềng Mông Cổ và Trung Hoa. Trong khi đó, với sự cố vấn giúp đỡ của các vị Lạt Ma cao cấp, chính quyền Tây Tạng đã tìm ra đứa trẻ tái sinh của đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước, và đã bí mật nuôi nấng giáo dục đứa bé, cho đến lúc gặp hoàn cảnh chính trị thuận lợi, họ mới loan báo cho quần chúng biết. Nhưng không may sao đó tình trạng đã trở nên tồi tệ hơn. Triều đình Trung Hoa khi hay được âm mưu này đã yêu cầu nhà cầm quyền Tây Tạng giải thích lý do. Triều đại vua Mông Cổ, liên kết với chính quyền Tây Tạng bấy giờ, đã bị sụp đổ trước sức tấn công của quân đội Trung Hoa, và đức Đạt Lai Lạt Ma

đời thứ sáu, Jamyang Gyatso, mặc dù tuổi còn quá nhỏ, dưới áp lực của thiên triều Trung Quốc lúc ấy, đã phải bắt đắc dĩ lên ngôi tại Lhasa để lãnh đạo đất nước Tây Tạng.

Rất tiếc đức Đạt Lai Lạt Ma nhỏ này không có một chút hiểu biết gì về chính trị hay tôn giáo cả. Cũng không tìm thấy nơi ngài đạo đức tu hành của vị Đạt Lai Lạt Ma trước đó. Ngài lại thích tiếp xúc, gặp gỡ các cô gái trẻ đẹp và say sưa nghe những bài hát yêu đương lãng mạn hơn là học hỏi nghiên cứu giáo lý hay tụng kinh, ngồi thiền v.v.. Ngài đã sáng tác các vần thơ trữ tình như sau :

“Phải chăng cô gái này đã sinh ra từ người mẹ thân yêu ?

Nàng không thích ra đời từ nơi cây đào thắm đỏ ?

Nhưng tình yêu của nàng sẽ héo tàn sớm trước khi cành đào nở hoa.

Mặc dù tôi yêu tấm thân mảnh mai kiều diễm của nàng,

Nhưng tôi không hiểu được lòng nàng”.

Một vài đức Đạt Lai Lạt Ma đã chú tâm đến đời sống tinh thần, trải qua nhiều năm chuyên tu thiền định, sáng tác, dịch thuật các kinh sách Phật Giáo, không bao giờ tham gia, nghĩ đến đời sống chính trị ; cũng có những vị Đạt Lai Lạt Ma, khi Tây Tạng bị Trung Hoa chiếm đóng cai trị, các Ngài đã trở thành công cụ, dưới sự lợi dụng, sai khiến hay đôi khi bị ám hại bí mật trong bàn tay tàn ác của nhà cầm quyền Trung Quốc.

Các nhân viên hầu hạ mang trà ra mời chúng tôi uống và biếu gạo để chúng tôi mang về nhà. Các thứ đó được xem như những thức ăn thiêng liêng, vì đức

Đạt Lai Lạt Ma bé nhỏ ngồi trước mặt ban tặng cho chúng tôi, theo đức tin của dân chúng Tây Tạng, Ngài không phải là một người phàm mà là một đấng Thần Linh hay vị Bồ Tát hóa thân. Hàng triệu người dân Tây Tạng, trải qua nhiều thế kỷ trong lịch sử Á Châu, trước đây cũng như bây giờ, đã tin tưởng một cách tuyệt đối như thế. Bao phủ xung quanh đức Đạt Lai Lạt Ma là một tấm màn huyền bí, đầy vẻ thần thánh linh thiêng, do đó mà hàng nghìn thiện nam tín nữ, từ nhiều vùng đất tận cùng nơi biên giới của Tây Tạng cũng như ở xứ Mông Cổ xa xôi, đã thành tâm đi bộ hàng trăm dặm trong nhiều tháng về thủ đô Lhasa để được diện kiến danh lễ đức Đạt Lai Lạt Ma.

Ông Namgyal Traring đứng dậy tiến đến giữa phòng quỳ xuống lấy cái bát nhỏ mà người Tây Tạng thường dùng uống trà từ nơi vạt áo rộng của ông. Một cách chậm rãi, ông mở tấm vải lụa màu bao quanh cái bát, đưa bát cho vị Lạt Ma rót trà vào đó. Kế tiếp ông đưa bát lên trán, cung kính dâng trà cho đức Đạt Lai Lạt Ma. Dùng xong, Ngài đưa trả bát cho ông Traring cất nó lại vào trong ché áo. Rồi ông cúi đầu xuống quỳ lạy trên nền đất ba lần. Các nhân viên chính quyền Tây Tạng thường thay phiên nhau nếm thức ăn trước khi mang đến cho đức Đạt Lai Lạt Ma dùng vì sợ đồ ăn có bỏ thuốc độc. Mặc dù để phòng cẩn thận như vậy, nhưng sau ngày Tây Tạng bị Trung Hoa xâm chiếm lần đầu tiên, một số các vị Đạt Lai Lạt Ma đã chết trong lúc còn trẻ một cách bí mật.

Buổi lễ yết kiến đức Đạt Lai Lạt Ma đến đây kết thúc, chúng tôi đứng dậy chuẩn bị ra ngoài chỉ còn ở lại bốn vị Lạt

Ma thân thể vạm vỡ to lớn mập mạnh có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho đức Đạt Lai Lạt Ma, đang hưởng những cặp mắt của họ chăm chú theo dõi trong khi chúng tôi lần lượt rời khỏi phòng khách.

(còn tiếp)

thơ Minh Dung

EM !

Ta còn gì, thân phận lưu vong
những màu sắc và âm thanh đọng đầy
vũ trụ

Gởi đến Em hai mươi bốn mẫu tự
và lời nguyện cầu ...

Dù ở đâu

Ta cũng vọng về quê hương yêu dấu

Đạo pháp đang đau thương
bên kia đại dương xanh thẳm

Ta còn gì hôm nay
ngoài nét râu tư và trái tim rướm máu



thơ Tâm Văn

THƯƠNG

Đời tan hoang bởi đạo giữa ngang
Mỹ cảnh kỳ quan trong ... "cổ quan"
Hố danh, bẫy lợi ... xưa vẫn đẹp
Đền tất ... Ai soi Ánh Đạo Vàng ?!!!

PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC

Tác Giả :

Bhikkhu P.a. Payutto

Người Dịch :

Thích Tâm Quang

(TIẾP THEO)

ĐẠO ĐỨC : Một Chân Lý Chờ Đợi Sự Xác Minh.

Đạo đức là một trong những điều chúng tôi gọi là "giá trị", đó là điều liên quan đến thiện và ác. Thiện và ác là các giá trị hay nguyên tắc. Đạo đức là một đề tài rộng lớn và quan trọng, một vấn đề thường được coi như thuộc tôn giáo, nhưng nơi đây, chúng tôi coi nó liên quan đến khoa học.

Một số người đi xa hơn nữa nói thiện ác hoàn toàn có tính cách tục lệ xã hội, một vấn đề tùy theo sở thích. Họ tin rằng thiện và ác có thể giải thích theo đường lối mà họ thích. Ý kiến như vậy tưởng như bao gồm một số biện pháp của sự thật, khi chúng ta phải làm thế nào khi thấy một số hành động tại một số xã hội được coi như thiện, nhưng tại một số các xã hội khác lại coi như ác.

Tuy nhiên loại nhận thức này phát xuất từ sự mơ hồ về những yếu tố gây nên. Nguyên do từ :

1. Sự thất bại không phân biệt được giữa đạo đức và tục lệ.

2. Sự thất bại thấy sự tương quan của đạo đức liên kết với sự thật.

Do vậy chúng ta thấy ba điểm để xét : Sự thật, đạo đức và tục lệ. Chúng ta

phải hiểu rằng sự khác biệt và sự tương quan giữ ba điều này. Chuỗi yếu tố gây nên liên hệ hết, từ phẩm tính của thiện và ác là những điều kiện thực của chân lý, hướng ra ngoài để trở thành hành động hay lời nói thiện hay ác, chúng là đạo đức, và do sự liên hệ ra ngoài một lần nữa trở thành luật và tục lệ xã hội, những điều ấy trở thành tục lệ.

Hệ thống của sự thật, đạo đức và luật lệ rất tương tự như hệ thống khoa học. Căn bản của khoa học, Khoa Học Thuần Túy, là sự thật. Nằm trên căn bản này, chúng ta có Khoa Học Thực Dụng và Kỹ Thuật. Nếu Khoa Học Thuần Túy lầm lỗi, Khoa Học Thực Dụng và Kỹ Thuật đau đớn. Từ Khoa Học Thực Dụng và Kỹ Thuật, chúng ta tiến đến mức độ thứ ba, đó là hình thức kỹ thuật áp dụng. Những hình thức này có rất nhiều và thay đổi. Một trong những lý do này là kỹ thuật, trong đường lối hữu hiệu nhất, tìm các làm việc với các định luật thiên nhiên. Những hình thức kỹ thuật này thay đổi cho phù hợp vì chúng ít nhiều rất thích hợp với định luật thiên nhiên. Những hình thức kỹ thuật thích hợp nhất với định luật thiên nhiên, hoạt động như các tần số cho chức năng tốt nhất của những định luật liên hệ, trở thành hiệu nghiệm nhất và ngược lại.

Chân Lý có thể so sánh với Khoa Học Thuần Túy.

Đạo Đức có thể so sánh với Khoa Học Thực Dụng và Kỹ Thuật.

Điều lệ hay tục lệ có thể so sánh với những hình thức áp dụng bởi kỹ thuật.

Các xã hội quyết định tục lệ hay điều lệ để tự điều hành. Đó là tục lệ quyết định tùy theo sở thích. Thí dụ, ở

Thái Lan theo luật lệ, xe phải được lái phía bên trái đường, trong khi ở Hoa Kỳ, xe cộ phải được lái phía bên tay mặt đường. Các quốc gia quyết định các luật lệ khác nhau. Bây giờ, luật nào tốt, luật nào xấu? Thái Lan có thể nói người Mỹ xấu vì họ lái xe bên mặt không, hay người Mỹ có thể nói ngược lại không? Lẽ dĩ nhiên là không. Những luật lệ này là những tiêu chuẩn của mỗi quốc gia, và mỗi quốc gia tự do ấn định tiêu chuẩn của mình. Việc này là tục lệ.

Tuy nhiên, tục lệ không đơn giản là một vấn đề sở thích, có những lý do đằng sau nó. Cho dù là những vấn đề rất tầm thường như quyết định phải lái xe phía bên nào đường, phải có một mục đích trong tâm. Mục đích đó là gì? Mục đích đó là tạo được trật tự, hòa hợp trên đường, và phúc lợi của người dân trong phạm vi xã hội. Đó là điều mà cả hai quốc gia mong muốn, và đó là mối quan tâm của đạo đức. Xã hội Hoa Kỳ muốn phẩm tính này, và xã hội Thái cũng vậy. Cho dù tục lệ khác biệt, phẩm tính đạo đức mong muốn của cả hai quốc gia đều giống nhau. Trong thí dụ này, chúng ta có thể nhìn thấy sự khác biệt trong việc làm luật lệ, nhưng cốt tủy, trong ý nghĩa đạo đức, có sự kiên định trước sau như một.

Bây giờ vấn đề nêu lên, luật lệ nào đem kết quả tốt hơn? Đó là điểm chủ yếu. Ta có thể hỏi luật lệ nào đem trật tự và hòa hợp hơn giữa việc lái xe bên phải của Mỹ và lái xe bên trái của Thái Lan. Có một số ý kiến khác biệt chính trong các luật lệ này, nhưng không có nghĩa là xã hội quyết định các luật lệ do sở thích.

Đó là sự tương quan giữa đạo đức và tục lệ hay luật lệ. Luật lệ tạo ra để mang

kết quả cho đạo đức. Trong ngôn ngữ nhà tu hành Phật Giáo, các thầy tu đơn giản nói “Luật là để phát triển giới hạnh” ... Luật bao hàm ý nghĩa về quy luật và các điều lệ của xã hội, nhưng mục đích của những luật lệ ấy là giới hạnh, đạo đức.

Có một ngoại lệ trong những trường hợp luật lệ đương nhiên được làm ra để đem lợi ích cho một thành phần nào đó hay cho một thiểu số được chọn lựa. Thí dụ, có nhiều lúc chúng ta nghi ngờ một số luật được tạo ra để bảo vệ quyền lợi của một nhóm được chọn lựa. Trong trường hợp này chúng ta nói có sự thổi nạt trong phạm vi ban hành luật lệ, hậu quả làm suy đồi đạo đức. Khi gốc rễ của cấu trúc luật lệ bị mục nát, rõ ràng không thể có được kết quả tốt. Dù vậy, nhiều xã hội quyết định nhiều quy luật và điều lệ với hậu ý trong sạch là tạo kết quả đạo đức.

Vì có mục tiêu chung này là đạo đức, nhưng hình thức của các điều lệ đưa đến kết quả khác biệt, chúng ta phải biết làm sao phân biệt rõ ràng giữa đạo đức và tục lệ. Chúng ta có thể nhìn thấy một số nhiều các dị biệt trong tục lệ, tập quán và truyền thống ở những xã hội khác nhau - thí dụ như tập quán gia đình. Trong xã hội này, một người đàn bà được phép có nhiều chồng, người đàn ông được phép có nhiều vợ, trong khi ở những xã hội khác, tập quán lại khác hẳn. Tuy nhiên, trên hết, mục đích ở đây là gì? Mục đích là trật tự và hòa hợp trong phạm vi gia đình. Đó là mục đích của họ, và đó là đạo đức.

Tuy nhiên trong việc quyết định luật lệ cho xã hội, người dân thay đổi mức độ thông minh và trí tuệ, có nhiều ý định,

đôi khi thành thực, đôi khi không thành thực. Xã hội có nhiều môi trường khác nhau, lịch sử khác nhau. Với quá nhiều những yếu tố thay đổi, kết quả phạm vi đạo đức cũng khác biệt, tùy theo trường hợp nhiều hay ít hữu hiệu. Thỉnh thoảng, những điều lệ này cần phải xét lại giá trị của nó. Tục lệ gắn chặt với hoàn cảnh đặc biệt, việc xét lại phải tùy theo thời gian và địa điểm. Thời gian và địa điểm là mối quan tâm của tục lệ, nhưng mục đích đạo đức vẫn chung cho tất cả.

Cho nên nhìn vào tình hình bằng một phương cách đứng đắn, vẫn thấy có những sai biệt trong những điều lệ áp dụng, chúng ta có thể nhìn thấy kết quả những nỗ lực của nhân loại để tạo dựng một xã hội hòa hợp. Đó là, tục lệ không phải là kết quả cuối cùng, nhưng chỉ là phương tiện áp dụng bởi con người để đạt mức độ đạo đức phổ thông, ít nhiều hữu hiệu, tùy vào trí thức và sự thành thật của người quyết định tục lệ ấy.

Mang trong tâm sự hiểu biết trên đây, chúng ta có thể tránh được niềm tin sai lầm là thiện ác chỉ là tục lệ xã hội, hay được ban hành do sở thích. Chúng ta phải nhìn vào các điều lệ mà nhân loại cố gắng tìm đạo đức, để đạt được lòng tốt chân thật. Dù sao, những điều lệ có thể hữu dụng hay vô hiệu quả, mục đích của chúng ta vẫn là một đạo đức.

Sự thành công của điều lệ liên hệ chặt chẽ đến tiêu chuẩn đạo đức hiện đại trong phạm vi những người quyết định điều lệ ấy, dù những người ấy đã có các quyết định một cách thông thái hay không.

Bây giờ vấn đề phải hay không phải đạo đức là một điều kiện thực sự, chúng

tôi nhắc đến nguyên tắc của đạo đức căn cứ trên sự thật hay chân lý. Đó là, đạo đức phải phù hợp với tiến trình nhân quả, hay nguyên nhân và điều kiện. Trong lãnh vực tục lệ, bất cứ lúc nào điều lệ được tạo ra mang kết quả đạo đức tốt, chúng ta nói điều lệ ấy hữu ích. Thí dụ, nếu chúng ta điều hành xe phải chạy bên phía trái hay phía bên mặt đường, và điều lệ này mang lại trật tự và hòa hợp, chúng ta nói điều lệ này đạt được mục đích.

Sự thật, đạo đức và tục lệ là những phẩm tính trừu tượng. Vì đạo đức liên hệ chặt chẽ với sự thật, đạo đức tiếp theo là một yếu tố trong cả dòng suối nguyên nhân và điều kiện. Nguyên nhân và điều kiện liên quan đến cách cư xử của con người rất phức tạp, khó mà có thể tiên đoán được như tiên đoán thời tiết !

Nếu chúng ta không hiểu và nhìn thấy sự tương quan và liên hệ giữa sự thật, đạo đức và tục lệ, chúng ta không thể xét được những giá trị, tài sản tinh thần, và thấy vị trí đúng của chúng trong phạm vi định luật thiên nhiên, hoạt động theo nguyên nhân và điều kiện.

'CÁI GÌ CHỐNG LẠI',

'CÁI GÌ PHẢI RA SAO'

Bây giờ xin để chúng tôi so sánh một lần nữa giữa khoa học và Phật Giáo. Như chúng tôi đã nói trước đây, khoa học không bao gồm hoàn cảnh của con người trong việc nghiên cứu, vì khoa học đối hướng nhằm vào vật chất.

Phật Giáo tìm hiểu các định luật thiên nhiên, và đem áp dụng chúng cho một viễn cảnh đạo đức. Khi người ta thực hành đúng theo đạo đức, họ sẽ nhận được kết quả phù hợp với định luật thiên

nhiên nhân quả, đạt được một đời sống tốt đẹp, mục đích của họ. Điều này cho chúng ta một chu kỳ với ba giai đoạn :

1- Biết hay nhận thức được chân lý

2- Thực hành theo đường lối đạo đức

3- Đạt được đời sống tốt đẹp.

Khoa học biết những sự thật của thiên nhiên, nhưng chỉ về mặt vật chất, và đem kiến thức này cho kỹ thuật, đạt một đời sống dư dật theo mục đích.

Con đường dẫn đến một đời sống lành mạnh, con đường kia dẫn đến một đời sống dư dật ; một phương thức giải quyết với bản chất của con người, phương thức kia giải quyết với bản chất của vật chất. Khoa học không liên hệ đến chân lý của đạo đức, nhưng vì giải quyết với thế giới vật chất nên chỉ liên hệ đến kỹ thuật.

Thông thường khoa học chính nó chỉ quan tâm đến câu hỏi "cái gì" và coi thường với câu "Ra sao", mối quan tâm của giá trị hay đạo đức nằm vượt qua phạm vi của nó. Khoa học không nhìn thấy đạo đức căn cứ vào sự thật vì khoa học không nhìn thấy sự liên hệ giữa "Cái Gì" và "Ra Sao". Trên bình diện vật chất, khoa học có câu hỏi "Ra Sao" dù không biết, nhưng câu hỏi chỉ để dành cho kỹ thuật.

Thí dụ, Khoa Học Thuần Túy nói với chúng ta nước sẽ đông lại khi độ nhiệt xuống không độ Celsius. Nguyên tắc và phương cách phải phù hợp như vậy. Cho nên chúng tôi nói Khoa Học Thuần Túy tìm kiếm chân lý của thiên nhiên, trong khi Khoa Học Thực Dụng mang kiến thức đó thành hiệu quả.

Khoa Học tự nó áp dụng những vấn đề trên bình diện vật chất, nhưng về

những câu hỏi đạo đức, khoa học im lặng. Chẳng hạn chúng ta nhìn thấy một hố sâu lớn đầy lửa, với nhiệt độ lên tới cả ngàn độ. Chúng ta nói với một người nào đó : “Cơ thể của con người chỉ có thể chịu đựng được đến một nhiệt độ nào đó thôi. Nếu cơ thể vào trong lửa ấy ắt phải cháy thành than”. Đó là sự thật. Bây giờ thí dụ chúng ta nói : “Nếu bạn không muốn cháy thành than, bạn không nên vào hố lửa ấy”. Trong trường hợp này, trình độ khoa học nói cho chúng ta biết hố ấy nhiệt độ là bao nhiêu, và cơ thể con người không thể chịu nổi nhiệt độ như thế. Đạo đức là quy luật thực hành nói : “Nếu bạn không muốn bị cháy thành than, đừng vào lửa đó”.

Cũng giống như vậy, kỹ thuật phải căn cứ trên những sự thật của Khoa Học Thuần Túy, đạo đức phải căn cứ trên sự thật. Giống như bất cứ kỹ thuật nào mà không xây dựng trên sự thật của khoa học thì không thể thực hiện được, cũng vậy, bất cứ đạo đức nào không xây dựng trên chân lý thiên nhiên thì đạo đức ấy sai. Vấn đề đạo đức gồm cả “Ra Sao” và “Cái Gì”, trong đó nói đến sự thật của bản tính con người, khía cạnh của sự thật thiên nhiên mà khoa học không chú ý tới. Vì lý do đó, sự hiểu biết đúng sự thật, gồm sự hiểu biết về bản tính con người, thì không thể có được nếu không có sự hiểu biết rõ ràng đạo đức xác thật. Câu hỏi là, loại sự thật nào, và bao nhiêu sự thật, và mức độ nào, có đủ để mang lại một sự hiểu biết của đạo đức thuần khiết ?

(còn tiếp)

thơ Lý Vạn Thắng

Sáng Mọt

Niềm Tin

...Từ ngày chinh chiến rợp quê hương
Tang tóc đau thương ngập phố phường
Trải mấy thu đông rồi đấy nhỉ !!!!
Đến nay khói lửa vẫn còn vương ???

Muôn dân quần quai vòng nô lệ
Kiếp sống đong đầy những máu xương
Thù hận ngày càng thêm chất ngất
Nỗi buồn thiên cổ ... nghĩ mà thương !

Vận nước giữa nghiêng ... ai chống đỡ
Người người ngơ ngác đời chờ trông
Trên đường Cửu Khổ ta dong ruổi
Sông núi còn kia, giống Lạc Hồng

Nòi giống ta, nòi giống Việt Hùng
Đã từng đánh Tống dẹp Nguyên Mông
Dựng nền Tự Chủ cho dân tộc
Đức hoa danh truyền cõi Á Đông

Và ... nối tiếp đời đời bất khuất
Ta noi theo nghiệp lớn cha ông
Nêu cao Chính Nghiệp, trừ cường bạo
Lập lại cương thường hạnh phúc chung

Hẹn với non sông ngày vạn thắng
Quyết đem dân chúng tới thành công
Tình Thương thể hiện, oan thù sạch
Sáng rọi Niềm Tin triệu tâm lòng.

Hiểu Về Sự Chết

Sri Swami Rama
L.T. Ly dịch

Cái chết cũng tự nhiên như sự Sống, cũng đầy màu nhiệm và huyền diệu như sự Sống.

Chúng ta cần hiểu về cái chết để biết Sống, ngược lại ta phải thông suốt về sự sống, để hiểu về cái Chết. Chết không phải là sự cáo chung của cuộc đời, nó là sự gián đoạn của một dòng chảy. Cái Chết giống như là một bến đò, một trạm dừng, một nơi chúng ta xuống tàu để chuẩn bị cho một chuyến đi khác.

Nói thế không phải để làm giảm ý nghĩa của vấn đề Sinh Tử. Chúng ta đã sống như thế nào, nói cách khác đi là sự chọn lựa chuyến tàu để chúng ta bước chân lên, sẽ quyết định tâm trạng của chúng ta khi tới bến, sẽ sửa soạn cho chuyến đi sắp tới của chúng ta. Chúng ta có thể đã chọn một con tàu rụt rè, như nhuốc, hay một con tàu bóng loáng. Có thể chúng ta đã chọn một chuyến tàu đầy thú vui, cảm dỗ, với các cô gái nháy, các trò chơi, với bao mời mọc của tiền tài và danh vọng. Chúng ta sẽ đau khổ biết bao khi phải rời chuyến tàu đó nếu như chúng ta đã bị dính mắc vào các thú vui hưởng thụ xác thịt. Mặt khác có thể chúng ta đã chọn một chuyến tàu chờ ta qua bao nhiêu cảnh thiên nhiên đẹp đẽ bên đường, một chuyến tàu mà khi đỗ bến, chúng ta khoan khoái đứng dậy từ giã nó không quyến luyến.

Đừng Dính Mắc :

Chỉ có thân xác chúng ta bị hủy

hoại, cái áo che cho Tâm thức chúng ta khi sống ở đời. Tâm thức ta không hề bị hủy hoại. Làm sao không buồn khi ta phải mất đi những gì chúng ta yêu thích ở cõi đời. Khi người thân ta mất, hãy thương xót, nhưng đừng để sự khổ đau về mất mát kéo dài đến phủ lấy cuộc đời ta. Quá đau khổ là u mê. Vì sự mất mát, cái chết là điều không thể tránh khỏi. Vì thế, ở nhiều tôn giáo, nhiều tập quán văn hóa đã đề ra thời gian dành cho tang chế. Thí dụ, người Do Thái tỏ lòng thương tiếc người chết bằng cách ở trong nhà suốt 7 ngày, họ không ra đường trừ khi khẩn cấp. Họ không cạo râu, không cắt tóc hay mặc đồ mới. Họ còn không được ngồi trên ghế hay mang giày. Trong 7 ngày này, họ chiêm nghiệm về nỗi đau khổ của mình.

Chúng ta đau khổ vì sự ra đi của người thân và sợ cho chính cái chết của mình. Kiếp con người là một vòng tròn của đến và đi, của Sinh và Tử. Sự mất mát thân xác không phải là tất cả. Tâm vẫn tồn tại, vì thế đau khổ kéo dài quá hạn định là u mê.

Nếu con người quá coi trọng những mất mát, thì cái Chết là một nỗi ám ảnh lớn lao, khủng khiếp của họ. Với họ, cái Chết là sự tận cùng của tất cả. Là nỗi khổ đau khôn tả. Nhưng nếu chúng ta biết buông bỏ những gì đã qua, đã mất đầu đó là của cái vật chất, hay thân bằng, quyến thuộc, và chỉ chú trọng vào

sự trường tồn của Tâm thức thì cái Chết không còn đáng sợ nữa. Đó chỉ là một ngã rẽ, một sự thay áo. Hãy thương xót, nhưng chớ kéo dài quá lâu nỗi đau khổ. Lời khuyên này có thể áp dụng cho tất cả mọi thứ mất mát khác : Tình yêu, hạnh phúc gia đình, công việc làm, bạn bè, nhà cửa ... Hãy đau khổ, nhưng rồi bước tới.

Sợ chết, nỗi đau khổ vì chết chóc gây ra do ta bám víu vào những thứ bên ngoài chúng ta như thân xác, danh vọng. Ta luôn tìm cách chiếm đoạt của cải, tình cảm ... trong đời như một cách để phủ nhận cái chết, để trốn tránh phải đối mặt với thực tại là cuộc đời này chỉ tạm bợ. Sự dính mắc, cái ý nghĩ là chúng ta không thể sống thiếu những thứ đó càng làm cho cái Chết trở nên thêm khủng khiếp. Trong khi tính cách vô thường sẵn có trong mọi vật, trong mọi tương quan tình cảm càng làm cho sự thay đổi, mất mát là điều không thể tránh khỏi. Sự thay đổi, sự hủy hoại, mất mát ... không làm con người thức tỉnh, trái lại còn làm họ thêm sợ. Họ sợ sự mất mát của thân xác, tư tưởng, của cải, tương quan tình cảm. Chìa khóa để giải thoát khỏi những khổ đau này là buông bỏ mọi dính mắc.

Tứ Đế của đức Phật đã dạy chúng ta cuộc đời là đau khổ, sự đau khổ của chúng ta là có nguyên nhân, chúng ta có thể chấm dứt những khổ đau, và có những phương cách để chấm dứt chúng. Giải thoát trong Phật giáo là sống đúng, để đi qua cuộc đời một cách vui vẻ, hữu ích. Con đường giải thoát đời đời chúng ta phải đối mặt với lòng ham muốn, và dính mắc, là nguyên nhân đưa đến khổ

đau. “Ai là người không dính mắc, sẽ không có đau khổ, sợ hãi. Lòng ham muốn khiến chúng ta đau khổ, lòng ham muốn khiến chúng ta sợ hãi, người không ham muốn sẽ không đau khổ, bớt sợ hãi”, Phật dạy.

Bám Víu Vào Ngoại Cảnh.

Từ khi còn nhỏ, chúng ta đã được huấn tập là hạnh phúc được đo lường bằng những của cải, tương quan tình cảm ta có thể chiếm hữu được. Nên khi vật chất bị đánh mất, liên hệ tình cảm thay đổi, con người trở nên khổ đau. Chúng ta đã gắn chặt mình với những hình ảnh, tình cảm nào đó, nên chúng ta đau khổ khi mất chúng. Chúng ta nghĩ thân xác này là chính chúng ta nên ta đau đớn khi nó bệnh hoạn, già nua hoặc khi nhìn người khác bệnh hoạn, già nua chúng ta cũng thấy đau khổ.

Sự đau khổ là dấu hiệu của sự mất thăng bằng trong đời sống. Sự đau khổ khi mất mát của cải vật chất, thay đổi tình cảm, hư hoại cơ thể, nói với ta điều gì ? Có thể đơn giản là bản chất cuộc đời là như thế. Chúng ta có mặt ở cõi đời, đấu tranh, giành giật để đạt được những gì ta nghĩ là ta cần có, và đau khổ trên con đường tìm kiếm chúng. Hết chuyện. Nhưng thật vô nghĩa nếu cuộc đời chỉ có thế. Nếu bạn cảm thấy đau ở chân, cái đau báo cho bạn biết chân bạn bị nhiễm trùng, bạn có khi rùng vai nói : “Ở đời là vậy mà, có chân thì phải đau”. Nếu thế, sự nhiễm trùng sẽ lan tràn cơ thể, làm chúng ta mất mạng sống. Như thế thật vô lý. Con người sẽ biết cái đau đã báo hiệu một bộ phận nào đó bị thương tổn, cần được chữa trị. Con người sẽ biết cái đau là một vấn đề cần được giải quyết. Cũng

thế, nhưng đau khổ trong cuộc đời có lẽ là dấu hiệu cảnh cáo với chúng ta rằng cách chúng ta cảm nhận về của cải vật chất, liên hệ tình cảm, tư duy, cơ thể ... không đúng.

Chúng ta lệ thuộc vào của cải vật chất, con người, tình cảm, thân thể chúng ta. Chúng ta tưởng chúng chính là chúng ta, và bám víu vào chúng. Khi chúng bị hư hoại, hay mất mát, chúng ta cảm thấy đau khổ. Chính sự bám víu này, cùng với u mê, là nguyên do đưa đến sự sợ chết. Càng bám víu, ta càng sợ chết. Ai biết buông thả, biết rằng không có gì thuộc về mình, biết rằng thân chúng ta chỉ là một phương tiện, người ấy được giải thoát khỏi sự sợ hãi.

Thế nào là bám víu hay đồng hóa ta với điều gì đó ? Bám víu có nghĩa là chúng ta nghĩ rằng chúng ta cần có điều gì đó để hiện hữu. Đó là sự chấp Ngã. Nói cách khác là “Tôi là người quan trọng, nên tôi cần có chiếc xe này. Chiếc xe này là của tôi, làm chủ chiếc xe này chúng tôi là tôi giàu có, thành công ở đời, chiếc xe này giúp tôi xác định chính tôi”. Hay “Tôi cần gắn bó với người phụ nữ này. Không có cô ta, tôi sẽ không có hạnh phúc. Nếu cô ta bỏ tôi, tôi sẽ ngã gục, cuộc đời tôi sẽ mất hết ý nghĩa”. Người ta còn bám víu vào cả một tư duy nào đó. Thí dụ, trong văn hóa Mỹ, từ nhỏ người ta đã giáo dục con cái là phải có thứ này, thứ kia mới là có một cuộc sống xứng đáng. Mẫu cuộc đời đó là sinh ra, lớn lên có một gia đình hạnh phúc, sống trong những ngôi nhà gạch trắng, bao bọc bởi những vòng rào bằng hoa, có những đứa con hiếu thảo. Ước vọng của mọi người là làm sao để tậu được những căn

nhà rộng lớn, có được hai chiếc xe, có được căn nhà thứ hai ở những nơi nghỉ mát, và được hưu trí sớm. Những ước vọng này đã được xã hội mớm cho họ, gây mê trong họ, và khi họ không đạt được những điều này, họ trở nên khốn khổ. Họ nghĩ là cuộc đời đã bạc đãi họ.

Đó là bạn đã đồng hóa mình với ngoại vật. Bạn đã tự vẽ ra mình, tự đồng hóa mình với những mẫu người sống trong các ngôi nhà sạch sẽ, sang trọng và có một cuộc đời hoàn hảo. Bạn nghĩ đó mới chính là bạn. Nhưng sự thật không phải thế. Đừng bám víu vào các hình ảnh này. Hãy sống như cuộc đời dẫn dắt chúng ta với những thăng trầm của nó.

Cũng thế, khi chúng ta sân si, chúng ta nghĩ “tôi giận” nói rằng “tôi giận” là tự đồng hóa mình với tình cảm giận, là nghĩ rằng tình cảm đó là chúng ta. Tình cảm không phải là chúng ta. Là con người, chúng ta có khả năng giận dữ, có cảm thọ giận nhưng tất cả các cảm thọ đó không phải là chúng ta.

Cũng thế, thân chúng ta không phải là chúng ta. Chúng ta có thân, chúng chỉ là phương tiện. Ta nói : Tôi cao thước sáu. Tóc đen. Da trắng. Nhưng đó không phải là chúng ta. Vậy mà có ai chê gì về dáng vẻ bề ngoài của ta, thì ta thấy đau khổ. chúng ta hoảng sợ khi nhận ra cơ thể của chúng ta trở nên già nua, chậm chạp.

Hầu hết chúng ta đều bám víu vào thân, đồng hóa thân và chúng ta. Do đó chúng ta trở nên sợ hãi khi nghĩ đến mất thân, tức là mất đi cá thể và sự hiện hữu của mình. Bao giờ chúng ta còn chưa thức tỉnh, chúng ta còn sợ hãi cái chết. Chúng ta còn là nô lệ của sự sợ hãi.

Cũng thế, ai bám víu vào cửa của cái vật chất, nhà cửa, quần áo, nữ trang, tiền bạc. Người đó càng sợ mất chúng. Vì chúng đồng hóa với họ, mang đến cho sự hãnh diện, ý nghĩa trong cuộc sống. Lại có người bám víu vào người khác. Họ đồng hóa tình cảm gắn bó là họ. Họ sợ cái Chết của mình sẽ cướp mất đi tình cảm đó. Họ sợ cái chết của người họ thương cũng vì cùng một lý do.

Để giải thoát khỏi những khổ đau, ta đừng bám víu vào thân, của cải vật chất hay người khác. Ta cần phải nhớ rõ điều này. Việc giảm bớt dần, rồi đi đến chỗ dứt bỏ hẳn những bám víu đó, không có nghĩa là chúng ta phải quay lưng lại với cuộc đời, từ bỏ hết những niềm vui trong cuộc sống, làm cho cuộc đời chúng ta nghèo nàn, mất ý nghĩa sống. Trái lại là khác. Khi không vướng mắc, bám víu vào thứ gì, cuộc đời ta sẽ thêm ý nghĩa, hạnh phúc hơn. Ta sẽ biết cho, biết nhận và cởi mở hơn tất cả. Bám víu có nghĩa là nắm chặt, giữ lấy, không buông thả. Nên khi cái Chết đến, tất cả những nắm giữ sẽ bị giăng ra khỏi tầm tay chúng ta. Càng nắm chặt, sự giăng co, xé rời càng dữ dội. Nỗi đau càng bội phần. Nếu chúng ta đi qua cuộc đời với hai bàn tay mở rộng, không nắm giữ, thì dầu cái Chết có đến, chúng ta cũng sẽ ung dung tự tại, không luyến tiếc, níu kéo gì.

Tuy nhiên, không phải tự dưng một buổi sáng thức giấc là chúng ta có thể buông thả hết mọi vướng mắc. Cần phải tu tập cả đời. Cần phải thức tỉnh từng giây phút mới làm được việc đó vì có biết bao quyến rũ, cám dỗ trong cuộc đời để chúng ta lại rơi vào sự dính mắc.

Ngã Vào Đời.

Cái Chết có phải là sự tận cùng của cuộc đời ? Có phải tử thần là ma quỷ trong bóng tối, rình mò để bắt chợt phủ lấy chúng ta không báo trước ?

Theo triết lý Đông phương, Chết không phải là sự tận cùng của đời sống. Cơ thể ta ngưng hoạt động, các duyên hợp (trong không gian và thời gian) tan rã. Nhưng tâm thức không mất. Hiểu như thế thì cái Chết không quá đen tối, khủng khiếp. Cái Chết cũng tự nhiên như sự Sống, cũng diệu kỳ và tốt đẹp như nhau. Tử cũng như Sinh đều dẫn đến sự sống, sự phát triển.

Nhìn dưới khía cạnh đó, con người do duyên hợp (trong không gian và thời gian) vì một nhân duyên nào đó. Giống như trồng trọt ngoài đồng. Phải đợi đúng lúc, đúng lúc để gieo mầm. Nhưng khi xong việc rồi, không có lý do gì để nấn ná ngoài ruộng. Rồi đến giai đoạn chờ đợi cho hạt nảy mầm, lớn lên. Lúc lúa đã chín, cây đã cao, ta lại ra đồng vì một mục đích khác, ở một thời điểm khác. Cuộc đời con người cũng thế. Chúng ta sinh ra để sửa soạn, phân bón cho một mảnh đất vào một thời điểm nào đó, rồi lại ra đi, chờ khi đến mùa gặt hái lại trở về.

Người ta có thể nói về cuộc đời con người như một căn duyên, một năng lực, một kết hợp của không gian, thời gian. Nguồn năng lực đó không thể bị hủy diệt, nó chỉ có thể được luân chuyển. Con người đến ở một khoảng thời gian, không gian nào đó, rồi lại ra đi, đến một nơi khác. Triết lý phương Đông cho rằng nghiệp lực của con người dẫn dắt con người từ nơi này đến nơi khác, vì mục đích này hay mục đích khác, trong

khoảng thời gian này hay khoảng thời gian khác.

Dù ít, dù nhiều, chết vẫn là mối đe dọa của chúng ta.

Giây phút từ già cuộc đời là giây phút trọng đại khi con người chiếu rọi lại tất cả những gì đã xảy ra trong cuộc đời mình trong giây phút cuối : Tất cả tình cảm, kỷ niệm, việc làm của cả một đời người được cô đọng lại, tạo thành một lực dẫn dắt ta đi. Năng lực đó mạnh mẽ đến nỗi nó có thể tạo hình cho cuộc đời mới của ta. Chúng ta đã sống như thế nào cho tới giờ trước khi ra đi rất quan trọng.

Thử so sánh cái Chết và giấc ngủ. Suốt ngày ta làm gì sẽ tác động đến giấc ngủ của ta. Nếu ta lên giường ngủ với bao hối tiếc, sợ hãi, bất mãn ... thì giấc ngủ của ta sẽ bất ổn, và chắc chắn chúng sẽ ảnh hưởng đến cả ngày hôm sau của chúng ta. Những ước vọng chưa được thỏa mãn của ngày hôm trước sẽ ám ảnh ngày kế tiếp. Hay đúng hơn một ngày mới đã bị đánh mất vì những hồi tưởng của ngày vừa qua.

Trái lại nếu ta đi vào giấc ngủ với một tấm lòng thoải mái, bằng lòng, thì ngày hôm sau sẽ là một ngày mới mẻ đón chờ chúng ta. Hãy sống trọn vẹn cho ngày hôm nay và đừng vướng mắc. Ngày mai là chuyện của ngày mai. Mỗi ngày có nhiệm vụ và mục đích riêng của nó.

Cũng vậy, con người đã sống một cuộc đời như thế nào thì sẽ ảnh hưởng đến giây phút lâm chung của họ thế ấy. Nếu cuộc đời một người chỉ toàn sống bằng sợ hãi, ám ảnh thì giây phút lâm chung sự sợ hãi còn tăng gấp vạn lần. Một người đã sống cuộc sống vô lễ lối, thì cái chết cũng đến một cách vô lễ lối.

Một người không làm chủ đời mình, sống không có mục đích thì cái chết không thể lường trước được.

Trái lại, một người đã sống cuộc đời nề nếp, kỷ luật, không bám víu vào gì, sẽ ra đi một cách thong thả. Như một người khách biết đã đến lúc phải chia tay. Mục đích của cuộc đời họ đã đạt. Họ thản nhiên ra đi, biết rằng thực tại ở bên trong họ vĩnh hằng, không hề bị ảnh hưởng hay xao xuyến bởi người khác, bởi vật chất của cuộc đời mà họ sắp già từ.

Sống hay Chết cũng nằm trên vòng chuyển xoay của bánh xe luân hồi. Hết vòng này lại đến vòng kia, nối tiếp nhau, không ngừng ...



thơ Diệu Nhứt

Nhớ Mẹ

*Đêm khuya nhớ mẹ lòng thao thức
Đôi mắt tuông trào lệ chẳng ngưng
Mẹ còn đâu nữa con mừng mẹ
Mỗi độ thu về dạ băng khuâng
Trọn tấm lòng thành thương nhớ mẹ
Dâng nén hương lòng mẹ chứng minh
Phật động lòng thương con mất mẹ
Mẹ thương con xin mẹ hiển linh
Mẹ ơi ! Chưa một lần thấy mặt
Tiếng khóc từ tim bật không lời
Thương nhớ mẹ hiển tim nứt vỡ
Nay bạc đầu mà ngỡ còn thơ
Kính nguyện mẹ hiển mau siêu thoát
Cực Lạc Tây Phương Phật đang chờ
Gia hộ cho con bình an mãi
Truân chuyên trần thế con bơ vơ.*

Công Đức và Phước Đức

Cư sĩ Chính Trực

(Toronto)

Mùa Vu Lan hằng năm đến với chúng ta vào dịp lễ trung thu, tức rằm tháng bảy, qua các Phật sự như bố thí, cúng dường trai tăng nhân dịp chư Tăng mãn hạ Tự tứ sau ba tháng an cư kiết hạ tu học, in kinh ấn tống, đúc chuông, tạo tượng, hồi hướng cho tổ tiên phụ mẫu quá vãng được siêu sanh Tịnh độ, cầu cho cha mẹ hiện tiền được tăng long phước thọ với niềm báo đáp trọng ân dưỡng dục của các bậc sanh thành, noi gương tôn giá đại hiếu Mục Kiền Liên Khi làm các Phật sự trên, chúng ta thường nghĩ là được nhiều công đức và thường được tán dương như vậy, cho nên cứ tiếp tục làm hằng năm. Nhân mùa Vu Lan năm nay, chúng ta hãy dành thời gian để tìm hiểu vấn đề khá quan trọng, đó là : Phước đức và công đức khác nhau thế nào?

Ngày xưa, khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa hoằng pháp, ngài đến gặp Vua Lương Võ Đế. Trong lúc luận bàn đạo lý, nhà vua hỏi : “Trẫm một đời cất chùa, độ tăng, bố thí, cúng dường, đúc chuông, tạo tượng, ấn tống kinh sách, như vậy có được công đức gì chăng?”

Tổ Bồ Đề Đạt Ma trả lời một cách rõ ràng rằng : “Những việc làm ấy thực không có công đức gì cả !”

Vấn đề này làm cho nhiều người

thắc mắc, không biết tại sao làm như vậy mà lại không có công đức ? Bởi vì, theo lịch sử ghi chép lại thì Vua Lương Võ Đế xây cất hàng trăm ngôi chùa, độ tăng chúng tu hành rất đông, thiết trai bố thí, cúng dường, đúc chuông, tạo tượng, ấn tống kinh sách nhiều vô số kể. Nhà vua suy nghĩ làm như vậy tất nhiên được rất nhiều công đức, nhưng không ngờ khi đem vấn đề này ra hỏi, tổ Bồ Đề Đạt Ma trả lời : Không ! Tại sao vậy ? Có người không hiểu giáo lý nên giải thích là : Vua Lương Võ Đế không đích thân ra “công” thực hiện những việc làm đó, chỉ sai người khác làm, nên không có “công đức” gì cả !

Thời gian sau, có người đem việc này thưa hỏi Lục Tổ Huệ Năng và được Lục Tổ dạy như sau : “Quả thực là không có công đức gì cả. vua Lương Võ Đế vì không biết Chánh pháp, nên lầm lẫn hai chữ CÔNG ĐỨC và PHƯỚC ĐỨC”.

Nghĩa là : Cất hàng trăm ngôi chùa, độ tăng chúng tu hành rất đông, thiết trai bố thí, cúng dường, đúc chuông, tạo tượng, ấn tống kinh sách, chỉ là những việc làm “bên ngoài”, những việc làm “cầu phước”, nên gọi là “phước đức”.

Phước đức có công năng giúp chúng ta giảm thiểu nghiệp chướng, tiêu trừ quả báo, để được tai qua nạn khỏi, để được

may mắn trên đường đời, để bớt chướng ngại trên đường đạo, chứ không giúp chúng ta thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Còn công đức là do công phu tu tập “bên trong”, hành trì theo lời Phật dạy trong các kinh điển, giữ gìn giới luật, tu tập thiền định, phát huy trí huệ Bát nhã, nghĩa là tu tập giới định huệ, với mục đích cứu cánh là : “Giác ngộ và giải thoát”.

Chúng ta làm những việc như lập chùa hay góp phần xây cất chùa ,tham gia phát triển chùa, phát huy các sinh hoạt, các hoạt động của chùa, giúp cho mọi người khác có được cơ sở để tu học, để hành đạo, giúp cho Phật giáo có cơ hội phát triển mạnh mẽ hơn, rộng rãi hơn, vững chắc hơn. Những việc làm này đem lại lợi ích cho nhiều người như vậy, tất nhiên sẽ đem lại cho chúng ta thực nhiều phước đức.

Còn riêng bản thân mình thì không biết tu tâm dưỡng tánh, không học kinh điển, không biết trì giới, không tu tập thiền định, không phát huy trí huệ Bát nhã, cho nên tất cả đó chỉ là những việc làm “bên ngoài”, có ích lợi cho nhiều người, nhưng không ích lợi nhiều cho bản thân mình về phương diện “giác ngộ và giải thoát”. Tại sao vậy ? Bởi vì, “bên trong”, tâm tham lam, sân hận, si mê chẳng những không giảm bớt mà lại có chiều hướng tăng thêm, vô minh phiền não không tan biến chút nào mà lại có phần dầy đặc hơn. Vì chấp chặt mình đã làm được bao nhiêu việc ích lợi như vậy, để có mấy ai làm được như mình, nên tâm cống cao ngã mạn, phách lối ngày một tăng thêm, mục hạ vô nhân, khen mình khinh người.

Bản ngã đáng lẽ ngày một tiêu mòn tới chỗ “vô ngã” mới hy vọng đạt được đạo cả; trái lại, bản ngã ngày một tăng lớn thêm, không thích nghe lời khuyên bảo của bất cứ ai, cứ chấp chặt định kiến mà đi tới.

Thậm chí có người chấp chặt pháp tu của mình, không muốn thay đổi, không muốn nghe lời chỉ dẫn của bất cứ ai, còn dám tuyên bố : Cho dù Đức Phật Thích Ca thị hiện báo họ đổi pháp tu đang thực hành, họ cũng không nghe ! Thậm nguy ! Thậm nguy ! Bởi vậy, cho nên chư Phật Tổ dạy rằng : Những việc làm như vậy quả thực là không có “công đức” nào cả !

Những việc làm khác như : Góp phần ấn tống kinh sách cho người khác đọc, mình thì không đọc, góp phần bố thí cúng dường, giúp đỡ người hoạn nạn, nghèo khó, nhưng không hiểu ý nghĩa cao cả của những việc làm đó ; lại sanh tâm cầu mong được “trả công bội hậu” ở cõi thiên đàng sau này, thì tất cả những việc làm đó chỉ tạo “phước đức” mà thôi.

Thí dụ có người bố thí, cúng chùa một số tiền nào đó với tâm mong cầu được trúng số độc đắc, được buôn may bán đắt, được nhất bốn vạn lợi, được thi đậu đậu đó, được gia đạo bình an, được tình duyên may mắn, được vạn sự bình yên, muôn sự như ý, muốn gì được nấy ; như vậy lòng tham lam tăng thêm quá mức thì làm sao có công đức được.

Làm như vậy chỉ có phước đức hạn chế theo số tiền đã bỏ ra mà thôi, gieo nhân nhỏ thì chỉ được quả nhỏ không khác.

Nếu như bố thí, cúng dường mà không mong cầu gì cả, cúng chùa để chùa có thêm phương tiện sinh hoạt ích

lợi cho mọi người, giúp người để cho người qua cơn khó khăn, không dẫn đo, suy nghĩ, tính toán gì thêm nữa, chúng ta sẽ bớt đi tâm tham lam, bôn sển. Như vậy những việc làm đó vừa ích lợi cho người và cho mình.

Chúng ta hãy tinh tấn làm tất cả những việc thiện, rồi quên hết đi, không chấp chặt vào đó để kể công hay mong cầu phước báo về sau, tâm danh của chúng ta sẽ bớt đi, thì những việc làm đó vừa ích lợi cho người và cho mình, tạo nên phước đức và công đức vậy.

Có bài kệ như sau :

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

Nghĩa là : Chúng ta không làm tất cả các việc bất thiện, không làm những việc ác, tránh tổn người hại vật, cố gắng làm tất cả những việc thiện, nhưng đừng ghi nhớ, đừng chấp chặt vào những việc ích lợi đã làm, thì tâm ý của chúng ta sẽ được thanh tịnh, đó là điều cốt yếu chư Phật muốn dạy.

Thí dụ chúng ta đã làm những việc ích lợi cho bất cứ ai mà chấp chặt vào đó thì tâm của chúng ta sẽ bực dọc, bất an khi không được ai khen tặng hoặc không được ai đáp ứng như ý.

Nếu như quên đi những việc thiện đã làm, giúp đỡ người với tâm thi ân bất cầu báo đáp, thì chúng ta sẽ yên ổn, bình an, tâm của chúng ta sẽ không loạn động.

Chư Phật dạy: “Tâm bình thế giới bình”. Nghĩa là : Tâm của chúng ta bình an thì thế giới chung quanh chúng ta cũng bình an. Kế gần thì có vợ chồng con cái, xa thì có bà con hàng xóm láng

giềng, các bạn đồng nghiệp trong sở làm cũng được hưởng an lạc và hạnh phúc lây.

Nếu chúng ta đạt được “tâm bình an” hiện đời thì ngay thế gian này chính là “miền cực lạc”, là “cõi thiên đường”, đâu phải đợi đến kiếp sau mới hưởng được, đâu phải đợi lời cầu chúc “sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc, nơi cõi thiên đàng” trên báo chí !

Cũng có câu : “Bình an dưới thế cho người thiện tâm”. Nghĩa là : Ở ngay tại thế gian này, người có tâm thiện thì “đương nhiên” được sự bình an trong tâm thức, vì không phải bận tâm lo suy nghĩ để hại ai, cho nên không phải bận tâm lo sợ bị ai hại.

Sự bình an không do đáng nào ban cho cả, không do cầu nguyện mà được. Sự bình an có từ thiện tâm. Ngược lại, người không có thiện tâm thì không có sự bình an được. Rõ ràng là như thế !

Như vậy, chúng ta hiểu rằng “phước đức” rất cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, nhờ đó chúng ta qua được, giảm được những nghiệp báo, những chướng nạn trong cuộc đời cũng như trên đường tu tập, chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không. Ví như chúng ta có tiền tiết kiệm để dành trả những nợ đã vay từ nhiều kiếp trước và kiếp này vậy. Tiền tiết kiệm nhiều chừng nào thì mau dứt nợ chừng ấy.

Tuy nhiên, đức Phật có dạy : Chúng ta gieo nhân làm phước, tu phước nhưng hãy hồi hướng những phước đức đó để đời đời được gặp Chánh pháp, gặp thiện hữu tri thức, nhắc nhở tu tập cho đến chỗ “giác ngộ và giải thoát”, chứ đừng mong cầu hưởng quả phước sau này.

Tại sao vậy ? Bởi vì làm phước thì hưởng phước, đến khi hết phước thì bị đọa, cứ vẫn ở trong vòng sanh tử luân hồi. Ví như mũi tên bắn lên không trung, khi hết trớn tất nhiên rớt trở xuống đất rất nhanh.

Chúng ta hãy thử nhìn những người giàu có, những người quyền thế, những ông vua, những ông hoàng, những công nương đã và đang thụ hưởng phước báo, được giàu sang, sung sướng, xinh đẹp, danh vọng ; đến khi hưởng hết phước báo, cuộc đời của họ kết thúc hết sức bi thảm.

Luật Nhân quả giải thích được các hiện tượng đó của thế gian, đúng trong ba thì quá khứ, hiện tại, vị lai ; mình làm mình hưởng, mình làm mình chịu, chứ không do một đấng thượng đế nào ban phước giáng họa một cách tùy tiện cả.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng dạy rằng :

Trong tâm khiêm tốn là Công.

Ngoài hành lễ phép là Đức.

Nghĩa là : “Bên trong” chúng ta phải chuyên cần vận “nội công” loại trừ những tâm niệm kiêu ngạo, tật đố, ngã mạn, ganh tị, đố kỵ, khen mình khinh người, để đạt được tâm niệm khiêm tốn, hạ mình, nhún nhường, tùy hỷ công đức, như vậy chúng ta có được “Công”.

Đồng thời, chúng ta cũng phải vận “nội công” để khắc phục các tạp niệm, để tâm không có các vọng tưởng ; mỗi khi tạp niệm, vọng tưởng khởi lên, chúng ta liền giác ngộ, liền nhận biết và dừng ngay, không tiếp tục theo dòng tâm thức đi lang thang từ đông sang tây, từ quá khứ đến hiện tại và vị lai, từ chuyện này đến chuyện khác, đó gọi là “Công”

Điều quan trọng cần biết là : Chúng ta đừng sợ vọng tưởng, tạp niệm khởi lên trong tâm thức, chỉ sợ không giác ngộ, không nhận biết “kịp thời” nên bị vọng tưởng, tạp niệm lôi cuốn đi lang thang làm khách phong trần, quên mất cố hương, tức là quên mất “bản tâm thanh tịnh” của chúng ta.

“Bên ngoài” chúng ta lễ phép, cung kính, tôn trọng tất cả mọi người, bởi vì mọi người ai ai cũng có Chơn tâm Phật tánh, mọi người ai ai cũng có ưu điểm để chúng ta học hỏi, noi theo, không phân biệt, không thành kiến, không kì thị, không tranh cãi, không hơn thua, không thị phi, không ý mình là kẻ trên người trước, kẻ có nhiều công lao, kẻ có nhiều tài năng, kẻ làm được nhiều việc. Như vậy chúng ta được nhiều người thương mến, gần gũi, đó gọi là “Đức”.

Người Phật tử muốn có công đức thì “bên trong” không có tâm chấp ngã, tâm chấp pháp, nói chung là tâm cố chấp ; “bên ngoài” hành động luôn luôn ngay thẳng, bình đẳng, công minh, chính trực. Phải phát tâm tìm học kinh điển, biết đúng Chánh pháp mà hành theo ; tránh sự tu mù, tu mò để khởi lạc sang tà giáo, ngoại đạo. Công đức là ở pháp thân, phát sanh trí huệ Bát nhã, không do tu phước, không do làm những việc phước thiện mà được.

Chúng ta ngày nay cũng hay lầm lẫn cho rằng lập chùa, giúp chư tăng tu học, bố thí, cúng dường, làm Phật sự, đi chùa lạy Phật là được nhiều công đức và tự hào rằng mình làm vô lượng vô biên công đức, cần phải được tán thán, rồi chờ đến ngày được vãng sanh về cõi Tây phương Cực Lạc quốc của đức Phật A Di

Đà !

Chúng ta cần nên biết : Chỉ niệm Phật A Di Đà sơ sơ, rồi cầu mong vãng sanh về cõi Tây phương cực lạc là biểu hiện của tâm tham lam, tánh lười biếng, làm ít muốn hưởng nhiều.

Muốn tu mà không tìm học kinh điển, không gần các bậc thiện hữu tri thức, nên chúng ta không rõ chư Phật dạy phải hành trì như thế nào mới được vãng sanh.

Trong kinh A Di Đà, đức Phật dạy rõ ràng là : Cõi Tây phương Cực Lạc là nơi các bậc “thượng thiện nhơn” câu hội.

Nghĩa là : Ở cõi đó chỉ có những người “hiền thiện bậc thượng” tụ hội mà thôi. Những người còn đầy dẫy tham sân si, đầy dẫy nghiệp chướng, đầy dẫy phiền não thì nhất định không thể nào đạt được cảnh giới đó.

Ví như người đeo nặng qua sông thì phải chìm, không thể nổi được. Chư không phải đức Phật A Di Đà không có lòng từ bi cứu độ chúng ta. Chư Phật có tâm đại từ đại bi nên chỉ dạy các pháp môn tu học, các phương pháp để chúng ta noi theo đó mà tu tập, để được cảnh giới an lạc và hạnh phúc hiện đời và vãng sanh mai sau.

Chư Phật có dạy : “Tâm tịnh thì độ tịnh”. Nghĩa là : Tâm có thanh tịnh, trong sạch, yên lặng, chúng ta mới có cõi tịnh độ, là cảnh giới thanh tịnh và an lạc. Tâm có hiền thiện, chúng ta mới có cõi thiên đàng. Rõ ràng là như thế !

Như vậy cõi tịnh độ ở ngay trong tâm của chúng ta, ngay hiện đời, nếu như tâm của chúng ta không còn tham lam, sân hận và si mê nữa. Ngày xưa, sau khi thành đạo, đức Phật Thích Ca sống trong

cảnh giới an lạc, cảnh giới tịnh độ, ngay hiện đời, trên cái thế giới gọi là Ta bà khổ của mọi chúng sanh khác.

Trên thế gian này, chung quanh chúng ta có đủ hạng người, có đủ loại người ; có người tạo thuận cảnh để dãi, giúp đỡ chúng ta tu tập, cũng có người tạo nghịch cảnh, gây phiền hà, khổ đau để thử thách công phu tu tập của chúng ta. Tất cả mọi người đều là thiện hữu tri thức của chúng ta cả. Nếu ai ai cũng hiền thiện hết, làm sao biết chúng ta nhân nhĩn được tới đâu ? Ví như học sinh được thầy dạy cho kiến thức, được bạn bè giúp đỡ, rồi cũng cần có vị giám khảo để kiểm tra trình độ và cấp văn bằng chứ.

Có câu chuyện hai con chim như sau : Một hôm, con chim bồ câu thấy hàng xóm là con chim cú vọ sửa soạn dọn tổ đi, liền hỏi : Chị định dọn đi đâu ? Con chim cú vọ đáp : Dân ở đây hung ác quá, cứ lấy đá ném, lấy cây đánh, nên tôi định dọn về phương tây ở, bên đó chắc dân chúng hiền thiện hơn. Mong thay! Con chim bồ câu liền nói : Chỗ hàng xóm láng giềng, tôi xin nói thực, chị đừng giận tôi nhé. Theo tôi, nếu chị thành tâm, chịu khó sửa cái giọng kêu ghê rợn của chị thì chắc không còn ai lấy cây đánh chị nữa đâu. Nếu như chị không chịu sửa cái giọng khiếp đảm khó nghe đó, thì dù có ai rước qua phương tây, chị cũng không ở yên bên đó được đâu. Thực vậy đó !

Câu chuyện trên ngụ ý : Chúng ta nên xoay lại quán chiếu, tu sửa tâm tánh của chính mình, đừng nhìn ra ngoài trách cứ, phê phán, chỉ trích người khác thì Cực Lạc hay thiên đàng chính là đây, ngay tại thế gian này, ngay trong tâm của

mỗi người không cần cầu nguyện, khởi phải mơ tưởng viễn vông, khởi bị gạt gắm.

Hơn nữa, trong kinh A Di Đà, đức Phật cũng dạy rõ ràng là : Nếu người nào trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày được “nhất tâm bất loạn” thì khi lâm chung sẽ được thấy đức Phật A Di Đà cùng chư vị Thánh hiện ngay trước mặt.

Tại sao vậy ? Bởi vì khi tâm của người đó không còn lăng xăng, lộn xộn, không còn loạn động vì các việc đối đãi thị phi, hơn thua, tốt xấu, nói cách khác tâm của người đó thấy mọi sự mọi việc đúng như thực, không còn điên đảo, gọi là “tâm bất điên đảo”, cho nên người đó thấy được tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ.

Nghĩa là : Nhờ tâm được “thanh tịnh”, “bất loạn động”, “bất điên đảo” cho nên người đó kiến Phật tánh và ngộ pháp vô sanh, không còn sanh tử luân hồi, tức đắc vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Nếu còn “nghiệp chướng”, nghĩa là tâm còn điên đảo, tâm còn loạn động, làm sao vãng sanh được mà mong cầu. Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy : “Mọi người hãy tự thấp đức lên mà đi, thấp lên với chánh pháp”. Nghĩa là : Mọi người phải tìm hiểu, học hỏi chánh pháp, đem ngọn đuốc trí huệ của mình mỗi với ngọn đuốc trí huệ Phật, bằng cách nghe giảng giáo lý, nghiên tầm kinh điển, rồi tự ứng dụng, giữ gìn giới luật, tu tập thiền định, phát triển trí huệ Bát nhã. Đó chính là “Giới, Định, Huệ”, còn gọi là “tam vô lậu học”. Nhờ giữ gìn giới luật nên tâm trí được thanh tịnh và trí huệ Bát nhã khai mở, đó là ba môn học đưa

chúng ta đến chỗ “giác ngộ và giải thoát”.

Ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng. Mình làm mình hưởng, mình làm mình chịu. Đó là lẽ công bằng tuyệt đối vậy.

Tóm lại, vì không biết rõ đâu là chánh pháp cho nên chúng ta không thể thực hành lời Phật dạy một cách tường tận, để thoát ly sanh tử luân hồi thoát ly phiền não và khổ đau. Cổ đức dạy : “Phước huệ lưỡng toàn phương tác Phật”. Nghĩa là : Chúng ta hãy phát tâm bồ đề dũng mãnh, làm tất cả những việc tạo phước đức trong các dịp lễ thượng ngươn, trung ngươn, hạ ngươn và tất cả dịp nào tùy duyên trong suốt năm. Đồng thời chúng ta cũng làm tất cả những việc tạo công đức như vãn, tư, tu, giới, định, huệ để phát triển trí huệ Bát nhã. Đây đủ “Phước và huệ” chúng ta sẽ sống trong an lạc và hạnh phúc hiện đời và về cõi Phật sau này không nghi.

Muốn được vậy, chúng ta hãy phát tâm thường xuyên về chùa lạy Phật, tham dự các khóa tu học bát quan trai giới, để được học Phật pháp một cách tường tận trong một không khí tu học đầy đạo vị, không phân biệt người mới phát tâm hay người đã tham gia tu học từ lâu, chúng ta cùng hưởng dẫn nhau trên bước đường tu giải thoát. Được như vậy, chúng ta có “công đức và phước đức” một cách viên mãn.

Cáo lỗi

Vì bài vở nhiều, mà trang báo lại có hạn, nên nhiều bài phải gát lại. Xin quý vị tác giả thông cảm hỷ xả cho.

Tòa Soạn.

Sứ Mạng Của Tình Thương

Tâm Đắc

Cuộc sống nhưng lụy không làm cho Thái tử Tất Đạt Đa hài lòng. Tế thần, tế thánh đem những con thú làm vật hy sinh để cầu mong an lạc, hạnh phúc không phải là giải pháp cho những vấn đề thường xảy ra trước mắt của cuộc sống phù du tạm bợ. Tìm hạnh phúc vĩnh cửu trong tương lai không bờ bến mà quên an lạc hiện tại chỉ là phương pháp muốn quên sự thật, phương pháp ru ngủ đấu tranh xây dựng một thể chế tương lai gọi là đầy hứa hẹn bằng ích kỷ, hận thù, bạo lực chỉ là công dã tràng giống như những người muốn xô, muốn đẩy ra cánh cửa ngục tù mà trong thực tế cánh cửa ấy không thể mở ra mà phải mở vào, kéo vào nội tâm, kéo vào cánh tỉnh, kéo vào trong tình thương nhân loại.

Đức Phật muốn kéo cánh cửa ấy vào trong và chính vì vậy Ngài đã bỏ đền đài, thế tử, ngôi báu thế gian để đi tìm chân lý, ý nghĩa của cuộc sống, cuộc sống khoáng khắc ngán ngủi vô định không trong đày dọa phù du, không trong hận thù truyền kiếp.

Con người sinh ra để làm gì ? Phải chăng là để lao đầu vào hận thù, sợ sệt, hành hạ lẫn nhau, chém giết lẫn nhau ? Phải chăng là giam mình vào hưởng thụ đến mức cuồng loạn không cần nghĩ đến kẻ khác ?

Với thao thức về cuộc sống, về thân phận con người mà đức Bổn Sư của chúng ta đã bỏ tất cả để tìm một lối sống,

một giải đáp về cuộc sống, về thân phận con người. Ngài không bắt chúng ta phải tin Ngài, Ngài chỉ cần chúng ta bỏ ít giây phút để chiêm nghiệm và chỉ qua kinh nghiệm bản thân làm kim chỉ nam cho hành động thái độ vô chấp, thanh thoát, rộng lượng của Ngài không những đã làm cho dân Ấn Độ và các sắc dân khác trên thế giới thời quá khứ phải kính phục mà cũng là ngọn hải đăng cho nhân loại hiện tại và tương lai.

Thông điệp Từ Bi của đức Phật mà chúng ta thường ca ngợi, nhưng đôi khi vì nói mãi nó trở thành sáo ngữ. Chúng ta thực sự có đem nó áp dụng trong đời sống hàng ngày của chúng ta không ? Cho bản thân, cho liên hệ với đồng loài, cho liên hệ với tất cả chúng sanh, hữu tình cũng như vô tình ? Cuộc sống con người quá ngắn ngủi, bao nhiêu phút, bao nhiêu giây chúng ta dùng Thông điệp Từ bi áp dụng cho bản thân ? Chúng ta đã dùng ngày tháng của đời chúng ta xây dựng cái gọi là sự nghiệp : Giàu sang, phú quý, nhà to cửa lớn, chùa rộng, Phật cao, và trong tiến trình xây dựng ấy, chúng ta phải va chạm với ngoại cảnh, với những người chung quanh nhưng vì hăng say với sự nghiệp, hăng say với thành quả, chúng ta không nghĩ đến an lạc cá nhân, không nghĩ đến sự an bình, thanh thản của tâm linh. Chúng ta vô tình hành hạ bản thân mình, hành hạ cuộc sống hiem hoi của mình. Cũng trong

nỗ lực xây dựng cái gọi là sự nghiệp ấy, chúng ta không nghĩ đến kẻ khác. Những người chung quanh có được an lạc, có được sung sướng, có được thanh bình qua những thành quả của chúng ta ? Nhân loại vì sự nghiệp, dựa vào lòng ích kỷ, thay vì hành từ bi, đã gây không biết bao nhiêu thống khổ không những cho đồng loại mà còn cho những sinh vật khác, ngay cả thế giới vô tình : Vì phát triển một cách không kiểm chế mà chúng ta đã làm cho quá đất ô nhiễm. Vì muốn thành công chúng ta đã đưa nhân loại gần đến chiến tranh hạt nhân. Vô ý nghĩa của cuộc sống là như vậy ? Xây dựng tương lai, một danh từ rất hào nhoáng mỹ lệ phát xuất từ tham, sân, si phải chăng là nền tảng của lâu đài tráng lệ ? Vì những danh từ mỹ lệ ấy để rồi nhân loại nhảy vào vòng chiến, để phân cách con người. Thông điệp Từ Bi đã bị bóp méo, cuộc sống đã bị bóp méo.

Đối với bản thân chúng ta đã quên áp dụng Thông điệp Từ Bi đối với bạn bè chúng ta thật sự không hề sử dụng nó. Cũng là đệ tử Phật, cũng là những người đi trên con đường giác ngộ, cũng là những kẻ ném mùì vị giải thoát, nhưng chúng ta không thể hòa đồng cùng nhau. Những danh xưng thế gian, những tập quán, thành kiến đã trở thành hàng rào ngăn cách, thành hố sâu chia rẽ. Thay vì tìm những điểm tương đồng để cùng sống, cùng phát triển, chúng ta khai triển những dị biệt để chia rẽ, để nghi kỵ. Tâm Từ Bi không thể hiện trong nếp sống bạn bè.

Rồi với thế giới bên ngoài chúng ta dần dần biến nó thành một thực tại, một tảng núi đồ sộ phân cách tâm và cảnh.

Cảnh để rồi chúng ta phải chiến thắng, phải hàng phục. Tâm chúng ta để lại một góc, để quên nó đi. Tâm cảnh không đồng nhất, không cùng một nhịp tiến, tâm cảnh phân hóa, thế giới phân hóa, con người phân hóa. Thông điệp Tình thương thực sự chỉ là sáo ngữ.

Đã đến lúc chúng ta, những người con Phật, những người đi trên đường giải thoát, trong hạnh nguyện Từ Bi cần phải tự cảnh tỉnh. Thế gian vô thường mà hành động chúng ta có vẻ làm nó trường cửu. Cuộc đời vô thường mà tâm ý chúng ta làm nó trở thành vĩnh cửu. Đó là cái chua cay nhất của thế truyền đạo, hạnh nguyện theo dấu chân đức Từ Phụ rải rác đạo mầu của Ngài trên thế gian.

Nguyện cầu chúng sanh thường an bình. Nguyện cầu tâm chúng sanh thường an bình. Nguyện cầu Tình thương mãi mãi là sứ mệnh, là bản chất, là niềm phúc lạc cho cuộc đời chúng ta, cho cuộc sống nhân loại.



thơ Thủy Trúc

Đi Vào Cõi Mơ

*xin hỏi ai đây mượn chị Hằng
Thả dòng sông lặng dạo thuyền trăng
Giã từ bến mộng qua bờ giác
Mênh mông thương nhớ ánh sao băng.*



*Gởi niềm tâm sự với thiên nhiên
Với đám mây xa bóng trúc thiền
Tiếng chuông tỉnh thức hòa trong gió
Mang cả trời thơ tặng bạn hiền.*

Niệm Phật

PHÁP MÔN SIÊU VIỆT DUNG NHIẾP GIÁO NGHĨA CHỮ PHẬT BẢY ĐỜI

Vân Nguyên

Chữ Phật bảy đời tức 7 đức Phật tính từ đức Phật Thích-Ca lui tới đức Tỳ-Bà-Thi Phật. Giáo nghĩa của bảy đức Phật ấy được tóm thâu thành một bài kệ gọi là Thất Phật Thông Giới Kệ như sau :

Chư Ác mạc tác

Chúng Thiện phụng hành

Tự Tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo

(Bài kệ này hầu như được nhắc đi lặp lại nhiều lần trong các Phật sự nhưng không ít người vẫn cứ không hiểu kỹ mà cho rằng “Đạo nào cũng tốt vì đạo nào cũng dạy người ta làm lành tránh ác”. Sai lầm đầu tiên là ở 2 chữ Thiện và Ác bị quan niệm theo tín điều, chủ quan, tập tục từng tôn giáo, địa phương ... nhưng quan trọng nhất là quên mất câu thứ 3, tức “Tự tịnh kỳ ý”).

Rồi Thất Phật Thông Giới Kệ lại được tóm thâu trong sáu chữ Nam-mô A-Di-Đà Phật, gọi là pháp môn Tịnh-Độ hay pháp môn Nhị-Lực và người Việt-Nam thường nói là pháp môn Niệm Phật. Người tu pháp môn Niệm Phật với mục đích khi lâm chung sẽ được Vãng-Sanh Tịnh-Độ, nguyện cầu như thế thì sao tương ứng, nếu không muốn nói là tương phản, với bài kệ trên ?

Đ- LẬP CƯỚC

Cũng như tất cả các Tông phái trong đạo Phật, giáo nghĩa Tịnh-Độ được lập cước trên lý Duyên Sanh, diễn tả theo chiều dọc thành “Hành Nghiệp Quả Báo”, tức Nghiệp Báo. Niệm Phật tức tạo Nghiệp và Vãng Sanh là Quả Báo. Bởi Nghiệp Báo bất khả tư nghì nên thế giới Tịnh-Độ cũng bất khả tư nghì. Nếu không tạo Nghiệp thì không Quả báo, mà không Quả Báo thì chúng sanh Vãng Sanh trú ở nơi đâu ? Đức Phật-Di-Đà đã chuyển Nguyên Lực (48 Đại Nguyên) thành Phật Lực đồng thanh tương ứng với Tín-Hạnh-Nguyện của chúng sanh tu Niệm Phật để tiếp dẫn Vãng Sanh thành Tịnh-Độ. Y vào công đức dày hay mỏng của sự tu trì (Hành Nghiệp) mà xếp thành Tam Phẩm Cửu Sanh nên sự chứng ngộ có mau có chậm.

Người tu Niệm Phật phát nguyện Vãng Sanh tức Tạo Nghiệp Vãng Sanh. Phát Nguyên Vãng Sanh tức hướng dẫn nghiệp lực để Vãng Sanh. Nếu không phát Nguyên thì khi tạo Thiện Nghiệp chỉ thọ báo hạn hẹp trong cõi Trời hoặc Người, mà những sự vui sướng khoái lạc của các cõi ấy dễ khiến mình đam mê rồi chìm đắm quên mất sự tu trì, đến khi

phước hết tất sanh đau khổ. Phát Nguyên Vãng Sanh là sử dụng Phước Đức để Tiêu Tội, để được tiếp tục tu trì nơi Tịnh Độ cho tới khi vào Thập Địa mới trở lại các cõi uế trước hóa độ chúng sanh (Tu Thiện Nghiệp mà không mong cầu thọ báo tức Tự Tịnh Kỳ Ý).

Thế giới thanh tịnh của Phật, nơi đó, Chánh pháp trong từng hơi thở với các Bồ-Tát là Thiện-tri-thức ... không có uy quyền, độc tài bạo ngược ... đúng là xứ sở lý tưởng để tu tập nội lực trước khi “thống tay vào chợ” hóa độ chúng sanh. Bởi lẽ đó, người Học Phật, hay rõ hơn, những ai chưa vào Thập-địa đều nên phát Nguyên Vãng Sanh.

II)- NIỆM PHẬT VÃNG SANH

Vãng nghĩa là từ chỗ này tới nơi kia. Sanh nghĩa là mọc, sanh ra, hiện khởi.

Từ thế giới Ta-bà này, người tu Niệm Phật, sau khi mạng chung tới thế giới Tịnh-Độ xuất hiện sanh mạng mới gọi là Vãng-Sanh. Nhưng, chỉ cần niệm Nam-mô A-Di-Đà Phật thì được Vãng-Sanh sao ? Tin như thế là chủ trương của tôn giáo khác chứ không phải Đạo Phật. Người viết xin cung kính trích dịch một đoạn trong kinh Quán Vô-Lượng-Thọ dạy về Hạ Phẩm Hạ Sanh để rõ ràng hơn :

“Hoặc có chúng sanh tạo tác nghiệp bất thiện như Ngũ Nghịch, Thập Ác (Ngũ Nghịch : Năm tội đại Ác : 1/ Giết cha, 2/ Giết mẹ, 3/ Giết A-la-hán, 4/ Phá hoại sự hòa hợp của Tăng đoàn, 5/ Hại thân thể Phật. Năm đại tội ác này cũng gọi là Ngũ Vô Giáns Nghiệp. Thập Ác : Mười tội lỗi căn bản của thân, miệng, ý : 1- Giết hại, 2- Trộm cắp, 3- Tà dâm (Thân), 4- Nói dối, 5- Nói cho ly gián, 6- Nói lời hung ác, chửi rủa, mắng nhiếc, 7- Nói thêu dệt

(Miệng), 8- Tham dục, 9- Phẫn hận, 10- Tà Kiến (Ý). Kẻ siêng làm các thứ tội lỗi như trên do bởi không hiểu lý Nhân Duyên Quả) đầy đủ ; kẻ ngu si như thế do bởi ác nghiệp nên phải đọa ác đạo (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh) chịu mọi thống khổ trải qua nhiều kiếp. Nếu người ngu ấy khi lâm chung gặp được thiện-tri-thức tìm mọi cách khuyên nhủ, giảng thuyết Diệu Pháp, dạy cho Niệm Phật nhưng kẻ ấy vì khổ não bức bách nên không thể nào Chánh Niệm. Thiện tri thức mới khuyên thêm, nếu không thể Chánh Niệm thì hãy xưng danh Vô-Lượng-Thọ Phật (một tôn hiệu khác của đức Phật A Di Đà) một cách chí tâm thành khẩn liên tục không dứt đủ 10 niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Bởi xưng Phật danh nên trong niệm niệm tiêu trừ tội lỗi từ tám mươi ức kiếp. Đến khi lâm chung thấy được đóa sen Vàng lớn tợ mặt trời hiện ra trước mặt thì chỉ trong Sát Na liền được vãng sanh thế giới Tịnh Độ) nhưng phải trú trong hoa sen mãn 12 đại kiếp sen mới nở. (Khi ấy) Đức Quán Âm và Thế Chí mới cất tiếng Đại Bi giảng rõ về Thật tướng (Vô tướng) của các pháp cho kẻ ngu si kia để diệt trừ tội cấu (thuyết pháp Thật Tướng Sám Hối). Kẻ ấy nghe xong sẽ hoan hỷ mà phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đó gọi là Hạ Phẩm Hạ Sanh”.

Kể nghe xong liền hoan hỷ mà phát Tâm Bồ Đề tức thực hành Bồ Tát Đạo, tu tập Phổ Hiền Nguyên, độ thoát hết thấy chúng sanh.

Khoan nói tới ý nghĩa “Tự Tịnh Kỳ Ý” cũng như “Nương vào Phật Lực, tiêu tội Vãng Sanh”. Trong pháp môn Niệm Phật mà hay nói tới lý do vì sao được

Vãng Sanh, có phải chỉ cần Niệm Phật liền được Vãng Sanh ?

Niệm là gì ? Không phải chỉ miệng thốt nên lời, mà Niệm là nhớ, nghĩ, tư duy, quán tưởng, sáng suốt không quên về một duyên nào đó.

Kẻ ngu si tạo ác như đoạn Kinh trên sao được Vãng Sanh khi niệm Phật ?

Thứ nhất, bởi kẻ ấy Thiện Duyên chưa dứt nên lúc lâm chung còn may mắn gặp được Thiện tri thức khuyên dạy Diệu Pháp và Niệm Phật để Ác nghiệp tiêu trừ. Ác nghiệp có thể bị tiêu trừ chăng ? Theo Nghiệp Lực Bất Di Luận của Kỳ Na Giáo, thì tự sức con người không thể nào tiêu trừ tội lỗi, theo Nguyên Tội Luận (Tội Tổ Tông) Cơ Đốc giáo thì loài người cũng chẳng có khả năng tiêu trừ tội lỗi, riêng Đạo Phật, với lý Duyên Sanh, sự sự vật vật đều do nhiều yếu tố hòa hợp mà thành, ngay chính mỗi yếu tố cũng phải do sự hòa hợp với các yếu tố khác mới trở thành yếu tố nên Tội hay Phước cũng vẫn bị tăng trưởng hay tiêu diệt. Nếu muốn tiêu trừ tội lỗi thì phải tu hành Thiện nghiệp hành Thiện tức tạo nghịch duyên khiến Nhân tội lỗi không thể tăng trưởng nên tự tiêu. Đức Phật có dạy trong kinh A Hàm : “Giả sử con người phải bị trôi lăn theo Nghiệp mình đã tạo để gánh chịu Quả Báo của Nghiệp đó thì tu hành không thể nào Dứt Khổ nên (sự tu hành) hóa thành (hành động điên rồ) vô ý nghĩa”.

Nếu bảo “tu Thiện nghiệp để tiêu trừ tội lỗi” thì có lý nhưng kẻ ngu si trên đang lúc lâm chung đâu còn sức lực, thời gian tu tập Thiện nghiệp mà tội lỗi vẫn tiêu trừ để được Vãng-Sanh ?

Hãy để ý đến đoạn “Thiện tri thức ... giảng thuyết Diệu Pháp, dạy cho Niệm Phật”. Diệu Pháp ấy chính là kinh Quán Vô-Lượng-Thọ và Niệm Phật tức niệm Nam Mô A-Di-Đà Phật. Kinh Quán Vô-Lượng-Thọ dạy rõ về tu tập Thiện Nghiệp mà trong đó gồm Hành Thiện và Chỉ Thiện. Chỉ Thiện là “Không làm các việc Ác” còn Hành Thiện tức “Thực hành các điều Thiện”. Do công đức tu tập Thiện nghiệp mà định phẩm vị, song song theo đó, người tu tập còn phải “Dẫn đạo quần sanh xả trừ Ngũ Ác ... hàng phục tâm ý độc hại, thực hành Ngũ Thiện ...” Và thiện nghiệp ấy tức Chánh Nhân Tịnh Nghiệp của chư Phật.

Kẻ lâm chung vì khổ não bức bách, lại không có sự tu tập Định lực từ trước, đương nhiên không thể Chánh Niệm Phật Đức mà chỉ có thể kiến thành Sám Hối tội lỗi đã tạo và liên tục niệm Nam Mô A-Di-Đà Phật. Kiến thành Sám Hối là thứ nhì. Liên tục Niệm Phật phát nguyện Vãng-Sanh là thứ ba.

Đoạn kinh trên khi mô tả lúc lâm chung “diễn giảng Diệu Pháp và niệm Nam Mô A-Di-Đà Phật” tức nói tới Sám Hối trước tiên. Xấu hổ bởi tội lỗi đã tạo nên kẻ ngu si kia mới Nam Mô, mà ý nghĩa Nam Mô tức nhận biết “từ xưa tới nay mình từng tạo nhiều nghiệp dữ không nên làm, bây giờ rất ăn năn thế không tái phạm bèn đem thân mạng nầy nương về đức Phật (Di Đà) để tu trì Tịnh Nghiệp”. Phát tâm Sám Hối và Nam Mô như thế tức thiết lập Tín, Hạnh, Nguyện trong pháp môn Tịnh-Độ : Phát tâm như thế cũng tức tu Thiện Nghiệp, cũng tức tự thanh tịnh tâm mình để cảm ứng với Phật Lực Di Đà, tiêu tội Vãng-Sanh.

Kinh Na Tiên tỳ kheo có đoạn rằng :

Vua hỏi : Thưa Ngài ! Hàng Sa môn các Ngài thường nói, có kẻ sống đời tạo Ác cả trăm năm, đến khi lâm chung Niệm Phật, kẻ ấy sau khi chết vẫn được sanh lên cõi Trời. Tôi không tin việc đó !

Na Tiên hỏi lại : Ví như có người lấy viên đá nhỏ để trên mặt nước thì viên đá ấy có nổi chăng ?

- Không !

- Nếu đặt trăm viên đá vào thuyền thì thuyền có chìm chăng ?

- Không !

- Trăm viên đá nhờ thuyền mà chẳng chìm. Người tuy suốt đời làm Ác mà nhất thời (ăn năn) Niệm Phật để khỏi rơi vào Địa Ngục, lại được sanh Thiên. Viên đá bị chìm ấy ví như người làm Ác, không biết Phật Pháp thì sau khi chết tất đọa Địa Ngục.

Vua khen : “Lành thay !”

Nghĩa lý Tự Lực nương vào Tha Lực là như thế !

Với những người chưa từng biết tu Thiện nhưng Thiện Duyên đời trước vẫn còn nên lúc lâm chung, gặp được các Thiện tri thức dạy cho Sám Hối và Phát Nguyện niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Do bởi đầy đủ thiện tâm chí thành Sám Hối Quy Y Đức Phật Di Đà nên phát sanh Thiện lực đồng cảm Phật Lực để tiêu tội, Vãng Sanh. Đó chính là phương tiện siêu việt, sử dụng Nghiệp Lực chuyển Ác nghiệp chúng sanh quay về Phật Đạo. Quay về Phật Đạo để tiếp tục tu tập “Thật Tướng Sám Hối” diệt sạch tội cấu trước khi thực hành Bồ Tát Đạo độ tận chúng sanh (Đoạn cuối của Hạ Phẩm Hạ Sanh trên).

III)- ĐIỀU KIỆN VĂNG SANH

Vậy thì, cứ tạo Ác Nghiệp rồi đợi tới lúc lâm chung Niệm Phật sẽ được Vãng Sanh ?

Tội Nghiệp có dày có mỏng, công phu tu tập cũng có cạn có sâu. Người tu Niệm Phật bất cứ Trì Danh hay Quán Tưởng, nếu không Hành Thiện, không nhiếp tâm vào Định (Nhất Tâm Bất Loạn) thì khi lâm chung, vì không đủ Chánh Niệm lại không đủ nhân duyên thanh tịnh trợ lực thì Tội Nghiệp kéo lôi không hàng phục nổi kẻ ấy như định phải bị Nghiệp dẫn mà đọa lạc Ác đạo Tam Đồ.

Kinh Di Đà có dạy : “Bất khả dĩ thiếu Thiện Căn, Phước Đức, Nhân Duyên, đắc sanh bỉ quốc” tức “Không thể vịn vào chút ít Thiện căn, Phước Đức làm nhân duyên được sanh vào cõi ấy (Tịnh Độ)”. Rõ ràng thực hành Thiện Nghiệp tức tạo nhân duyên để Vãng Sanh. Có Thiện Nghiệp mới có thể Vãng Sanh, cũng có thể nói Sám Hối bồi dưỡng công đức, thiện căn là hành trang đầu tiên để tiêu tội mà Vãng Sanh.

Tiêu tội Vãng-Sanh tức xả Ác, hành Thiện. Xả Ác tức Sám Hối, Sám Hối tức Chỉ Thiện. Tu Thiện tức tiêu Ác, tiêu Ác là Chánh Nhân để hồi tâm hướng Thiện. Sám Hối công đức, Thiện Nghiệp tức Thanh Tịnh Nghiệp Hành do vậy là Chánh Nhân để Vãng-Sanh. Nếu không biết lỗi mà ăn năn Sám Hối tu tập công đức Thiện Nghiệp tức không có Chánh Nhân thì lấy gì để Vãng-Sanh ?

Vừa Sám Hối, tu tập Thiện Nghiệp (Tự Lực), người tu Tịnh-Độ vừa Niệm Phật để đồng thanh tương ứng với Phật Lực (Tha Lực) tạo Nghiệp Vãng-Sanh.

Tạo Nghiệp Niệm Phật có thời khóa,

ngồi Thiền nhập Định quán tưởng Phật Đức thì gọi là Định Nghiệp Niệm Phật, tức Quán Tưởng Niệm Phật.

Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, bất cứ trạng thái tâm ra sau, dầu kinh hoàng buồn khổ hay thư thái, vui mừng ... đều Niệm Phật thì gọi là Tán Nghiệp Niệm Phật, tức Trì Danh Niệm Phật.

Trì tụng danh hiệu Phật sáng suốt không quên, đủ cả Tín (Tin), Hạnh (Sám Hối, thực hành Thiện Pháp, Niệm Phật), nguyện (Phát nguyện Vãng Sanh) mà Quán Tát Cánh Không nên Diệu Hữu Phi Hữu, thông đạt Bất Nhị, nhập vào Đệ Nhứt Nghĩa Không thì gọi là Vô Tướng Nghiệp Niệm Phật, tức Thật Tướng Niệm Phật.

Chỉ một Niệm Nam Mô A Di Đà Phật như thế đã bao gồm vạn hạnh, dung nhiếp giáo nghĩa chư Phật bảy đời.

Trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, ngài Long Thọ khi chỉ rõ cách tu cho các Bồ Tát tiến vào Thập Địa - Vô cùng khó, nên đã dạy pháp Niệm Phật Vãng Sanh và gọi đó là Dị Hành Đạo - Đạo dễ thực hành. Nhưng nên để ý, “dễ thực hành” là đối với các Bồ Tát tu Thập Địa, còn sánh với hàng phàm phu ngu muội ươn hèn như chúng ta thì cũng “vô cùng khó”. Đơn cử điều đầu tiên người tu Niệm Phật phải thực hiện là Sám Hối thì mấy ai đã thực sự hạ quyết tâm không tái phạm lỗi lầm? Đừng khinh thị !

IV)- LỜI PHỤ

Pháp môn Niệm Phật - Nam Mô A Di Đà Phật. Đây là pháp môn phổ biến nhất từ ngàn xưa trong quần chúng Phật tử Việt Nam. Và có lẽ vì quá phổ thông nên nhiều người hời hợt đến nỗi gần đây, không nói tới những xuyên tạc ở ngoài,

có vị tu hành Đạo Phật lại không để ý tới Ma sự (theo kinh Thủ Lăng Nghiêm), hoặc không chịu khó học hỏi, hoặc chú trọng quá về hình danh sắc tướng, tự biến chế những lối hành khác lạ, hoặc đáo đong chạy tây nghe pháp nào cao mới đáng cho mình tu ... rồi đem lời khinh chê người Niệm Phật là yếu hèn, ý lại Tha Lực thậm chí mê tín, cuồng tín. Những người như thế nên hồi tâm Sám Hối tội “Hủy báng Đại Thừa”. Phải hiểu rằng, người tu Niệm Phật là kẻ hành sự cẩn trọng, bước những bước thật vững chắc trên Phật Đạo, là kẻ tự biết mình chưa đạt Vô Sanh Pháp Nhẫn nên nguyện Vãng Sanh tiếp tục tu hành độ tận chúng sanh.

Cũng có những người đã tu Niệm Phật nhưng cứ tưởng tới lúc lâm chung niệm chẳng muợn gì, bèn sanh thờ ơ, giải đãi. Nên hiểu rằng, thói quen ngu dục khó bỏ thì sao không sớm chuyên tâm Niệm Phật ? Mà cũng đâu phải chỉ cần miệng niệm danh Phật là được Vãng Sanh !

Hướng hồ, sự chết đến với con người chưa biết lúc nào và có nhiều cách chết, không ngoài hai cách là mau và chậm. Chết tức khắc như những bất đắc kỳ tử : tai nạn lưu thông, lụt lội, hỏa hoạn, động đất hoặc các chứng bệnh tim mạch, áp huyết cao ... Cái chết đột nhiên tới như thế có đợi chờ mình Niệm Phật được sao?

Chết từ từ đa phần do các thứ Khổ trói buộc thân như buồn rầu, sợ hãi và tật bệnh. Nếu bệnh nhẹ thì cho là chưa tới nỗi chết nên không Niệm Phật, còn khi bệnh nặng, thể lực suy vi chịu đau không thối thì tâm ý đâu Niệm Phật ?

Nếu mình còn may mắn thì gặp các Thiện tri thức bên cạnh nhắc nhở Đạo lý rồi dạy cho Niệm Phật. Nhưng lỗ tai điếc mắt mờ thì lấy gì thấy và nghe ?

Nếu mắt tai tỏ rõ mà tâm thần điên đảo, lỗ Thiện tri thức bên cạnh lúc ấy chính là kẻ mình ghét từ lâu nay lại khuyên răn Sám Hối và Niệm Phật thì mình lại sanh phần nộ rằng : “Ta chưa chết mà đã tới trừ” thì tâm Niệm Phật thanh tịnh ở đâu ?

Giả sử mình sắp chết trong trạng thái còn minh mẫn nhưng thói quen ham muốn quá nhiều, Ác nghiệp nặng sâu, tâm thần trở nên áo não vì biết mình sắp chết, luyến tiếc mọi điều ... thì sao có thể Niệm Phật ?

Thế nên biết rằng, bình thường không tu tập mà đợi tới lúc lâm chung Niệm Phật mong Vãng Sanh là việc không bao giờ có.

“Xưa có vị Vua biết nước láng giềng ý đồ xâm lược bèn âm thầm nuôi bầy tuấn mã rồi huấn luyện cho việc tác chiến. Năm sau, khi nước bên cạnh kéo binh sang, Vua ấy nhờ bầy ngựa hay mà thắng trận. Sau khi thắng trận, Vua nghĩ rằng, mình nên phân phát bầy ngựa kia cho dân sử dụng vào việc kéo xe, đến khi có giặc sẽ thu hồi ngựa ra nghênh chiến cũng chẳng muộn gì. Nghĩ sao làm vậy. Trái qua mười mấy năm sau, nước cạnh bên lại kéo quân sang, Vua bèn truyền lệnh thu hồi bầy ngựa cũ. Buồn thay ! Ngựa nay chỉ quen thói kéo xe, dầu roi vọt mấy cũng chẳng nhớ cách tiến lui nơi trận mact.

Nhà Vua thua trận nên mất nước !”



thơ Huyền Minh

Tình Mẹ

Mẹ già nuôi cả đàn con
Hai sương một nắng mỗi mồn tấm thân
Cơm ngon mẹ nhịn con ăn
Áo bông mẹ vá để thân con lành
Bây giờ con đã thành danh
Để cho cha mẹ năm canh mỗi mồn
Một đời mẹ trọn cho con
Món ngon vật lạ có còn thiếu chi
Giờ đây mẹ có còn gì
Lưng còm tóc bạc nhiều khi khóc ròng
Con ơi những ngóng cùng trông
Héo hon mẹ đợi chờ mong tin lành
Nhiều đêm thức suốt năm canh
Cầu trời khẩn Phật con mình bình an.



Mất Mẹ

Khi mẹ mất, tôi chưa đầy bốn tuổi
Trần gian như thiếu hẳn cả mùa xuân
Và từ đấy rơi vào cảnh gian truân
Lắm cay đắng cút côi đời con trẻ
Chưa trưởng thành, thấm buồn đời mất mẹ
Nỗi lòng đau biết chia sẻ cùng ai
Cảm thấy mình như thiếu mất tương lai
Tôi lạc lõng giữa biển đời nhân loại
Tôi bơ vơ chẳng một ai thêm hỏi
Tôi thấm buồn, sao sanh ở cõi đời ?
Và từ đấy tôi hiểu rõ tình người
Còn mẹ là còn một trời hy vọng.

PHẬT HỌC CĂN BẢN

Trần Quang Thuận

(tiếp theo)

Phương thức Upaya không những chỉ áp dụng cho từng cá nhân như đã nói ở trên mà còn áp dụng cho cả tập thể, cho các nền văn hóa nhân loại. Với hàng trí thức Ấn Độ, đạo lý của Phật được ghi chép bằng chữ Sanscrit, chữ Pali và nhiều thứ chữ khác thiên năng hình nhi thường học. Với người Trung Hoa được viết bằng tiếng Trung Quốc, ngoài khía cạnh siêu hình, nhấn mạnh trung, hiếu, tiết, nghĩa ; với người Tây Tạng tín ngưỡng cổ truyền Bon được hòa nhập tạo cho Phật giáo Tây Tạng một sắc thái đặc biệt ; với người Á, Âu, Mỹ giáo lý của Phật đã được thể nhập trong truyền thống văn hóa của mỗi địa vực. Đến đây có người sẽ đặt câu hỏi : Phải chăng phương thức Upaya đồng nghĩa với cơ hội chủ nghĩa ? Phải chăng phương thức Upaya sẽ làm cho giáo lý chính chuyên, thuần khiết của Phật trở thành một thứ lai căn, không phải chuột, không phải chim ? Thầy tổ của chúng ta đã trả lời câu hỏi ấy một cách tuyệt vời : “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên” Thông điệp của đức Phật là giải thoát, liễu thuốc mà đức Phật ban cho chúng sanh là liễu thuốc diệt trừ đau khổ. Thiên kinh vạn quyển rốt cuộc để chuyển mê, khai ngộ, pháp vị của Phật chỉ có giá trị nếu người ta chịu nếm nó,

chịu thực hành theo bất kỳ phương pháp nào, miễn đem lại giải thoát khỏi cảnh sanh, lão, bệnh, tử cho chúng sanh và chỉ cho chúng sanh mà thôi.

Nền tảng của Phật giáo là tình thương, là từ bi. Cửa ngõ để đi vào lâu đài Phật giáo là Upaya, là kế lý, kế cơ. Qua phương thức kế lý, kế cơ chúng ta có thể nhận diện được bốn khuôn mặt, bốn mô hình, bốn giai đoạn phát triển Phật giáo, đó là Phật Giáo Nguyên Thủy, Đại Thừa, Mật Tông, Kim Cang Thừa.

Đối với Phật giáo Nguyên Thủy quả vị A La Hán là mục tiêu lý tưởng. Các bậc A La Hán trong thời Phật tại thế cũng đã xử dụng phương thức Upaya. Nên nhờ phương thức Upaya luôn luôn gắn liền với tâm từ bi. Đại đức Purna vì lòng từ bi muốn đến giáo hóa cho dân chúng vùng Sronapuranta, nơi ranh giới địa đầu bất an. Người dân ở đó nổi tiếng hung bạo, ăn nói thô lỗ, tính tình nóng nảy. Đức Phật cho A La Hán Purna biết là ngài đến truyền đạo ở xứ ấy ngài có thể bị mắng chửi, đánh đập, hành hung, bị giết. Đại đức Purna bạch Phật là ngài sẽ rất ơn dân chúng vùng đó là vì họ chỉ chửi mắng ngài mà không hành hạ, chỉ hành hạ mà không hành hung gây thương tích, chỉ hành hung mà không giết, chỉ giết mà vẫn nghe Pháp, dù không nghe pháp nhưng đã giúp ngài mau chứng Niết Bàn ...

Đại thừa Phật giáo xem quả vị Bồ Tát là mục tiêu lý tưởng, thực hành hạnh Bồ Tát bằng phương thức Upaya là “tố phú quý hành hô phú quý, tố bản tiện hành hô bản tiện, tố di dịch hành hô di dịch.” Vì đại nguyện cứu độ chúng sanh mà người tu hạnh Bồ Tát, đôi khi phải

phá trai phạm giới. Nhà Phật học uyên thâm, chuyên nghiên cứu giáo điển Đại thừa Dr. Edward Conze kể câu chuyện : (buddhism : The Mahayana, tr 307-308)

“Một hôm tôi có dịp dùng trưa với một vị Lama người Mông-cổ, tôi gọi đồ chay cho ngài nhưng ngài nói không cần thiết : “Chúng tôi, những nhà sư Mông Cổ thường ăn thịt vì không có gì khác”. Dè dặt tôi đề cập đến giới luật nhà Phật. Ngài trả lời ngay : “Vâng, tôi biết thế, tôi biết ăn thịt là phạm giới luật nhà Phật và vì phạm tội ấy tôi có thể bị đọa vào địa ngục. Nhưng nhiệm vụ của chúng tôi là mang giáo lý của đức Phật đến cho dân Mông cổ, vì vậy chúng tôi phải chấp nhận mọi hậu quả.”

Chúng ta có đành để cho dân Mông Cổ không được hưởng mùi vị giải thoát chỉ vì một người phải xuống địa ngục ?

Mật tông (Tây Tạng) hay Chân Ngôn Tông (Trung Hoa) Shingon (Nhật Bản) là một giáo pháp không thể diễn dịch bằng ngôn ngữ thông thường mà phải bằng ngôn ngữ của Phật, là Mật giáo khác với Hiển giáo, chú trọng mật truyền (Siddha). Áp dụng kế lý kế cơ trong truyền thống mật truyền vị bốn sư hướng dẫn luôn luôn chú tâm đến nỗ lực phát triển tâm linh của người đệ tử. Ngài Marpa đã bắt đệ tử Milarepa (1040-1123) phải lao động phục dịch suốt mười hai năm trời, mục đích khiến đệ tử có đủ thì giờ tiêu trừ ma lực trước khi thọ nhận huấn thị.

Với Thiền, dù là thiền Nguyên Thủy được ghi chép đầy đủ trong bộ Sisuddhi Margga (Thanh tịnh đạo) gồm có bốn mươi phép thiền ; thiền của Du già luận Bán Đại Thừa, Thiền Chỉ Quán của Thiên Thai hay Thiền Du Già bí mật của

Chân Ngôn tông (Mật giáo) danh ngôn, từ ngữ, qui ước đều là những trở ngại lớn “kiến tánh thành Phật.” Lý tưởng hay chân lý mà đức Phật chứng ngộ khác hẳn với những gì mà Ngài đã giảng dạy, bởi vì giáo thuyết bị ước định bởi ngôn từ mà Ngài dùng, bởi thính chúng mà Ngài giáo hóa và bởi hoàn cảnh xảy ra cho người nói và người nghe. Cái mà thiền hướng đến là lý tưởng của Phật, minh nhiên và không bị ước định. Quan điểm của thiền là “dĩ tâm truyền tâm, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Đạo lý Upaya được áp dụng khiến Ngài Ca Diếp mỉm cười khi thấy Phật cầm cành hoa Kumbhala, khiến ngài A Nan ngộ đạo qua câu trả lời “hãy đi hạ cột cờ xuống” của ngài Ca Diếp.

Đọc một quyển sách khó chúng ta nghĩ là chúng ta phải chú tâm. Vì bận tâm đến sự chú ý, chúng ta có thể không hiểu rõ những gì đã viết trên giấy và đi xa hơn nữa vì bận tâm đến những gì viết trên giấy, chúng ta có thể xao lãng chủ ý của người viết. Thiền sư Alan Watts kể câu chuyện về giáo sư Irving Lee thuộc đại học Northwestern. Giáo sư Lee cầm một bao diêm dơ lên cao và hỏi sinh viên trong lớp : “Cái này là cái gì ?” Sinh viên đều đáp : “Bao diêm”. Giáo sư Lee nói : “Không phải ! Nó là cái này - quãng hộp diêm xuống đất - Nó là tiếng động và phải chăng đó là tiếng động ?” Trong Thiền Đốn Ngộ có rất nhiều câu chuyện tương tự. Những lời nói ấy, những hành động ấy là Upaya, là phương tiện thiện xảo cốt đạt mục đích tối hậu, đó là giải thoát, là giác ngộ.

Trên lãnh vực truyền bá đức tin, các

tôn giáo trên thế giới có thể được chia làm hai loại : Tôn giáo quảng bá và tôn giáo không quảng bá. Tôn giáo quảng bá gồm có Phật giáo, Cơ Đốc Giáo và Hồi Giáo. Làm một tôn giáo quảng bá đương nhiên phải tiếp xúc với văn hóa khác và khi tiếp xúc đương nhiên hai nền văn hóa ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên ba tôn giáo này qui định vai trò truyền bá của họ khác nhau nên mức độ hội nhập với văn hóa bản xứ cũng không giống nhau. Dựa vào sự gợi ý của Max Weber (1864-1920) nhà xã hội học danh tiếng về tôn giáo, chúng ta có thể phân loại hoạt động truyền giáo của ba tôn giáo trên dựa vào phương thức sử dụng, đó là hoạt động truyền giáo có tính cách phát huy, hoạt động truyền giáo có tính cách hứa hẹn và hoạt động truyền giáo có tính cách đại diện (Emissary, Promissory, Commissary). Theo cách phân loại này thì phương thức truyền thừa của Phật giáo thuộc loại phát huy, Cơ Đốc Giáo thuộc loại hứa hẹn và Hồi giáo thuộc loại đại diện. Loại phát huy thành hình sự hiện diện của mình ở đất lạ quê người nhưng rất hạn chế cố gắng thu hẹp sự cách biệt giữa mình với văn hóa tiếp xúc, duy trì truyền thống của mình nhưng không tiêu diệt truyền thống tiếp xúc. Loại hứa hẹn không những thiết lập sự hiện diện của mình mà còn đưa ra hứa hẹn đối với văn hóa tiếp xúc, nhấn mạnh sự khác biệt giữa mình và văn hóa tiếp xúc. Loại đại diện khai thác sự sai biệt giữa mình và văn hóa tiếp xúc, nỗ lực biến cải văn hóa tiếp xúc theo mô hình của mình.

Với phương thức truyền bá tín ngưỡng theo loại phát huy, Phật giáo đã

hòa mình vào đời sống văn hóa của các nước liên hệ, không gây khó khăn hay căm thù với các dân tộc tiếp xúc mà ngược lại làm cho nền văn hóa của họ thêm phong phú, rực rỡ.

Lịch sử truyền bá giáo lý của Phật có sự đồng nhất của một cơ thể, nghĩa là chiều dài phát triển, chiều rộng quảng bá, chiều sâu thấm nhuần, từ mức độ này đến mức độ khác không đứt quãng, không đột ngột mà là liên tục, không khác gì hình ảnh của con nòng nọc biến thành con ếch, con nhái. Diễn trình biến đổi từ con nòng nọc đến con ếch là diễn trình của một cơ thể, một cá thể trong nhiều hình hài khác nhau. Hình ảnh của con nòng nọc và con bướm bướm là một diễn trình biến đổi khác, một biến hóa liên tục, không đứt đoạn, từ hình thái này đến hình thái khác. Vì vậy, đối với Phật giáo chúng ta không thể nói Đại Thừa là hiện tượng mới của Phật giáo Nguyên Thủy, Mật Tông là hiện tượng mới của Đại Thừa v.v.. Nguyên Thủy, Đại Thừa, Mật Tông...là một diễn trình, một phát triển phù hợp với môi trường văn hóa của từng quốc gia, của từng thời đại. Hình tượng tuy sai biệt nhưng bản chất vẫn không thay đổi, bản chất ấy là giải thoát, là diệt trừ mê hoặc, đạt thành chánh giác.

Phật giáo trong hai thập niên trở lại đây đã xây dựng được một nền tảng khá vững chắc ở các nước Tây phương. Gần đây, Phật giáo được xem như là một tôn giáo phát triển nhanh nhất tại Anh với hơn một trăm trung tâm hay hội đoàn Phật giáo. Tại Hoa Kỳ số lượng ấy nhiều hơn. Tại Âu Châu nói chung Phật giáo càng ngày càng phát triển. Ngay tại Nga

ảnh hưởng Phật giáo cũng khá bàng bạc : Ba nước cộng hòa Buriatia, Tuva và Kalmykia trước thuộc Liên Bang Sô Viết, có tất cả bốn mươi lăm ngôi chùa. Ngôi chùa tại St. Petersburg đã bắt đầu hoạt động lại tại Mạc Tư Khoa và Ukraine giáo phái Liên Hoa có hai cơ sở, giáo phái Karma Raghui có một trăm tám chục trung tâm Tổ Chức Đại Thừa Phật giáo Viễn Đông có mười hai trụ sở, ngoài ra còn bốn mươi ba Hội hay tổ chức Phật giáo độc lập trong đó có Hội Phật Giáo Thảo Đường do một đạo hữu người Việt và bà vợ người Nga giáo sư đại học làm Hội trưởng.

Tại sao Phật giáo đối với Tây phương có sức quyến rũ như vậy ?

Thứ nhất vì Phật giáo không khuyến khích tín hữu dựa vào niềm tin mù quáng : “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, đức Phật chỉ là người hướng đạo”. Người thực hành giáo lý Phật, người đi trên con đường đạo của Phật phải tự tìm hiểu, phải tự chứng nghiệm. Qua kinh nghiệm bản thân, nếu thấy con đường mình đi qua có lợi ích cho mình, cho người thì nên tiếp tục, không có ai cưỡng bách, không có ai ép bức. Tinh thần phóng khoáng không bị ràng buộc bởi giáo điều đã được ghi nhận một cách cụ thể trong lời dạy của Phật với dân Kalama sống gần thị xã Kesaputta : “Này các người Kalama, các người không nên tự mãn với những lời đồn hay với truyền thống, với những mẩu chuyện cổ ca ngợi, tán dương được ghi trong kinh sách. Các người không nên tự mãn với ước đoán của mình với luân lý có tính cách thuyết phục, với bằng chứng mới trông ra có vẻ giá trị, với khuynh hướng hay quan điểm được người

khác tán trợ hay với ý nghĩ cho rằng người ấy là thầy của ta, ta nên tin theo. Các người hãy gạt bỏ những ý nghĩ trên, những tư tưởng trên, những hoài niệm trên. Các người phải tự chính mình suy nghĩ, tự mình kinh nghiệm rồi mới từ đó tin và làm theo”.

Lời dạy của Phật đã được phản ảnh bởi một đại sư người Tích Lan, Hòa Thượng Narada : “Người Phật tử không nô lệ sách vở hay bất cứ ai. Người Phật tử không hy sinh tư tưởng tự do của mình. Người Phật tử tự luyện tập ý chí tự do và mở mang kiến thức cho đến ngày mình đạt được Phật quả, vì tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật”.

Tinh thần phóng khoáng của Phật giáo đã khiến cho giáo sư Bapat viết những lời như sau : “chưa có một trang lịch sử nào của Phật giáo bị đốt cháy bằng ngọn lửa dị giáo, bị tàn phá bằng hận thù, bị nhuộm đỏ bằng máu của những nạn nhân vô tội không đồng tín ngưỡng. Phật giáo chỉ sử dụng một thanh gươm, đó là gươm trí tuệ, chỉ thừa nhận một kẻ thù, đó là vô minh”.

Thứ hai là tinh thần bao dung và hiền hòa của Phật giáo. Nếu mọi người đều có quyền tìm chân lý theo kinh nghiệm sống của mình, thì người khác cũng có quyền tương tự. Phật giáo tôn trọng sự sai biệt của mọi người vì nhân duyên không giống nhau. Tinh thần bao dung, phóng khoáng ấy rất cần thiết cho xã hội loài người hiện nay. Theo truyền thống đó, người Phật tử chân chính không mạ lỵ hay sát hại người khác tín ngưỡng, không bôi nhọ, thiêu hủy kinh sách, hình tượng hay cơ sở của tôn giáo khác. Thủ tướng Ấn-Độ, ông Nehru đã

nói về Phật giáo : “Trong thế giới giông tố và xung đột, hận thù và bạo lực. Thông điệp của đức Phật sáng chói, rực rỡ như vầng thái dương. Có lẽ không bao giờ Thông điệp của Ngài lại thiết yếu như trong thời đại của thế giới bom nguyên tử, khinh khí ngày nay. Hai ngàn năm trăm năm qua đã tăng thêm sinh khí và chân lý của Thông điệp này. Chúng ta hãy nhớ lại bức Thông điệp ấy và hãy cố gắng thi triển tư tưởng và hành động của chúng ta trong ánh sáng giáo lý của Ngài”.

Thứ ba là truyền thống tư duy, tìm hiểu tự do của Phật giáo. Nếu Phật giáo không lệ thuộc vào đức tin đặt để hay mặc khải, vậy Phật giáo là gì, phải chăng chỉ là một học thuyết phủ định, có tính cách trừu tượng, không tưởng, xa với thực tế ? Trả lời câu hỏi này chúng ta hãy nhớ đến nếp sống, phong thái, cách hành xử của Phật và phương pháp truyền thừa đạo lý giác ngộ của Ngài : Hòa nhã, khiêm cung, khách quan, không câu chấp, không lệ thuộc, không phục tùng. Thay vì tiêu cực, hạn chế, đây là một truyền thống tích cực, hòa đồng, hòa đồng với cá thể, hòa đồng với tập thể, hòa đồng với trình độ, văn hóa. Thay vì thiên lệch, chủ quan, đây là truyền thống bao dung, tổng hợp. Giáo lý nhân duyên chủ trương con người không phải là một cá thể riêng biệt mà là một phần tử trong cộng đồng, luôn luôn ảnh hưởng lẫn nhau, tương trợ cho nhau : Đây là đạo lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể, tự do trong trách nhiệm và trách nhiệm trong tự do. Charles Eliot, khoa học gia, viện trưởng đại học Harvard Hoa Kỳ đã viết : “Lần đầu tiên trong lịch sử

thế giới, đạo lý giải thoát của đức Phật ai cũng có thể đạt được mà không cần đến sự giúp đỡ của một đấng thiêng liêng nào, hay vị Thần nào. Ngài un đức trong mọi chúng ta đến nhu cầu trí tuệ, vì không có trí tuệ thì siêu linh nội tâm không làm sao có thể bàn bạc trong đời sống của Ngài”. Ông nói thêm về Phật giáo đối với thế giới bên ngoài, thế giới của chúng ta đang sống, không bi quan như nhiều người lầm tưởng, không yếm thế như chúng ta thường nghe. “Đức Phật không giận hờn thế gian. Ngài quan niệm cuộc sống vô thường, bất ổn, nhưng không độc ác ; Ngài quan niệm thế giới đầy dẫy vô minh nhưng không náo loạn. Ngài phiến hà đôi chút những người không nghe Ngài, nhưng không biểu lộ lòng tức tối, ghét bỏ”.

Thứ tư là phương thức thực tiễn. Nếu Phật giáo nhấn mạnh đến quyền tự do lựa chọn trên đường tìm chân lý bằng kinh nghiệm bản thân hơn là dựa vào đức tin mù quáng, Phật giáo không lơ là mà luôn luôn thúc đẩy hành giả chuyên tâm hành trì khi đã chọn con đường phù hợp với mình, vì dù thức ăn có ngon mấy chẳng nữa cũng không thể tận hưởng mùi vị qua sách vở, qua lời mô tả mà phải dùng, phải nếm, phải thực sự dẫn thân. Trì trai giữ giới là bước đầu, là tư lương cần thiết cho cuộc hành trình tâm linh, tiếp theo đó là những hân nguyện cần thiết để trau dồi, thúc liễm thân tâm ; kế đến là những phương pháp quán tưởng (chỉ, quán), thiền định để mở tung, để phát triển những tài nguyên tâm linh sâu kín : Khai triển trí tuệ, khai triển nhận định, khai triển khả năng hiểu rõ vạn vật, khai triển lòng từ bi vô biên. Nói một

cách khác Phật giáo không phải chỉ là đạo lý, học thuyết, hệ thống đạo đức mà còn là những phương án đi sâu vào cái huyền bí, cái sâu thẳm của sự sống, là những giải đáp cho các nan đề mãi đè nặng trên kiếp sống con người, Anatole France, một tiểu thuyết gia, triết gia Pháp mô tả hình ảnh đức Phật ngồi trên tòa sen như sau : “Với dung mạo hiền từ, thanh lịch, trông trẻ mãi không già, đức Phật ngồi thế kiết già trên tòa sen thanh tịnh, tay mặt dơ lên thế chuyển pháp luân, như giải quyết nan đề của cuộc sống : Nếu muốn thoát khỏi cảnh đau khổ và lo âu, hãy thực hành, luyện tập đức từ bi và đèn trí tuệ”. Balise Pascal, nhà toán học, vật lý và triết gia Pháp nhìn Phật qua một khía cạnh khác : “Con người vĩ đại hơn sức mạnh thiên nhiên vì dù con người có bị sức mạnh thiên nhiên nghiền nát, con người vẫn còn cao cả hơn vì có trí giác, hiểu rõ sức mạnh ấy. Phật giáo đi xa hơn nữa cho con người không những có khả năng hiểu rõ sức mạnh của thiên nhiên mà còn có thể kiểm soát được nó. Con người không những chấm dứt tình trạng bị thiên nhiên nghiền nát mà còn biết làm thế nào để có thể xử dụng sức mạnh ấy để vươn lên”.

Thứ năm là sức mạnh chuyển hóa của Phật giáo. C. J. Jung, nhà tâm lý học trứ danh, viết : “Toàn thế giới muốn hòa bình, nhưng toàn thế giới đang chuẩn bị chiến tranh. Nhân loại cảm thấy bất lực, không tự chủ được trên đà chống nhân loại. Và các thần linh, như từ xưa đến nay, cho chúng ta thấy Số Phận con người”.

Vô lễ số phận của con người là tiêu

diệt lẫn nhau ? Dù sao nhận định trên của Jung cũng đã tóm lược một cách rõ ràng, vấn đề nan giải của thế giới hiện tại. Chúng ta đang gặp không biết bao nhiêu vấn đề khó khăn - xã hội, tâm lý, môi trường, nhân mãn, kinh tế, khí giới hạt nhân. Chúng ta đang đứng trước một hiểm họa chưa từng thấy. Quả địa cầu bây giờ đã trở thành một trái bom nguyên tử nổ chậm. Mỗi giây phút trôi qua là mỗi giây phút nghẹt thở làm cho chúng ta có cảm tưởng đương sống trong gông cùm của sức mạnh đen tối mà chúng ta không rõ hình dạng và tề hơn nữa chúng ta không có cách nào để kiểm soát. Nhân loại trước đây đã trải qua các tai ương. Năm 1347 dịch hạch truyền từ Trung Á đến Sicily nước Ý, trong vòng bốn năm đã giết chết 30 triệu người. Năm 1520 đạo quân của tướng Cortes mang bệnh đậu mùa đến Mexico tiêu diệt hầu hết dân bản xứ. Năm 1918 quân đội Pháp nằm ở hầm hố bị dịch cúm và bệnh đã lan tràn khắp Âu Châu giết hại trên 20 triệu người, hơn số tử thương trong thời Đệ Nhất Thế Chiến. Giờ đây thì bệnh AIDS và hiểm họa nguyên tử.

Chúng ta có cái thói quen là thường hay gán những tai ương mắc phải là do nhóm này, người nọ, muốn làm chủ hoàn cầu gây nên. Đôi khi chúng ta nghe những nhà chính trị, xã hội tuyên bố đã tìm ra giải pháp cho vấn đề, nhưng nên nhớ những giải pháp ấy, nếu có, thì chỉ là những giải pháp nhất thời và tạm bợ, giải quyết ngọn ngành chứ không phải cội nguồn của căn bệnh. Nếu thành thật với chính mình, chúng ta phải công nhận nguyên nhân của mỗi khổ đau, của mỗi nguy khốn là ở tại ta, tại tâm chúng ta,

cái tâm ích kỷ, hẹp hòi do tham, sân, si gây nên, phát xuất từ cá nhân đến cộng đồng rồi tràn lan khắp mọi nơi. Nhìn rõ vấn đề chưa đủ, chưa giải quyết được vấn đề. Những sức mạnh đen tối trong tâm chúng ta cần phải đưa ra ánh sáng, dùng ngọn đuốc trí tuệ, dùng tâm đại bi để tiêu trừ và chuyển hướng. Phật giáo giúp chúng ta chuyển hướng nội tâm và từ đó chuyển hướng thế giới. Chúng ta, nhân loại trên quả địa cầu này, hơn bao giờ hết cần đến Phật giáo. Thomas Henry Huxley, nhà sinh vật, khoa học Anh viết : “Một hệ thống không biết đến Thượng đế theo kiểu Tây phương, một hệ thống không thừa nhận linh hồn bất tử, một hệ thống không trông cậy vào ai và vào đâu mà chỉ dựa vào cố gắng của chính mình để tự cứu rỗi, một hệ thống, theo giáo lý Nguyên Thủy thuần khiết, không dựa vào lời tuyên thệ thần phụng, không tìm sự giúp đỡ ở cánh tay thế tục, đã được truyền bá nhanh chóng tuyệt kỹ, một hệ thống mà đến nay, mặc dầu trộn lẫn mê tín dị đoan của các văn minh tiếp xúc, vẫn là một tôn giáo lớn của nhân loại : Phật giáo”.

(Còn tiếp)

Quà cho Mẹ

Hãy tặng tập truyện ngắn
"Giọt Lệ Như Sương"

của Diệu Nga. Món quà tinh thần đầy ý nghĩa sâu sắc về Tình Mẹ, một phương cách chuyển hóa nội tâm, biến đau khổ thành an lạc.

thơ Thúy Trúc

Đuốc Từ Tâm

Sabine Kratze nàng người Đức quốc
Đến Sài-Gòn theo học Việt văn
Chuyên cần thực tập ba năm
Thủ khoa đặng bằng tiếng tâm lấy lòng
Thương Phật Giáo muôn rừng Pháp nạn
Xót chư Tăng xử án bất công
Vào chùa ra viện cầu mong
Quy Y Tam Bảo ngưỡng trông bốn bề
Trước Từ Tôn con thể dâng hiến
Thieu thân này thực hiện lời nguyện
Mặc cho Thầy bạn ngăn khuyên
Mỏng ba tháng chín lửa thiền rực lên
Trong ngoài nước đôi bên chấn động
Gương Từ Bi mở rộng lòng thương
Trái tim Bồ Tát vô lường
Nguyện cầu Phật Tổ mười phương độ trì
Xin gửi lại lời di tâm huyết
Hiến nhục thân con quyết từ lâu :
Thống Nhất Phật Giáo năm châu
Tặng Ni thoát ngục điều hâu bạo tàn.

Thân tặng Thánh Tử Đạo

Sabine Kratze Pháp danh Từ Tâm,
một cô gái Đức quốc trẻ tuổi đã hy sinh
cho GHPGVNTN

Một Niệm Buông Lung

Huỳnh Trung Chánh

Thím Phan hân hoan mở toang hai cánh cửa bước vào phòng chứa hàng trăm bộ y phục móc san sát nhau, say sưa ngắm nhìn từng bộ không bao giờ thấy chán. Thím ngắm nghía cho niềm vui sướng được gia tăng, chớ thật ra, dấu nhấm mắt lại chẳng những thím vẫn hình dung rõ ràng vị trí từng món, mà còn có thể mô tả vanh vách màu sắc, kiểu cách, hiệu brand name nào, giá cả ra sao nữa ! Đối với thím, chưng diện mua sắm là một “nghệ thuật”, và thím rất tự hào về tài nghệ siêu đẳng của mình. Người nắm vững được nghệ thuật mua sắm, ngoài khả năng tài chánh, còn phải có óc thẩm mỹ để phân biệt những đường nét sắc sảo, kiểu cách trang nhã, màu sắc tươi mát, hòa hợp đúng điệu với vóc dáng của mình, mặt khác, lại cần có khả năng hiểu biết phẩm chất từng tư liệu sản xuất, sành sỏi ngọn ngành từng nhãn hiệu tiếng tăm, “đánh hơi” chính xác chuyển hướng của thời trang, và sau cùng lại phải chịu khó lục lọi khắp các cửa hàng, thì mới mong khám phá được món vừa ý. Thím ngần ngừ trước bộ “lễ phục hải quân” trắng, viền xanh, nút màu vàng to, đượm nét thanh lịch và uy nghi. Nhìn bộ y phục này cơn giận ngày nào bỗng hâm nóng trở lại. Thím giận là giận cô bán hàng kỳ thị kém lịch sự, đáng lẽ thím quảng trả rồi hăm hăm bỏ đi thì mới phải, nhưng tiếc công so đo lựa chọn thím đành bấm bụng trả tiền

mà nổi bực tức cứ đeo đẳng mãi. Thím chợt nhớ bộ này đã mặc dự tiệc mừng thượng thọ của một người đồng hương mấy tháng trước, e có kẻ thấy rồi thì nguy to, nên thím đưa mắt tìm cái khác. Thím thoát nghĩ đến chiếc váy ngắn (mini jupe) đỏ, đơn giản mà trẻ trung. Hôm mang chiếc váy này về nhà, thím bị cái “ông chồng cổ lỗ sĩ” trêu ghẹo là “cũn cũn quá”, khiến thím đỏ quạu. Sau đó, dù chú đã ní non già lã, mà giờ này nhớ lại, nổi hờn giận vẫn còn vương vấn trong lòng. Cuối cùng, thím chú ý đến bộ áo đầm kín cổ, dài phết gót màu rượu chát, vừa quý phái, vừa xinh xắn. Rồi thím lại ngần ngừ trước chiếc “xường xám” màu nước biển, với cành hoa cắm chướng thêu tay khéo léo, mà thím đã may mắn khám phá hai hôm trước tại một cửa tiệm chuyên bán hàng sản xuất tại lục địa. Thím đang sẫm soi ngắm nghía, chợt lạnh mắt thấy con hai đuôi lấp ló, thím phủi xuống thảm, rồi chà xác nó tan nát. Dù vậy, cơn giận vẫn chưa nguôi, thím dặn lòng phải mua thêm long nã, và nhớ xịt thuốc tiêu diệt hết giống phá hoại áo quần này mới được. Đắn đo mãi vẫn phân vân trước hai bộ y phục xinh đẹp, thím bèn cầm cả hai bước ra, ỏn ẻn hỏi chồng :

- Anh ơi ! Em mặc áo nào hợp hả anh ?

Chú Phan than thắm mụ vợ già mà ngờ vẫn còn trẻ trung, thịt chấy xệ ra mà

đòi mặc xường xám bó chật thiệt chẳng ra thể thống gì. Tuy vậy, nếu nói thật thì mất lòng vợ nên chú đành gật gù lên tiếng :

- Ố ! Áo nào em mặc cũng đẹp cả, “mỗi cái một vẻ, mười phân vẹn mười” mà. Ố ! Độ rày trời trở lạnh, em nhớ mang áo ấm kéo bệnh thì nguy !

Nghe chồng nhắc trời lạnh, thím đành mặc áo đầm kín cổ, mà vẫn còn tiếc cái xường xám, nên lầm bầm:

- Trời lạnh lẽo ! Chúng diện chẳng thoả mái tí nào !

Vợ chồng Phan chuẩn bị dự tiệc tất niên tại nhà họ Tô, một trong hai người bạn thiết đã kết giao với chàng hơn mười nẩy năm trời, từ lúc họ vừa đặt chân đến xứ Hoa Kỳ, sau khi vượt thoát khỏi Hoa lục trong cơn quốc nạn. Người Hoa sinh sống tại vùng Cựu Kim Sơn tuy đông đảo, nhưng tìm được người đồng hương cùng nói thổ ngữ Tiểu Châu, từng là viên chức của chế độ Dân quốc, lại cùng đam mê cờ tướng ... là một điều hiếm có. Vì vậy, tuy chẳng hề lập thế kết nghĩa anh em, mà tình bằng hữu của bộ ba “tướng, sĩ, tượng” Tô, Triệu, và Phan, rất ư là thâm trọng. Tháng nào họ cũng hợp mặt uống trà, đánh cờ và đàm đạo. Hằng năm lại có tiệc tất niên để có dịp nhắc nhở về mảnh đất chôn nhau cắt rún ở bên kia bờ Thái bình dương. Hợp mặt thì có dịp đầu hót vui vẻ mà lại có lý do chánh đáng chúng diện, nên thím Phan trang điểm cực kỳ cẩn thận, chú hối thúc mãi, thím mới chịu kết thúc màn “sắm tuồng” để lên đường.

Chiếc xe BMW mới toanh lăn bánh êm ru, thím Phan ngả người lún sâu vào ghế nệm da lim dim thích thú. Thím giựt

mình nhòm dẫy khi thấy con chó lông xù của người hàng xóm phóng uest sần trước nhà thím. Thím lầm thầm rửa : “Con chó bần thúu ăn hại này sao không bị xe mười bánh cán chết cho người ta nhờ !” Giận chó ghét chủ, cái mặt mâm xấu xí của cụ hàng xóm Hải Nam chờn vờn hiện ra trong tâm khảm của thím. Thế rồi, bao nhiêu chuyện khó ưa của cụ tà cứ thế mà tuôn tràn ra, nó chỉ vụt biến mất khi thím giật nẩy mình chợt thấy một kẻ bụi đời băng ngang đường bữa bãi, thím hốt hoảng la : “Thắng ! Thắng !” Thím lầm bầm : “Sao lại có cái hạng người gì biếng nhác, chẳng chịu làm lụng chi cả ! chỉ có nước ăn bám vào xã hội, thảo nào thuế má nước nầy chẳng cao ?” Quả tim vẫn còn đập thình thịch, thím lại điếng người thấy chiếc xe thể thao lách ẩu, cắt ngang xe, khiến chú phải thắng gấp mới tránh tai nạn. Thím nổi giận xúi chồng : “Anh bóp còi mắng nó đi anh !” Phan cười hì hì rồi bỏ qua. Sống ở thành phố Cựu kim sơn đường hẹp xe đông nầy, Phan đã quen với cảnh thiên hạ lái xe cầu thả, chèn ép, bực dọc rồi, nên chẳng nghĩ đến việc bóp còi chửi thề làm gì. Khi đi ngang khu bệnh viện San Francisco General Hospital, Phan chợt xúc động nhớ đến một người bạn đang thoi thóp chờ chết trong đó, chàng chép miệng thở than:

- “Bạn bè lứa tuổi mình, theo năm tháng mà rơi rụng lần lần ... Năm trước lão Vĩnh Phát bỏ mạng, năm nay thì chú Trần quán lý cũng sắp đi đong rồi !

Trần Thủ cũng thuộc bang Tiểu Châu, làm quản lý tiệm thực phẩm đồ biển, chăm chỉ làm việc cho đến khi té xỉu, chở vào bệnh viện thì mới khám phá

ra bệnh ung thư cổ họng và gan đến thời kỳ trầm trọng. Tuần trước vợ chồng tím ghé thăm, bệnh nhân đã nằm liệt giường, không nói năng ăn uống chi được. Bác sĩ đã phải khoét một lỗ dưới cổ, đút ống cao su thẳng vào bao tử để tiếp tế thức ăn. Hồi tưởng đến hoàn cảnh thảm thương của con bệnh, tím bùi ngùi phụ họa :

- Tội nghiệp chú Trần quá ! Anh há ! sống như vậy thà chết còn hơn ! Ồ ! Anh à ! Chú Trần tuy làm quản lý tiệm hải sản, nhưng tự tay chú đầu có sát sanh, mà tại sao chú phải chịu quả báo ung thư cổ ghê gớm như vậy ?

- Ồ ! Theo một vài nhà nghiên cứu thì dân Tiểu Châu mình, đời đời có thói quen ăn cháo thật nóng nên tỉ lệ ung thư cổ tương đối cao hơn giống dân khác ! Đó lối giải thích khoa học, còn theo tin tưởng của tổ tiên ta, thì bệnh tật phát sinh từ những nhân duyên trong hiện kiếp hoặc tàng trữ từ kiếp trước, nhưng vấn đề tiền kiếp nhân quả thì ngoài trừ những bậc cao tăng đắc được túc mạng thông, có mấy ai tường tận. Ồ ! mình làm sao dám lạm bàn chuyện này hở em ! Chú lặng yên một lúc, rồi như chợt nhớ ra điều gì, chú lại vui vẻ lên tiếng :

- A ! có chuyện này lạ nè ! Tại xứ Hoa Kỳ, có một người tên Edgar Cayce, theo đạo công giáo nhưng lại tin tiền kiếp và nhân quả. Không biết kiếp trước ông tu hành như thế nào, mà kiếp này ông ta có thể định tâm thấy kiếp trước của thân chủ, tìm ra nguyên nhân để trị bệnh. Ông truy tiền kiếp của vài người bị bệnh béo phì thấy trong kiếp trước họ lăm vào hoàn cảnh đói khát, suốt ngày tư tưởng ước mơ chuyện ăn uống, nên kiếp

này họ cứ thèm ăn, ăn không ngừng rồi sanh bệnh. Theo Ông ta thì người kiếp trước có những liên hệ tha thiết với thực phẩm sẽ quây quần với thực phẩm, họ cảm thấy hợp với ngành nghề thực phẩm : Họ buôn bán, dự trữ, nấu nướng và có nhiều trường hợp họ thích ăn, ăn thật nhiều rồi sanh ra bệnh béo phì ... Theo thuyết này, thì mình chỉ có thể suy luận rằng chú Trần kiếp trước đã có những liên hệ sâu xa với hải sản, nên kiếp này chú mới làm quản lý tiệm hải sản như vậy ...

- Thuyết này cũng có lý a! thảo nào quý thầy khuyên người tu pháp môn tịnh độ thì phải tha thiết, một lòng hướng về cõi tịnh độ thì mới có thể vãng sanh được!

- Khâm phục ! Khâm phục ! Bà xā tui tinh thông giáo lý quá chừng chừng hà ! Vậy theo quan điểm đó mà lập luận thì ai tha thiết quyến luyến với vãi vốc lưa là thì họ cũng tạo ra cái nhân duyên để kiếp sau quây quần với y phục phải không em ? Như em, kiếp sau em dám làm chủ nhân ông một hãng xưởng sản xuất y phục nổi tiếng khắp thế giới chớ chẳng phải chơi đâu ?

Thím nghe chồng tán hươu tán vượn mát lỗ nhĩ, cười hì hì đáp :

- Không cần lớn lăm đâu ! Chỉ được cỡ như Liz Clairebone, Ellentracy ... là chung diện cũng đã đời rồi ...

- Ấy ! Đấy là mình lạc quan mơ mộng nói chơi thôi ! Chớ phân tích kỹ thì tuy cùng có những liên hệ mật thiết với vãi vốc mà mỗi người lại có những nghiệp duyên riêng. Kẻ đại phước có thể làm chủ nhân, phước kém lần lần thì làm quản lý, thợ may, người bán hàng ...,

còn kẻ bạc ác thì cũng có thể gắn gũi với vải vóc dưới dạng một con hai đuôi, con dán ...

Lời nói bông đùa của chồng bất ngờ khiến thím hồi tưởng lại giây phút thím giận dữ tàn sát con hai đuôi chui rúc trong bộ xương xám mà chột dạ ! Thím nghĩ con hai đuôi có thể là thân tương lai của thím lắm, nếu như thím cứ tiếp tục đam mê áo quần và không biết vun bồi phúc đức. Suy tư nầy ám ảnh thím mãi, khiến thím cứ quanh quẩn nhớ nghĩ cặn kẽ từng hành vi tư tưởng của mình từ khi bước vào phòng y phục cho đến khi nổi giận thằng trẻ tuổi lái xe thể thao hung bạo. Càng quán sát kỹ, thím càng ngạc nhiên thấy tâm ý của thím lảng xảng như khói vượn, vọng tưởng “thương ghét giận hờn” cứ liên tục nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Thím Phan vốn là một Phật tử thuần thành, quý chùa mến đạo, thím tham gia tọa thiền, rồi lại qui ngưỡng pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ. Thím yên chí rằng mình có căn tu, tâm sẵn thanh tịnh, nên dù chọn pháp môn nào thím cũng tin chắc mình sẽ đạt được thành quả tốt đẹp. Bây giờ thím mới giật mình nghiệm rõ rằng, dù tọa thiền hay niệm Phật, mà tâm thím loạn động như bão biển thế nầy thì có ích lợi chi đâu ! Huống chi, tuy thím tự nhủ mình tha thiết nguyện sinh về cõi tịnh độ, nhưng thật tâm thím chỉ lẩn quẩn thương ghét cõi ta bà : Thím quyến luyến chồng con, đắm nhiễm nhà cửa xe cộ, đam mê quần áo, son phấn, và nồng nhiệt bon chen vui sống phủ phê ở chốn văn minh phù phiếm nầy ... thì ra, tuy thím niệm Phật ngày đêm mà tâm cứ “loạn cào cào”, còn ái dục thì dính mắc

sâu đậm như dán keo “super glue”, không buông bỏ được chút nào cả. Chư cổ đức đã răn dạy rất rõ : “Ái bất trọng bất sanh ta bà. Niệm bất nhứt bất sanh Tịnh độ”. Thím làm sao vãng sanh Tịnh độ nếu vẫn tiếp tục lối tu tập hời hợt hình thức như cũ. Khám phá được khuyết điểm của mình, thím nguyện phen nầy phải thường quán sát tâm mình để vọng niệm giảm dần, thím phải thực sự buông bỏ những thứ cám dỗ của cõi ta bà hầu có thể dốc lòng tha thiết niệm Phật cho đến khi được nhất tâm bất loạn.

Mụ vợ mãi chìm đắm trong cơn suy tư không quấy rầy càng hay, chú Phan thoải mái lái xe bon bon qua cầu Golden Gate, đến thành phố Belvedere, đậu hẳn xe tại nhà bạn, rồi mới ôn tồn nhắc nhở :

- Tới nhà anh Tô rồi em !

Thím Phan bừng tỉnh, mở cửa xe bước ra ngoài, thì xe họ Triệu cũng vừa trở tới, nên thím dừng lại chờ bạn, tíu tít chào hỏi.

Thím Triệu ngắm nghía thím, đoạn trầm trồ :

Chời ! Bộ áo đầm sang trọng quá mức ! Xem chị trẻ hẳn ra !

Thím Phan khoái chí cười hỉ hả, nhưng vẫn ra giọng khiêm tốn đáp :

- Ô ! Cũng thường thôi chị ạ ! Đoạn thím mới “bỏ nhỏ” :

- Em mua nó ở Fifth Saks Avenue á ! Chỉ có hai trăm năm mươi sáu đồng hà chị !

Thật ra, thím mua chiếc áo đầm nầy với giá “sale” năm mươi sáu đồng tại một “out let” chuyên bán sản phẩm có tí vết của các hiệu nổi tiếng. Tí vết mình mua mình biết chớ mấy ai thấy được nên “tội gì” thím không nổ cho sướng miệng.

Thím chiếu cặp mắt “nhà nghề” quan sát y phục bạn, biết rõ bộ nầy bán tại tiệm Ross chỉ có ba mươi tám đồng, nên mừng niếm chút khinh khỉnh trong lòng. Thím lại nhận thấy bạn đã lớn tuổi mà mặc áo đầm bông lòe loẹt, cũn cũn, lòi cặp giò óm nhom đen đũi, nên chỉ phô bày nét quê mùa chớ chẳng “sexy” hấp dẫn gì cả. Tuy vậy, thím cũng giả vờ thích thú rồi khen đáp lễ :

- Trang phục của chị trẻ trung xinh xắn làm sao á ! Chị lựa khéo lắm ! đẹp lắm !

Rồi thím thì thầm với bạn mẩu chuyện “cấm bọn đàn ông nghe” :

- Chị biết không ? Ở tiệm Đại đồng, hàng lục địa mới về : Đủ loại đủ kiểu vừa đẹp vừa rẻ ! Em mới “táo thanh” cách nay hai ngày, chọn được cái xường xám thù khéo không thể tả ! Chị nên đi lựa nhanh kéo trở ! ...

Thím Triệu thích chí gặt đầu lia lịa, nhưng chưa kịp bàn bạc gì thêm thì gia chủ đã vốn vĩa bước ra đón khách. Triệu và Phan thân mật xáp vào ngồi quây quần với Nghĩa và Danh, hai người em trai của họ Tô. Họ vừa lai rai lon bĩa, vừa theo dõi trận đấu bóng bầu dục hào hứng trong truyền hình. Hai người đàn bà thì tự nhiên bước thẳng vào bếp, tay bắt mặt mừng với nữ gia chủ và hai cô em dâu, rồi hội nhập ngay vào không khí ồn ào vui vẻ như cái chợ ở đây. Người ta nói chỉ cần có ba người đàn bà là đủ để họp chợ, hướng chi ở đây có đến năm bà. Họ tung tăng đấu hót đủ mọi đề tài, từ chuyện tình ái lãng nhãng cả bàn dân thiên hạ, chuyện vàng bạc hột xoàn, chuyện xe hơi nhà lầu, họ chuyển sang đề tài ăn uống, rồi đến nghệ thuật nấu

nướng. Ai cũng muốn chứng minh mình là tay biết nhiều, sành sỏi đủ mọi thứ, thành thử họ cứ tranh nhau bàn cãi sôi nổi, dường như, nếu được đấu hót suốt cả tuần lễ, chắc họ cũng chưa cạn hết ý. Điều đáng phàn nàn là đã mấy phen thím Phan áp a áp ứng gợi đề tài trang điểm ra, nhưng bọn họ cứ vô tình mải mê thảo luận chuyện khác, thành thử thím chẳng có cơ hội thuận tiện nào để khoe bộ y phục sang trọng và “nở” cho sượng miệng cả !

Cơm nước sẵn sàng. Chủ khách vừa cùng ly mừng nhập tiệc, bỗng beeper của chú Triệu kêu tít tít. Nhìn hàng số hiện trên beeper, Triệu bần khoản nói : “Có chuyện gì gấp mà mấy đứa nhỏ gọi kìa !” Chú vội rời bàn ăn, gọi điện thoại đến người nhấn, rồi mặt mày chú bỗng xanh dờn, chú run rẩy thốt từng câu đứt khoảng : “Trời ! Trời ! ... thằng Xén há ! ... bệnh viện nào ? đường Clarendon phải không ...?” Cả đám lo lắng nhìn chú Triệu, trong khi thím quính quíu nắm tay chồng hỏi :

- Chuyện gì vậy anh ?

Chú phều phào :

- Con báo tin thằng Xén bị tai nạn lưu thông, mạng sống rất nguy ngập, hiện đang chờ vào UCSF Medical Center cứu cấp ...

Nghe tin đứa em út của mình lâm nạn, thím Triệu hét lên hai tiếng “Trời ơi !” rồi ngất xỉu.

Cả bọn xúm lại xoa dầu, giứt tóc mai cho thím tỉnh dậy. Vừa mở mắt, thím đã bù lu bù loa khóc lóc hỏi chồng :

- Anh ơi ! Anh nhắm thằng Xén qua khỏi không anh !

Chú Triệu đã lấy lại bình tĩnh

thường nhật, lên tiếng an ủi vợ :

- Chắc không đến nỗi nào em à ! Em đừng lo lắng ! Anh phải đến bệnh viện ngay mới được. Em mệt, em ở lại đây với các bạn nhé !

- Không ! Em nóng ruột lắm ! Em nhất định đi theo anh hà !

Chú Phan lên tiếng :

- Để tôi lái xe đưa anh chị đi nhé !

- Cám ơn Phan ! tôi đủ bình tĩnh lái xe ! Anh phải ở lại thù tạc với anh chị Tô, bỏ đi hết sao cho tiện !

- Chị còn yếu lắm ! Anh nên ngồi cạnh săn sóc chị ! Tôi đưa anh chị đi, rồi trở lại cũng dư kịp mà ! Phan nài ép bạn.

Phan đưa vợ chồng Triệu ra đi, bữa tiệc tất niên chỉ còn lại bảy người gượng gạo tiếp tục trong bầu không khí nặng nề. Cũng thức ăn đó, lúc nãy nó thơm tho hấp dẫn làm sao, mà giờ đây thím Phan cảm thấy nhạt nhẽo như nhai miếng cao su. Đầu óc thím quay cuồng bởi những hình ảnh của thằng Xén từ ngày nó còn là thằng bé con kháu khỉnh, thím vẫn thường nựng nịu cho quà bánh, cho đến ngày nó trở thành một thanh niên cường tráng, tốt nghiệp bằng tiến sĩ kỹ sư, tương lai sự nghiệp đầy hoa mộng. Ràng ràng mới tuần trước đây, thím còn bắt gặp nó đang hân hoan choàng eo éch tình nhân, thả rểu ở khu bến tàu rất ư là hạnh phúc. Thế mà giờ này, con người tràn đầy nhựa sống đó chỉ còn là một cái xác máu me nhầy nhụa ... Thê thảm quá ! Nước mắt ràn rụa, thím Phan buông đũa thờ dài :

- Tội nghiệp thằng Xén quá !

- Chết như nó kể ra quá ghê rợn, chớ suy cho cùng chúng mình có ai thoát khỏi giai đoạn lìa trần đâu ? Nghĩa bụi người nhụ họa.

Thím Tô tán đồng :

- Theo tôi ! Chết nhanh chóng dù sao cũng dễ chịu hơn tình trạng nhức nhối kéo dài, nửa tỉnh nửa mê, rên la kêu gào, sống chẳng ra con người nữa, mà chết cũng không xong ... Ngay như khi đã già cả lẫn lộn, thân xác còm cõi tiêu tụy, mà cứ sống hoài sống mãi cũng là một cực hình. Bởi vậy, sau lần viếng bệnh viện dưỡng lão chứng kiến cảnh tuổi già khổ nhục, tôi chỉ còn nghĩ đến chuyện tu hành chớ chẳng còn tha thiết điều gì trên cõi đời này nữa !

- Chị em mình đứng tuổi rồi ! Còn ham muốn gì nữa mà chẳng lo tu ! ... Điểm rắc rối là làm sao biết pháp môn nào hiệu nghiệm nhất để tu tập đây ? Chẳng biết anh chị tu tập đạt được kết quả tốt đẹp gì không ? Chớ phần tôi, thú thật tôi đã chạy theo thiền theo tịnh bao năm rồi, mà chẳng thấy đi đến đâu ! tâm vẫn vọng động, vẫn tham sân si chất ngất ... Lúc nào sơ hờ quên thì thôi, mà chợt nhớ tới cái chết gần kề, đôi khi tôi bỗng lo sợ đến thất thần !

Chú Tô ôn tồn góp ý :

- Tâm trạng của chị cũng chẳng khác gì nỗi băn khoăn của tôi mấy năm về trước ! Ngày đó, tôi cũng sờ nhìn bà cụ già tuổi ngoài chín mươi, nhăn nheo gầy còm lất choắt, nằm lặn dưới đất khóc lóc đòi ăn như đứa bé lên ba, mà chua xót rụng rời. Nghĩ đến ngày tàn của mình, tôi khủng hoảng tìm phương pháp tu tập. Mặc dù trong mấy mươi năm qua, tôi đã bỏ rất nhiều thời giờ nghiên cứu luận đàm: thiền, tịnh, mật, duy thức, thiên thai, hiền thủ ..., pháp môn nào cũng lơ mơ thử qua, nhưng thực ra tôi chẳng hề dẫn thân tu tập. Vì vậy, khi cấp bách

muốn tu cho có kết quả thì lại ngờ nghếch chẳng biết lối vào. Nghe tôi than thở, anh Phan mới rủ tôi đi chùa Vạn Phật, thỉnh ý Hòa Thượng Tuyên Hóa. Ngài trích dẫn pháp từ của tổ Hư Vân (1) và phán dạy : “Trên con đường tu, quan trọng nhất là tín tâm phải kiên cố. Kẻ tín tâm thiếu kiên cố lơ mơ tu tịnh vừa nghe thiền đón ngộ “chỉ thẳng chân tâm thấy tánh thành Phật” vội bỏ tịnh theo thiền, lại nghe kinh điển cao siêu vội bỏ thiền theo giáo, đoạn nghe mật nhiệm mầu vội bỏ giáo chạy theo trì chú ... thì càng tu càng thêm chướng ngại chớ chẳng ích lợi gì. Ngược lại, nếu lập chí vững chắc, phát tâm đồng mãnh, đã tịnh thì tâm tâm niệm niệm lục tự Di Đà liên tục cho đến khi được nhất tâm bất loạn, đã thiền thì phải sống chết bám giữ câu thoại đầu sao cho tâm kết thành phiền, công phu thuần thực như vậy thì mới mong thoát khỏi cấu trần, đại dụng hiện tiền, con đường giải thoát của thiền tịnh đâu có gì sai khác ! “Ôm ấp lời dạy của Ngài, từ đó, tôi phát nguyện một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ, và chí thiết tu tập ngày càng tinh tấn. Điểm đặc biệt, là khi đã phát tâm chí thành niệm Phật, tôi có cảm giác mình đón nhận được hồng ân chư Phật gia bị nên thân tâm ngày càng nhẹ nhàng thư thái.

- Ủa ! Ngày xưa tôi nghe anh bàn luận về thiền cao siêu lắm mà ! Sao bây giờ anh chuyển sang Tịnh Độ như vậy ?
thím Phan thắc mắc.

Tô ôn tồn đáp :

- Thật ra, lúc nào tôi cũng tôn quý thiền tông, nhưng cái nhìn của tôi không còn một chiều như ngày xưa nữa. Thuở mới phát tâm, vừa học lóm được vài sáo

ngũ thiền tôi những tưởng sở học Phật pháp của mình cao siêu lắm, thậm chí tôi tự cao tự đại xếp mình vào hàng thượng căn chỉ cần tu một kiếp là đã thừa sức ngộ đạo thành Phật rồi. Thế nhưng, khi tìm hiểu sâu rộng và thực sự bước vào ngưỡng cửa thiền, tôi mới hiểu ngộ đạo chân chánh là chuyện vô cùng hiếm hoi, trong khi ngộ nhập ma đạo lại rất dễ dàng. Ngày xưa, người đệ tử xuất gia theo thầy học đạo bao năm trời, khi thầy xét đã hội đủ giới đức cần thiết thì mới trao câu thoại đầu để tham quán, rồi thường trực theo dõi để hướng dẫn đệ tử, vậy mà, số người bỏ ra cả đời để tu thiền có mấy ai đạt được đạo mầu đâu ? Ngày nay, sách vở và băng thuyết giảng thiền tràn ngập, người ta theo đó nghiên cứu rồi rủ nhau tu thiền, không cần thầy hướng dẫn, cũng chẳng màng quan tâm đến căn cơ, đức hạnh gì cả. Chẳng lạ gì có người mới tọa thiền vài ba tháng, tham sân si ngập tràn, mà mở miệng toàn nói chuyện chúng đắc, hui hui đặt mình ngang hàng với chư Phật với chư tổ, rồi nặng lời bài xích phỉ báng pháp môn khác ... Thấy người rồi nghĩ đến mình, tôi tự biết mình đức mỏng, tham sân si sâu dày ... nên tu thiền chắc khó thoát khỏi lưới ma, nên tuy hằng khâm phục thiền nhưng chỉ đứng vòng ngoài vỗ tay tán thưởng mà thôi !

- À ! Thì ra là như vậy ! Thế rồi anh chọn Tịnh Độ vì đó là lối tu tập dễ dàng chẳng ? Thím Phan lại chất vấn.

- Tôi thiết nghĩ, đúng ra, tu ở cõi ta bà tuy hiểm nghèo nhưng nhờ gặp đủ mọi nghịch cảnh nên có thể tiến bộ nhanh hơn tu tại cõi tịnh. Thí dụ như ở trung phẩm hạ sanh tại cõi Cực Lạc,

hành giả sau khi được chư Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thuyết pháp phát tâm bồ đề chứng được sơ quả Tu Đà Hoàn, rồi phải tu liên tục một tiểu kiếp thì mới có thể chứng được quả vị A La Hán. Trong khi ấy, t. ' cõi Ta Bà, từ quả vị Tu Đà Hoàn tiến đến A La Hán có thể đắc liền ngay trong hiện kiếp, cùng lắm cũng chỉ kéo dài đến bảy kiếp người mà thôi. Có thể hình dung, cõi Ta Bà như là một cánh rừng rậm bao la, hành giả tu ở đây phải leo trèo đạp chông đạp gai phát tâm đại hùng đại lực mở đường tìm đến bờ giải thoát. Con đường đạo gian nan hiểm trở nầy lại chính là con đường chim bay nên thời gian tu có thể rất ngắn, mà cũng có thể dài vô tận nếu như hành giả sa chân ngã gục hay bị lầm đường lạc lối. Tu Tịnh Độ là nương theo lời dạy chư Phật, theo lối đi ít gặp ghềnh và tương đối ngắn để ra khỏi rừng rậm Ta Bà đến xa lộ Cực Lạc. Đến đây rồi, thì đường đi quang đāng, phương hướng rõ rệt, lại được tam thánh dắt dìu, nên cứ từng bước vững vàng mà tu cho đến khi thành đạt, không còn lo sợ chuyện sa chân đọa lạc nữa. Tóm lại, theo tôi con đường tịnh độ là con đường tu an toàn chớ không hẳn là lối tu tắt.

Nghĩa lại góp ý :

- Em đồng tình với anh, là mấy chữ "lối tu tắt" không ổn lắm, nhứt là khi nghe, em cảm giác nó hơi hợ làm sao á ! Người ta có thể hiểu lầm mà có thái độ thiếu nghiêm chỉnh khi nghiên cứu pháp môn tịnh độ đó anh !

Thím Phan lại hỏi :

- Tóm lại, anh chọn pháp môn Tịnh Độ, vì đó là con đường tu an toàn nhờ có thể dựa hẳn vào tha lực của Phật A Di

Đà phải không anh ?

- O ! Quan niệm tha lực cũng dễ bị hiểu lầm lắm ! Thật ra, dù tu bất cứ pháp môn nào người hành giả cũng phải "tự mình đốt đuốc lên mà đi". Phải kiên trì tu tập mới đạt được kết quả. Công năng đầu tiên của câu niệm Phật là tu sửa thân tâm sao cho tham sân si giảm dần, vọng niệm bớt sanh khởi ..., tâm thanh tịnh thì mới có thể đạt đến trình độ niệm Phật nhất tâm bất loạn mà vãng sanh được ... Tóm lại, tu Tịnh Độ tuy nương vào tha lực nhưng tự lực cũng vẫn là yếu tố then chốt trong sự tu tập. Không biết vận dụng tự lực để tha thiết chuyển hóa, thì pháp môn niệm Phật tu sửa tâm cao siêu sẽ biến thành lối tu mê tín, cầu đảo, van xin ... do đó, càng tu tâm càng vọng động điên đảo, chẳng ích lợi bao nhiêu !

Danh vốn ít nói mà lần nầy cũng góp ý :

- Ủa ! Vậy mà từ lâu em cứ tưởng Thiên là lối tu thuần tự lực, còn Tịnh thì hoàn toàn tha lực chớ !

- Thật ra, suy cho cùng pháp môn nào cũng phối hợp tự và tha lực. Ngay như thiền tuy đặt nặng tự lực, nhưng yếu tố tha lực cũng vô cùng vô tận. Người hành giả nương theo giáo pháp của chư Phật chư Tổ lại được đàn na tín thí-nói cho đủ là cả pháp giới chúng sanh yểm trợ thì mới có thể tu hành được. Thiếu sự yểm trợ của chư Phật, chư Bồ Tát và pháp giới chúng sanh thì một niệm an lành còn không có, huống chi nói đến chuyện tọa thiền và giác ngộ. Kể tu thiền nếu tự cho mình là bậc thượng căn tài trí phi phàm, tự tu tự ngộ, không nương nhờ vào tha lực nào cả, rất dễ sanh tâm cống cao ngã mạn mà rơi vào ma đạo.

- Hay quá ! Nếu không nghe anh giải thích, chắc em cứ nhìn thiền tịnh qua những nhận xét nông cạn như cũ ! Danh lên tiếng.

- Anh trình bày rõ ràng lắm ! Tuy vậy, anh vẫn chưa trả lời thẳng câu hỏi của tôi là nguyên nhân nào đã thúc đẩy anh quyết định chọn pháp môn Tịnh Độ vậy anh Tô ? Thím Phan lại vặn hỏi.

-Tôi cũng chất vấn người bạn tu Tịnh Độ y chang như vậy thì anh đáp : “Tịnh Độ là pháp môn thù thắng được chư Phật, chư Bồ Tát và chư Tổ nhiệt liệt tán thán, chư tôn túc luận giải minh bạch, lại đưa ra những bằng chứng vãng sanh rất cụ thể, tôi nghĩ anh là người học rộng hiểu nhiều chắc chắn anh đã từng nghiên cứu qua, tôi lập lại cũng bằng thừa. Phần tôi, tôi thích thuyết nghiệp báo nhân duyên, nên cũng nhìn pháp môn Tịnh Độ theo thuyết này. Tôi nghĩ niệm Phật với Tín, Hạnh, Nguyện là tạo nên nhân duyên thanh tịnh, mà nhân đã thanh tịnh thì quả phải là thanh tịnh ; nói khác, nghiệp tức chánh báo thanh tịnh thì trụ xứ tức y báo phải là cõi tịnh độ. Vì vậy mà tôi tin chắc rằng nếu tôi niệm Phật chân thành thì đương nhiên tôi sẽ được vãng sanh”. Nhờ sự hướng dẫn của anh bạn, đúng ra, là do lòng cảm phục đức hạnh của anh ta, mà tôi đã tìm được đường hướng tu tập phù hợp với căn cơ của tôi.

- Người đó là ai ? Ai vậy anh ? Thím Phan hỏi dồn dập.

- Cũng chẳng phải ai xa lạ đâu chị. Người đã chuyển hóa tôi chính là “Ông xã” của chị đó !

Thấy thím Phan trở mặt lộ vẻ không tin, Tô mỉm cười tiếp lời :

- Đó là sự thật chị à ! Tụi nầy giao du với nhau đã hai mươi năm trời, tính nết xấu tốt thế nào làm sao dấu nhau được. Tôi vốn quý đức khiêm cung nhân hậu của anh. Tôi lại để ý thấy từ ngày anh tu Tịnh Độ, thì dường như phiền não biến dạng dần, con người ảnh ngày càng tươi mát, thanh thản hơn. Anh tiếp xúc hài hòa với tất cả mọi người, kể cả thành phần bất hảo ! Có lẽ, dưới con mắt của anh ấy, ai cũng là người tốt cả, vì anh có bao giờ hờn giận, chê trách ai đâu ! Đức hạnh của anh như vậy đáng cho tôi tâm phục lắm chớ !

Nghe bạn khen chồng, thím Phan thích thú lỗ mũi nở phồng, nhưng thím giá vờ như không quan tâm lắm. thím đối đáp vài câu vớ vẩn đưa đẩy sang câu chuyện khác, rồi lặng yên mà lòng miên man nghĩ ngợi : “Ông xã của thím tuy đứng đắn trung hậu, nhưng chuyện tu tập thật ra còn thua sút cả thím, thế sao chú Tô lộ vẻ khâm phục như vậy kìa ? Tô đùa giỡn chẳng ? Mình phải hỏi ông xã cho ra lẽ mới được ?” Thế nhưng buổi tiệc đã tàn, thím chờ đợi sốt cả ruột mà cái ông chồng “ăn cơm nhà, vác gà voi, lo chuyện tào lao thiên hạ”, mãi đến hơn quá khuya mới chịu “dẫn xác” trở về. Chú vấn tất cho biết Xén bị thương nặng ở đầu, ngực và gãy hai chân. Vết thương đầu nguy hiểm nhất, bác sĩ đã cố gắng giải phẫu, nhưng kết quả vẫn còn mù mịt, mạng sống mong manh lắm. Chú chờ bàn giao vợ chồng Triệu cho đám con cái họ, mới an tâm lui gót thành thử về trễ. Vợ chồng Tô nài ép Phan ăn miếng cơm, nhưng Phan mệt nuốt không trôi, chỉ uống tí nước rồi viện cớ hôm sau phải đi làm, để xin phép chia tay.

*
* *

Xe vừa lăn bánh, thím đã ron ren dò hỏi :

- Anh à ! Bấy lâu nay anh có tu tập gì không anh ?

- O ! Thì khoảng mười năm về trước đó, sau khi viếng chùa Vạn Phật về, hai vợ chồng mình đồng phát nguyện tu Tịnh Độ, chẳng lẽ bà lại quên ?

Dĩ nhiên là thím không quên, nhưng chuyện đó xưa quá rồi. Thím đâu có ngờ chú vẫn chặt lòng chặt dạ với pháp môn Tịnh Độ, trong khi đó, cũng cùng thời gian nầy thím đã thử vòng vòng biết bao lối tu rồi : Thím bỏ Tịnh sang Thiền, từ Thiền nháy sang lối tu lạ của bà Vô Thượng Sư, đoạn chạy theo phong trào nhân diện để “cứu nhân độ thế”, và hiện thì đang ngấp nghé bước vào ngưỡng cửa Mật tông. Thím vẫn còn ngờ vực chồng, nên hỏi tiếp :

-Ủa ! Ông vẫn còn tu Niệm Phật à ! Tu gì mà “êm ru bà rù” chẳng nghe tâm hơi chi cả vậy ?

-O ! Tu nghĩa là sửa thân tâm thì cứ lẳng lẳng mà sửa, chớ đâu phải đóng kịch mần tuồng mà quảng cáo rùm beng, vậy bà !

-Ậy ! Tôi thắc mắc chỉ vì có mấy thưở tôi nghe ông tụng niệm đâu ? Thời khắc tu tập của ông như thế nào mà tôi chẳng hay biết gì cả ?

- Lạ thật ! Hôm nay bỗng nhiên bà lại nổi hứng truy tôi dữ quá ghen ? Bà không thấy, bởi vì mỗi sáng trong khi tôi dậy sớm để lễ và niệm Phật thì bà còn ngủ yên. Ngoài ra, thì tôi thắm niệm Phật suốt ngày : Trong khi lái xe, đi bộ, sẵn

súc vườn hay làm thợ ..., niệm thắm thì làm sao bà hay biết !

Thì ra chú thức dậy sớm để công phu, thế mà, mỗi sáng thức dậy trễ, thấy có trà cà phê pha sẵn, thím đình ninh ông chồng già sanh tật rọ rạ ngủ không được phải bò ra nấu nước để nhâm nhi. Thím bèn lên hỏi :

- Anh gia công tu tập bên bí như vậy mà có ngộ đạt được điều gì cao siêu chưa ? Anh kể thiệt cho em nghe đi !

-O ! Anh nào có đạt được cái gì lạ đâu ? Có một điều là những chuyện mà ngày xưa mình nổi sân hay buồn phiền thì nay mình có thể bình tĩnh đón nhận, kẻ thù người ghét lần lần cũng không còn, thời giờ nào cũng là thời an vui niệm Phật cả nên nổi chán chường bực dọc biến dạng dần, và lòng cũng cảm thấy thanh thản nhẹ nhàng hơn ...

- Ủa ! Chỉ niệm Phật thôi mà cũng thay đổi nhường ấy sao anh ?

- O ! Niệm với tâm buông lung hồ hững thì câu niệm Phật sẽ trở thành vô dụng, ngược lại, nếu thành tâm tha thiết niệm Phật, lúc nào câu niệm Phật cũng tỏ rạng trong tâm, thì vọng niệm làm sao sanh khởi, bụi trần còn nơi nào bám víu. Niệm Phật với chánh niệm thì hoa công đức sẽ đua nhau rộ nở. Đó là nói lý thuyết để nghe mà thôi, chớ như anh thuộc thành phần căn cơ kém, chỉ nhờ siêng niệm Phật nên dễ được nhắc nhở mà sửa tâm. Như khi đang thắm niệm Phật chợt khám phá niệm tham, sân, si manh nha, anh bèn tự nhủ : “Mình đã nguyện vãng sanh về Tịnh Độ mà sao còn tham luyến cõi Ta Bà, còn tính chuyện hơn thua tranh chấp với người ta làm gì kia ?” Sắp mở lời bất nhã, thì anh

tự cảnh cáo : “Tâm bậy quá rồi, miệng mình là nơi cất tiếng xưng tán hồng danh Phật, mình phải lựa lời ngọt ngào hòa ái để trang nghiêm, chớ đâu có thể ăn nói bừa bãi được !” Tâm thường nhất như khi phải chờ đợi ở bãi đậu xe mấy tiếng đồng hồ để em tung tăng mua sắm, lòng anh vẫn an vui thư thái vì anh nghĩ : “Hên quá ! Bà Xā mình ưu ái dành cho mình thời giờ đặc biệt này để dốc lòng niệm Phật ! Cám ơn bà quá mức !” Đó ! Anh cứ nương theo câu niệm Phật mà gắng công sửa tâm lần lần, nhờ vậy, anh cảm thấy có tiến bộ đôi chút.

Thím Phan hồi tưởng lại quãng đời vợ chồng mấy năm sau này với niềm xúc động sâu xa, lẫn lộn nửa thương yêu nửa nhột nhạt. Đàn bà vốn nhạy cảm, thím đã khám phá ngay biến chuyển tâm từ của chồng. Có thể nên thím mới thường khoái chí rêu rao với bạn bè : “Ê ! Người ta nói già sanh tật coi bộ đúng thiệt nghen ! Ông xā tui, độ rầy bỗng nhiên sanh tật dễ, ổng chiều chuộng tôi rất mực, dẫu tui có làm trời làm đất gì ổng cũng cười hề hề hết hà !” Yên chí chồng sanh tật dễ, thím lấn lướt chồng mỗi ngày một chút, chồng vui vẻ không phản đối thì thím càng nộ nạt áp đảo hơn nữa ... Giờ này, hiểu ra nội việc, thím bỗng thương và quý chồng vô hạn. Thím nguyện sẽ noi gương chồng tu tập để chuyển hóa con người của thím. Suy nghĩ tới lui thật chín chắn, đợi đến khi chú lái xe đậu hẳn trong nhà xe, thím mới thỏ thẻ :

-Anh à ! Em nhất định rồi ! Lần này em sẽ tu Tịnh Độ như anh mới được !

Thím tưởng khi nghe lời tuyên bố hào hứng này chú sẽ mừng rỡ hoan hô bà

vợ hai tay lẫn hai chân, ngờ đâu, chú im lặng đôi phút như chẳng hề nghe thấy, rồi mới lững khùng lên tiếng can gián :

-Ái chà ! Cho tôi xin đi bà ! Vợ chồng mình bấy lâu nay chung sống tương đối vui vẻ hạnh phúc rồi ! Thôi thì mình cứ theo nếp đó mà tiếp tục, bầy đặt thay đổi chi cho rắc rối vậy bà !

“Chú có thái độ khinh khỉnh lạ lùng quá, chắc chú xem nhẹ khả năng tu của thím”, thoáng nghĩ điều đó cơn giận bốc lên ngùn ngụt khiến thím run rẩy cả toàn thân. Bình thường có lẽ thím đã dầy tê tê gây gổ rồi, nhưng lần này không biết do động lực nào kềm hãm, thím chỉ mở cửa xe bước ra đóng cái rầm, rồi ngoe nguẩy bỏ đi một nước. Thím vùng vằng đến bộ ghế nệm nằm phệt xuống thờ dài thườn thượt, nước mắt rưng rưng ...

Chú Phan rón rén ngồi cạnh vợ, vuốt ve an ủi, rồi cất tiếng ngọt ngào :

- Em à ! Anh can ngăn em thật ra cũng có chút lý do. Anh chưa nêu rõ lý do vì nghĩ em dễ giận anh nhiều hơn mà thôi !

Thấy mẹ vợ vẫn bùng thụng không thềm trả lời, chú tiếp tục phân bua :

- Bây giờ, nghĩ lại anh thấy thà nói rõ một lần rồi năn nỉ em, còn hơn là để em ám ức hoài vì chẳng hiểu ngọn ngành. Nè ! Em nghe kỹ coi anh có nói thêm bớt hay sai trái gì không nghen ! Phải nhìn nhận là em tu đủ thứ hết, nhưng chỉ tu hùng hổ “nước nập” (2) vài ba tháng rồi bỏ cuộc. Khởi sự theo pháp môn nào, y như rằng, em hăng say ca ngợi pháp môn đó, chỉ trích chê bai pháp môn khác, gặp ai cũng cao giọng thuyết giảng để lôi kéo người ta theo về phe của em. Em à ! Nói chuyện đạo mà không

đúng lúc, đúng người, đúng căn cơ ... thì tội nghiệp cho lỗi tai người ta lắm, huống chi em lại có thói quen là hay nổi hứng bất tử khoác lác càn bướng rằng mình đã chứng đắc thứ này thứ nọ để “nộ” người. Em ngồi thiền chưa xệp tọa cụ, áo quần son phấn se súa, tham luyện đua đòi đủ thứ, vậy mà em dám hí hửng cho rằng tâm em an lạc, dứt trừ hết vọng tưởng rồi ! Em tập tễnh ngồi chồm hổm bịt lỗ tai theo bà Vô thượng sư mấy tuần thì đã “súa” (3) lên rằng em đã nghe được âm thanh cõi Phạm Thiên. Em mới chạy theo nhân diện vài bữa là đã khoe ngồi thiền điện chạy rần rần, tự chữa bệnh cho mình chẳng ra hồn mà mở miệng “dao to búa lớn” nào là “cứu nhân độ thế” nào là “phổ độ chúng sanh”. Tóm lại, nếu em tu như vậy đó thì anh trăm ngàn lần van xin em đừng tu, bởi càng tu thì tâm càng vọng động chớ chẳng ích gì. Thôi ! Chẳng thà em cứ nhõn nhõn vui sống, đua đòi chạy theo thời trang ..., em có hứng chí “nổ cho xôm tụ” thì lối nổ mua vui đó cũng không đến nỗi chết ai, còn lối “nổ” khoe khoang chứng đắc khẩu nghiệp nặng nề kiếp kiếp đọa lạc, nguy hiểm khôn lường.

Chú nhìn thím thăm dò phản ứng rồi mới ngáp ngừng tiếp lời :

- Sự thực là như vậy đó em ! Chớ nếu như em bình thường tu sửa thân tâm thì đó là điều quý hóa anh phải mong cầu chớ sao lại cản ngăn !

Thím Phan chơi với rụng rời. Tự thuở giờ thím chỉ được chồng rót vào tai toàn bằng lời lẽ âu yếm ngọt ngào, lần này, chú lại thẳng thừng vạch rõ khuyết điểm của thím thậm tệ như vậy, thím làm sao chịu đựng nổi. Có lẽ do những biến cố

dồn dập trong ngày ảnh hưởng, nên tuy giận hờn tức tưởi mà thím không dấy nẩy đôi co đàn áp chồng như thường lệ. Thím chỉ lặng lẽ suy tư để tự quán sát mình, nhờ vậy thím thức tỉnh lần lần. Thím hiểu là những điều chú nói không có gì quá đáng, thím phải phục thiện thay đổi lối tu toàn diện, nếu như thím không muốn bị đọa lạc. Vì thế, thím quyết định phen này sẽ đồng mãnh mà âm thầm tu niệm cho chồng thán phục mới nghe.

Nghĩ sao làm vậy, thím vừa thay đổi quần áo vừa thăm niệm lục tự Di Đà. Mới niệm được năm câu, trong khi đem máng bộ đồ đầm trong phòng chứa y, thím chợt nhớ tiệm Đại đồng quảng cáo đại hạ giá 50% vào ngày mai, phấn sấp Lancôme tại Dillard chỉ cần mua hai mươi lăm đồng thì có quà biếu cả trăm ... thế rồi tâm thím cứ nhõn nhõn quay cuồng với lựa là son phấn ... Mãi đến khi xong xuôi mọi việc, thím chuẩn bị chúc chồng ngủ ngon, thì mới sực nhớ rằng đang niệm Phật bỗng buông lung thả tâm lang thang đi theo những chuyện không đâu mà chẳng hay. Thím thẹn thùng hỏi chồng :

- Anh à đang niệm Phật mà tâm rong chơi thì phải dùng phương pháp gì để khắc phục vậy anh ?

- Niệm Phật lần chuỗi đờ lắm. Trong khi đang niệm dẫu tâm có rong chơi, nhưng nhờ tay còn lần chuỗi miệng còn máy móc nhóp nhép, nên dễ giựt mình tỉnh lại, mà đem tâm về với câu niệm Phật. Niệm Phật thậm không chuỗi, hễ tâm đi chơi thì đi tuốt lướt vì không có cái gì làm chuẩn nhắc nhở mình đem tâm trở về. Mỗi người có thể tự tìm cách để thức tỉnh mình, phần anh, cứ mỗi giờ đồng hồ tay của anh kêu “tít” một tiếng,

nghe tiếng nhắc nầy anh liền kiểm soát lại mình, xem “con trâu tâm” của mình lang thang ở đâu ? Có phá làng phá xóm chi không ? Anh nghĩ nếu mình có đồng hồ treo tường, loại mười lăm phút gõ chuông một lần, để nương vào tiếng chuông thức tỉnh tâm thì rất tốt !

Thím hăng hái :

-Đúng lắm ! Ngày mai em phải đi mua ngay mới được !

-Em à ! Niệm Phật mà tâm đi chơi cũng là chuyện bình thường ! Vấn đề quan trọng là khi khám phá ra thì mình phải biết hối hận mà khẩn thiết đem tâm về với câu niệm Phật. Nếu tha thiết hành trì như vậy, bên bí từng phút từng giờ, ngày nầy sang ngày khác, năm nầy sang năm khác ... thì chắc chắn thân tâm sẽ được chuyển hóa.

Nghe chồng an ủi, thím Phan lên tinh thần, tự nhủ : “Thua keo nầy thì bày keo khác, lo gì !” Phên nầy, thím quyết định sẽ thắm niệm Phật một trăm câu trước khi ngủ mới được. Thím niệm được mười câu thì chợt thấy cửa sổ còn mở nên bước đến đóng lại. Bầu trời đêm đẹp quá ! Vàng trắng lơ lửng lửng lơ trên đỉnh núi thơ mộng lạ ! Niệm buông lung lại đến với thím. Cảnh trăng đỉnh núi vô tình khơi dậy kỷ niệm buổi ban đầu gặp gỡ của người con gái đang xuân với chàng thanh niên họ Phan trên đỉnh Cổ sơn, Phước kiến khoáng hơn bốn mươi năm về trước. Lòng xuân phơi phới thím khẽ ngâm nga :

“Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy,
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên ! ...”

Rồi những kỷ niệm ngày xưa êm ấm tuần tự quay về tràn ngập tâm khảm của thím, thím lâng lâng lên giường yên ngủ

trong giấc mộng thần tiên.

Tháng 5.1998

Ghi chú: 1. Hòa Thượng Hư Vân (1840-1959) là một vị thiền sư lỗi lạc nhất của nước Trung Hoa cận đại. Ngài xuất gia năm 19 tuổi, thọ Cụ túc giới với Hòa Thượng Diệu Liên, chùa Cổ Sơn, Quảng Châu. Kế đó, do sự hướng dẫn của bậc thiện tri thức Ngài đến núi Thiên Thai, am Long Tuyền thọ pháp với pháp sư Dung Cảnh trong vòng 7 năm và được thầy cho hạ san năm 36 tuổi. Sư hành cước khắp các đại tùng lâm và thánh tích Trung Hoa, cùng các nước Tây Tạng, Bhutan, Tích lan, Miến điện. Đặc biệt trong thời gian nầy Sư đã dành hơn 2 năm lễ lạy Xá lợi Phật tại chùa A Dục vương, 3 năm tam bộ nhất bái từ am Pháp Hoa, núi Phổ Đà đến núi Ngũ Đài để báo đáp ân sanh thành dưỡng dục. Trong thời gian nầy, Ngài đã trải qua hai lần đại định và đã hốt nhiên ngộ đạo vào năm 56 tuổi, nhân khi nghe tiếng một chung trà bể. Ngài đã trùng tu hàng trăm ngôi cổ tự, đặc biệt nhất là những công trình kiến thiết vĩ đại tại chùa Chúc Thánh, Kê Túc sơn, và các tổ đình thiền tông : Chùa Nam Hoa (Tào Khê), chùa Quang Thái (núi Vân Môn) và chùa Chân Như (Vân Cư).

Ngài đã đại hùng đại lực hoàng dương Phật pháp trong thời kỳ tôn giáo bị đàn áp nặng nề tại Hoa Lục. Ngài bị công an địa phương bao vây chiếm Vân Môn tra tấn dã man, nằm liệt dường như đã chết hẳn đến mấy lần, mà cuối cùng vẫn sống lại một cách mầu nhiệm, khiến những kẻ chai đá phải đem lòng kính nể. Ngài bị đày đến chốn hoang vu (núi Vân

Cư, Giang Tây), thế nhưng chỉ một thời gian sau, Ngài đã trùng tu chốn ấy thành một đạo tràng tôn nghiêm vĩ đại, với hàng ngàn tăng chúng tu tập, Ngài thị tịch năm 120 tuổi.

Tuy đắc ngộ thiên tông nhưng tùy duyên Ngài vẫn xương minh Tịnh Độ và các pháp môn khác. Phần trích dẫn trong truyện là pháp nhũ của Ngài cho các tu sĩ Tịnh Độ, nhân ngày giỗ thứ 12 của tổ Ấn Quang (1952) tại Thượng Hải. Do đó, các đại đệ tử của Ngài như Hòa Thượng Tuyên Hóa (Hoa Kỳ), pháp sư Khoan Tịnh, (núi Cửu Tiên, Phước kiến, Hoa Lục) vẫn giữ truyền thống hoàng dương Tịnh độ tông.

Giáo sư John Blofeld, trong quyển *The Wheel of life*, cho biết đã có duyên đến chùa Nam Hoa, hầu chuyện với Ngài. Tác giả đã nêu thắc mắc là tại sao ở chốn thiên môn chính thống như Nam Hoa lại có thờ Phật A Di Đà và giữ các thời khóa tụng niệm. Ngài đáp : “Thiền và Tịnh Độ đâu có gì khác biệt”... “Nếu suốt ngày họ trì niệm danh hiệu đức A Di Đà, biết chú tâm vào hồng danh này khi làm ruộng, lúc nghỉ ngơi, khi gặt lúa, lúc lừa trâu về chuồng, họ trì niệm cho đến lúc nhất tâm bất loạn thì cái ảo ảnh nhị nguyên của vô minh, cái tâm phân biệt có chúng sanh có chư Phật, sẽ chấm dứt và họ sẽ chứng ngộ được thực tại mẫu nhiệm ngay. Dù người ta nói đó là tha lực tiếp dẫn của đức A Di Đà, gọi là thiền, hoặc gọi là nhất tâm thì điều này có gì khác biệt đâu ? Cái khả năng giải thoát mà người ta cho rằng vốn ở bên ngoài (tha lực) thật ra vẫn ở bên trong (tự lực), lúc nào cũng sẵn có kia mà” (Phần ngoặc kép này được trích nguyên văn từ

quyển Ngọc sáng trong hoa sen, bản dịch của Nguyễn Phong).

2. Nước nấp : Giai đoạn đầu ; chỉ có nước nấp nghĩa là chỉ hăng hái lúc đầu mà thôi. Tiếng lóng này phát xuất từ giới đấu gà chọi. Trước khi cho gà so tài, hai bên cho hai con gà xáp lại vờn mặt nhau vài lượt cho chúng hăng lên, rồi mới thả xuống cho giao đấu chánh thức. Giai đoạn vờn mặt này gọi là nấp gà. Gà nước nấp là loại gà lúc mới vờn nhau tỏ vẻ rất hung hăng, nhưng khi giao đấu thật thì hèn kém chạy dài.

3. Sứa : Tiếng lóng ám chỉ lời nói ba hoa thánh tướng của kẻ say.



thơ Diệu Nga

NGƯỜI VỀ

*Rừng xanh lóng lánh sương hồng,
Lá reo gió sớm, trời trong, mây lành.
Hành trang : túi gió, nhẹ tênh,
Người về am cỏ, bờ tranh hiền hòa.
Sáng làm rẫy, tối uống trà,
Nghe chim nói pháp, mặn mà sắc, không.
Ao sen trắng nở tròn bông,
Gió đùa khóm trúc, hàng thông đứng cười.
Bỗng nghe chan chứa tình người,
Chia đều nhân loại chút hương Thiền trà.*



Hữu Công, Hữu Tội

Diệu Nga

(tiếp theo)

Cả nhà vui vẻ thưởng thức món bánh cuốn đặc biệt vừa xong. Phúc phụ Thúy dọn dẹp rửa chén trong lúc bác gái xẻ dưa hấu. Tài vừa pha trà vừa đùa nhẹ :

- Anh Phúc, ý quên, anh Hai nè !
Chừng nào em sắp cưới vợ chắc phải thọ giáo anh một khóa để biết cách làm rể.

Thúy trả đũa ngay :

- Thọ giáo với anh Phúc mệt lắm đó!
Phải học nấu cơm tấm, nấu bún bò Huế, mà cậu thì ngại vô bếp lắm, tôi biết mà !

Tài lắc đầu, nói thầm trong bụng :
“Anh Phúc cưới nhằm bà chị mình, bả lạnh quá trời !”

Mọi người đã trở lại bàn ăn đã được lau dọn sạch sẽ để vừa ăn tráng miệng vừa nói chuyện. Gia đình này có nếp quây quần trò chuyện với nhau sau bữa ăn hoặc cuối tuần. Thói quen ấy giúp cho người trong nhà luôn luôn gần gũi và hiểu biết nhau.

Bống có tiếng chuông reo. Tài đứng lên đi mở cửa. Tưởng ai, hóa ra bác Vạn Niên, cựu hội trưởng và bác Tâm, vốn là thơ ký của hội.

Bác Tường đứng lên đón khách :

- Mời “nhị vị” vào đây !

Phúc và Thúy định rút lui thì bác Niên vội nói :

- Hai cháu ở lại đây, cả cậu Tài nữa. Hôm nay chúng tôi đường đột tới thăm gia đình anh chị Tường, may mà gặp các cháu đủ cả.

Cả nhà ngơ ngác, không biết bác cựu hội trưởng muốn nói gì.

Bác Tâm có vẻ bình tĩnh hơn, tiếp lời : - Chúng tôi muốn xin ý kiến của gia đình anh chị về dự định sắp tới của chúng tôi. Chuyện này quan trọng lắm. Xin giữ kín giùm.

Trong khi Phúc, Thúy chưng hửng không biết ắt giáp gì, Tài xây mặt chỗ khác cố giấu nụ cười vì chính anh là “nội ứng” của hai người khách này.

Bác Tường trai vẫn thản nhiên còn bác gái có vẻ lo ngại. Ông chủ nhà mời mọi người dùng nước để làm bầu không khí trở lại bình thường.

Một hồi sau, bác Niên mở đầu câu chuyện : Cách đây ba năm, chắc quý vị cũng còn nhớ, chính tôi là người tìm được thầy N.N. về đây trụ trì chùa mình.

Mới đầu, ai cũng kính phục ổng hết, vì ổng ăn nói hay quá, ổng biểu gì ai nấy đều răm rắp tuân theo. Được thể, càng ngày ổng càng độc tài và làm những chuyện chướng tai gai mắt hết sức.

Bác gái vốn là một Phật tử ngoan hiền, bà không muốn nghe ai nặng lời phê phán một vị tăng nên dụi dàung cất tiếng :

- Thì thầy cũng như cha mẹ, phận mình là con phải vâng lời.

Bác Tâm cãi lại ngay :

- Xin lỗi chị nghe ! Cha mẹ có công sinh thành dưỡng dục nên dù cha mẹ khó khăn nghiêm khắc gì mình cũng phải

cúi đầu cam chịu. Còn đằng này chúng ta tạo sẵn cơ ngơi rồi ổng về làm cha mình, ai chịu nổi !

Ông Vạn Niên nói thêm :

- Phật tử mình bỏ công bỏ của trong mấy năm trời mới dựng nên ngôi chùa. Ổng về, cái gì cũng chê, phải phá bỏ làm lại đủ thứ tốn tiền biết bao, thật là phí phạm của thường trụ. Nội cái hàng rào quanh chùa cũng tốn cả chục ngàn, nói gì cổng tam quan, rồi vườn cây kiểng, hòn non bộ v.v... Phật tử cứ phải đóng góp hoài ai cũng than van.

Rồi bác chép miệng :

- Phải chi tiền đó mình đem trả nợ nhà băng thì giờ này khỏe to rồi. Nghĩ lại càng thêm tức, Ban trị sự bù nhìn do ổng lập ra, họ không dám có ý kiến gì hết ! Họ chỉ có quyền mỗi tháng mở thùng phước sương đếm tiền rồi ký trả tiền nhà và đủ thứ hóa đơn thôi !

Ông Tâm tiếp lời :

- Kể cũng lạ! Hồi đó tiền trong thùng phước sương mình chỉ sai đủ thứ rồi cũng còn dư. Bây giờ có tháng thiếu trả tiền nhà, phải kêu gọi đóng góp thêm.

Bác Tường ngồi đăm chiêu : Những điều họ kể ra chẳng phải là bác không biết nhưng đối với một sự việc, nếu nhìn ở khía cạnh này là đúng, ở khía cạnh khác lại là sai nên bác không muốn những đạo hữu này “tố khổ” thầy, e phải tội. Bác đỡ lời :

- Trên thực tế, hồi trước chùa không có sư, ai cúng chùa cũng bỏ hết vô thùng phước sương thành ra có nhiều tiền bây giờ có thầy, nhiều người cúng riêng cho thầy mà không cúng chùa nên tiền trong thùng ít đi là phải rồi.

Ông Tâm nhún vai :

- Đó ! Đó ! Chỗ tôi muốn nói là thầy không biết điều. Người ta cúng cho thầy, thầy bỏ túi xài riêng còn nợ nần thì Phật tử hèn nhau mà trả. Năm nào ổng cũng về Việt Nam. Người ta đồn ổng có vợ con ở bên đó !

Bác Tường không ngờ có kẻ bạo miệng đồn như vậy nên ông muốn chấm dứt câu chuyện ngay. Giọng ông chắc nịch :

- Mô Phật ! Nói có sách, mách có chứng, mình còn hổng dám tin hướng hồ họ đồn khơi khơi vì ác cảm. “Tội tòng khẩu xuất”, các anh ơi !

Bác Vạn Niên vẫn còn xằng xái :

- Ờ, chuyện bên Việt Nam mình không biết thì đừng nói, còn chuyện ở đây, nếu chúng tôi có bằng chứng, anh nghĩ sao ?

- Bằng chứng gì ?

Ông Tâm gạt gù ra chiều đắc ý :

- Số là sau hai năm ông thầy tung hoành như chỗ không người, chúng tôi chường mắt lắm nên năm rồi, sẵn cháu Lệ Xuân của tôi từ Việt Nam mới sang, tôi nhờ cháu dùng mỹ nhân kế, dụ ông vào tròng. Bây giờ có bằng chứng hẳn hoi.

Cháu tôi vốn có máu “điệp viên” nên khi tôi nghĩ nhờ nó “thử ông thầy”, nó chịu liền, cháu trẻ đẹp lại dạn dĩ nên thành công không khó.

Tài nghe nhắc đến Lệ Xuân, lòng xao xuyến anh chú ý đến cô mà thấy lúc nào cô cũng quán quít bên ông thầy nên tức lắm. Giờ nghe bác Tâm thổ lộ kế hoạch “mỹ nhân kế”, anh thở phào nhẹ nhõm. Có lẽ Lệ Xuân cũng là lý do thầm kín khiến anh ghét ông thầy, muốn tiếp tay đẩy ông đi nơi khác cho khuất mắt.

Thúy nghe câu chuyện đã đến hồi gây chấn nên xen vào hỏi :

- Kế hoạch ấy ra sao, thưa bác ?

Được người hỏi tới, bác Tâm càng hứng chí hơn :

- Ờ, thì nó từ Việt Nam mới qua, lấy cơ là cần người dạy Anh Văn thêm mà chưa quen ai, nhân biết thầy có bằng cử nhân Anh Văn nên nhờ thầy dạy kèm giùm. Thấy gặt đầu một cái là nó có cơ lân la bên thầy, giờ nào rảnh là nó chạy lại chùa, bất kể sáng, trưa, chiều, tối.

Chính tôi nhìn xem thấy rõ ràng tới hù rồi mà thầy còn mở cửa cho Lệ Xuân vào. Giờ đó có Phật tử nào ở trong chùa đâu !

Tài nghe nóng mặt :

- Trong chùa có chú tiểu Minh Mẫn tập tu mà !

- Ối da ! Thành bé đó khật khùng thì biết gì, cậu ơi !

Bà Tường cảm thấy choáng váng, bà không muốn dính vào câu chuyện tày trời nầy nên nói thối lui :

- Lạy Phật ! Minh là Phật tử, không nên có âm mưu phá thầy như vậy. Tội nầy đọa địa ngục A-Tỳ chớ chẳng nhỏ.

Ông Vạn Niên cất nghĩa :

- Người ta thường nói : “Lấy đá thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, lấy đàn bà thử đàn ông”. Có thử thách mới lộ ra bộ mặt thật chớ thấy ai mặc áo nhà tu mình cứ nhắm mắt cúi đầu lạy bừa thì gặp kẻ giả tu, họ tha hồ làm bậy, chỉ hại cho Phật pháp. Đây chỉ là phương tiện thôi, chị à.

Bây giờ chúng tôi có đủ bằng chứng rồi cho nên định nhân dịp Phật Đản nầy, sau khi làm lễ xong xuôi, sẽ lột mặt nạ đạo đức giả của ông thầy rồi mời ông ra

khỏi chùa luôn. Tôi xin ý kiến của gia đình anh chị, xem có nên làm như vậy hay là chọn một giải pháp nào êm thấm hơn ?

Ông Tường làm thinh. Trả lời có nghĩa là đồng ý với âm mưu của họ. Chuyện lôi thôi nầy ông biết có thể xảy ra, nên đã nêu vấn đề trước khi họ mời thầy mà lúc đó đâu ai chịu nghe.

Không khí trong nhà trở nên căng thẳng, nặng nề. Phúc muốn tạo sự hòa dịu nên giơ tay xin phát biểu :

- Cháu ở xa không hiểu rõ sự việc ra sao, đúng sai như thế nào nhưng ví dụ chuyện nầy có thật đi nữa, chúng ta cũng không nên bêu xấu một người trước đám đông, nhất là đối với một tu sĩ. Chỉ nên giải quyết trong nội bộ thôi.

- Chúng tôi cũng không có ác ý đó nhưng chỉ ngại mồm mép của ông, ông có thể lật ngược thế cờ như chơi nếu trong buổi họp chỉ độ mười người.

Bác Tường không muốn dây dưa nữa, ông nói :

- Xin lỗi hai anh, chúng tôi không dám dự vào chuyện nầy và đã dự định không đi dự lễ Phật Đản năm nầy.

Hai người khách biết ý chủ nhà, đành đứng lên cáo từ, lòng không vui vẻ chi.

✱

✱ ✱

Lệ Xuân ngồi soi gương. Ánh nắng ban mai xuyên qua cửa sổ khiến cô thấy rõ hình ảnh mình hơn. Cô lắc đầu, nhắm mắt lại như một sự chối từ. Nàng không ngờ chỉ sau một tuần lễ mất ngủ, hình dung của mình lại tiêu tụy đến thế.

Còn đâu làn da trắng hồng tạo sự

rạng rỡ cho tuổi đôi mươi ; đôi mắt mơ màng đẹp như nhung từng làm xao xuyên bao chàng trai trẻ bây giờ trở nên đờ đẫn, đổ ngã với hai quầng thâm sâu hoắm ở bên dưới.

Nàng cảm lược chải tóc. Mái tóc như cũng đồng lửa phản bội nhan sắc của nàng, nó không còn mềm dịu trơn láng nữa ; suối tóc như cạn khô nhựa sống với những sợi rời rạc, cứng đờ.

Lệ Xuân buồn rười rượi. Bây giờ nếu ai gặp lại đương kim Á Hậu hội chợ Tết Saigon chắc họ phải giật mình. Không ngờ sang Mỹ mới năm tháng mà nàng biến đổi đến thế. Nhưng thành thật với lương tâm, Lệ Xuân nghĩ mọi sự đều do mình tạo tác cả, nhân quả nhân tiền đây mà.

Với nhan sắc mỹ miều, cô gái nào không kiêu hãnh, nhất là các cô ở Việt Nam mới sang, được thanh niên săn đón đặc biệt lắm. Nào Lộc, nào Huỳnh, nào Quốc và sáng giá nhất là kỹ sư Tài, liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử tại đây nhưng Lệ Xuân vẫn thấy lòng dửng dưng; có lẽ vì cô đang ôm ấp mộng làm người mẫu. Cô muốn sang Cali, nơi đó sắc đẹp của cô có cơ hội được nhiều người biết đến và không chừng cô sẽ được mời đóng phim, bước lên đài danh vọng mấy hồi.

Lệ Xuân không định lưu lại nơi vùng này lâu, nếu ba mẹ nàng không chịu sang Cali thì nàng sẽ đi một mình, bên ấy đã sẵn có bạn bè, bà con. Bởi thế, khi bác Hai Tâm ngỏ ý nhờ nàng dùng kế mỹ nhân để thử thầy N.N., nàng bằng lòng ngay, với nhiều phần khởi ; xem đây như một trò chơi đầy thú vị.

Thầy N.N, theo lời bác hai nói, vào khoảng 50 tuổi, có tài biện luận, thích

chỉ huy và đôi khi rất độc tài nên Phật tử ở đây không mến. Họ mong có cơ hội mời thầy đi chỗ khác, nếu Lệ Xuân giúp họ thì công này rất lớn. Nàng hãnh diện nhận lãnh vai trò này, như một kịch sĩ lần đầu tiên ra sân khấu mà được thủ vai chánh.

Khi Lệ Xuân được gặp thầy N.N., nàng cảm thấy thích thú trong "công tác" hơn vì dưới mắt nàng, vị thầy tu này rất hoạt bát, vui vẻ, nhiều nam tính và trẻ hơn tuổi nhiều. Dáng người cao ráo, làn da ngăm ngăm, đôi mày rậm hơi xéch biểu lộ sự cương quyết, đôi mắt sáng đầy nghị lực. Nơi thầy toát ra vẻ hiên ngang của một dũng tướng ; khi thầy mở miệng nói thì người đối diện bị thu hút ngay, không chỉ vì âm thanh trầm hùng, vì ngôn từ lưu loát mà còn vì cái miệng của thầy rất có duyên. Thầy như không vướng bận điều chi, không gì có thể ràng buộc được thầy.

Sau lời thưa thỉnh, thầy N.N. nhận lời dạy Anh văn cho Lệ Xuân với một yêu cầu : Lệ Xuân phải dạy chữ Việt cho chú tiểu Minh Mẫn. Chú đã mười tuổi rồi nhưng vì bệnh chậm phát triển nên ngu ngơ như đứa trẻ lên năm. Cha mẹ cho chú theo thầy từ lúc thầy mới nhận chùa.

Thầy nói :

- Chùa chỉ có một thầy, một trò mà công chuyện thì nhiều lắm. Nếu con phụ giúp lo kèm cho tiểu Mẫn học, thầy mới có thì giờ dạy con thêm về môn Anh văn.

Thế là nàng có cơ để đến chùa thường xuyên, dĩ nhiên là vào những ngày thường, ít Phật tử vắng lai.

Thầy N.N. nói tiếng Anh lưu loát và đúng giọng lắm. Vào những ngày lễ có khách ngoại quốc đến dự, thầy tiếp họ

rất thoải mái, tự nhiên.

Ban đầu, Lê Xuân được dạy về luyện giọng, tập phát âm cho đúng từng chữ rồi sau đó mới ráp lại thành câu.

Thầy N.N. tự nhiên lắm. Thầy nói, cười, pha trò một cách hồn nhiên lại tận tâm dạy nên ở gần thầy, đầu óc Lê Xuân không thể nảy sinh những ý nghĩ xấu xa ; nàng lại bị cuốn hút vào sự học tập ngày càng tiến bộ.

Hai tháng trôi qua, chưa thấy động tịnh gì, bác Tâm sốt ruột hỏi thăm, Lê Xuân đành nói dối :

- Cá sắp cắn câu ! Con đến giờ nào thầy cũng tiếp, con trở thành khách quý của thầy rồi. Để con thử đến vào buổi tối, xem thầy mở cửa không ?

Thế rồi Lê Xuân lựa những đêm tối trời, lần mò đi đến chùa, bác Tâm rình xem bên ngoài. Ông há hốc mồm thiếu điều muốn la to khi thấy cửa chùa xịch mở rồi đóng ập lại liền sau đó.

Nhưng bác không hề biết rằng chính Tiểu Mẫn mở cửa cho Lê Xuân vào. Thầy dạy chú tiểu lấy sẵn tập vở chờ “cô giáo” đến.

Đêm nào sự việc cũng xảy ra y như vậy. Lê Xuân hỏi dò :

- Thấy đâu rồi ?

Chú tiểu lắc đầu :

- Không biết !

Lần nào chú tiểu cũng trả lời y như thế, Lê Xuân thấy bực, không thềm hỏi nữa. Nàng bảo Tiểu Mẫn tập viết rồi lân la đi tìm thầy. Với ý nghĩ không chánh đáng trong đầu, tim nàng đánh lô tô trong lòng ngực.

Có khi nàng gặp thầy đang tụng kinh trên chánh điện, có lúc thấy thầy đang thiền hành. Khung cảnh tôn nghiêm làm

Xuân đành rút lui với lòng hổ thẹn.

Một hôm, như thường lệ, Xuân lại đi rình xem thầy ở đâu. Chánh điện vắng bóng thầy. Khắp nơi đều im phăng phất ; Tiểu Mẫn thì đang nặn óc làm bài toán khó. Lê Xuân chắc chắn thầy đang ở trong phòng riêng. Đây là cơ hội tốt mà nàng chờ đợi từ lâu. Tay chân nàng bỗng nhiên run rẩy, cơ hồ đứng không vững. Nhưng hình ảnh bác Tâm hiện ra với những lời thôi thúc, những câu nói kích thích lòng tự ái và sự kiêu hãnh của nàng. Không suy nghĩ gì thêm, Lê Xuân đánh bạo tiến về phương trượng, nhẹ tay gõ cửa.

Không có tiếng trả lời, cửa không khóa. Lê Xuân run tay đẩy nhẹ cánh cửa. Phòng tối om. “Chắc ổng không có ở trong !” Nàng tần ngần ở đấy một hồi ; lòng vừa tiếc rẻ, vừa mừng cho mình vừa tránh khỏi một trọng tội. Trước khi thoái lui, Lê Xuân định thần nhìn kỹ lần nữa ở bên trong. Lạ chưa ! Thầy đang ngồi ở giữa phòng trong tư thế kiết già, trên đầu thầy như tỏa vòng hào quang.

Lê Xuân có đầu óc khoa học nên không tin những phép lạ, thần thông ; nàng cho rằng có lẽ vì sự tưởng tượng quá mạnh mà nàng thấy như thế thôi.

Đêm ấy trở về, Lê Xuân không ngủ được. Trần trọc mãi với những ý nghĩ phải quấy, tội phước, nàng không biết mình nên dừng trò chơi này hay nên tiếp tục. Cuối cùng, lòng tự kiêu lại khống chế nàng : “Ổng cố ý trốn tránh mình, thế là trọng lòng ổng có cái gì rồi ! Nếu không tấn công mạnh thêm thì làm mình sao thắng được ?”

Thế là nàng phải bịa chuyện để báo cáo với bác Tâm. Ông hỏi : “Con cần gắn

máy râu âm trong người để có bằng chứng không ?”

Nàng ngần ngừ : “Sao cũng được !”

Tháng sau đó, Lệ Xuân sắp đặt sẵn trong đầu những lời đối đáp, những câu hỏi bằng Anh văn để khi trả lời, thấy có thể lọt vào bẫy hầu có bằng giao cho bác Tâm. Chấm dứt được công tác này, nàng sẽ bay qua Cali ngay, cho yên chuyện.

Vốn đã có sẵn căn bản về từ ngữ và văn phạm, sau bốn tháng học tập đều đặn, Lệ Xuân đã có thể nghe và nói những câu thông thường. Nàng sẽ lợi dụng thời giờ đàm thoại để hỏi thầy những câu “gay cấn” mà chắc chắn nàng sẽ không bao giờ dám mở miệng nói bằng tiếng mẹ đẻ. Nếu thầy bắt lỗi hay rầy rà thì nàng sẽ giả lả rằng “chỉ là một sự thực tập nói tiếng Anh thôi, không có dụng ý gì cả !” Vả lại cách xưng hô bằng Anh ngữ “I” và “you” rất dễ dàng và gần gũi, không quá nghiêm trang như khi gọi “thầy” và xưng “con”.

Sáng hôm ấy, nàng trang điểm khá cẩn thận. Không lòe loẹt diêm dúa nhưng kín đáo khiêu gợi, Lệ Xuân tô phơn phớt chút phấn hồng trên gương mặt trái xoan trắng mịn. Đôi hoa tai nhỏ xíu bằng hạt trai màu xám sậm đi cùng bộ với xâu chuỗi ôm sát cái cổ tròn trịa, trắng ngần. Chiếc áo sơ mi màu lá mạ non làm cho đóa hoa anh đào trên môi nàng thêm tươi mát. Chưa đủ, phải buông vào lọn tóc đong đưa như tơ liễu và bôi tí nước hoa Chanel vào vuốt tóc óng ả chảy dài trên tấm lưng thon.

Giờ này cả nhà đều đi khỏi. Ba mẹ quần quật đi làm bảy ngày một tuần, hết ca ngày đến ca đêm, đâu ai ở không mà để ý đến việc làm của nàng. Biết con

đến chùa học Anh văn và dạy chữ Việt là tốt rồi, không cần hạch sách lời thôi gì cả. Các em thì đứa nào cũng ngán chị Hai, đâu dám theo dõi, rình mò.

Lệ Xuân đứng uốn éo ngắm mình trong gương lần nữa trước khi bước ra khỏi nhà. “Nhan sắc này đáng lẽ phải đoạt giải hoa khôi ! Ban giám khảo thiên vị rõ ràng, ai cũng bảo thế”. - Nàng tự nhủ với lòng kiêu hãnh.

Bên ngoài, nắng vàng tràn ngập đường phố giờ đã trở nên vắng vẻ. Tuy sắp chuyển sang hè mà cây cỏ vẫn còn xanh tươi, hoa vẫn còn chen với lá. Chùa không xa lắm nên Lệ Xuân thích đi bộ để nhìn ngắm thỏa thuê : Này là giòng sông nhỏ in bóng trời xanh, nọ là đàn chim nhón như bay lượn, cả đến con đường đất dành riêng cho người đi bộ cũng nở đầy hoa dại xen lẫn vùng cỏ biếc.

Trong cảnh trí hữu tình, Lệ Xuân bỗng nảy sinh ra một ước mơ : Phải chi có người yêu cùng đi dạo với mình trong buổi sáng tươi đẹp này ! Tâm lý nàng chẳng biết có lạ lùng chẳng khi những người theo đuổi nàng, Lệ Xuân chẳng phải lòng ai cả.

Đột nhiên, hình ảnh của người ấy hiện ra, hiện ngang như chưa bao giờ chịu khuất phục và cao vợi như áng mây. Nàng khẽ ngẫm : “Chàng như mây mùa Thu”. Không, người ấy không trầm buồn man mác như mây xám chập chùng mùa Thu. Người như một vầng mây sáng rõ chung quanh mặt trời lúc rạng đông, tinh khiết như cụm mây trắng ngần giữa bầu trời thiên thanh ...

Lệ Xuân không dám tin ở lòng mình nhưng ý nghĩ oái oăm này một khi đã xuất hiện thì bám riết tâm tư nàng như

chứng bệnh nan y ...

Buổi học Anh văn sáng nay diễn ra như thường lệ. Thầy N.N. vẫn tươi cười, điềm tĩnh như mọi hôm. Hình như ông không chú ý gì đến sự khác thường của Lệ Xuân. Hôm nay, theo chương trình, thầy trò sẽ đối thoại, đề tài tự do. Khác với những lần trước, kỳ này Lệ Xuân nắm phần chủ động để chuyển câu chuyện theo hướng định sẵn của mình.

Sau những lời thăm hỏi xã giao, Lệ Xuân mạnh dạn bắt đầu ngay :

- Nếu thầy (you) không phiền tôi (I) xin hỏi vài câu thuộc lãnh vực tu hành.

- Cô cứ hỏi.

- Phải chăng người tu không có trái tim ? Họ muốn biến mình thành tượng gỗ ngồi trên bàn thờ ?

- Cô nghĩ sai rồi. Nếu không có trái tim, không biết xúc động, không biết thương yêu, người ta không thể đi tu được.

- Thế trái tim của thầy có xúc động không khi biết có người thương thầy ?

Thầy N.N. có vẻ tránh né :

- Ai thương tôi, tôi cũng cảm ơn.

Giọng Lệ Xuân tha thiết hơn :

- Nếu tôi nói tôi thương thầy, thầy có dành chút tình cảm nào cho tôi không ?

- Tôi cũng thương cô như thương Tiểu Mẫn vậy.

- Không có gì đặc biệt hơn sao ?

- Đối với tôi, mọi người đều như nhau. Sự thương ghét không thành vấn đề để quan tâm.

Lệ Xuân thất vọng :

- Tôi nghĩ rằng người tu không còn chút tự do. Họ không dám làm những gì họ muốn.

Thầy vẫn bao dung :

- Cô lầm rồi ! Người tu, theo đúng nghĩa, là kẻ thoát khỏi vòng nô lệ của dục vọng. Họ luôn luôn làm chủ được chính mình.

Nói xong, thầy chuyển đề tài ngay và điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Sau buổi học hôm ấy, Lệ Xuân về nhà với những bước chân nặng trĩu. Tình cảm trái ngang khi không được đáp ứng, lại trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ. Từ đó, cô không đến chùa nữa. Bệnh tương tư làm cơ thể cô ngày càng héo gầy.

Lệ Xuân đã trao cuốn băng cho bác Tâm, như đã xong phận sự. Cô nghĩ rằng những lời đối đáp trong băng vô hại. Nhưng cô không dè bác hai Tâm là người mưu sĩ, Bác sửa đổi, cắt xén, ráp nối sao đó mà tuyên bố rằng đã có bằng cứ để "lột mặt nạ" ông thầy.

Bác Tâm và ông Vạn Niên đã hẹn nhiều người đến chùa vào đêm 14 tháng 4 âm lịch để thấy sự thật. Bác dặn thế nào Lệ Xuân cũng phải hiện diện để làm chứng nhân.

Thấy Lệ Xuân định thối thoát, bác tiết lộ bí mật : "Cháu đừng lo, cuộn băng cháu đưa cho bác, bây giờ trở nên lâm li, trữ tình lắm, mình không thua cuộc đâu !"

Sự tiết lộ của bác làm Lệ Xuân đau khổ và hối hận quá. Nàng vừa yêu, vừa kính phục người ấy đâu thể tiếp tay bêu xấu người với bằng chứng giả tạo được. Nhưng mà nàng cũng không dám sửa sai bác Tâm trước đám đông. Bác là người đã bảo lãnh gia đình nàng sang Mỹ, nợ máy bay còn thiếu bác chưa trả xong kia mà !

Sự dằn co mâu thuẫn trong nội tâm

làm nàng mất ngủ cả tuần lễ khiến thân thể võ vàng, tâm thần bất định. Nhưng mà đêm nay, Lệ Xuân đầu thể vắng mặt được. Nàng đành miễn cưỡng sửa soạn qua loa, bác Tâm đang chờ ngoài xe với từng hồi còi hồi thúc.

Đêm nay, nhiều Phật tử đến chùa giúp thầy chuẩn bị lễ Phật Đản vào ngày mai. Đèn đuốc sáng choang, không khí vui vẻ rộn rịp. Nhưng nếu tinh ý, người ta sẽ nhận ra có hai thành phần rõ rệt. Nhóm Phật tử vô tư thì lúi húi trong công việc còn phe “đáo chánh” thì mang bộ mặt nghiêm trọng, chỉ đi tới đi lui quan sát hay ngồi rĩ tai máy cụ già.

Lệ Xuân kín đáo đi tìm thầy. Thầy cũng bận trang hoàng chánh điện với nhóm thanh niên Phật tử, có cả Tài ở đấy. Tiểu Mẫn gặp lại nàng, tỏ vẻ mừng rỡ, chấp tay chào : “Thưa cô giáo !” Trông nó sáng sủa hẳn ra và không có vẻ gì khờ khạo ngu ngơ cả.

Đang lúc Lệ Xuân nói chuyện với Tiểu Mẫn, bác Vạn Niên lớn tiếng mời mọi người đến họp ở trai đường với lý do : “Có chuyện khẩn cấp, vô cùng quan trọng !”

Đa số đều ngơ ngác, do dự. Họ đi tìm thầy để thỉnh ý thì chợt khám phá rằng thầy không có mặt ở trong chùa nữa. Nhóm thanh niên đang làm việc với thầy hoang mang hơn hết vì mới năm phút trước đây, thầy còn chỉ họ làm đèn xếp, lau dọn chánh điện và chuẩn bị nơi làm lễ tắm Phật, rồi vui miệng thầy nhắc lại nghi thức tắm Phật với từng chi tiết một.

Mới đây mà thầy đâu rồi ? Người ta tủa ra đi tìm thầy từ trong đến ngoài. Chiếc xe “con cóc” già nua cũ kỹ của thầy, do một Phật tử cúng dường, cũng

còn đậu yên tại chỗ. Tài phóng nhanh vào phòng thầy : Mọi thứ vẫn còn y nguyên, cả đến cái túi vải nâu mà thầy hay đeo trên vai khi cần đi công chuyện Phật sự cũng còn máng trên vách.

Mỗi người có một ý nghĩ khác nhau : Lệ Xuân thở phào nhẹ nhõm ; nhóm “đáo chánh” hơn hờ cho rằng thầy bỏ trốn ; còn đa số Phật tử hay lui tới chùa thì tin rằng thầy có phép thần thông.

Rồi tất cả ngồi lại với nhau để bàn bạc. Bác Vạn Niên đứng lên với ý định chủ động buổi họp nhưng ông chưa kịp mở lời thì Tiểu Mẫn đưa ra một bức thư : Thư của thầy.

Tài lãnh phần đọc thư vì anh có giọng nói lớn và rõ ràng dễ nghe.

“Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính thưa quý Phật tử,

Cách đây ba năm, vì cảm lòng thành của quý vị, tôi đã nhận lãnh chức vụ trụ trì tại chùa L.P. Nhưng trước khi hứa khả, quý vị còn nhớ tôi đã nói gì không ?

Thưa, tôi đã nói rằng : “Nếu những ai có công lập chùa mà còn chấp đó là chùa riêng của mình thì nơi đó không phải là đất của Tam Bảo. Phật Pháp Tăng là của mọi người nên Tam Bảo địa cũng là của mọi người, không thuộc về riêng ai. Sau mỗi thời kinh, khóa lễ, chúng ta luôn luôn hồi hướng :

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

Hồi hướng, ở phương diện nào đó, cũng có nghĩa là xả bỏ, không chấp mình có làm việc thiện, cũng không chấp có việc thiện, có công đức đã làm. Phải xả

bỏ những cái hạn hẹp, riêng rẽ như vậy mới có thể phát tâm Bồ Đề rộng lớn được.

Bao giờ chúng ta còn chấp giữ, bấy giờ chúng ta còn sai lầm, còn phiền não.

Ngày mai là ngày kỷ niệm Phật Đản sanh, nếu quý vị muốn cử hành lễ Khánh Đản, xin hãy nhớ rằng đức Phật không thể đản sanh trong những tâm hỗn u tối, si mê. Hãy sám hối một cách chân thành nếu xét thấy mình đã có những ý nghĩ, việc làm, ngôn ngữ không đúng chánh pháp. Công đức sám hối mẫu nhiệm này sẽ giúp tâm hồn quý vị trở nên an ổn hầu có thể tiến tu và tiếp tục bồi công lập đức, lợi mình lợi người.

Bấy lâu nay, nhiều vị đã phát tâm cúng dường cho tôi, tôi đã theo lời Phật dạy, vì quý vị mà bố thí cho những người nghèo đói, tật bệnh, những kẻ khốn khổ bơ vơ nhưng cho đến nay, số tiền còn lại cũng khá. Đạo hữu Tường Vân (bác Tường) sẽ thay tôi giao số tiền 38 ngàn cho Ban trị sự đương nhiệm. Quý vị có thể dùng tiền này trả dứt nợ ngân hàng vì làm Phật sự mà lo nghĩ quá nhiều về nợ nần tiền bạc thì sự tu tập sẽ trở thành thứ yếu.

Trong tương lai, chùa sẽ có một vị tân trụ trì. Vị này không xa lạ gì đối với quý vị. Tuy là người mới phát nguyện xuất gia nhưng thiện căn phước đức của vị ấy đã chứa nhóm từ nhiều đời nhiều kiếp.

Còn Tiểu Mẫn giờ đã bình phục. Đạo hữu Minh Thái có thể đem con về cho cháu đi học. Sau này nếu cháu phát tâm xuất gia thì rất tốt.

Nhân duyên của tôi đối với Phật tử tại đây đã mãn nhưng chắc chắn rằng tôi

sẽ luôn luôn ủng hộ quý vị.

Văn bất tận ý. Kính chúc quý vị thường giữ thiện tâm, thường tu chánh pháp y như lời Phật dạy cho đến khi viên mãn quả Bồ Đề.

Nam mô Chứng Minh Sư Bồ Tát.

Tỳ kheo Nhật Nguyệt”.

Tài toát mở hời trán khi đọc xong bức thư. Mọi người đều im lặng vì không dám làm kinh động sự xúc cảm đầy thiêng liêng đang lan tỏa nơi đây.

Phe “đảo chánh” lặng lẽ xấu hổ, lại thăm cảm ơn nhà sư đã tránh cho họ khỏi phạm tội phỉ báng một vị chơn tu. Lệ Xuân lên ra sau bếp ngồi ôm mặt khóc tức tưởi. Cô không rõ tâm trạng mình, chỉ muốn khóc cho thỏa. Nhiều người mếu máo quá cũng lặng lẽ sụt sùi vì sự chia ly quá đột ngột. Họ lại có dịp thần thánh hóa nhà sư : Chắc ngài là Bồ Tát thị hiện, ngài là bậc Thánh tăng hiếm hoi trong thời mạt pháp ...

Ông Vạn Niên thì thăm bên tai bác Tâm : “Chúng mình có mất như mù !” Rồi ông kêu gọi mọi người làm lễ sám hối. Tất cả đều hưởng ứng với lòng chí thành.

Sau đó, Ban trị sự phân công cho mọi người để tiến hành lễ Phật Đản vào ngày hôm sau. Ai cũng nức lòng với Phật sự vì hình ảnh vị chân tu sáng ngời trong tâm tư họ, như một ngọn đuốc soi đường.

Tài về đến nhà lúc nửa đêm. Trăng rằm tháng tư sáng vàng vạc trên bầu trời trong veo, soi tỏ cả sân nhà, phản chiếu trên những viên sỏi bóng ngời. Anh nghe mùi trầm hương lan tỏa rất nhẹ trong không khí. Anh hít thở thật sâu như muốn tận hưởng sự tinh khiết, an lành đang bao phủ chung quanh.

Chàng thanh niên chậm rãi bước vào

nhà. Ba anh đang tĩnh tọa trước bàn thờ Phật. Anh rón rén bước chân, không dám làm xao động sự trang nghiêm thanh tịnh ở đây.

Mẹ anh vẫn còn thức, có lẽ bà đang chờ anh về. Nhìn vẻ mặt của mẹ, anh biết bà có điều muốn nói. Nhưng Tài còn có chuyện quan trọng hơn để hỏi :

- Ba có giữ 38 ngàn của thầy giao không ?

Cái gật đầu xác nhận của mẹ làm anh xấu hổ : Lúc nào anh cũng đa nghi. Sự ngờ vực khiến anh xa đạo nghìn trùng.

Bà Tường bảo con ngồi xuống ghế ; bà vào đề thẳng :

- Ba con xin xuất gia, đã được thầy hứa khả.

Tin này thật ra không làm Tài ngạc nhiên lắm. Bức thư anh đọc ở chùa ban nãy đã khiến anh có linh tính không sai.

Hai mẹ con cùng ngồi im. Họ biết chuyện này sớm muộn gì cũng đến nhưng không ngờ lại xảy ra vào thời điểm rồi ren như hiện nay.

Bỗng sực nhớ ra, Tài hỏi :

- Thầy N.N. đến đây vào lúc nào ?

- Cách đây mấy tiếng đồng ; khoảng 9 giờ hơn.

Tài hỏi dồn dập hơn :

- Thầy ở đây lâu không ? Thầy đi vào lúc nào ? Đi đâu ba mẹ biết không ?

Bà Tường vẫn điềm đạm trả lời từng câu hỏi của con :

- Thầy lưu lại chừng nửa tiếng đồng hồ. Thầy đi đâu ba mẹ không biết mà cũng không dám hỏi.

Tài thở ra, thất vọng. Anh muốn đi tìm thầy để tạ lỗi. Anh đã đánh giá thầy quá thấp và ganh ghét thầy một cách vô

cớ. Tài đứng lên :

- Thầy không có xe. Chắc con có thể gặp thầy ở bến xe buýt hay nhà ga xe lửa.

Bà Tường không cản con nhưng bà đoán chắc rằng sẽ không ai tìm được thầy vì trước khi ra đi, thầy đã nói với hai người rằng :

- Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đến đâu. Là đệ tử của Như Lai, tôi chỉ tùy duyên hành sự, không trụ ở nơi nào nhất định. Muốn gặp nhau, xin hãy theo hạnh nguyện của Bồ Tát mà làm. Nhưng làm Phật sự mà chấp mình có công thì công trở thành tội. Đó là sự thật mà ít ai thấy.

Nói xong, thầy chấp tay chào ; hai ông bà tiễn thầy ra tận ngõ. Họ đứng nhìn bóng thầy in trên mặt đường loang loáng ánh trăng khuya rồi xa dần, xa dần cho đến khi khuất hẳn.

ĐÍNH CHÁNH

Vì lý do kỹ thuật, Thông Điệp Phật Đản 2542-1998 năm Mậu Dần, được đăng trên Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại, số 14, cuối trang 3 và đầu trang 4 thiếu ở câu : *“mà những nhận Dân chủ hóa, nay xin đính chánh đầy đủ như nguyên bản Thông Điệp là như thế này :, mà những người có tâm từ bi và có đức hiếu sinh đều không mong muốn. Hai, phải chấp nhận Dân chủ hóa song hành với Tự do”*

Tòa Soạn xin thành thật cáo lỗi.

Phước Cái Chánh Hành Sở Tập Kinh

Tác giả : Long Thọ Bồ Tát
Việt dịch : Văn Nguyên

(tiếp theo)

Lúc ấy, đức Thế-Tôn trú tại vườn Ca-Lan-Đà thành Vương-Xá, vào lúc mà Đề Bà Đạt Đa vô cùng ngu si ác độc muốn tổn hại Phật Pháp nên âm mưu trăm ngàn chuyện nhưng không thể động loạn được một sợi lông của Phật bèn bảo vua A-Xà-Thế, hãy ra sắc lệnh tuyên bố nghiêm cấm trong thành không được ai đến nơi Phật ngự cúng dường các thứ thì Cù-Đàm vì không được gì mà sẽ bỏ ra đi khỏi nước. Vua nghe xong tin mà làm theo. Khi ấy, ở trong thành các Phật tử tại gia biết được việc như thế đều than, khổ quá ! Hôm nay trong thành Vương-Xá không còn ai là chủ. Đức Như-Lai xuất thế rất khó được gặp ví như hoa Ưu-Đàm Bát-La, sao đại vương lại nghe theo lời gian tà của ác sư mà không chấp nhận chúng ta đến Phật cúng dường, không chấp nhận Như-Lai thọ nhận sự cúng dường của chúng ta. Tôn giả A-Nan-Đà nghe được những lời đó bèn về bạch Phật. Đức Phật bảo rằng, Như-Lai đã sớm dự tri việc ấy, đừng lo buồn gì. Trong giáo pháp của Như-Lai, chưa từng có một đệ tử Thanh-văn nào lầm lỗi hướng gì thân ta. Nói xong, đức Phật bèn phóng đại quang minh tỏa khắp thành Vương-Xá khiến đều thanh tịnh. Lúc ấy Đế-Thích thấy được ánh sáng của đức Phật

bèn vận thiên nhãn biết rõ căn nguyên nên hiện oai đức bay xuống nơi Phật muốn làm đại đàn việ (đại thí chủ) hưng đại cúng dường.

Khi ấy chúa trời Đế-Thích bạch đức Phật rằng :

- “Thế-Tôn ! xin Ngài hãy trú tại thành Vương-Xá này tôi sẽ cúng dường ẩm thực, y phục, giường chiếu, thuốc men (tứ sự) không thiếu thứ gì.

Phật bảo : “Này Chúa Trời ! Khoan làm việc đó đã bởi có nhiều dân cư trong thành do tâm thanh tịnh mà muốn phát triển phước nghiệp nhờ vào sự cúng dường Như-Lai.

Lúc ấy Đế-Thích lại bạch Phật rằng :

- “Xin Như-Lai hãy ngự lại trong thành trong năm mùa mưa cư kiết hạ để tiếp nhận sự cúng dường của tôi”.

Đế-Thích nói vậy nhưng đức Phật vẫn lặng thinh, bèn năn nỉ tiếp : “Xin Ngài thọ nhận năm ngày cúng dường !”

Khi ấy Thế-Tôn thương xót Chúa Trời vì phước lực hiện tại muốn được liên tục đến vị lai mà tạo nhân lành nên mặc nhiên hứa khả.

Đế-Thích biết Phật đã thọ nhận sự thành tâm cúng dường của mình nên rất vui mừng liền bay về Thiên cung triệu tập các Thiên tử kiến trúc bảo rằng :

“Các khanh hãy nên biết ta muốn kiến tạo một đại tinh xá nơi vườn trúc Ca-Lan-Đà trong thành Vương-Xá để cúng dường Như-Lai và các đệ tử bốn món cần thiết. Các khanh hãy nên lấy các vật dụng ngọc ngà châu báu tối thượng đem xuống trần gian tạo cung điện lớn thật thanh tịnh giống như ở Thiên cung vậy.

Các Thiên tử kiến trúc bèn y lời Đế-Thích tạo dựng cung điện thật nguy nga và thanh tịnh, tất cả các vật liệu đều bằng san hô, lưu ly, mã não, trân châu như ngàn mặt trời chiếu sáng, lại như ngàn mặt trăng thanh tịnh giữa không trung bởi các tràng phan, bảo cái (lược dịch sự diễn tả chi tiết) có Thiên nữ rải tán hương hoa hợp tấu âm nhạc ... có các lực sĩ cầm gậy vàng gác cửa ... có các Thiên nam tráng kiện khôi ngô qua lại dưới các tràng phan ... có hồ thất bảo rộng lớn với các hoa trời mọc từ trong ấy ... nơi ấy mặt đất thật mềm như trái bông đi không biết mệt vô cùng thanh tịnh mà ngoại trừ Thiên giới không nơi sánh bằng.

Khi các Thiên tử kiến trúc hoàn thành tinh xá, về báo Đế-Thích. Đế-Thích rất vui mừng cho rằng việc chưa từng có bèn cùng vô lượng trăm ngàn dân Trời trước sau thứ lớp trở các nhạc trời từ không trung bay xuống thân thể Đế-Thích lúc ấy xuất quang minh chiếu khắp non sông ... dân cư trong thành Vương-Xá đều được lợi ích khi chiêm ngưỡng vua Trời : Kẻ nào ôm lòng nóng giận liền sanh vui mừng ; kẻ nào sanh tâm ác độc trở nên yêu thương ; kẻ nào u mê ám chướng bỗng bừng sáng suốt ... Chúa Trời đến vườn ấy xong xem xét

công trình rất là vừa ý bèn đổi tên Ca-Lan-Đà thành Hoan-Hỷ-Viên. Đế-Thích lấy phẩm quý trải khắp mặt đất dùng các thứ trân bảo xây thành tòa lớn mời Phật lên ngồi dùng châu ngọc làm đôn đỡ chân đức Phật, dùng vải ngũ sắc kết thành bộ đoàn phân chia vị trí mời thỉnh chư tăng an tọa. Khi ấy Chúa Trời chấp tay cung kính tôn trọng tán thán đánh lễ chân Phật rồi bày các thứ mỹ vị trong cung trời để cúng dường ... Lúc ấy Chúa Trời cùng các quyến thuộc sanh lòng hoan hỷ muốn nghe giáo pháp nên tự mình ngồi chỗ thấp chuyên chú yên lặng lắng nghe. Đức Thế-Tôn dùng đại phương tiện mà thuyết những điều quan trọng của giáo pháp như tán thán các hạnh nguyện bố thí v.v... để cho họ được nhiều lợi ích.

Chúa Trời cúng dường như vậy trải qua được bốn ngày vua A-Xà-Thế mới biết việc đó bèn leo lên tận chỗ cao nhất trong cung để xem xét tình hình thấy đức Thế Tôn và các đệ tử ở trong vườn trúc tịch tĩnh an ổn mà làm Phật sự, quốc vương bèn sanh lòng giác ngộ hối hận tự trách rằng, ta sao quá ngu si tạo tội vô cùng nặng như núi Tu-Di. Đức Thế-Tôn đời này xuất hiện tròn đầy trọn vẹn công đức thanh tịnh tối thượng mà ta lại không thể hiểu tin những lời dạy dỗ của Ngài, do nghiệp duyên đó tất phải đọa lạc. Các Chúa Trời kia còn bỏ các thứ vui sướng, khoái lạc trên trời mà đến nơi Phật cúng dường, thính pháp còn ta sao lại không phát khởi thiện lợi ? nói như thế xong liền thẳng xa giá đến nơi Phật ở lấy đầu mặt đánh lễ chân Phật với lòng buồn rầu, khóc lóc thảm thiết xin sám hối những lỗi đã làm. Trong thành

Vương-Xá lúc ấy mọi người đều lớn tiếng : “Lành thay quốc vương đã được đại giác ngộ từ trong Phật Pháp ! Chúng ta ngày hôm nay cũng được hưởng sự lợi ích ấy”. Khi ấy quốc vương mới đánh trống thổi loa tuyên bố sắc chỉ, tập hợp tất cả đại thần và nhân dân, quyền thuộc bảo rằng: “Đức Phật của chúng ta xuất thế là một việc rất là khó gặp mà chúng ta hôm nay đã gặp thì hãy phát tâm thanh tịnh cung kính cúng dường, lắng nghe chánh pháp” bèn dùng các thứ hương đèn, hoa quả, y phục tối diệu đến cúng dường Phật. Làm việc ấy xong tâm quốc vương rất vui mừng.

Khi ấy đức Như-Lai dùng Đại Phạm âm (âm thanh rền vang như sấm) vì hội chúng mà khai thị diễn thuyết tứ thánh đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) khiến vô lượng Trời và Người hiểu rõ chánh pháp mở bày chánh kiến.

Bấy giờ đức Thế-Tôn mới hỏi các tỳ kheo rằng :

- “Các ông có thấy dân chúng trời và người đang ở quanh ta làm đại cúng dường hay không?”

Các tỳ kheo chấp tay trả lời :

- “Bạch đức Thế-Tôn đó là việc chưa từng có mà các con nay được thấy”.

Phật dạy :

- “Trong giáo pháp của Như-Lai nếu người nào có lòng thanh tịnh khi thấy kẻ khác làm phước nghiệp mà sanh lòng hoan hỷ thì nên biết rằng kẻ ấy sẽ được tín tâm bất hoại để tiến tới trọn vẹn trí huệ thanh tịnh.

Nầy các tỳ kheo ! Ta nhớ vào vô lượng kiếp xa xưa có Phật xuất thế hiệu là Bảo-Sơn Như-Lai, Ứng-cúng, Chánh-biến-tri, Minh-hạnh-túc, Thiện-thệ, Thế-

gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự Trương-phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế-Tôn trú thế mà thuyết pháp lợi ích chúng sanh. Khi ấy có một vị vua thính Phật Bảo-Sơn và các đệ tử vào trong cung để cúng dường ba tháng an cư, vua ấy cũng dùng các thứ y phục, ẩm thực, thuốc men, chỗ ở tối thượng diệu cung kính cúng dường. Sau ba tháng cúng dường, dân chúng trong thành đều đến nơi Phật thính trú thêm năm năm nữa để được tiếp tục cúng dường ...

Nầy các tỳ kheo ! Các ông nghĩ sao ?

Vì vua ngày xưa cúng dường đức Phật Bảo-Sơn ấy chính là thân ta hôm nay. Do nhân ta trồng khi xưa, tới nay chín mùi nên được Người, Trời cúng dường như thế. “Túc nhân kim quả” chẳng sai một hào ly. Từ nhân mà cảm quả nên quả giống như nhân, phải nên biết rõ điều ấy để từ bỏ mọi sự nghi hoặc. Nghiệp báo thiện lợi hay xấu xa chắc chắn không hư dối, thế lực của nó như dòng thác mạnh không thể nào ngăn chặn. Cái nghiệp lực ấy chiêu tập quả báo, địa, thủy, phong, hỏa Tứ đại và các Uẩn, Xứ ... tự tạo nhân phước tất hưởng quả vui. Lúc ấy Thế-Tôn bèn thuyết kệ rằng :

*Kinh ư bá thiên kiếp
Bỉ nghiệp bất khả hoại
Nhân duyên hòa hợp thời
Quả báo quyết định thọ.*

Trải qua trăm vạn kiếp,
Nghiệp cũ vẫn chẳng hư,
Lúc nhân duyên hội đủ,
Phải nhận trọn quả báo.

(Còn tiếp)

Luận cổ Suy kim

Đỗ Nguyên

(tiếp theo)

Thánh Vương Chi Đạo :

Trong những lúc dân tình nghiệt ngã vì giới lãnh đạo vô tài bất chính, ca dao Việt Nam có những câu thâm thúy sau đây để bày tỏ sự phản đối của họ :

*Người trên ở chẳng kỷ cương
Cho nên kẻ dưới lập đàn mây mưa.*

Hay là :

Thượng bất chính, hạ tắc loạn.

Đó là một trong những lý do để Thánh Vương Chi Đạo ra đời. Sách lược quốc trị này được xây dựng bằng những tinh hoa của triết lý Đông Phương. Có thể nói nó bao gồm một số tư tưởng thực dụng từ các sách lược quốc trị của các triết gia vĩ đại như Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử v.v... du nhập từ Trung Hoa, và Phật Thích Ca du nhập từ Ấn Độ. Chúng ta có thể xem nó tương tự như hiến pháp bây giờ để giới lãnh đạo theo đó mà điều hành nguồn máy công quyền một cách chính đáng. Thánh Vương Chi Đạo (con đường sáng suốt cho giới lãnh đạo đi) là một triết lý quốc trị thực dụng hay còn gọi là triết lý “tri hành hợp nhất” của Khổng-Lão-Phật giáo. Hơn ai hết, các vĩ

nhân này đã nhận thức rằng nguyên nhân gây ra sự xung đột giữa người và người hay thảm họa và rối loạn trong xã hội là do “tri hành bất nhất” phát xuất từ con người hay trong giới lãnh đạo. Hơn nữa, một trong những mục đích của sách lược này là giới lãnh đạo phải lưu ý tích cực hơn đến quyền lợi người dân. Thế nên triết lý dân quyền “Dân vi quý” của Mạnh Tử cũng được lưu ý đến trong sách lược quốc trị của họ Lý. Sau đây là các nhân tố chính trong sách lược quốc trị của Lý tiên sinh :

Sách Lược Quốc Trị của Khổng Tử :

Khổng Tử (551-478 tr. TC) một triết gia tiên phong trong chính trị học “nhân đạo chính vi đại” (trong đạo làm người, chính trị là lớn hơn hết) Nghĩa chính trị của Khổng Tử là “làm mọi việc cho mình chánh lấy mình chánh mà trị người (dân), nếu giới lãnh đạo làm như vậy thì dân nào dám nổi loạn”. Sách lược quốc trị của Khổng Tử như là sự đáp ứng thiết thực của một công dân yêu nước theo tinh thần “quốc gia hưng vong thất phu hữu trách” cho bối cảnh chiến loạn giữa các chư hầu và tiểu quốc vủa Trung Hoa dưới thời Xuân-Thu Chiến-Quốc, vì họ đã thi nhau tranh giành đất đai và tạo thế lực chính trị. Cho nên người ái quốc Khổng Tử phải “nhập thế” để tái lập hòa bình và cải cách xã hội theo chiều hướng cấp tiến. Ông đã thành công không ít trong sứ mạng này và được hậu thế tôn vinh là một vĩ nhân của hòa bình và trật tự thế giới thời bấy giờ. Theo thuyết “nhập thế” của ông, để có một xã hội an bình và trật tự thế giới thời bấy giờ. theo thuyết “nhập thế” của ông, để có một xã hội an bình và tiến bộ, con người phải có

chí “lập thân” và trước tiên là rèn luyện cho mình trở thành người quân tử rồi “hành đạo” (tham gia chính trị) theo tinh thần hướng thượng trong khuôn khổ “tu thân, trị quốc, bình thiên hạ”. Triết lý chính trị của ông là đào tạo và hướng dẫn con người trở về với cá tánh tự nhiên “nhân chi sơ tính bổn thiện” và khai triển ba nhân tố đặc thù như : Nhân là thương người và đồng loại, dũng là can đảm trước hiểm nguy, trí là biết người biết ta để sống hòa đồng với mọi người một yếu tố khá quan trọng trong ba nhân tố của loài người (loài vật thường không có nhân tố trí huệ)

Theo Khổng Tử, người quân tử hay lãnh tụ xứng đáng, tối thiểu họ phải có ba phẩm chất kể trên, mới có thể gánh vác công việc “an bang tế thế”. Một cách “êm trong thuận ngoài”. Ngoài Khổng Tử ra, một số tư tưởng khác cũng được thêu dệt vào Thánh Vương Chí Đạo mà chúng ta sẽ có dịp bàn qua :

Sách Lược Quốc Trị của Lão Tử :

Tục ngữ Việt Nam dùng những lời lẽ sau đây để cảnh tỉnh những ai ham danh lợi :

Cây cao thì gió càng lay,

Càng thêm danh vọng, càng dày gian

truân.

Hoặc nếu ai ham đầu tư vào quyền cao, chức trọng, thường họ hay bị lỗ vốn, có lúc mất cả “chì” lẫn “chài” :

Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng.

Trong khi Khổng Tử đưa ra chủ thuyết nhập thế “hữu vi” nhằm khuyến khích con người phải “thành ý, chính tâm, lập thân và hành đạo” để trở thành người quân tử thực hiện công việc canh tân xã hội để tạo điều kiện quốc thái

dân an. Cũng cùng một mục đích như vậy, nhưng Lão Tử chọn một con đường khác với chủ thuyết “vô vi” hay “không làm” còn gọi là thuyết xuất thế. Ông chủ trương rằng muốn giải quyết các tệ đoan hay tranh chấp trong xã hội, kẻ tiểu nhân trong hàng ngũ lãnh đạo phải được “hồi chánh” về với đạo “vô vi”, bởi vì họ “không làm” đạo tặc trên chính trường hay trong đoàn thể nữa, thì tự nhiên hòa bình và tiến bộ phải đến. Từ đó con người, xã hội sẽ sống thuận với đạo tâm và thiên nhiên. Cứu cánh của vô vi là đào tạo con người trở thành thánh nhân để phụng sự xã hội rồi tiến đến “quốc thái dân an”. Đây là hai luồng tư tưởng ra đời cùng một lúc nhưng đối nghịch nhau trong việc mưu tìm một sách lược quốc trị để canh tân xã hội và an bang tế thế. Mặc dù có sự khác biệt như vậy, tuy nhiên hai ông Lão và Khổng rất hỗ tương với nhau trong việc tìm kiếm phương cách khả dĩ để chấm dứt chiến tranh và hận thù. Khổng Tử có lúc khâm phục Lão Tử khi hai ông đàm đạo về triết lý quốc trị của họ “Ngô kim nhật kiến Lão Tử, kỳ do long hồ” (Ngày mà ta yết kiến với Lão Tử, ta có cảm tưởng Ngài giống như một con rồng.)

Lớn lên trong bối cảnh quốc biến, Lão Tử lúc nào cũng bận tâm và khắc khoải trong việc mưu tìm một giải pháp để kiến tạo hòa bình. Trong chiều hướng đó, Khổng Tử thì lo đào tạo lớp người quân tử để gánh vác trách nhiệm canh tân xã hội, còn Lão Tử thì kêu gọi đám tiểu nhân đạo tặc từ bỏ (xuất thế) hàng ngũ lãnh đạo bất chánh để về với đạo tâm mà “ấn tích mai danh” xa rời môi trường tranh chấp, thủ đoạn, bóc lột thói

nát và tham quyền cố vị. Theo triết lý vô vi của Lão Tử sách lược quốc trị của ông đã dùng để xây dựng một chính quyền trong đó giới lãnh đạo phải “tuyệt thánh bỏ trí, tuyệt nhân bỏ nghĩa”. Dưới cái nhìn của Lão Tử, cái trí và cái nghĩa của kẻ lãnh đạo có thể xem như con dao “hai lưỡi” nếu kẻ lãnh đạo có đạo tâm thì chữ trí và chữ nghĩa sẽ phục vụ cho quyền lợi dân tộc, bằng không thì trí và nghĩa sẽ khiến kẻ lãnh đạo trở nên xảo thuật gian manh, độc tài bất chính, luồn cúi, nịnh bợ, tiểu xảo, phe nhóm v.v... sách lược quốc trị vô vi còn chủ trương giới hạn quyền lực của giới lãnh đạo để ngăn ngừa tình trạng bạo quyền dẫn đến độc tài, và lạm quyền dẫn đến hối lộ thối nát hủy hoại công quỹ quốc gia, và tiềm năng dân tộc. Nếu có một chính quyền lành mạnh như vậy thì nhân dân mới tự do sống theo đạo tâm và hòa đồng với thiên nhiên mà không lo sưu cao thuế nặng, tuân hành luật pháp khắc khe vô lý.

Tóm lại, ta có thể nói không ai hiểu nhiều về “mặt trái” của giới lãnh đạo hơn Lão Tử cả. Bên ngoài thì hô hào nhân dân “yêu nước” đứng lên chống “ngoại xâm đế quốc” để mang lại “độc lập tự do hạnh phúc” chứ sự thực là những lời gian trá mị dân để rồi mang tội phản quốc. Lịch sử chúng ta trong vòng một thế kỷ nay có rất nhiều kẻ tiểu nhân làm việc đạo tặc như vậy. Triết lý vô vi của Lão Tử ra đời nhằm 2 mục đích : (a) Đào tạo con người thành thánh nhân vì bản chất của thánh nhân là hiếu nhưng khiêm tốn, biết nhưng không tự cao, tài nhưng không khoe khoang, quý tánh mệnh hơn hư danh (hữu danh vô thực),

phẩm cách hơn nghi lễ, bề ngoài (thùng rỗng kêu to) và (b) một sách lược quốc trị đơn giản nhẹ nhàng nhưng thâm thúy. Từ đó triết lý quốc trị vô vi tự nó tạo nên một sức mạnh và hấp dẫn quần chúng “hữu xạ tự nhiên hương” một cách tự nhiên mà không dùng xảo thuật thủ đoạn để áp đảo hay cưỡng bách ; và dùng đạo tâm để giải quyết các thế lực đối nghịch theo tinh thần “nhu thắng cương, nhược thắng cường”. Thế nên, muốn có một sách lược quốc trị toàn diện, ít nhất phải có hai luồng tư tưởng kể trên để có thể cân bằng và dung hòa hai thái cực thiện và ác, quân tử và tiểu nhân, đại nghĩa và đạo tặc trong xã hội, giống như ngày và đêm, âm và dương, nam và nữ trong vũ trụ vậy.

Lão Tử (570-490 tr.TC), ra đời cùng thời với Phật Thích Ca, và trước Khổng Tử độ hai mươi năm, trong thời đại loạn của Xuân-Thu Chiến Quốc, cũng là lúc mà “trào lưu tư tưởng” phát sanh rầm rộ nhất trong lịch sử loài người. Phải chăng vì tang thương nghiệt ngã, vì áp bức bất công mà con người phải nghĩ cách cứu nguy cho mình và nhân loại ?

Sách Lược Quốc Trị Của Phật Thích Ca: Từ ngàn xưa, bản chất của người Việt Nam là thích sống theo luân thường đạo lý, tu thân tích đức cho mình và đời sau là món ăn tinh thần của dân tộc :

*Cứ trong nghĩa lý luân thường,
Làm người phải giữ kỷ cương mới mầu,
Đừng cậy khỏe, chớ khoe giàu,
Trời kia còn đó, trên đầu còn kinh.*

Phật giáo du nhập vào Việt Nam khoảng 200-300 tr. TC. tinh hoa của Phật giáo là thuyết Tứ Diệu Đế (bốn chân lý

để sống viên mãn) gồm có : (1) Khổ Đế : quan niệm về nghiệp báo khiến nhân loại bị mê hoặc trong luân hồi bể khổ ; (2) Diệt Đế : Diệt nghiệp báo để thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử đạt đến Niết Bàn ; (3) Tập Đế : Biết nguyên nhân của nghiệp báo để tu tập đoạn trừ có được hiệu quả ; và (4) Đạo Đế : Con đường Bát Chánh phá tan tâm thức vô minh ngu muội gồm có Chánh kiến (tu hành chân chánh), Chánh tư duy (suy nghĩ chân chánh), Chánh ngữ (lời nói chân chánh), Chánh nghiệp (hành động chân chánh), Chánh mệnh (sống chân chánh), Chánh tinh tấn (đốc chí siêng năng với hiểu biết sáng tạo chân chính), Chánh niệm (nghĩ nhớ chân chánh), và Chánh định (định tâm chân chánh.) Trong bốn chân lý sống của Phật có Đạo để được áp dụng nhiều nhất trong sách lược quốc trị nhằm đào tạo giới lãnh đạo trong thời Hậu Lý.

Chủ thuyết nhập thế của Phật giáo Đại thừa là đào tạo Phật tử tinh tấn để trở thành lãnh tụ quốc gia tinh tấn, Lý Công Uẩn là một ví dụ điển hình. Một lãnh tụ chân chánh đòi hỏi có khả năng “nội thánh, ngoại vương chi đạo” đó là sáng suốt trong nội giới và chủ động ở ngoại giới. Muốn làm chủ được nội giới từ vua đến dân, lãnh tụ ít ra phải am tường về Đạo đế hay Bát Chánh đạo kể trên. Theo đó, người lãnh tụ phải làm gương trong mọi lãnh vực để dân noi theo, lưu tâm đến quyền lợi và yêu thương dân. Về lãnh vực liên đới từ trong ra ngoài hay từ quân thần đến lân bang, người lãnh tụ phải am tường triết lý Lục Hòa của nhà Phật, đó là sáu nguyên tắc tương hòa tương kính để đoàn kết dân tộc và xây dựng hòa bình gồm có :

(a) Thân Hòa Đồng Trụ : Ta sống với nhau một cách tương kính và hòa thuận, bỏ qua mọi nghi kỵ hay tị hiềm ; (b) Ý Hòa Đồng Duyệt : Thảo luận và trao đổi ý kiến trong tinh thần xây dựng để rút tỉa cái hay trong sáng kiến ; (c) Khẩu Hòa Vô Tránh : Bàn luận một cách thành thật, tương kính, dịu dàng không ác ngôn nghịch ngữ, không đá kích cá nhân ; (d) Lợi Hòa Đồng Quân : Không ích kỷ, chia sẻ quyền lợi công bằng, không độc quyền thành quả ; (e) Giới Hòa Đồng Tu : Tu thân và giữ gìn giới luật, sống trong kỷ cương của giới luật ; và (f) Kiến Hòa Đồng Giải : Ý kiến khác biệt phải được thảo luận và phân tích trong tinh thần xây dựng và tương kính.

Tóm lại, Khổng Tử chủ trương “hữu vi”, Lão Tử chủ trương “vô vi”, Phật Thích Ca chủ trương trung hòa cả hai tư tưởng đó. Phật nói “Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc” vạn sự vạn vật không nhất định. Không độc tồn, tương duyên chuyển biến. Theo tư tưởng này người lãnh tụ quốc gia phải có khả năng suy diễn để thanh lọc và dung hòa để chế ngự các thế lực đối lập để đạt đến một giải pháp trung dung (check and balance) theo tinh thần Lục Hòa (compromised.). Chủ thuyết Phật giáo trong Thánh Vương Chi Đạo là hướng dẫn giới lãnh đạo đạt được minh ý để công việc quốc thống hành xử một cách sáng suốt theo tinh thần “Nhất thuyết duy tâm tạo” (mọi sự việc đều từ tâm mà ra). Thật vậy, nếu giới lãnh đạo có minh ý hay trí huệ sáng suốt để soi sáng việc quốc thống, thì sẽ có minh quốc tức quốc thái dân an.

Kết luận :

Mặc dù chiến tranh đã chấm dứt gần 23 năm, nhưng Việt Nam vẫn còn là một đề tài nóng bỏng cho chúng ta và các nước. Khung cửa thế kỷ 21 đang chào đón Việt Nam, với một niềm hân hoan rằng quê hương sẽ thay đổi từ họa đến phúc :

*Trời thu vừa gặp tiết lành,
Muôn dân yên khỏe thái bình âu ca.
Muốn cho yên nước yên nhà,
Một là đức hiếu, hai là đức trung.
Trong bốn nghiệp ra công gắng sức,
Đường nghĩa phương ta phải khuyển
con.*

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải qua bao phen “vinh hiển” và “tang tóc”. Cái vinh thì ít nhưng cái tang tóc thì nhiều. Nhất là trong thời cận đại của thế kỷ 20, dân tộc đã bị đảo điên thê thảm. Qua đề tài “Luận Cổ Suy Kim”, điều hiển nhiên là chúng ta không thể áp dụng toàn diện mô hình Thánh Vương Chi Đạo của nhà Hậu Lý để xây dựng một cơ chế chính trị mới thay thế cơ chế bạo quyền hiện tại. Nhưng mục đích chính là chúng ta có thể rút tỉa một số kinh nghiệm từ bài học của Lý Công Uẩn về tài năng “thanh lọc” những tư tưởng và triết lý du nhập từ bên ngoài vào thời đó. Vì các triết lý này có tính chất hòa đồng với đặc thù của truyền thống, thực dụng, tiến bộ, và thích hợp với khát vọng khai phóng và canh tân nước nhà. Hy vọng một phần của sách lược “gạn lọc” này sẽ là hướng đi cho giới lãnh đạo “sáng suốt” tương lai. Cho đến bây giờ, chúng ta rất hãnh diện về một đặc thù văn hóa dân tộc : Đó là

chúng ta có vay mượn và học hỏi từ bên ngoài (văn minh Đông và Tây) tuy vậy quốc hồn quốc túy và sắc thái tinh hoa cố hữu của dân tộc vẫn được duy trì trọn vẹn mà không bị lệ thuộc đồng hòa hay mất gốc. Ngược lại, nếu tư tưởng “ngoại lai” nào làm xáo trộn trật tự xã hội, tiêu diệt bản chất đặc thù của văn hóa và đi ngược lại quyền lợi quốc gia dân tộc ắt phải bị “đào thải” bất cứ giá nào. Hiện tượng tan rã của chủ nghĩa cộng sản là một ví dụ điển hình. Đó là tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam không dễ bị đồng hóa bởi tư tưởng bất chính không cần biết từ ai gây nên hay dưới hình thức nào. Tất cả chúng ta, đặc biệt là giới lãnh đạo “sáng suốt” phải tiếp tục nuôi dưỡng và phát huy tinh thần này song song với tiến trình cứu nước và canh tân toàn diện.

Nhưng muốn canh tân quốc gia, chúng ta phải hồi sinh tinh thần dân tộc trước. Đó là một sứ mệnh khá quan trọng mà giới lãnh đạo đặc biệt lưu ý. Chúng ta phải thành thực chấp nhận tinh thần dân tộc Việt Nam đang bị sa sút trầm trọng nếu không muốn nói là tê liệt hay bại hoại (8) điều này cũng dễ hiểu vì dân tộc bị dồn ép và tổn thương quá nặng bởi hai mãnh lực chiến tranh và ý thức hệ “Cộng sản và Tư bản”. là những triết lý ngoại lai mới lạ không quen thuộc với tinh thần nhân bản dân tộc. Thêm vào đó, thiên tai tiếp diễn triền miên vì khí hậu và địa dư bất lợi.

Để đổi từ họa sang phúc, chúng ta phải nhắc đến Hàn Phi một triết gia nổi tiếng từng xác định “Thời thế thay đổi mà phép trị dân không thay đổi thì sẽ loạn”. Muốn vậy, việc đầu tiên là phải

chấn hưng tinh thần dân tộc. Có hai phương cách :

(1) Xây dựng một tinh thần hoàn toàn mới theo đó các đặc thù và văn hóa dân tộc bị thay thế bởi các tư tưởng quá khích cực đoan.

(2) Xây dựng một tinh thần dân tộc hòa đồng với hai nền văn minh Đông phương và Tây phương.

Chủ trương thứ nhất chắc chắn thất bại. Thật vậy, chủ thuyết cộng sản du nhập vào Việt Nam kể từ 1930 gây nên thảm họa hiện tại. Điều này đủ để chứng minh phương cách này bị nhân dân đang từ chối và đào thải một cách quyết liệt.

Phương cách thứ hai là sự tổng hợp của hai nền văn minh Đông và Tây. Giải pháp này có nhiều cơ hội thành công vì các lý do : Thứ nhất là người Việt Nam tiếp tục duy trì văn hóa, phong tục và đặc thù dân tộc đang có. Thứ nhì là xã hội không bị xáo trộn vì không cần trải qua những thời kỳ “tẩy não”, “thanh trừng” hay cách mạng đẫm máu để dồn ép tư tưởng không “quen thuộc” vào tiềm thức tự nhiên của con người. Thứ ba là khai phóng tinh thần dân tộc với các tư tưởng tiến bộ hướng về quyền lợi người dân như : Tự do, dân quyền, dân chủ, dân sinh, pháp trị, tín ngưỡng v.v... như tiền nhân đã nhiều phen gây dựng từ ngàn xưa. Tất cả các tư tưởng tiến bộ ngoại nhập đều được “thanh lọc” và “điều kiện hóa” để phù hợp với văn hóa dân tộc. Thật ra, bằng phương pháp thứ hai, chúng ta sẽ làm hồi sinh hay cập nhật hóa các tư tưởng quen thuộc như dân quyền, dân sinh v.v... như là trở về với dân tộc thì đúng hơn. Phương cách này phải cần một cơ cấu chính quyền do

dân chọn lựa, đó là một cơ chế Dân Chủ Pháp Trị, và nhân dân sẽ trực tiếp kiểm soát giới lãnh đạo bằng lá phiếu của họ. Theo người viết bài này, đây là một “thử thách” mà chúng ta sẽ đương đầu trong tiến trình dân chủ hóa cơ chế chính quyền và phân quyền cho một VN mới.

Trước mắt của những ai còn hướng về quê hương, thì bối cảnh Việt Nam bây giờ là một bài toán phức tạp cần nhiều đáp số cho các vấn đề nan giải như : (1) Văn minh Đông phương chú trọng nhiều về đức dục, nặng về lý thuyết, thiếu cơ chế pháp trị thực dụng ; ngược lại (2) văn minh Tây phương, nếu được thanh lọc, phải có thời gian để hòa nhập, vì nền văn minh này chú trọng thực dụng mà xem thường đức dục ; (3) tiềm lực quốc gia đang bị sử dụng bừa bãi, phung phí ; (4) thiên tai vì địa dư bất lợi ; (5) văn hóa và dân trí đang bị đầu độc lạc hướng xa lẫm với chân mỹ thiện ; (6) trật tự xã hội đang ở thế “bị trị” thay vì “tự chủ” ; (7) sự đe dọa lãnh thổ và chủ quyền từ tham vọng quốc Trung Cộng ; (8) tiềm năng và tinh thần dân tộc bị giao động sa sút làm mất niềm tin vào sức mạnh và sự bất khuất của dân tộc. Có thể nói, sự thành bại của công cuộc hưng quốc tùy thuộc khá nhiều vào đáp số cuối cùng đó là sự “hồi sinh tiềm năng và tinh thần” dân tộc, một yếu tố “nòng cốt” trong cuộc cách mạng toàn diện để bắt đầu cho một kỷ nguyên mới từ năm 2000.

Đó là những cản trở trầm trọng đã và đang dồn ép dân tộc vào cái thế lạc hậu, nghèo đói quẩn quại mà quê hương phải chịu đựng cả chiều dài của thế kỷ 20, vì cho đến bây giờ chúng ta chưa tìm ra lối thoát :

*Quê tôi nghèo lắm ai ơi,
Mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu cơm.*

Với tinh thần bất khuất và sự đồng lòng của chúng ta theo tâm niệm “Tận nhân lực tri thiên mạng” thì “hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai” sẽ được tái tạo trên quê hương, vì lịch sử đã nhiều lần chứng minh “Dân muốn là trời muốn”.

Ngoài Thánh Vương Chi Đạo, lịch sử chúng ta còn có những nét son dân chủ sáng giá như hội nghị Bình Than và Diên Hồng dưới đời Trần Nhân Tông với “Bình Thư Yếu Lược” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nói về binh lược đại thắng quân Nguyên (1285), và Bình Định vương Lê Lợi nói về chiến lược đại thắng quân Minh v.v... là những oanh liệt của lịch sử dân tộc mà chúng ta phải tự hào và noi gương.

Cuối cùng, để chia tay sau đây là một phần của bài hịch khi Lê Lợi thống lĩnh sơn hà, ngài để lại cho hậu thế một áng văn chính trị bất hủ bằng ngòi bút ái quốc của tiên sinh Nguyễn Trãi trong kiệt tác Bình Ngô Đại Cáo (1427) :

*Non nước cõi bờ đã khác,
Bắc Nam phong tục vẫn riêng,
Cơ đồ gầy dựng trải Triệu, Đinh, Lý,
Trần,
Để bá tranh hùng cùng Hán, Đường,
Nguyên, Tống.*

*Tuy “mạnh”, “yếu” từng khi có khác,
Nhưng hào kiệt chẳng thể nào không.*

Cho nên :

*Lấy đại nghĩa mà thắng được hung tàn,
Lấy chí nhân mà đề được cường bạo.*

Nguyễn Trãi, Bình Ngô Đại Cáo.

Và bây giờ :

*Bất khuất tiền nhân là thế,
Bây giờ, ta còn “nó” hay không ?
Nghiệt ngã, muôn dân đang chờ hào
kiệt !*

*Một lòng “bất khuất” như tiền nhân.
“Mạnh sức, yếu chước”, nghĩ xem ?
Sao ta không dùng đến nó !
Để xưng danh là cháu Tiên Rồng.
Mới thật tình mến dân, yêu nước.
Đó là “Luận Cổ Suy Kim” vậy !*

Sỹ Nguyễn.



CHÚ THÍCH

(1) Trước đó là thời tiền sử độ 300,000 năm.

(2) Kỷ nguyên Thiên Chúa, tính từ năm Chúa Jesus giáng sinh. Trước Thiên Chúa viết tắt là (Tr. TC)

(3) Nhà Hậu Lý (1010-1225 TC) từ Lý Thái Tổ đến Lý Chiêu Hoàng. Trước đó có nhà Tiền Lý, tức Lý Bôn (544-602 TC).

(4) Nhà Tiền Lê (980-1009 TC) từ Lê Đại Hành đến Lê Long Đĩnh (Ngọa Triều), sau đó có nhà Hậu Lê (1428-1527 TC) tức là Lê Thái Tổ (Lê Lợi)

(5) Đại trượng phu hay đại nhân, người quân tử có ích cho xã hội.

(6) Mạnh Tử : Cha đẻ của chủ thuyết dân quyền (sanh 372 tr. TC).

(7) Vua Ngọa Triều là vua hay nằm trong khi nghị triều.

(8) Con người là đơn vị nhỏ nhất như một tế bào của xã hội, nếu tinh thần quốc gia từ con người bị tê liệt, sự cạnh tranh và phục hưng xã hội sẽ gặp nhiều trở ngại.

Ba Câu Chuyện, Một Vấn Đề

Của Tịnh Hải

Đây là ba câu chuyện về Phật Pháp : Một về Lục Tổ Huệ Năng, một về các vị Lạt Ma Tây Tạng và một về ngài Quảng Khâm, một đại lão Hòa Thượng Trung Hoa viên tịch vào năm 1986 ; là ba câu chuyện của những vị đã tu chứng, đã đắc đạo. Vậy còn một vấn đề là việc gì ?

Vấn đề đây cũng là vấn đề tu.

Vấn đề được đặt ra là muốn tự hỏi : “Tu là gì ? Tu để làm gì ?”

Có người giải thích tu là sửa đổi.

Vậy sửa đổi cái gì ?

Dĩ nhiên câu giải đáp là sửa đổi con người của mình. Trước kia mình hay nóng giận, cau có ; bây giờ sửa đổi con người mình trở nên hiền từ, dễ sống với mọi người. Trước kia thấy cái đẹp mình ham muốn, cái đẹp đây không chỉ nói đến nam giới dăm mê sắc đẹp nữ giới, mà nói chung nam nữ đều ham thích cái gì đẹp để sắc sỡ. Trước kia mình chỉ thích được người ta khen, chớ bị chê là dùng dùng nổi giận rồi nuôi dưỡng hận thù ; bây giờ phải sửa đổi khác lại.

Tóm lại, nếu đúng nghĩa, là con người Phật tử, phải tu sửa mình, thấy sắc không ham, thấy tiền tài danh vọng không tham, được khen không mừng, bị chê không giận, gặp lúc tử biệt không sầu khổ khóc la. Tu là phải chinh phục tâm mình, phải dẹp bỏ những vọng tưởng.

Người đời nhận lầm vọng tưởng là

tâm mình. Tâm vọng tưởng là ý nghiệp. Vì nhận lầm nên ta bị nó dẫn dắt đi mãi trong luân hồi nhiều kiếp.

Giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh là tu. Đó là phá vỡ vô minh. Tu theo nhà Phật khó như vậy. Vì vậy mới nói đạo Phật là đạo giác ngộ. Người tu phải tự giác.

Nhưng đó chỉ mới là sơ khởi. Người ta cần phải đạt xa hơn trong câu hỏi “tu để làm gì ?”

Ngày xưa có một Phật tử tên Huệ Năng từ miền xa đến chùa Đông Thiền huyện Huỳnh Mai tìm Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn xin học tu. Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn hỏi :

- “Người từ phương nào đến ? Muốn cầu gì ?”

Phật tử Huệ Năng thưa :

- Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ thầy, chỉ cầu làm Phật chớ không cầu gì khác.

Đức Thích Ca cũng là con người như chúng ta. Ngài đã đi cầu đạo và tự tu chứng thành Phật. Chúng ta cứ tưởng Ngài quá cao siêu còn chúng ta quá nhỏ bé tầm thường và nhiều tội lỗi, nên không bao giờ dám nghĩ mình tu sẽ thành Phật. Lại có kẻ vọng cầu thật cao xa mà quên mất đi lời Ngài dạy rằng “mỗi người đều có Phật tánh và có thể tu thành Phật”. Ngài đã nói “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”.

Nếu ta hiểu và nhớ được điều đó

thì chúng ta sẽ trả lời câu hỏi : “Tu để làm gì ?” Giống như Phật tử Huệ Năng trả lời Ngũ Tổ Hoàng Nhấn rằng :

“Tôi tu để cầu làm Phật !”

Bây giờ trở lại câu chuyện Huệ Năng.

Ngũ Tổ Hoàng Nhấn nhìn kỹ Huệ Năng rồi bảo rằng : “Người là người Lãnh Nam lại là người quê mùa làm sao kham làm Phật ?”

Huệ Năng bình tĩnh đáp : “Người tuy có Nam Bắc, nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc ; thân của kẻ quê mùa này với Hòa Thượng vốn không đồng, nhưng Phật tánh đâu có khác”.

Qua câu đối đáp ấy Ngũ Tổ Hoàng Nhấn biết rằng Huệ Năng là người căn cơ lanh lợi, sẽ thành đạo sau này. Khi hỏi han, Ngũ Tổ dùng lời hỏi : “Người là người quê mùa sao kham làm Phật ?” Đó là Ngũ Tổ hỏi để biết về Phật pháp của Huệ Năng tới đâu ? Huệ Năng là một người dốt chữ nhưng không ngờ có lợi căn và chất phác nên đã đáp khi mới vào được Ngũ Tổ hỏi : “Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì ?”, thì Huệ Năng nghĩ sao đáp vậy rằng : “Từ xa đến lễ thầy, để cầu làm Phật !” Lời nói tuy chất phác nhưng thành thật ít ai có được.

Thử hỏi có mấy ai dám trả lời : “Tôi tu để cầu làm Phật !”

Câu chuyện về Huệ Năng không phải để chấm dứt ở đây mà mới là khởi đầu. Không bao lâu sau đó Huệ Năng được Ngũ Tổ trao “Y Bát” và trở thành Lục Tổ.

Điều quan trọng của người tu là tự biết mình có Phật tánh và bất cứ ai kiên trì tu hành đúng cách trước sau gì cũng đắc quả.

Khi Ngũ Tổ Hoàng Nhấn hỏi Huệ Năng : “Người là người quê mùa sao kham làm Phật ?” Huệ Năng bình tĩnh đáp : “Người tuy có Nam Bắc, nhưng Phật tánh vốn không Nam Bắc ; thân của kẻ này với Hòa Thượng vốn không đồng, như Phật tánh đâu có khác”.

Và tiếp theo đây là câu chuyện về Phật giáo Tây Tạng.

Người viết câu chuyện tên là Govinda một giáo sư triết học thuộc xứ Bolivia. Ông ta qua Tích Lan nghiên cứu về tiếng Pa Li và Phật giáo ; rồi đi tu theo giáo phái Phật giáo Nguyên Thủy. Sau đó ông làm trụ trì một ngôi chùa tại Tích Lan.

Đại Đức Govinda là thành viên trong Ban quản trị Hội Phật Giáo Thế Giới. Nhờ một cơ duyên Đại Đức Govinda đến xứ Tây Tạng vào năm 1947 được Đại Lạt Ma Tomo nhận làm đệ tử và liên tiếp gặp nhiều may mắn tại xứ tuyết này.

Trong buổi lễ nhập môn Đại Lạt Ma Tomo bảo ông :

- “Nếu con muốn ta làm thầy của con thì con đừng nhìn cái thân thể vô thường nay còn mai mất này như thầy của con. Chúng ta đều là những kẻ bất toàn. Thay vì nhìn vào những điểm bất toàn này con hãy nhìn vào Phật tánh vốn hoàn hảo đang hiện diện trong tất cả chúng sanh. Thay vì chấp nhận điều ta chỉ dạy cho con đến từ ta thì con phải coi đó những chân lý đến từ trong vũ trụ mà đức Phật Thích Ca đã chứng ngộ được và giảng giải trong giáo pháp của Ngài. Ta chỉ là người tuân theo những giáo pháp đó mà đi, theo ngọn đuốc mà đức Phật Thích Ca đã soi đường”.

“Khi con quỳ lạy trước mặt ta đừng

nghe đến ta mà hãy nghe đến đức Phật Thích Ca ; Người đã khai ngộ cho tất cả chúng sanh vì chỉ có Ngài là người duy nhất được hưởng tất cả sự tôn kính đó. Đừng nhìn vào ngón tay chỉ mặt trăng mà quên đi luồng ánh sáng tuyệt vời phát xuất từ mặt trăng. Đừng trông cậy vào ta như người sẽ đưa con đến chân lý mà hãy trông cậy vào chính con, trông cậy vào cái Phật tánh luôn luôn tiềm tàng sẵn có nơi con để hướng dẫn con trên đường về bến Giác. Đừng nhìn vào thân thể này, bộ áo này hay những điều ta nói như một sự thật tuyệt đối mà hãy chứng nghiệm nó, nghi ngờ nó, xét đoán nó cho đến khi không còn một nghi ngờ hay thắc mắc nào. Đừng vì quá cung kính hay lễ phép mà không dám đặt câu hỏi, vì như vậy là con đã mất đi một cơ hội để tiến gần hơn với sự thật”.

“Điều quan trọng nhất mà con phải biết là tất cả mọi chúng sanh đều có khả năng thành Phật, đều có sẵn Phật tánh, chỉ vì mê lầm không nhận rõ tánh chất cao quý thiêng liêng nơi mình nên chúng sanh mới bị mê đắm vào vòng đau khổ”.

“Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nên tất cả chúng sanh đều tuyệt đối bình đẳng, không có gì sai khác”.

Câu sau cùng này giống như câu của Huệ Năng trả lời Ngũ Tổ Hoàng Nhấn rằng :

- “Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Thân què mùa này cùng với Hòa Thượng chẳng đồng nhưng Phật tánh đâu có sai khác”.

Như vậy Phật tánh vốn bình đẳng đâu có sai khác.

Đức Phật Thích Ca trước khi đắc đạo đã tốn mất mười một năm tầm tu học

đạo với nhiều vị thầy mà không kết quả. Cuối cùng Ngài từ giã tu khổ hạnh trở lại nếp sống thường, rồi đến cội Bồ Đề ngồi Thiền. Ngài ngồi suốt bốn mươi chín ngày. Đến rạng đông của ngày thứ bốn mươi chín Ngài đạt đạo. Ngài đã thành Phật.

Sau khi thành Phật, Ngài nhìn hồ sen thấy có những hoa sen đang nở tròn đầy, có những hoa sen còn búp son trinh, có những hoa đang trụ hình trong nước, có mầm sen còn vùi mình trong bùn nhơ. Song tất cả đều có khả năng nở tròn khoe sắc, nhả hương tinh khiết. Chúng đồng trong lòng đất nhớp nhúa giống như chúng sanh ở cõi Ta bà này, nhưng tất cả đều vươn lên khi được hợp sương phơi nắng chúng đều tròn đủ sắc hương như nhau. Ngài thấy con người cũng thế, tuy sanh ra và lớn lên trong vòng mê đục, một phen tỉnh giấc con người tiến lên bậc giác ngộ.

Đó là Ngài thấy tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật và ngài đã thành Phật.

Ngài không có pháp thuật hay dùng phương pháp nào khác. Ngài ngồi yên trong thanh tịnh trong chánh định. Tâm không suy nghĩ, không vướng mắc bất cứ việc gì. Thân khẩu ý thanh tịnh mà Ngài đạt đạo.

Ngài cũng là con người bình thường như bao nhiêu người bình thường khác, có vợ con cha mẹ, thân bằng quyến thuộc.

Ngài vẫn có thất tình lục dục, nhưng khi Ngài thoát khỏi vòng kềm tỏa của dục trần, giữ được tâm thanh tịnh là Ngài đắc đạo.

Trong kinh Bồ Tát Giới nói : “Bản

tánh của ta tự thanh tịnh, nầy thiện tri thức trong mỗi niệm tự thấy được bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành tự thành Phật đạo”. Đó là lời Phật dạy.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng dạy trong chương Tọa Thiền rằng : “Thiền không phải hoàn toàn chỉ biết ngồi”. Ngài giảng rõ : “Sao gọi là Tọa Thiền ? Trong pháp môn nầy không chướng, không ngại ; ngoài đối với tất cả cảnh thiện ác tâm chẳng khởi gọi là Tọa; trong thấy tự tánh chẳng động gọi là Thiền. Nầy Thiện tri thức sao gọi là Thiền Định ? Ngoài là tướng là Thiền, trong chẳng loạn là Định ! Ngoài Thiền, trong Định ấy là Thiền Định”.

Với Lục Tổ gánh nước, nấu cơm, đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng sống trong Định. Được vậy gọi là Đại Định hay Thường Định, thì mới đúng nghĩa Thiền của Phật.

Lục Tổ Huệ Năng có đệ tử tên là Huyền Sách. Thiền sư Huyền Sách thường du phương khắp nơi thăm viếng các thiền sư. Một hôm Ngài đến Hà Sóc gặp thiền sư Trí Hoàng. Trí Hoàng học đạo với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, vai vế sư huynh của Lục Tổ Huệ Năng. Ngài Trí Hoàng cất am ngồi Thiền tại Hà Sóc suốt 20 năm tự cho đã được đại định.

Thiền sư Huyền Sách gặp Thiền sư Trí Hoàng liền hỏi : “Ông ở đây làm gì ?”

Thiền sư Trí Hoàng đáp : “Nhập định”.

Huyền sách liền hỏi : “Ông nói nhập định là có tâm nhập hay không tâm nhập ? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây nên được định ; nếu có tâm nhập thì tất cả loài hữu tình hàm thức (tức chúng sanh) cũng được định”.

Trí Hoàng bảo : “Tôi chính khi nhập định chẳng thấy có cái có tâm và không tâm”.

Dựa vào chữ nhập định của Trí Hoàng, Huyền Sách nói : “Chẳng thấy bỏ tâm và không tâm tức là thường định, sao lại (nói) có xuất nhập ; nếu có xuất nhập tức là không phải Đại định”.

Thiền sư Trí Hoàng không trả lời được, giây lâu mới hỏi : “Thầy kế thừa ai ?”

Thiền sư Huyền Sách đáp : “Thầy tôi là Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê”.

Ngay đó Trí Hoàng đi tìm Lục Tổ và đạt được đại định thật sự.

Thiền chẳng cần phương pháp nào cả. Đây là một sự thật.

Như đã nói, ngày trước đức Phật Thích Ca ngồi dưới cội Bồ Đề không dùng một phương pháp nào cả.

Hòa Thượng Tomo đã dạy Đại Đức Govinda khi làm lễ nhập môn rằng :

- Thiền định là một lối sống, chứ không phải một phương pháp để thực hành lúc nhàn rỗi, những khi không có những gì để làm. Thiền chính là sống. Sống đúng, sống thật với ý nghĩa của sự sống.

Đại đức Govinda trước kia tu theo Tiểu thừa nhưng khi qua Tây Tạng nhận thức được, cách tu Thiền của Đại thừa, ông đã thành thật viết trong quyển The Way of the White Clouds được Nguyên Phong dịch với tên Đường Mây Qua Xứ Tuyết.

- Tiểu thừa và các môn phái Yoga của Ấn Độ, thường tách rời thiền định ra khỏi cuộc sống và biến nó thành một phương pháp hơn là một lối sống.

Đúng vậy ! Nếu chỉ áp dụng Thiền

khi ngồi, lúc hết Thiền thì xả là có xuất có nhập, mà có xuất có nhập thì đâu phải là thường định, tức lúc nào cũng định, cũng đại định. Thiền của nhà Phật đòi hỏi phải sống trong định : Đi cũng định, đứng cũng định, ngồi cũng định mà nằm cũng định ; cho nên gọi là “thường định” ... lúc nào cũng định. Nhà Phật gọi là “tam muội”.

Chỉ có Thiền như thế mới đạt được đạo. Nhiều người nói Thiền mà không hiểu Thiền của nhà Phật khác với Thiền của ngoại đạo.

Bây giờ nhắc lại Đại Đức Govinda. Sau bốn năm chia tay với Hòa Thượng Tomo, ông trở lại Tây Tạng lần thứ hai. Lần này ông vượt biên giới Ấn Độ để vào Tây Tạng. Sau khi vượt qua đoạn đường đầy gian nan khổ cực trèo đèo vượt suối và nhờ sự hướng dẫn của hai người hướng đạo giỏi, ông đến một tu viện hoàn toàn xây bằng đá nằm sâu trong một hẻm núi.

Ông được một vị sư già cho phép trú ngụ trong một phòng khách đặc biệt.

Được đọc chính lời Đại Đức Govinda viết :

“Trời chưa tối hẳn và tôi cũng không cảm thấy buồn ngủ. Tôi ngồi xếp bằng trên tấm nệm và bắt đầu chuẩn bị nghi thức đọc thần chú. Tự nhiên tôi cảm thấy căn phòng này phảng phất một cái gì quen thuộc, một không khí bình an, êm tĩnh lạ thường. Bao nhiêu mệt nhọc của chuyến hành trình dường như tan biến ngay khi tôi vừa đặt chân vào đây. Tôi bắt đầu đọc bài chú thì sự kỳ lạ diễn ra, bức tường đá trước mặt dường như động, dường như nó đang sống dậy rồi một linh ảnh hiện ra trước mặt tôi. Trong ánh hào

quang sáng rõ, đức Di Lặc đang oai nghiêm ngồi trên một tòa sen, hai tay xếp vào nhau theo Đại Tam Muội ấn. Tôi nhắm mắt lại một lúc để trấn tĩnh tâm hồn rồi mở mắt ra thì hình ảnh đức Di Lặc vẫn hiện ra rõ ràng trước mắt, oai nghi và sống động hơn bao giờ hết. Tự nhiên tôi thấy trong lòng dâng lên một cảm xúc khó tả, một sự tĩnh lặng bình an mà tôi chỉ cảm thấy mỗi khi ở gần Hòa Thượng Tomo. Tôi cảm thấy sự hiện diện của sư phụ tôi rất gần, ngay ở bên tôi, hình như Ngài đang hướng dẫn tôi bước vào luồng hào quang rực rỡ của đức Di Lặc, tai tôi nghe vang vang diệu âm của bài chú mà tôi vẫn tụng không biết bao lần.

“Tôi quay nhìn lại căn phòng, đồ đạc vẫn y nguyên không thay đổi và rõ ràng tôi không hề mê ngủ vì tôi có thể kiểm soát được tay chân một cách dễ dàng, tôi quay lại nhìn bức tường đá và một ánh sáng rực rỡ tỏa lan khắp nơi, trong ánh sáng đó hằng hà sa số chư Phật, chư Bồ Tát đang thuyết pháp ... diệu âm vang lừng không gian. Tôi thấy rõ ràng mình đang đứng trước hải hội chư Phật đó, và đang cúi đầu đánh lễ và dâng lên những bông Mạn Đà La rực rỡ cúng dường chư Phật. Tôi nghe rõ ràng từng lời kinh, từng câu thần chú quen thuộc và những tòa sen liên kết thành hình những đàn tràng Mạn Đà La, những biểu tượng ngoạn ngoèo chói sáng tác động mạnh mẽ vào tâm thức tôi làm tôi thấy mình như rơi vào một biển ánh sáng quang minh rực rỡ. Tôi phải nhắm mắt một lúc mới giữ được cho tâm không xúc động.

“Khi tôi mở mắt ra thì cái hình ảnh

đã biến mất, trên tường chỉ còn lại một tia nắng ấm áp từ cửa sổ rọi vào. Tôi thấy người nhẹ nhàng sáng khoái một cách lạ lùng, bên ngoài cửa sổ cảnh vật hiện ra rõ ràng dưới ánh nắng của buổi chiều tà. Có tiếng chuông thu không ở đâu vọng lại, ngân dài trong không gian ...”

Chuyện của Đại đức Govinda giống như trường hợp của ngài Thiện Tài Đồng Tử trong kinh Hoa Nghiêm khi được Bồ Tát Văn Thù khuyến khích, đã đi tham vấn khắp nơi trải qua 110 vị thiện-tri-thức để hỏi Pháp “Bồ Tát thế nào học Bồ Tát hạnh, thế nào tu Bồ Tát đạo ?” Khi qua lâu các thứ năm mươi sau khi nghe lời thiện-tri-thức dạy ngài Thiện Tài nhận trách tâm mình chánh niệm, tư duy công hạnh của Bồ Tát, tưởng nhớ đời trước của mình tức thời phát tâm cố gắng tiến bước. Rồi Thiện Tài lại được trí nhân quang minh thanh tịnh thấy cảnh giới sở hành của Bồ Tát ; rồi nhờ sức đại nguyện tín giải sâu nên ngài Thiện Tài nhập môn trí huệ thanh tịnh, bình đẳng khắp tất cả xứ, hiện thân ở khắp trước chư Như Lai, chư Bồ Tát v.v... Rồi khi tới lâu các của Di Lạc Bồ Tát, được sự chỉ dẫn thêm ngài Thiện Tài nhập được lâu các Tỳ Lô Giá Na Đại Trang Nghiêm. Tỳ Lô Giá Na tức là Pháp thân. Nhập được Pháp thân, ngài Thiện Tài chứng nhập môn vô ngại giải thoát, vận dụng tâm cùng khắp ... Vừa mới cúi đầu, do thần lực của Di Lạc Bồ Tát, Thiện Tài tự thấy chư Phật Như Lai, những chúng hội, thọ mạng, thân cận cúng dường đều thấy rõ cả.

Đại đức Govinda viết tiếp :

“Sáng hôm sau tôi thức dậy, thu xếp

hành trang để chuẩn bị lên đường. Tôi muốn gặp vị Lạt Ma già đã tiếp tôi hôm trước để ngỏ lời cảm ơn nhưng cả tu viện đều vắng tanh, không một bóng người.

Người dẫn đường thấy tôi trầm ngâm bèn lên tiếng :

- Hình như chỗ này làm ông không được vui ?

- Không đâu, tôi rất thích cái không khí nơi đây. Ít chỗ nào lại êm đềm thanh tịnh như thạch thất này.

- Đã hẳn, ông ngủ trong căn phòng đá đó thì dĩ nhiên phải yên tĩnh rồi.

- Tại sao vậy ?

Người dẫn đạo kể :

- Hôm qua các vị tăng trong chùa này bàn cãi với nhau rất lâu về việc để ông ngủ trong căn phòng đó. Đó không phải một căn phòng thông thường mà chỉ được dành riêng cho một vị khách quý của chùa mà thôi. Vị này đã có công xây dựng lên ngôi thánh tự này, thỉnh thoảng Ngài có ghé qua đây thuyết pháp và chỉ dẫn cho các tăng sĩ trong chùa ...

Tự nhiên tôi giật nảy mình, một ý tưởng bất ngờ nổi lên khiến tôi vội vã hỏi dồn :

- Nhưng ... nhưng vị đó là ai ?

- Tôi không biết rõ tên Ngài nhưng mọi người thường gọi ngài là vị Hòa Thượng làng Tomo, Ngài thường đi khắp Tây Tạng thuyết pháp và dựng chùa thờ Phật Di Lạc, vị Phật tương lai sẽ chuyển kiếp xuống trần trong một thời gian nữa ...

Tôi buột miệng la lớn :

- Đó là sư phụ tôi ...

“Thốt nhiên tôi bỗng ý thức rõ rệt bầu không khí an tĩnh của tu viện này cũng như cái linh ảnh mà tôi chiêm

ngưỡng hôm qua. Cái linh ảnh đó là một kinh nghiệm tâm linh cho thấy rằng tôi vừa được điểm đạo lần thứ hai.

“Trong lễ điểm đạo lần đầu cách đây bốn năm tại Cholin, Hòa Thượng Tomo đã dặn tôi : “Một ngày nào đó, con sẽ thấy được những Hóa thân của chư Phật và chư Bồ Tát, vốn là những điểm linh quang hiện hữu trong tâm con ... Nhờ trì tụng bài thần chú khẩu truyền con sẽ tiêu trừ được những nghiệp chướng này và đến khi đó con sẽ quán chiếu mọi sự một cách rõ ràng hơn. Nhờ suy gẫm về tánh không của sự vật cũng như phát triển tâm Bồ Đề rộng lớn mà con sẽ nhập được pháp giới, thấy được những hải hội chư Phật, chư Bồ Tát, rồi Hóa thân để cúng dường ...”

“Hơn bao giờ hết, tôi cảm thấy sự hiện diện của Hòa Thượng Tomo trong tâm thức mình, lúc đó tôi mới thực sự tin tưởng một cách chắc chắn về cái cầu tâm thức giữa tôi và Ngài. Chính Ngài đã giúp sức cho tôi vượt qua rặng núi cao cực kỳ hiểm trở để đến ngôi chùa mà Ngài đã xây dựng nhiên năm trước đó. Chính Ngài đã hướng dẫn vị Lạt Ma trụ trì đưa tôi trú ngụ trong căn phòng đặc biệt dành riêng cho Ngài. Tôi cúi đầu chú tâm vào bài thần chú mà Ngài đã truyền riêng cho tôi, đầu óc tôi trở nên thông suốt một cách lạ thường, dường như có một tiếng vô thanh nổi lên giải đáp những thắc mắc đã có từ trước đến nay. Tự nhiên tôi ngẩng đầu nhìn lại những bức tranh vẽ trên vách đá và chợt hiểu ...

Và ở đây tôi muốn nói về “Ba Câu Chuyện, Một Vấn Đề”.

Vấn đề là ngài Thiện Tài Đồng Tử đi tham vấn học đạo khắp các thiện-tri-

thức, đạt được Bồ Tát trí tuệ, nhập pháp giới, thấy cùng khắp và thấy quá khứ chư Phật, Bồ Tát ...

Vấn đề là ngài Govinda được điểm đạo lần thứ hai thấy được Hóa thân của chư Phật và Bồ Tát Di Lạc như Hòa Thượng Tomo đã tiên đoán.

Bây giờ tôi quay sang câu chuyện khác, vẫn trong vòng “Ba Câu Chuyện - Một Vấn Đề”, là câu chuyện Thiền mà đức Phật Thích Ca đã đạt ngộ dưới gốc Bồ Đề và Thiền mà Lạt Ma Tomo đã dạy cho Đại Đức Govinda sau này trở thành vị Lạt Ma.

Người tu Thiền phải tự tu, tự chứng. Chứng nhưng mà không thấy có chứng. Đây là điểm mà Lục Tổ Huệ Năng đã dạy cũng như Đại Lạt Ma Tomo đã dạy cho Đại Đức Govinda. Đại đức Govinda đã viết trong cuốn Đường Mây Qua Xứ Tuyết rằng :

“Người tu Thiền phải luôn luôn nghĩ đến đức Phật như Ngài đang hiện diện bên trong chứ không phải ở bên ngoài. Bất cứ sự mong cầu một quyền lực nào bên ngoài cũng đều là những vọng niệm cần phải loại trừ vì, không một uy lực nào bên ngoài có thể giúp chúng ta, ngay chính sự mong cầu một điều gì dù là sự mong cầu bình an, niềm lạc phúc cũng đã là một vọng niệm rồi”.

“Chỉ khi nào người tu Thiền ý thức rõ rệt rằng đức Phật ngự trị ở bên trong thì họ mới có thể hiểu trọn nghĩa câu thần chú linh thiêng “Om Mani Padme Hum” (Án Ma Ni Bát Di Hồng). Chỉ khi nào lòng Từ Bi hoàn toàn khai mở như một bông sen (Padme) vươn cao khỏi vũng bùn và bắt đầu khai hoa thì hương thơm của Trí Tuệ (Mani) mới bắt đầu tỏa

ra khắp nơi và mọi hành động, Thân, Khẩu và Ý (Om) mới thật sự phản ánh trọn vẹn đúng cái ý nghĩa cao đẹp nhất của sự sống (Hum)”.

Nhưng ! Tôi có một ý nghĩ thắc mắc : “Tại sao đức Phật thành đạo nhờ vào tu Thiền mà sau đó Ngài lại dạy chúng sanh pháp môn tu Tịnh Độ niệm danh hiệu Phật A Di Đà để khi chết được vãng sanh về cõi Cực Lạc ? Đó có phải là sự trái ngược không ? Có phải vì thế mà sau này từ Ấn Độ đến Trung Hoa và Việt Nam phái Đại thừa Thiền hay Thiền tông gần như bị quên lãng ?”

Câu tự trả lời gần như đúng. Vì Thiền là lối tu không có phương pháp, giống như người đi cầu khỉ, cầu tre ở Việt Nam lác lẻo gập ghềnh khó đi, không có tay vịn ; bởi có tay vịn là có phương pháp. Hơn nữa người tu Thiền Đại thừa phải là người có tấm lòng bao la của bậc Bồ Tát, phải nghĩ tu để giải thoát chính mình và cả chúng sanh nữa.

Chính Hòa Thượng Tomo đã dạy cho Đại Đức Govinda hiểu rằng : “Trước khi bước vào con đường tu Thiền một người phải trau dồi Thân, Khẩu, Ý cho thật trong sạch. Chỉ khi nào giữ vững được Thân, Khẩu, Ý thì mới nên bước chân vào con đường tu Thiền. Bước đầu việc tu Thiền là làm nấy nở lòng Từ Bi nơi mình vì đó là điều quan trọng nhất. Thiếu điều kiện này thì việc tu Thiền không những sẽ không mang lại kết quả gì mà rất nguy hiểm về sau, vì chỉ có Từ Bi mới giúp ta vượt qua các trở ngại gây nên bởi các tình cảm ích kỷ và các giới hạn chật hẹp của trí thức. Để đạt đến thái độ này, người tu Thiền phải coi tất cả mọi chúng sanh như người thân trong gia đình vì

không một sinh vật nào trong vũ trụ này mà không có sự liên hệ với nhau trải qua vô lượng, vô số kiếp sống luân hồi”.

Như đã nói, tu Thiền như người qua cầu lác lẻo mà không tay vịn, bởi không tay vịn nên khó qua cầu. Đây là một pháp môn tu đòi hỏi nhiều công phu, cho nên Thiền là môn tu không có phương pháp, người ta không thể học hỏi nói hoàn toàn qua sách vở mà cần phải có sự hướng dẫn trực tiếp của một vị thầy.

Tuy Thiền Tây Tạng được Hòa Thượng Tomo gọi là môn tu không có phương pháp, nhưng vẫn là pháp môn có phương tiện.

Đại Đức Govinda viết rõ : “Theo các tông phái khác Đại thừa và Tiểu thừa thì Pháp thân của Phật là Thể Tánh nên không hình dung sắc tướng, không thuyết pháp ; nhưng theo Mật giáo thì đức Phật Hóa thân thuyết pháp, tự thân đã là Pháp thân và có đủ hình dung sắc tướng. Trong khi thuyết pháp ngoài lời nói (khẩu) của Phật được ghi chép thành kinh điển, các cử chỉ và tâm ý của Phật (Thân và Ý) rất quan trọng. Mật tông chú trọng đến cả ba điều này Tam Mật nên phương pháp tu tập thường sử dụng “ấn quyết” (Thân), “thần chú hay chân ngôn” (Khẩu) và tĩnh tâm (Ý) để nhập vào Đại định (Samadhi). Mật tông tin vào phương pháp tu nầy mà người tu có thể ứng hợp được với cảm ứng toàn vẹn với chư Phật, và nhờ phương tiện dẫn độ này mà được thần lực gia trì chóng thành đạo quả. Tu đạo giác ngộ của Phật là phải dừng ý nghiệp”.

Đức Phật Thích Ca là đấng giác ngộ hoàn toàn, trải qua một thời gian dài dạy chúng sanh phương pháp tu, Ngài thấy rõ

chúng sanh có nhiều căn cơ, nên Ngài dạy nhiều pháp môn khác như trì chú và niệm Phật v.v... Trì chú để dừng ý nghiệp, niệm Phật cũng để dừng ý nghiệp. Đức Phật giảng rất nhiều kinh. Bao nhiêu kinh điển đức Phật dạy đều nhắm vào việc hàng phục tâm vọng tưởng của chúng sanh lúc nào đầu óc cũng nghĩ ngợi lằng xằng không ngừng nghỉ, đó là ý nghiệp. Đó là động cơ dẫn dắt chúng sanh đi lang thang mãi trong sanh tử luân hồi. Đức Phật dùng Thiền mà diệt được ý nghiệp của Ngài nên thành đạo, nhưng đa số chúng sanh không đủ khả năng tu Thiền để diệt ý nghiệp của mình, nên Ngài dạy pháp môn niệm Phật.

Ngài giảng kinh A Di Đà dạy cho chúng sanh biết có cõi Cực Lạc, nơi đó đức Phật A Di Đà là giáo chủ. Đức Phật A Di Đà có phát bốn mươi tám đại nguyện, nếu ai niệm hồng danh Ngài, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày mà nhất tâm bất loạn, lâm chung sẽ thấy Phật A Di Đà và Thánh chúng đến rước về cõi Cực Lạc.

Cực Lạc hiểu theo nghĩa thông thường là chỗ vô cùng an vui. Tu Thiền khó đạt đạo, tu Tịnh Độ chỉ cần niệm sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" cho đến mười niệm với lòng chí thành tin mộ muốn sanh về cõi Cực Lạc, là được Phật rước, về đó để tiếp tục tu đến thành Phật quả.

Phật không bao giờ nói sai lời.

Dưới đây là Ba Câu Chuyện - Một Vấn Đề trên khía cạnh niệm hồng danh đức A Di Đà Phật.

CÂU CHUYỆN THỨ NHỨT:

Một hôm Lục Tổ Huệ Năng đang đàn thuyết pháp có Thứ Sử họ Vi hỏi rằng :

- Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A Di Đà nguyện sanh Tây phương, thánh Hòa Thượng nói, được sanh cõi kia chẳng ?

Lục Tổ bảo :

- Sử quân khéo lắng nghe, Huệ Năng sẽ vì nói. Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ nơi Kinh Ván Tây Phương dẫn hóa, rõ ràng cách đây không xa ... Người có hai hạng nhưng pháp không có hai thứ, mê ngộ có khác, thấy có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu sanh về cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm mình.

- Người đời dùng tưởng mình có khả năng giác ngộ như Phật hoặc như Huệ Năng mà ăn nói buông lung không lượng sức mình, thì khó tránh khỏi đọa lạc. Phật nói : Tùy chỗ mình ở hằng được an lạc. Tâm địa không có cái bất thiện thì Tây phương cách đây không xa. Nếu ô mòng chẳng thiện mà niệm Phật cầu vãng sanh thì khó đạt được. Nay khuyên thiện-tri-thức trước nên dẹp thập ác, sau trừ tám cái tà thì qua được tám ngàn hằng sa phiền não, mỗi niệm thấy tánh hằng bình đẳng, trong khảy móng tay, liền thấy đức Phật A Di Đà. Không đoạn cái tâm thập ác thì Phật nào đón tiếp ? Ngộ thì thấy Tây phương chỉ trong khoảng sát na. Nếu chẳng ngộ, niệm Phật cầu vãng sanh thì đường còn xa lắm.

Lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng thật bình dị dễ hiểu. Ngài nói : "Nếu người tâm địa bất chánh, trong tâm còn làm một trong mười điều ác thì niệm Phật vãng sanh khó đến. Nếu thân mình

thanh tịnh thì tâm tịnh, chỗ nào cũng là Tịnh Độ”. Ngài khuyên mọi người trước hết hãy dẹp trừ mười điều ác và tám cái tà thì chỉ trong khoảng khảy móng tay liền thấy được Phật A Di Đà. Ngài nói thật rõ và biết rõ tâm địa của nhiều người, tuy đi chùa lạy Phật, nhưng tánh tham sân si không bỏ, nghe đức Thích Ca dạy niệm hồng danh Phật A Di Đà được rước về Cực Lạc thì càng không lo tu, chỉ nghĩ rằng cứ niệm Phật A Di Đà, dù làm ác cũng không xuống địa ngục, cho nên Lục Tổ Huệ Năng nói : “Nếu ôm lòng chẳng Thiện mà niệm Phật cầu vãng sanh thì khó đến”.

Đoạn sau Ngài nói : “Tự tánh mê tức là chúng sanh, tự tánh giác tức Phật, từ bi tức là Quán Thế Âm, hỷ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là đức Thích Ca, bình trực tức là Phật A Di Đà”.

(còn tiếp)



Văn Tế Mẹ

Than ôi !

Chiều đứng ngã sau, ngóng quê mẹ,
mặt-mờ sương khói tỏa.

Sáng nhìn cổng trước, trông xứ người,
bàng bạc nước mây trôi.

Quê mẹ đâu ? Nay mẹ tôi đã khuất núi
rồi,

Xứ người đó, sao người lại không còn
đó nữa !

Hỡi ôi ! Mây mờ ảm-đạm, mưa sớm tái-
tê, non-nước thê-lương, nắng chiều
vàng-võ.

Não lòng thừa trước, khóc cha già tử biệt,
đêm ngày lã-chã hạt châu rơi.

Thất ruột từ đây, thương thân-mẫu phút
chia-ly, sớm tối dầm-đìa dòng lệ đổ.

Hỡi ôi ! Nhớ mẹ xưa, nông-thôn cốt cách,
lời nói xuề-xòa,

Thành-thị nghi dung, dáng người mảnh-
khảnh,

Tính lại thích tuồng, thích truyện, am-
tuồng trung nịnh, lòng dạ nhân-tử.

Thường giúp người lỡ vận, chẳng nề chi
xẻ áo nhường cơm.

Lòng hay sợ oán, lo ân, thấu suốt dữ
lành, giàu lòng nghĩa-hiệp,

Biết nâng kẻ sa-cơ, nào sá chi chia
thương, sớm khó.

Cất rún, chôn nhau tại Cổ-thành, Quảng-
trị, mẹ sinh trên đất Quảng dầm
mưa,

Theo chồng, theo con, cứ ở mãi đây, gia-
đình dành sống giữa miền Trung
lộng gió.

Nhớ Giáp-ngọ năm xưa, mẹ chào đời lên
tiếng khóc,

Khóc gia vong, khóc thất thủ kinh thành.

Xót cảnh chia-ly, mẹ rũ áo ra đi, mỉm
cười, cười phục-hồi lãnh-thổ.

Buồn thay ! Mẹ già đã bảy chục,

Dương trần dành dứt bước tiến, mẹ chưa
hề hưởng chút cam-trân.

Tội nghiệp đời các con, tuổi đều trên hai

chục,
Vẫn vút tiếp-tục nhau đi và phải vẩn-
vương bao bận khó.
Ôi ! Nhân-sinh, nhân-sinh là thế đó, là
mất mát, còn còn ...
Hỡi thế-sự, thế-sự cũng vậy thôi, cũng
không không, có có ...
Bên linh-sàng hiển mẫu, rừng rừng dòng
lệ đổ,
Ngùi thương bao thân kiếp, qua bao cánh
cửa luân-hồi.
Trước di-ảnh của mẹ hiền, phưởng phất
khói hương trầm,
Xui chạnh nhớ lấm nghiệp duyên, đứt
đoạn đời người quá cố.
Nhớ mẹ xưa ! Đang độ thanh xuân, suốt
đời ở đó, gắng công làm việc,
Dành dụm đồng tiền, nuôi con trẻ và
tạo dựng gia phong.
Qua thời bỉ cực, mẹ với cha như mai với
trúc, đời đời thề khắc chữ keo sơn.
Đường con cái, cha mẹ mừng vui được
bấy lần sinh hạ,
Hiện còn hai sống tại quê nhà và năm
đã xa lìa đất tổ.
Trên xứ người lạc lõng, nhờ có mẹ
chúng con đều vui sống
Quên bao nỗi nhọc-nhần, sâu muợn của
kẻ sống tha-hương.
Tại quê nhà nghèo khổ, con cháu đầy
đàn, đang nhớ thương nhau,
Ngóng trông ngày đoàn-tụ, để thỏa lòng
hoài vọng.
Ngắm trời mây, lòng chúng con đời

đoạn, giọt lệ tuôn trào,
Ngày đêm chỉ khẩn Trời, Phật để cầu-
an cho con cháu, anh em xa gần nội
ngoại.
Chúng con, ngày đêm xót-xa cho cảnh
đời lưu-lạc,
Mồ mả cha ông thiếu người hương khói,
cám cảnh thê lương.
Phần anh em, mẹ tiếc thương các dì,
các cậu,
Đã bỏ người thân, sớm về miền âm cảnh
Than ôi ! Hỡi chiến-tranh phát động,
thị-thành tàn-phá, nhà cửa tan hoang,
Chúng con phải diu-dắt, lần hồi vào đến
Phan-Rang.
Tiếp đến miền Nam thất-thủ, chúng con
lại gồng-gánh lên đường,
Mưa nguồn chớp biển, gian-lao nào kể,
Rồi được tàu Mỹ vớt, đưa vào xứ họ,
nay đã nhiều năm.
Ngờ đâu, âm cảnh rút bớt cuộc nhân-
sinh,
Bất Mẫu-thân ra đi lại phải qua chuyến
đò thiên-cổ.
Bên linh-sàng bát-ngát, chúng con xin
dâng nén hương trầm,
Nguyện cầu đức Tiếp-dẫn Đạo-Sư sớm
rước hồn mẹ chúng con về miền Cực-
Lạc.

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Thi sinh : Lê-Trọng-Thi
cựu Giáo chức



Bánh Tét Của Mẹ Tôi

*Mùa Vu Lan Báo Hiếu,
kính nhớ Mẹ hiền ...*

Phạm Thăng
(Calgary - Canada)

Tuần lễ đầu tiên khi đến xứ người để tạm dung, tôi bước vào tiệm Tạp hóa ở chợ Tàu, một món hàng làm tôi sững sốt và xúc động. Đó là : Cái bánh tét gói bằng lá chuối cột giây chặt chẽ nằm cạnh bên mấy cái bánh chưng gói lá dong vuông vắn. Giống y như những đòn bánh tét, những cái bánh chưng thân thương nơi quê nhà !!!

Rõ ràng người dân Việt đi đến đâu đều mang theo văn hóa của dân tộc ! Cái bánh tét ở tiệm tạp hóa người Tàu nằm trong khu buôn bán của thị trấn xứ Canada đã chứng minh điều đó. Còn nhiều loại nữa : Sách báo Việt ngữ, hũ mắm cá sặc mang nhãn hiệu chữ Việt, nem chua, chả chiên v.v... nhưng cái đòn bánh tét trước mắt tôi là dấu ấn sâu đậm của dân Việt-Nam.

Không một người dân Việt nào, từ già đến trẻ, người thành thị hay nông dân, có thể nói không sai là ai ai cũng đã từng ăn bánh tét, bánh chưng trong đời ... không ai quên được hai loại bánh dân tộc này. Riêng tôi, cái bánh tét đã in đậm

trong lòng tôi bóng dáng mẹ hiền mà hằng năm đến mùa Vu-Lan, nhớ đến công ơn Mẹ, tôi quán tưởng nên càng thấy nó rõ hơn.

Để tỏ lòng biết ơn Dân-tộc và ông bà Cha Mẹ, nhứt là Mẹ tôi, người đàn bà suốt đời sống với ruộng vườn mặc dầu có người chồng làm công chức ở thị thành. Hôm nay nhân mùa Báo Hiếu, tôi xin viết về “đòn bánh tét của Mẹ miền Nam” và sẽ nói đến “Chiếc bánh chưng ở miền Bắc” để tặng các bạn nhớ Mẹ.

Vật liệu để làm bánh tét hay bánh chưng là nếp, đậu, chuối, thịt ba rọi, lá chuối, nhưng bánh tét được bình dân hóa hơn bánh chưng vì được ở tại miền Nam nước Việt, nơi mệnh danh là vựa lúa của cả nước. Có thể nói không sai là tất cả dân quê miền Nam đều có gói bánh tét, bánh ích (ếch). Dù nhà thật nghèo, đến ngày cúng giỗ ông bà, nếu không đúng vào ngày mùa có sẵn lúa nếp, họ cũng mượn tạm bà con lối xóm vài lít nếp, vài lon đậu xanh, và với chuối chín vàng tươi mát, lá chuối xanh đầy vườn sau nhà, việc gói bánh tét dễ như ... nấu cơm.

Nếu không tiền để mua ít thịt heo ngoài chợ thì cứ gói bánh với nhum đậu xanh hoặc nhum chuối.

Nếp của ruộng nhà vừa gặt xong được tuốt ra và xay thành hạt nếp trắng ngà no tròn thơm phức, lại được lựa kỹ không còn sót hạt gạo, để để dẻo, sau đó ngâm vài giờ với nước trong. Đậu xanh ngâm suốt đêm đem ra đãi sạch vỏ, lá chuối trong vườn nhà được chặt xuống, rọc dọc từng miếng lạnh nguyên và lau sạch bóng phở màu xanh biếc. Thế là bà nội, má và chị trái lá chuối trên ván gỗ, đổ đều chén nếp lên mảnh lá chuối bằng

phẳng, múc vài muỗng đậu xanh vàng ngà để dài vào giữa, thêm miếng mỡ heo cắt dài độ ngón tay rồi nhẹ nhàng gói ghém hai đầu, xong xuôi cuốn quanh cái bánh từng vòng dây chuối tước nhỏ cho chặt tròn giống ống tre, cỡ bắp tay người lớn, dài khoảng hai tấc. Khéo và đẹp là ở khâu này nếu người gói ghém tròn trịa cũng như cột từng khoanh dây đều đặn, chặt chĩa, chớ bánh tét không đòi hỏi khó khăn. Vì vậy các cô gái có thể bắt chước bà, mẹ để gói thử vài cái sẽ quen ngay. Đó là bánh nhưn đậu mặn, nếu là bánh nhưn chuối, chỉ cần để hai trái chuối chín muối dọc phía trong nếp, thay vì đậu và mỡ.

Bánh tét dễ gói hơn bánh chưng, vì bánh chưng đòi hỏi sự quen tay khéo léo để gói vuông vắn (bánh chưng mà gói méo mó xộc xệch thì còn gì là bánh chưng tượng trưng cho “đất vuông”). Bánh tét lại nấu để chín mà khỏi cần dẫn nén cho ráo nước. Lá chuối để gói bánh có nhiều khắp nơi, vườn nhà nào cũng có. Nấu chín, bánh tét được cột chung hai đòn thành một đôi, treo tòn ten trên cây sào tre trên gác bếp là xong, không sợ hư hoặc bị mèo chuột phá.

Có bánh tét, bánh ích, buổi cúng giỗ như tươm tất mà không cầu kỳ tốn kém, thì nói gì đến ba ngày Tết là những ngày vui trọng đại của “năm-cũ-bước-qua, năm-mới-bước-lại”, ai cũng nghĩ làm việc đồng áng, quây quần bên bàn thờ gia tiên, nhắc “chuyện xưa tích cũ thời Nam tiến, ông bà đến đây khẩn hoang” cho con cháu nghe.

Với tinh thần hiếu khách của dân Nam, trong ba ngày Tết, nhà nào cũng có họ hàng thân tộc để biếu xén, trả ơn trả

nghĩa bà con lối xóm đã giúp đỡ nhau quanh năm, vậy phải có món quà gì ngoài cặp gà, cặp vịt, nên cái bánh tét, bánh ích vừa dễ làm và làm ra được nhiều là món quà không thể thiếu trong ngày Tết.

Có bạn thắc mắc : Ai ai cũng gói bánh này thì biếu qua biếu lại sẽ giống nhau sao ?

Không đâu, mặc dầu nhà mình đã có, nhưng tình nghĩa bà con mang đến vẫn quý, đậm tình hơn. Vả lại biếu xén nhau bằng hai hoặc bốn đòn bánh có ý nghĩa chúc mừng nhân dịp đầu năm : “mang nếp dẻo đến nhà, gói trong cái bánh chặt chĩa là tượng trưng sự no ấm đều đặn quanh năm”. Ai nấy vui mừng đón nhận, và các cô gái quê có dịp ăn cái bánh của láng giềng để so sánh xem mình đã gói bánh khéo léo hơn chưa ?

Miền Nam đất rộng, người miền quê xa chợ, thường khi cả mười ngày, nửa tháng mới đến chợ cách nhà năm, bảy cây số, thế nên ở vùng quê thanh bình yên tĩnh mà xa chợ đó, đám trẻ nhỏ không có bánh quà ăn mỗi ngày, ngoài trừ đón chờ chị bán mía, cốm, bới xuống dọc theo rạch để mua một vài xu khoai lang, hoặc đổi cau tầm vung, vỏ sò, vỏ hến lấy vài vắt cốm, cho nên ngày giỗ, Tết dân quê phải làm bánh tét, bánh ích, bánh phồng, chuối khô, thật nhiều cho đám trẻ ăn phủ phê.

Như đã kể, dầu nhà nghèo, họ cũng mượn bà con thân thuộc vài lít nếp đậu để gói bánh, cho có năm mười đòn bánh treo tòn ten, nói gì đến những nhà khá giả vừa được mùa lúa, họ nấu mấy nồi to không biết, chỉ thấy khi nấu xong, một cây sào dài gác ngang tầm ngực treo đầy

xâu bánh. Cứ hai đòn cột dính lại treo san sát suốt cây sào dài ba, bốn thước là cả một trời hấp dẫn đám trẻ quê nầy.

Tại sao bánh tét nhà nào cũng cột hai cái dính nhau và phải treo trên cây sào tre dài ? Vì bánh tét có ưu điểm hơn bánh chưng là dễ bảo quản. Khi ăn ít, đứa bé không cần lấy nguyên đòn mà chỉ cầm cắt khoanh ở đòn bên nầy, lần sau cắt một khoanh ở đòn bên kia, không sợ hư hao, trừ phi ăn nguyên thì lấy cả hai đòn ... Các bạn ở vùng châu thổ sông Cửu Long nhắc đến Tết là nhớ đến “cây sào bánh tét” nầy. Cạnh đấy còn có một chiếc lu lớn chứa đầy mấy mươi nải chuối xiêm, hoặc chuối già hương chờ chín. Đó là “dú” chuối.

Các văn gia thi sĩ thường viết lại quang cảnh nấu bánh chưng trong đêm trừ tịch ngoài Bắc, diễn tả tâm tình người trai xa nhà vừa về đoàn tụ với gia đình, ngồi quanh bếp lửa hồng, bên ngoài trời lạnh căm căm, kể chuyện đường xa, chờ bánh chín, thì ở miền Nam, cũng có cảnh tượng ngồi quanh nồi nấu bánh tét. Nếu nấu bánh vào đêm ba mươi tháng chạp, không khí không lạnh lắm nhưng cũng có giọt sương khuya trên những tàu lá chuối sau hè rơi lộp độp, cũng có gió thổi vi vu trong lá dứa, lá cau. Bóng đêm như mực phủ đen cảnh vật tạo những hình thù ma quái làm đám trẻ con càng ngồi sát vào người lớn, táy máy đút củi vào bếp cho rực lửa hơn, trông cho nồi bánh mau chín mà trong đó bà mẹ, người chị thân yêu có gói đặc biệt cho chúng mấy đòn bánh nhỏ xíu bằng nếp đậu sót lại ... Đó là những món quà đẹp nhất của thời thơ ấu !

Mẹ tôi cũng như các bà mẹ quê đã

lợi dụng thức đêm dài canh chừng nồi bánh, giã thêm mấy cối gạo. Tiếng cười nói râm ran, tiếng chày nhịp đều đặn các cum, làm các ông không ngủ được. Các ông ngồi trên ghế trường kỷ nhìn mấy hàng liễn giấy hồng điều đầy chữ nho, mực đen ánh, miệng lẩm nhẩm ... gật gù đắc ý. Những đôi liễn nầy các ông phải bỏ cả ngày bơi xuống ra tận chợ Tết Vĩnh Long nhờ ông đồ già mỗi năm chỉ có một lần trước đình Thần Long Châu viết dùm.

Tám màn treo trước bàn thờ ông bà được gọi là tám “tiền bàn” có thêu hình Bát Tiên rực rỡ, những chậu vạn thọ nở hoa tròn trên mấy đôn sứ ở mỗi chum cột nói lên sự sung túc ấm no như mấy câu chúc tụng viết trên liễn đỏ. Chốc nữa đây, vào đúng mười hai giờ đêm, giờ giao thừa, giờ trọng đại của năm mới bánh tét chín nổi đầu tiên, mẹ tôi vớt bánh ra, khéo léo sắp lên bàn to bằng sứ để ông tôi, lúc đó quần áo tươm tất, trang trọng đại diện cả nhà, dâng lên Tổ tiên cái bánh của năm mới, cái bánh làm bằng sản phẩm do con cháu đem mồ hôi sức lực cấy cày, và bằng cây nhà lá vườn : Cái bánh tượng trưng ấm no ! ...

Bánh tét đối với miền Nam cao quý là vậy, riêng tôi, tôi đã mến thương từ lúc tuổi thơ. Khi còn nhỏ, lúc tôi học lớp Nhì tại trường Ngã Tư Long Hồ xa nhà, sáng đi chiều về bằng chiếc đò dọc của chú bảy tôi, tôi đã có lần tranh cãi với mấy đứa bạn cùng lớp về đòn bánh tét.

Hôm đó thầy giáo giảng bài Sử, đoạn vua Hùng Vương thứ Tám phong cho con là Tiết Liêu làm thái tử nối ngôi, vì ông đã biết trọng dụng sản phẩm của quê nhà là nếp, đậu để làm ra bánh dày,

bánh chưng, thành hình vuông tròn tượng trưng Trời Đất. Tôi đã hãnh diện với bạn bè : “Nhứt định bánh tét của mình mới là bánh do ông Tiết Liêu làm ra, vì chữ Tiết do dân Nam nói không đúng giọng thành ra là tét”. Bạn tôi có đứa cứ theo sách mà cãi : - “Bánh chưng, bánh dầy hình vuông tròn tượng trưng Trời Đất” ... đứa thì bắt bẻ lại : “Tại sao không tên là bánh tiết hay bánh trời, bánh đất mà lại kêu là bánh chưng, bánh dầy ?” ... Thôi thì om lên.

Chiều hôm đó, trên chuyến đò về nhà, tôi đem chuyện thắc mắc đó kể cho chú tôi nghe. Nghe xong chú cười vang trên mặt sông đục ngầu phù sa rồi nói với tôi :

- Đứa nào cũng có lý. Nhưng con ạ, bánh dầy bánh chưng với hình vuông tròn được công nhận tượng trưng Đất Trời từ ngàn xưa, cũng như Hoàng tử Tiết Liêu là người nghiên cứu làm ra loại bánh này đã được nhắc lại để con cháu Việt đời đời ghi nhớ mà quý trọng nếp, lúa, đậu, chuối, là sản phẩm của quê hương. Có chịu khó chăm sóc cần mẫn chúng ta sẽ gặt hái nhiều và dân ta sẽ no ấm mãi như Trời Đất đang dung dưỡng chúng ta. Các con không cần tranh dành cái bánh nào do Tiết Liêu làm mà nên hãnh diện là cái bánh nào cũng có ích cho người đời cả. Con nhớ rõ, bánh tét lợi ích rất thiết thực, khi người dân quê cần có thức ăn dự trữ để lâu dài thì bánh tét đáp ứng được ngay.

Ngày xưa khi chúa Nguyễn-Gia-Long bị Tây-Sơn đuổi chạy phải bôn ba vào Nam trốn lánh, chúa đã được dân chúng vùng châu thổ sông Cửu-Long nấu bánh tét đem dâng, quân sĩ chúa nhờ đó mà no

lòng.

Ngày trước quân lính đâu có thực phẩm, lương khô như bây giờ, đờn bánh tét là thức ăn gọn, nhẹ nhàng dễ mang theo khi hành quân. Con học sử có nhớ lúc Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ làm lễ tế cáo Trời Đất tại núi Bán-Sơn (Thuận Hóa) lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu Quang-Trung, rồi thống lĩnh đại quân thủy bộ Bắc tiến đuổi giặc Thanh đang dầy xéo dân ta tại Thăng Long. Đoàn quân chinh phạt của Ngài gồm một trăm ngàn quân, và Ngài truyền lệnh đi gấp từ ngày 20 tháng chạp, hẹn đến ngày mừng bảy Tết Kỷ Dậu vào Thăng-Long ăn Tết lại.

Vì đại quân cần di chuyển gấp, Ngài đã cho lập từng tổ 3 người lính, cứ hai người vồng một người. Khi hai người này đi thì người nằm vồng được ngủ và thay phiên nhau. Đoàn quân tiến nhanh không ngừng nghỉ thì con cứ tưởng tượng với đại quân 100 ngàn người này, ai nấu cơm cho kịp ăn, và không dừng lại để nghỉ thì ăn lúc nào ? Sử sách còn cho biết vì cần bảo mật nên đâu có chuyện dừng quân để nấu nướng, vậy dầu không nêu chi tiết, nhưng chắc là Ngài cho quân tiền trạm chạy ngựa trước đại quân để lo lương thực. Dân chúng từ Nghệ An ra Bắc hân hoan ủng hộ đạo quân chính nghĩa nên làng xã tự động làm bánh tráng (bánh đa), nấu bánh tét, cột hai đờn làm một để cho quân sĩ dễ quấy theo, vừa đi vừa ăn.

Như vậy trong cuộc hành quân thần tốc này, chắc chắn chiếc bánh tét đã có dự phần ...

Chú tôi vừa chèo nhịp nhàng vừa trầm ngâm nhìn mặt sông, miệng kể đều

đều :

- Sau đó, trên đường Nam tiến, ông cha ta đã mang cách thức gói bánh này vào vùng Hai Huyện, vùng đất mới miền Nam, nơi cây rau ngọn lúa sinh sống dễ dàng nhờ thời tiết ôn hòa ... để rồi có ngày nay.

Con có biết ngày quân Pháp bố ráp quê mình, chính bà con dân quê đã nấu bánh tét dự trữ sẵn để khi thấy tàu "lồng cu" (tàu binh Pháp, trên cột cao có một chỗ đứng, lan can sắt bao quanh, trông giống cái lồng nuôi chim cu) ló dạng ngoài sông Cửu Long sửa soạn đổ bộ vào xóm, ruộng bắt gà, heo, bán bữa bãi, thì dân làng quấy vôi mấy đòn bánh tét chạy miết vô trong ngọn rạch, tuốt trong đồng xa để ẩn núp chờ chúng rút về. Có khi phải ngồi núp hai, ba ngày thì lấy gì ăn cho đỡ đói ? Vậy chỉ có bánh tét này dùng đỡ dạ cho dân làng.

Chú tôi buồn buồn hạ thấp giọng : - Chúng nó ác lắm, nếu mình nổi lửa nấu cơm, thấy khói biết có người núp, nó bắn đại vô thì chết, nên ăn bánh tét đem theo là gọn hơn.

Tôi nghe chú nói bỗng thấy đòn bánh tét là thức ăn quan trọng để cứu đói lúc ngặt nghèo chớ không phải là món quà ăn chơi như tôi tưởng. Chợt nhớ ra, tôi hỏi :

- Nếu bánh này không phải do ông Tiết Liêu sáng chế ra, sao lại kêu là bánh tét ?

- À, con hỏi cũng phải. Con có nhớ mỗi lần má con cắt bánh tét sắp lên đĩa để cúng hay đãi khách thì cắt từng khoanh tròn bằng cái gì không ? Má con chỉ cần mở dây cột và lột lớp vỏ lá chuối bên ngoài phân nửa đòn bánh, phân nửa

kia chưa lột vôi để cầm cho nếp khỏi dính tay, sau đó với sợi dây cột đòn bánh, má con cắn một đầu dây, hai ngón tay cầm đầu dây kia để quán vòng tròn cái bánh, kéo mạnh tay, khoanh bánh sẽ theo sợi dây mà rơi ra bén ngót. Cứ tét bánh bằng dây, từng khoanh, từng khoanh cho đến hết đòn bánh. Người dân quê nào cũng biết cách tét đòn bánh từng khoanh như thế, họ khỏi cần xài dao, vì dao bị dính nếp dẻo nhẹ, khó cắt hơn.

Chú tôi cười nói thêm :

- Bánh tét có tên là vậy đó.

Mấy bà ngồi trên đò của chú tôi cũng cười theo.

Từ ngày đó tôi càng có cảm tình với cái bánh có nhiều công trạng này, nên thường đòi má tôi gói, nấu cho tôi ăn.

Đến năm tám tuổi tôi phải xa nhà, ra trọ học tại trường Khương Hữu Phụng nằm soi mình trên dòng sông Long Hồ ngang chợ Thiêng Đức (Vĩnh Long). Mỗi tuần mới được về nhà một lần vào ngày chủ nhật. Vì còn nhỏ mà phải sống rời mái ấm gia đình nên tôi tủi thân cứ buồn khóc hoài, làm má tôi (chắc bà cũng nhớ thằng con bé bỏng) nên vài ngày lại bơi xuống từ nhà ra trường thăm tôi. Vài tháng sau, thấy tôi đã dạn dĩ và đỡ nhớ nhà, bà bớt dầm sương giải nắng bơi xuống ra thăm, chỉ mỗi chiều thứ bảy bơi xuống ra rước và chiều chủ nhật bơi xuống đưa tôi trở lại trường.

Không chiều chủ nhật nào, tôi trở lại trường mà không có đem theo mấy đòn bánh tét má tôi vừa nấu bữa trước, vì bà biết tánh đứa con thích ăn, trong khi lúc nào trong túi tôi cũng rủng rỉnh mười xu để ăn quà vặt.

Như đã nói, trẻ nít thôn quê xa chợ

nên ít có loại quà bánh của thị thành. Một hôm tôi theo bạn dạo quanh trường, tôi thấy nhiều món ăn bán cho học trò : Hủ tiếu xào, bánh bò, xôi vị, cốm dẹp, nước mía, nước đá si rô v.v... Tôi biết ăn quà vặt từ đó. Và món ăn tôi thích nhất là cốm dẹp trộn dừa gói trong cái bánh phồng mềm vì nhúng nước.

Ôi loại cốm dẹp cũng làm từ hạt nếp già cho dẹp, có trộn với cơm dừa nạo trắng trắng, lại rưới thêm nước dừa trước khi gói trong bánh phồng sao mà bùi béo vậy ! Sáng nào, sau khi làm vệ sinh buổi sáng xong, trước giờ vào lớp, tôi chạy ù ra mua cái bánh cốm dẹp ngon lành béo ngọt đó. Má tôi nào biết tôi đang thích ăn món lạ, bà vẫn chịu khó gói bánh tét cho tôi hàng tuần ... Buổi sáng tôi ăn cốm dẹp nhưng đến tối, tôi vẫn có ăn bánh tét nhỏ nhắn của má tôi đem theo nhưng dần dần tôi ăn cốm dẹp nhiều hơn và bánh tét ăn ít, có lẽ với tuổi thơ của tôi cái bánh tét như chuối không bùi béo bằng cái bánh phồng gói cốm dẹp béo ngọt kia ...

Má tôi nào biết, bà cứ chịu khó gói và nấu mỗi tuần đem theo cho tôi ăn ... tôi vẫn mang theo cho đến một tuần nọ tôi ngán bánh tét mà chỉ ăn cốm dẹp. Những đòn bánh tét để trong giỏ xách tôi không đựng tới cho đến chiều thứ bảy mới nhớ đem ra thì chúng đã bị thiu và chảy nhớt rồi ... Tôi không dám cho má hay, chỉ âm thầm đem ra bến sông liệng xuống ... và hôm sau trước khi trở lại trường, tôi nói :

- Má à, tuần này đừng đem bánh tét cho con ...

- Ủa, sao vậy ? Rồi lấy gì con ăn ?

- Con mua cốm dẹp. Má đừng nấu

bánh tét nữa, khi nào con thèm ăn, con cho má biết.

Má tôi nào hay tôi đã vì thích ăn cốm dẹp mà “quên” món quà của má tôi lo lắng hằng tuần cho con ở xa nhà !... Những đòn bánh tét nhỏ nhắn thân thương !

Khi lớn lên, tôi mang theo hành trang học hỏi vào làm Thông tin, Báo chí, tôi đã đi khắp miền Hậu giang, từ vùng Châu Đốc, Hà Tiên có Thất sơn huyền bí đến tận Cà Mau, Bạc Liêu tôm cá nhiều, muối vát cũng lắm, đến miệt Gò Công, Tân An rồi lên Sài Gòn sinh sống, đi tới đâu tôi cũng thấy những đòn bánh tét thân thương. Ngày thường thấy chúng được bày bán ở hàng quán, chợ búa, ngày Tết thấy chúng được bày biện trang trọng trên bàn thờ mỗi nhà miền Nam, nhưng độc đáo của bánh này dầu hình dáng có to nhỏ, dài hay ngắn theo từng địa phương cũng mang một tên gọi : Bánh tét.

Bánh tét của vùng Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh to bằng bắp chuối người lớn và ngắn đòn, dài chỉ độ hai tấc, nhưng gói dây chạt chẽ đều đặn. Nếu bánh như mận thì ngoài đậu xanh, mỡ, thịt ba rọi làm căn bản, người dân vùng này còn thêm mấy miếng Lạp xưởng, một vài miếng trứng gà, ngon béo không kém bánh chưng. Nếu là như đậu xanh ngọt hoặc như chuối chín, đòn bánh vẫn gọn đẹp, chạt chia, và khi lột vỏ lá chuối, nếp dẻo qua thời gian nấu chín, có màu xanh biếc thắm vào như màu xanh ngọc thạch mà nếp không dính lá, nhờ người gói có thoa một lớp dầu dừa vào lá chuối trước khi gói. Cái bánh như ngọt đậu xanh nhuyễn như màu nghệ nằm giữa

nếp dẻo và cái bánh như chuối chín muối tươm mật để cúng Phật cũng như cái bánh như mận đậm đà đã giúp những cô gái Nha Môn, Sa Đéc, Cao Lãnh nổi tiếng một vùng.

Tại Cai Lậy và Bắc Mỹ Thuận có loại bánh tét nhỏ mà ngắn, xinh xắn hơn, để bán cho khách đi xe đò lục tỉnh. Hành khách đi xe về miền Tây khi ngang qua đây thế nào cũng phải mua mỗi người năm, ba cái để ăn trên xe. Các cô má phấn môi hồng yên chí khi ăn loại bánh này vì nó nhỏ nhắn vừa miệng cắn, không sợ hư môi son và lột vỏ tróc lóc không sợ dính móng tay. Loại bánh này chỉ để đáp ứng cho khách đi đường, chớ dân vùng này vẫn gói những cái bánh to lớn tượng trưng sự no ấm đầy đủ vào dịp Tết.

Riêng vùng Thất Sơn, Kiên Lương, Hà Tiên, cái bánh tét trông ngộ nghĩnh hơn. Dầu là bánh làm ngày thường hay trong ngày Xuân, đòn bánh tét vùng này ồm cở cổ tay và dài độ bốn tấc. Vì cái bánh ồm mà dài nên trông như một trái ôi môi màu xanh. Loại này tốn công cột dây như bó giò, nhưng vì được cột kỹ lưỡng nên khi chín, nếp rất dẻo, nhứt là loại nếp Nanh chồn nhỏ hạt thơm phức. Cái bánh biến thể vì người Việt gốc Miên bắt chước loại “khao lăm” của dân Lào. Khao lăm là cái bánh làm bằng nếp và đậu để trong ống tre lồ ô với lượng nước vừa đủ rồi đem nướng trong lửa. Khi chín, người ta bóc lớp vỏ tre cháy bên ngoài để lộ một ống nếp thơm dẻo mịn trong lớp phấn tre. Cái bánh khối cân như, nhiều người bỏ thêm vài sợi dừa nạo và thay vì để nước lạnh, họ đổ nước dừa vào nếp, bánh khao lăm này sẽ

thơm, béo hơn. Họ ăn nếp này với gà nướng ngon vô cùng.

Bánh tét vùng Hà Tiên chỉ giống khao lăm về hình thức ồm và dài, nhưng cách gói bánh vẫn là cách cổ truyền của dân ta.

Những ngày Tết, bà con có dịp đi qua bắc Mỹ Thuận chợt thấy vài bà già mặt mày chất phác, tay xách giỏ, bước vội theo xe vừa rời bắc, không cần nhìn lên xe ghi tên tỉnh nào, chỉ cần nhìn vào giỏ xách có đựng mấy đòn bánh tét ồm và dài ngoằn thì biết ngay các bà là dân miền Tây nước Việt, sát biên giới Miên rồi. Các bà đem sản phẩm quê mùa nhưng đậm tình để biếu bà con.

Cái bánh mộc mạc, qua bao nhiêu lần xuân đi, đông tới, từ thế hệ này đến thế hệ khác, đã đi sâu vào gia đình dân Nam, từ ông bá hộ giàu, các điền chủ nhiều ruộng cò bay thẳng cánh đến anh nông dân nghèo chỉ có miếng vườn nhỏ với gian nhà lá ... Bánh tét không bao giờ thiếu mặt trong ngày giỗ và ngày Tết. Chiếc bánh làm bằng thổ sản nơi nào cũng có, chiếc bánh khi cất không cần sàoi dao, chiếc bánh đã làm bồi hồi xúc động những người xa quê hương, lòng đang thao thức nhớ ... Với tôi nó tượng trưng cho cả một trời quê hương, nó hình dung một vườn cây chuối xanh tươi, nó là cánh đồng lúa nếp vàng óng của miền châu thổ sông Cửu mà còn tượng trưng lòng Mẹ thương con.

Đến một hôm tôi thọ Bát Quan Trai ở nơi chùa nhỏ gần Long Thành. Thầy tôi đã dạy giáo lý và hướng dẫn cách quán tưởng trong bữa ăn : “Nhìn chén cơm, đĩa rau ... hãy nhớ đến công ơn người đã tạo ra, hãy nhớ đến nhân duyên đã hợp

thành các loại này, hãy nhớ công ơn đàn na tín chủ ..." Nghe lời thầy hôm đó, lại nhìn thấy đĩa bánh tét trên bàn, trong quán tưởng tôi thấy cả khu vườn xanh tươi màu là chuối, tôi nghe được tiếng sương rơi trên tàu lá trong đêm, tôi nghe được tiếng vụn mình của cây chuối để đem nhựa lên nuôi tàu lá nõn nà xanh biếc đó ... Tôi lại thấy cánh đồng có nhiều dân quê miệng cười tươi mặc dầu đang lội bùn, phơi lưng dưới nắng chói chang ... tôi thấy bông nếp vui mừng rập rờn theo gió đồng ... Những bông nếp chứa ánh mặt trời, chứa nước đồng ruộng, chứa phân tro ... Sự quán tưởng đưa tôi đến cạnh bếp lửa hồng trong đêm khuya ... tiếng củi nổ lách tách như để làm vui tai mẹ tôi ngồi cạnh canh nồi bánh mà trong đó chỉ độ mười cái bánh nhỏ nhắn mà đứa con thèm ăn ... Tôi đã thấy giọt mồ hôi của mẹ đọt trên trán ... suốt ngày ngồi lựa từng hạt nếp, gói bánh, chọn trái chuối chín mùi, đến đêm vẫn ngồi đây với nụ cười khi nghĩ đến đứa con xa nhà ... chờ bánh. Vậy mà có lần tôi đã không nhớ ăn !

Từ khi thầy dạy Phật tử quán tưởng để biết ơn đàn na thí chủ, tôi vâng theo ... nhưng sau mỗi lần gặp bánh tét, trong quán tưởng, hình ảnh mẹ tôi lại rõ ràng hơn. Hình ảnh bà bên thúng nếp, ánh lửa bập bùng trong đêm vắng của vùng thôn quê nhiều bụi chuối đón sương khuya, tiếng khuấy nước do mẹ tôi bơi xuống trên sông Long Hồ đem bánh tét ra cho con ... và giọt mồ hôi trên gương mặt hiền hòa lúc nào cũng như đang mỉm cười ... (1998)



Đức Phật Độ Magandiya

Thiện Bửu

Thời đức Phật tại thế, những Pháp Hội Đại Thừa thật là lớn lao đông đảo với vô số Bồ Tát, Tỳ kheo, Trời, Người, Thần ... vân tập. Có Những lúc đức Phật ở một mình giữa dân chúng Kuru tại thị trấn Kammasadhamma, nơi một ngôi nhà thờ lửa của Phạm Chí Bharadvaja. Có lẽ lúc bấy giờ đức Phật chưa đến 50 tuổi, vì từ 50 tuổi thì Ngài đã có tôn giả A Nan làm thị giả theo Ngài như hình với bóng.

Phạm Chí Bharadvaja thuộc đạo Bà-la-môn, không phải là đệ tử đức Phật, nhưng ông này có lòng quy kính Phật vì nhân cách vĩ đại của Ngài. Vì lòng quy kính đó, nên ông ân cần chọn lựa các loại cỏ thơm nhuộm bện thành một tấm thảm dày mịn để làm chỗ nghỉ cho đức Phật.

Một buổi sáng như thường lệ, Đức Phật đắp y cầm bát, Ngài thông thả đi vào thị trấn Kammasadhamma để khất thực. Sau bữa ăn, trên đường trở về nhà Bharadvaja, đức Phật ghé vào khu rừng bên đường. Ngài đi sâu vào phía trong khu rừng ngồi nghỉ dưới bóng một cây cổ thụ rậm mát.

Đời sống của đức Phật vô cùng cao cả phải không quý vị ? Cao cả chính Ngài quá đơn giản. Mỗi khi nghĩ đến đời sống vô cùng đơn giản của đức Phật và của

các vị Tỳ kheo thời ban sơ ấy, lòng tôi vô cùng xúc động với biết bao nỗi niềm cảm khái ngậm ngùi thương nhớ vô tận, nhưng nghĩ mình vô phước vô phần sanh ra thời mạt thế nhiều nhưng mà lòng đau khổ vô cùng.

Khi đức Phật đang ngồi nghỉ trong khu rừng sâu vắng vẻ, thì tại ngôi nhà Bharadvaja xuất hiện một du sĩ ngoại đạo tên là Magandiya.

Magandiya theo ngoại đạo và thường đi ngao du cùng khắp để học hỏi những điều mới lạ, đôi khi để bài bác bên này, bình vực bên kia. Chàng ta là người có nhiều nhiệt tình.

Bharadvaja chào hỏi Magandiya và mời vào ngồi trong nhà dành cho khách. Sau khi bước vào nhà, Magandiya chợt trông thấy trước mắt có tấm thảm cỏ dày mịn còn in dấu dáng người nằm nghiêng bên phải theo thế nằm của sư tử, cái nằm oai nghi của những người sống với hạnh thanh bạch xuất gia. Thấy thế, Magandiya ngạc nhiên hỏi Bharadvaja :

- Này tôn giả Bharadvaja, sắp đặt thảm cỏ này cho ai vậy ? Dường như có phải dành cho một Sa môn với đức hạnh thanh khiết chăng ?

Bharadvaja đáp :

- Thưa tôn giả Magandiya, đúng như thế. Tôi đã bện tấm thảm cỏ này để làm chỗ nghỉ cho Sa môn Gotama, một vị xuất gia từ dòng họ Sakya. Ngài là một người có nhân cách đáng kính phục, được rất nhiều vương tử, trưởng giả quy ngưỡng tôn trọng. Họ đã tôn xưng Sa môn Gotama là đấng Như Lai, là bậc A la hán Chánh đẳng Chánh giác, đầy đủ trí đức, khéo độ chúng sanh, hiểu biết tất cả, là đấng Vô thượng, là đấng điều phục dẫn

dắt chúng sanh, là bậc Thầy của trời và người, nghĩa là ngài là Phật, là Thế Tôn !

Vừa nghe xong, nét mặt của Magandiya bỗng nhiên tối sầm, tay chân run rẩy, miệng thốt ra những lời phẫn nộ:

- Thật đáng chán ! Thật đáng ghét ! Đó là kẻ mà tôi không muốn nghe bất cứ ai nhắc đến ! Tôi không muốn trông thấy, dầu chỉ là trông thấy chỗ nằm ! Một kẻ bỏ đi, một kẻ phá hoại sự sống !

Bharadvaja liền nghiêm giọng nhìn thẳng mặt Magandiya bảo :

- Magandiya ! Hãy thận trọng lời nói. Magandiya ! Hãy thận trọng lời nói. Magandiya ! Hãy thận trọng lời nói.

Sau ba lần nghiêm giọng cảnh cáo, Bharadvaja nhấn mạnh từng tiếng :

- Hiện có hằng hà sa số người trí thức sáng suốt thuộc các giai cấp Vương tộc, Bà la môn, Sa môn, Cư sĩ v.v... đều quy ngưỡng kính tin ngài Sa môn Gotama. Họ đang theo Ngài để tu tập theo Thánh Đạo, theo Chánh Pháp, theo chí thiện tuyệt đỉnh của ngài Sa môn Gotama.

Magandiya lắng nghe xong, vẫn khẳng định :

- Này tôn giả Bharadvaja, nếu tôi gặp Gotama, tôi vẫn nói Gotama là kẻ bỏ đi, là kẻ phá hoại sự sống.

- Tôi sẽ thưa lại việc này cho Ngài Sa Môn Gotama biết.

- Thì ông cứ việc nói lại những gì tôi đã nói.

Trong khi Bharadvaja và Magandiya đối đáp thì tại khu rừng sâu vắng vẻ kia, với thiên nhiên thanh tịnh siêu nhân, đức Thế Tôn nghe rõ cuộc đối thoại giữa hai người. Tâm của Ngài vẫn lặng lẽ bất động và Ngài vẫn tiếp tục bình thần tọa

thiên cho đến chiều mới trở về ngôi nhà của Bharadvaja. Ngài ung dung thông thả đi từng bước trong trạng thái bình thản, đi mà không cần phải đến. Từng đàn chim bay hót líu lo cả khu rừng. Chỉ trông thấy bóng dáng đức Phật từ xa là lòng Bharadvaja liền dâng lên niềm cung kính. Ông soạn tòa ngồi, đón chào đức Phật. Sau khi Đức Phật an tọa, Bharadvaja ngồi phía sau sát bên đức Phật. Đức Phật liền hỏi ông :

- Này Bharadvaja, có phải vừa có cuộc nói chuyện giữa ông với du sĩ Magandiya về tám phẩm cỏ nầy chăng ?

Bharadvaja thoáng ngạc nhiên rồi chấp tay thưa :

- Thật tôn giả Gotama là bậc giác ngộ. Điều mà con định thưa thì tôn giả đã biết trước rồi.

Ngay lúc ấy thì Magandiya xuất hiện trở lại. Sau khi chào hỏi thông thường, Magandiya cũng ngồi xuống một bên. Đức Phật nhìn thẳng Magandiya rồi từ tốn hỏi :

- Này Magandiya, tâm con người vẫn thường tìm theo thú vui của cuộc sống bên ngoài. Mắt người thích tìm theo cái đẹp, tai người vui theo tiếng hay, mũi người đắm vào hương thơm, lưỡi người chìm trong vị ngon, thân người thích xúc chạm êm ái. Cuộc sống của con người vẫn thường như vậy.

Đức Phật ngừng trong giây lát rồi Ngài nói tiếp :

- Có phải vì ta thuyết giảng Giáo Pháp để con người tỉnh thức từ bỏ các thú vui ngũ dục thế gian, mắt đừng đắm nhiễm sắc, tai không đắm nhiễm âm thanh ... mà anh cho rằng ta là kẻ phá hoại sự sống chăng ?

Magandiya gật đầu trả lời :

- Đúng vậy, tôn giả Gotama !

Đức Phật tiếp :

- Tâm ý của con người vẫn thường mơ tưởng những điều khoái lạc. Có phải vì ta đã thuyết giảng Giáo Pháp để con người thức tỉnh giữ tâm thanh tịnh, từ bỏ những mơ tưởng khoái lạc, mà anh cho ta là kẻ phá hoại sự sống chăng ?

- Đúng vậy, tôn giả Gotama !

Đến đây đức Phật đã nhận thấy rõ nguyên nhân chướng ngại của Magandiya và chàng ta xác nhận điều đó. Nhìn thẳng vào Magandiya, đức Phật từng lời từ tốn giải tỏa những sai lầm của con người nhiệt tình nầy.

Đức Phật bảo :

- Này Magandiya, giả sử như có người trước kia thích tìm thú vui trong ngũ dục thế gian, thấy ngũ dục thì cho đó là sung sướng, là khoái lạc, là hạnh phúc. Về sau người ấy chợt thấy khác đi, thấy ngũ dục chỉ là vô thường tạm bợ, tuy rất quyến rũ hấp dẫn, nhưng rồi chỉ đưa đến khổ đau và ràng buộc, đưa đến cực nhọc bận lòng và nguy hiểm cho chính bản thân. Vì thế cho nên người ấy đoạn trừ tâm khát ái ngũ dục, sống với nội tâm an tịnh thanh thản. Này Magandiya, anh có ý kiến gì để phê phán người nầy không ?

- Không có gì, tôn giả Gotama !

- Này Magandiya, khi ta chưa xuất gia còn là thái tử, ta sống trong mọi sự thỏa mãn đối với ngũ dục. Mọi sự hưởng thụ của trần gian thì ta có đầy đủ không thiếu thốn. Ta có ba tòa lầu đài nguy nga tráng lệ để sống với ba mùa khác nhau là mùa hạ, mùa mưa và mùa đông. Trong mỗi tòa lầu đài ấy có đầy đủ mọi cảnh

sắc thích ứng đẹp dễ từ vườn hoa, cây, rừng, ao nước, đá sỏi, mọi tiện nghi cho cuộc sống, các cung nữ múa hát, các yến tiệc vui vầy ... không lúc nào thiếu thốn đối với ta. Thế nhưng chỉ thời gian sau, nầy Magandiya, ta bỗng thấy rõ tính cách tạm bợ hư ảo của các thú vui ngũ dục đó. Ta thấy rõ tuy chúng đầy quyến rũ, hấp dẫn, nhưng cuối cùng chỉ đưa đến tăm tối, đưa đến hệ lụy, đưa đến đau khổ mà thôi ! Và như thế ta đoạn trừ tâm khát ái ngũ dục, sống với nội tâm an tịnh thanh thản. Rồi ta thấy rõ các chúng sinh khác chưa từ bỏ được tham ái với ngũ dục, đang bị dục vọng nhai nghiền, thiêu đốt, cột trói, ta không khen ngợi chúng, ta không mong được như chúng, ta không còn ham thích chút nào đối với ngũ dục. Vì sao ? Vì ta có được hạnh phúc cao cả thanh khiết của nội tâm an tịnh thanh thản, nên ta không còn ao ước thấp kém hèn hạ khác. Và như vậy, nầy Magandiya, anh có ý kiến phê phán gì chăng ?

- Không có gì, tôn giả Gotama !

- Nầy Magandiya, ví như có một người lúc còn sống ở đời, đã biết giữ gìn thiện pháp. Người ấy có ba nghiệp hiện nơi hành vi, lời nói và ý tưởng. Với hành vi, người ấy không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm, trái lại người ấy còn biết bảo vệ sự sống cho chúng sanh, thường bố thí giúp đỡ mọi người chung quanh và giữ gìn chánh hạnh.

Với lời nói, người ấy không nói dối, không nói lời ác độc, không chia rẽ, không khoe khoang. Trái lại, người ấy biết nói lời chân thật, nói lời hiền lành, nói lời đoàn kết mọi người, biết khiêm cung từ tốn hạ mình.

Với ý tưởng, người ấy không tham lam, không oán giận, không mê lầm. Trái lại, người ấy biết rộng rãi buông xả, biết thương yêu mọi người, sáng suốt biết rõ Nhân Quả.

Vậy thì do Mười Nghiệp Thiện nơi Hành Vi, nơi Lời Nói và nơi Ý Tưởng, nên người ấy hưởng được phước báo sống một đời khỏe mạnh không bệnh tật, không khổ đau phiền não, tài sản giàu có, bố thí giúp đỡ mọi người, mọi điều mong cầu đều được như ý, hưởng thụ ngũ dục thế gian đầy đủ trong trí tuệ sáng suốt.

Sau khi mạng chung, do cái tâm ưa thích ngũ dục, cho nên người nầy được sanh lên cõi trời Đao Lợi sống với chư Thiên, được chúng thiên nữ vây quanh, hưởng đủ mọi niềm vui sướng của cõi Trời.

Nầy Magandiya, anh nghĩ thế nào ? Người nầy đã trở thành là vị thiên tử có còn mê thích ngũ dục cõi người nữa chăng ?

- Không, thưa tôn giả Gotama. Vị thiên tử ấy không còn mê thích ngũ dục cõi người nữa đâu, bởi vì ngũ dục cõi trời thì thắng diệu hơn, tốt đẹp hơn, khoái lạc hơn ngũ dục cõi người gấp trăm ngàn lần.

- Cũng vậy, nầy Magandiya, như ta đã nói, khi ta còn là thái tử thì ta đã hưởng thụ đầy đủ ngũ dục cõi người, nhưng ta đã sớm thấy rõ ngũ dục tuy hấp dẫn lôi cuốn nhưng thực ra là tạm bợ, ô uế, xô đẩy con người vào đường u mê tăm tối, thấp kém, hệ lụy, đau khổ và nguy hiểm. Vì thế cho nên ta từ bỏ sự đắm nhiễm đó.

Nầy Magandiya, không những ta đã

từ bỏ ngũ dục cõi người mà ta còn vượt qua luôn ngũ dục cõi trời. Ta sống với nội tâm an tịnh thanh thản giải thoát khỏi mọi ràng buộc đau khổ thế gian. Ta thấy chúng sanh ở thế gian này đang bị ngũ dục thiêu đốt, nhai nghiền, cột trói vô cùng thâm hiểm, ta không hề khen ngợi chúng, không một chút ước vọng như chúng. Vì sao ? Vì hạnh phúc miên viễn của nội tâm an tịnh thanh thản cao cả thanh khiết vi diệu hơn tất cả mọi niềm vui nào khác. Vì thế cho nên ta tránh xa những gì thấp kém hèn hạ. Như vậy, này Magandiya, anh có ý kiến phê phán gì chăng ?

- Không có gì, thưa tôn giả Gotama.

Qua đoạn đối thoại trên, đức Phật đã từng bước làm cho Magandiya tự thấy rõ tất cả những gì mình công kích bài bác đều là hoàn toàn vô lý. Đức Phật từng bước từ tốn hướng dẫn Magandiya.

(còn tiếp)

LỜI KÊU GỌI

Chúng tôi thiết tha kêu gọi những vị hảo tâm, quý độc giả, chư Phật tử hoan hỷ phát tâm ủng hộ báo Phật Giáo Hải Ngoại. Tờ báo này là tiếng nói duy nhất của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ. Nó còn là món ăn tinh thần cho tất cả mọi tâm hồn hướng thượng. Số lượng báo in mỗi kỳ đến bốn năm nghìn bản và được trang trải khắp nơi trên thế giới. Ngân phiếu xin đề:
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI.

Ban Biên Tập Chân thành Tri ân

BƯỚC THỤT LÙI TRÊN CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ

Inna Malkhanova

Trong cao trào dân chủ hồi cuối thập niên 80 đầu thập niên 90, dân Nga đã tiến được nhiều bước lớn trên con đường dựng xây chế độ dân chủ đích thực. Nhưng chúng tôi chỉ xin nêu sáu việc sau đây có ý nghĩa căn bản nhất :

1/ Do sức ép của phong trào dân chủ, mà quốc hội (hội đó là Xô Viết tối cao) Nga, trong đó trên 95% là dân biểu cộng sản, đã phải thông qua luật về tự do ngôn luận và luật tự do báo chí hồi năm 1990, nhờ vậy xóa bỏ hẳn chế độ kiểm duyệt hết sức ngặt nghèo trước đó, đồng thời cấm theo dõi về mặt chính trị đối với công dân vì sự phát biểu tư tưởng, văn điển, lập trường chính trị của mình, và từ đây người dân được quyền tự do ra báo (kể cả truyền thanh, truyền hình) và xuất bản sách ;

2/ Sau khi quốc hội (hội đó là đại hội dân biểu) Liên Xô, trong đó đại đa số là dân biểu cộng sản, đã quyết định xóa bỏ điều 6 trong số hiến pháp Liên Xô, tức là xóa bỏ độc quyền thống trị của đảng cộng sản đối với nhà nước và xã hội Liên Xô, thì cũng trong năm 1990, quốc hội Nga thông qua luật về các tổ

chức chính trị và xã hội, thừa nhận quyền tự do lập hội, lập chính đảng của nhân dân và biến nền chính trị độc đảng thành đa đảng, nhờ vậy chế độ dân chủ đa nguyên đã hình thành ;

3/ Cũng trong năm 1990, quốc hội (tức là Xô Viết Tối cao) Nga thông qua luật về tự do tín ngưỡng, trong đó thực sự tôn trọng quyền tín ngưỡng hoặc không tín ngưỡng của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo, dù lớn hay nhỏ đều được thành lập và hoạt động một cách dễ dàng mà không có sự can thiệp của chính quyền nhà nước, miễn là họ làm đầy đủ thủ tục đăng ký và hoạt động theo đúng luật pháp ;

4/ Sau khi nhóm bảo thủ nhất trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô làm đảo chính, cao trào dân chủ của nhân dân Nga đã đánh bại bọn đảo chính và làm sụp đổ chế độ cực quyền cộng sản bám trên 73 năm vào cơ thể nước Nga và các nước trong Liên Xô cũ, tạo điều kiện cho nhân dân Nga và các dân tộc trong Liên Xô cũ phát triển theo hướng xây dựng xã hội công dân và chế độ dân chủ đích thực ;

5/ Sau mấy năm liên đấu tranh cực kỳ gay go giữa các lực lượng dân chủ và các lực lượng bảo thủ trong việc xây dựng hiến pháp mới, và bất chấp các thế lực phục thù muốn kéo nước Nga quay trở lại chế độ cực quyền, bản hiến pháp của liên bang Nga đã được đa số cử tri tán thành trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 12 tháng 12 năm 1993 ; đó là bản hiến pháp thật sự dân chủ, làm cơ sở cho việc xây dựng chế độ dân chủ đích thực ở Nga và mở đầu cho những cải cách chính trị rất căn bản ;

6/ Bất chấp sự chống đối quyết liệt của phe đối lập cộng sản và bọn “cường hào đỏ” ở nông thôn, tổng thống Nga đã ra sắc lệnh ngày 24 tháng 3 năm 1995 về việc thực hiện quyền tư hữu của nhân dân về ruộng đất, mở đầu cho cuộc cách mạng mới về ruộng đất ở nông thôn, cụ thể là nhà nước chia ruộng đất cho những người dân muốn làm nghề nông và cho họ có quyền sở hữu trên ruộng đất đó. Cần nói thêm là thắng lợi này chưa trọn vẹn, vì cho đến nay bộ luật ruộng đất của liên bang Nga vẫn chưa được ban hành : Tổng thống Nga thì chủ trương cho phép mua bán ruộng đất, còn bộ luật ruộng đất mà Duma quốc gia (hạ viện) và hội đồng liên bang (thượng viện) đã thông qua thì không cho phép mua bán ruộng đất. Tổng thống đã phủ quyết (veto) bộ luật đó, nhưng đến nay hai viện chưa có đủ số phiếu cần thiết (theo qui định của hiến pháp) để bắt buộc tổng thống phải ban hành luật. Trong tình trạng giằng co như vậy thì hiện nay, ở 14 vùng chủ thể trong Liên bang Nga cơ quan lập pháp đã thông qua luật địa phương cho phép người dân được quyền mua bán ruộng đất.

Có thể khẳng định rằng 6 việc trên đây là những thành tựu lớn nhất đặt nền tảng chắc chắn cho chế độ dân chủ, đó là những bước tiến có ý nghĩa lịch sử của nước Nga trên con đường đi tới một xã hội công dân, một chế độ dân chủ đích thực.

Nhưng nước Nga là nước vốn chậm tiến về mặt chính trị, trong suốt chiều dài lịch sử kể từ khi lập quốc, người dân Nga chưa hề được hưởng chế độ dân chủ mà hầu như thường xuyên sống dưới các

chế độ chuyên chế, khi thì quân chủ, khi thì cộng sản (thực ra, chế độ dân chủ đã có lần xuất hiện ở nước Nga và chỉ tồn tại trong tám tháng : Nó hé sáng lên sau Cách mạng dân chủ tháng Hai năm 1917 và tắt ngấm sau cuộc đảo chính tháng Mười năm 1917 do những người bolshevik gây ra). Cho nên cuộc vận động tiến tới của nước Nga trên con đường dân chủ ngay sau khi chế độ cực quyền bị sụp đổ hồi năm 1991 thật vô cùng khó khăn. Do sự hiểu biết về dân chủ và thói quen dân chủ của dân Nga còn yếu kém, do một số sai lầm của những người lãnh đạo mới và đặc biệt là do sự chống đối và phá hoại cực kỳ mạnh mẽ của những lực lượng cộng sản “phục thù” nên đến nay, dù đã có được những thành tựu dân chủ quan trọng, nhưng xã hội nước Nga vẫn chưa mang được đầy đủ tính chất dân chủ đích thực. Cũng không quá đáng, nếu nói rằng chế độ hiện nay ở Nga vẫn còn “nửa dơi nửa chuột” ! Tuy xã hội đã có được những định chế căn bản thật dân chủ, nhưng nó vẫn chưa dứt hẳn được với những tàn dư của chế độ độc tài và thói quan liêu, độc đoán thời cộng sản Xô-Viết, nhất là trong bộ máy nhà nước. Quả là con đường dân chủ của nước Nga quá gập ghềnh, lắm trắc trở, nhiều khúc quanh, hoặc thậm chí có đoạn đi lui. Nhất là từ khi phe cộng sản và phe dân tộc chủ nghĩa chiếm đa số trong Duma Quốc gia Nga sau cuộc bầu cử hồi cuối năm 1995, họ khống chế cơ quan lập pháp này và ra sức phá đám mọi cải cách dân chủ, thậm chí đòi sửa đổi lại những đạo luật thực sự dân chủ đã ban hành. Trong Duma Quốc gia Nga, phe đối lập cộng sản không ngừng mưu toan đòi

hạn chế quyền tự do báo chí, nhứt là đối với các chương trình truyền hình, không ngừng đòi xét lại điều này, điều khác rất căn bản trong thể chế chính trị. Thậm chí lá quốc kỳ của nước Nga đã được Xô-Viết Tối cao Liên bang Nga thông qua sau khi đánh bại âm mưu đảo chánh hồi tháng Tám năm 1991, phe đối lập cộng sản cũng đòi xét lại ! Họ cũng đòi xét lại quốc huy quốc ca, muốn khôi phục lại những biểu trưng như dưới thời cộng sản ! Nói tóm lại mưu đồ phục hồi lại chế độ cộng sản Xô-Viết thường diễn ra hầu như trắng trợn, không che đậy !

Vì vậy đấu tranh để gìn giữ và phát huy những thành quả dân chủ hầu như phải diễn ra hàng ngày. Trong những năm 1995 đến 1997, cuộc đấu tranh này diễn ra quanh đạo luật “về tự do tín ngưỡng” đã ban hành hồi năm 1990. Phe đối lập cộng sản và dân tộc chủ nghĩa, cũng như Giáo hội Chính thống giáo đòi xét lại đạo luật đó lấy cớ rằng luật đó có nhiều cơ sở để cho các giáo phái ở nước ngoài tràn vào làm hư hỏng thanh niên, hư hỏng xã hội Nga, v.v... Người ta đã đưa ra Duma Quốc gia thảo luận một dự luật mới “về tự do tín ngưỡng và các tổ chức tôn giáo” để thay cho luật trước, nhằm tạo nên những trở lực đối với các giáo phái ngoài nước đến hoạt động truyền giáo và đặt ra những hạn chế đối với các tôn giáo mới xuất hiện ở Nga. Duma Quốc gia và hội đồng liên bang đã thông qua luật mới đó. Nhiều tổ chức tôn giáo trong nước, cũng như các tổ chức tôn giáo và tổ chức nhân quyền ở ngoài nước, vài vị nguyên thủ ngoại quốc đã lên tiếng phản đối, coi luật mới đó là sự vi phạm thô bạo quyền tự do dân chủ

của người dân, vi phạm nhân quyền đã ghi trong tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hiệp Quốc năm 1948 và Công Ước Âu Châu về nhân quyền. Tổng thống liên bang Nga Boris Yeltsin đã phủ quyết (veto) đạo luật đó. Nhưng cả hai viện ở Nga vẫn giữ ý kiến, cộng thêm sức ép của giáo hội Chính thống giáo, nên tổng thống lập một ban hòa giải gồm các phe phái, các tổ chức tôn giáo ... để sửa lại văn bản cũ trên tinh thần nhân nhượng lẫn nhau. Cuối cùng, văn bản mới đã được Duma Quốc gia thông qua ngày 19-9, Hội đồng Liên bang tán thành ngày 24-9, và 26-9-1997 tổng thống Nga đã ban hành đạo luật liên bang mới "về tự do tín ngưỡng và các tổ chức tôn giáo". Mặc dù đã bỏ đi nhiều điều phản dân chủ, nhưng đạo luật mới vẫn còn những điều khoản không dân chủ, thậm chí có điều trái với hiến pháp. Đây thực sự là một bước thụt lùi của nước Nga trên con đường dân chủ !

(Còn tiếp)



Thơ Huyền Thượng

MẸ LÀ CHÂN THÂN

Hôm nay Rằm tháng Bảy,
 Mẹ dẫn con đi chùa.
 Dâng hương lên cúng Phật,
 Lay tay Mẹ xin thưa :
 Con cúi đầu lay Phật,

Mẹ thấy con ngoan không ?
 Mai kia con chóng lớn,
 Làm cho Mẹ vừa lòng.
 Công đức ân sinh trưởng,
 Cao tợ núi Thái Sơn.
 Dưỡng dục nghĩa mang nặng,
 Suối nguồn thật mông mênh.
 Mẹ ơi ! Con trả hiếu,
 Cho Mẹ và cho Cha.
 Hai vị Phật còn sống,
 Chung ở cả một nhà.
 Con biết ! Con biết rồi !
 Khi xưa Phật có dạy,
 Muốn đền đáp ơn sâu,
 Hiện đời luôn phải thấy :
 Cha như ánh trăng sao,
 Mẹ là giải sông dào.
 Luôn phụng dưỡng hôm sớm,
 Là phước đức từ bao ...
 Còn nữa, Phật dạy rằng :
 Như thế này, Mẹ nhé !
 "Người nào theo thường pháp,
 Nuôi dưỡng Mẹ và Cha.
 Chính do công hạnh này,
 Đối với Cha và Mẹ.
 Nhờ vậy, bậc Hiền Thánh,
 Trong đời này tán thán,
 Sau khi chết được sinh,
 Hưởng an lạc Chư Thiên"
 Mẹ hiền con thờ kính,
 Cha quý con xin vâng.
 Đánh lễ tự Song thân,
 Nam Mô Phụ Mẫu từ.

Bà Mẹ Điên

Crazy Mother

Có lần tôi đi ngang
Qua vỉa hè Đồng Khởi
Một bà ôm chiếc gối
Đứng hát như người say

– Khoan chết đã con trai
Mẹ còn chờ mua sữa !
Mai Ba về có hỏi
Mẹ biết nói sao đây

Người biết chuyện cho hay :
Chồng bà đưa ra Bắc
Từ khi con trai mất
Bà trở thành người điên.

Nhà bà là mái hiên
Tấm vải dầu che nắng
Sớm chiều khoai với sắn
Heo hút với bầy con

Bà ngày một héo hon
Bỏ vùng kinh tế mới
Về Sài Gòn chen lấn,
Giữa cuộc đời đặng cay

Đứa con út ốm đau
Vẫn hằng đêm đòi sữa
Chẳng còn gì bán nữa
Ngoài giọt máu mẹ cha.

*I was on the sidewalk
Dong Khoi street in daytime
I saw a woman holding a pillow, singing high
As if she were somehow heavily imbibed*

*– My dear ! Do not die !
Milk will soon arrive !
If Dad comes back and you have died
How should I reply*

*People told me her story :
Her husband was sent to a Northern penitentiary
Then her baby son died suddenly
And she became crazy.*

*She lived with her children
Under a big sheet of nylon
She fed her children
With potato and cassava*

*Her health deteriorated rapidly
She had to leave the zone of New Economy
For Saigon, a big and very crowded city,
Where life for the poor is nothing but misery*

*Her youngest son, a baby child
Was sick and cried for milk every night
Having no money to buy and nothing to sell
She had to sell blood of herself.*

Khi trời vừa sáng ra
Bà lại lên Chợ Rẫy
Lần này lần thứ mấy
Bà bán máu nuôi con

Trên đường về đi ngang
Ghé cửa hàng mua sữa
Bà gục người trước cửa
Suốt đêm mà không hay

Đứa con út đang đau
Chờ mẹ về chưa tới
Qua đời trong cơn đói
Thiếu cả một vòng tay

Khi bà về tới nơi
Thì con mình đã chết
Bà ôm con lạnh ngắt
Đứng hát như người điên

- Khoan chết đã con trai !
Mẹ còn chờ mua sữa !
Mai Ba về có hỏi
Mẹ biết nói sao đây

Đêm qua tôi nằm mơ
Thấy mình ôm chiếc gối
Đứng trên đường Đồng Khởi
Và hát như người điên.

She went to Cho Ray Blood Bank
For the last time of her life
To sell her blood to buy
Milk for her sick child.

On her way back, she dropped by
A store and bought milk for her child
Exhausted she fell down and passed out
For a long, long while

Her sick child
Waiting for milk to arrive,
From sickness and hunger expired
With no mother by his side

When she came back
Her baby had died
She holds the cold body of her child
She lost her mind and sang a lullaby

- My dear ! Do not die !
Milk will soon arrive !
If Dad comes back and you have died
How should I reply

Last night I had a dream
I saw myself hugging a pillow
On Dong Khoi street, standing
And like crazy, singing.

Thơ: Trần-Trung-Đạo

(translated by Hoai Van Tu)

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

* BẢN TIN PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ.

Nhân ngày Phật-Đản, bốn giải Nobel: Đức Dalai Lama (Tây Tạng), Giáo sư Francois Jacob (Pháp), Bà Mairead Maguire (Ái-Nhĩ-Lan), Ông Jose Ramos-Horta (Đông Timor, Nam Dương), viết thư cho Nhà cầm quyền Hà-Nội yêu sách trả tự do cho hàng Giáo Phẩm lãnh đạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

Vào lúc Phật tử trên toàn thế giới chuẩn bị đón mừng ngày Phật-Đản lần thứ 2542 vào hôm Rằm âm lịch, tức 10-5-1998, thì bốn vị lãnh giải Nobel từ bốn quốc gia và chân trời khác nhau cất lời kêu gọi trả tự do cho hàng Giáo phẩm lãnh đạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất (GHPGVNTH) là Giáo-Hội truyền thống đang bị đàn áp tại Việt-Nam.

Hôm nay, trong một bức thư chung gửi ông Lê-Khá-Phiêu, Tổng-bí-thư Đảng Cộng-sản Việt-Nam, ông Trần-Đức-Lương, Chủ tịch Nước CHXHCNVN, và ông Phan-Văn-Khải, Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN, Đức Dalai Lama, Giáo-Chủ Tây-Tạng, giải Nobel Hòa-Bình năm 1989 ; Giáo sư người Pháp Francois Jacob, giải Nobel Y-Khoa năm 1965 ; Bà Mairead Maguire, người Ái-Nhĩ-Lan, giải Nobel Hòa-Bình năm 1976 ; và Ông Jose

Ramos-Horta, người Đông Timor, Nam Dương, giải Nobel Hòa-Bình năm 1996, yêu cầu trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho hàng Giáo Phẩm lãnh đạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất (GHPGVNTH) và các học giả Phật giáo, gồm có : Hòa Thượng lãnh đạo Giáo Hội Thích-Huyền-Quang, bị bắt giam không xét xử từ năm 1982, hiện bị biệt giam tại xã Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi ; Hòa Thượng tiến sĩ Thích-Quảng-Độ bị án tù giam 5 năm vì "tội" viết bức thư ngỏ gửi Tổng-bí-thư Đỗ-Mười năm 1994 tố cáo Đảng đàn áp nhân quyền và tôn giáo tại Việt-Nam ; Giáo sư Thích-Tuệ-Sỹ và Tiến sĩ Lê-Mạnh-Thất bị kết án tử hình năm 1988 vì đòi hỏi nhân quyền, dân chủ và tự do nghiên cứu ngoài khuôn khổ của chủ nghĩa Mác-Lê, nhờ áp lực quốc tế án giảm xuống 20 năm tù khổ sai ; Thượng tọa Thích-Trí-Tự, Giám tự chùa Linh-Mụ, Huế, bị 4 năm tù giam vì dính dáng đến cuộc biểu tình của 40,000 Phật tử tại Huế ngày 24-5-93, sau khi ra tù liền bị quản thúc theo Nghị Định 31/CP ; hai Thượng tọa Thích-Không-Tánh và Thích-Nhật-Ban hiện đang bị án tù 5 năm và 4 năm vì đã tổ chức Phái đoàn Cứu trợ nạn nhân lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long năm 1994.

Nguyên văn bức thư dịch từ tiếng Anh như sau :

“Thưa quý Ngài,

“Chúng tôi viết thư này biểu tỏ mối quan tâm sâu đậm về việc giam cầm những Tăng sĩ Phật giáo nổi danh thuộc Giáo Hội truyền thống là Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất. Chúng tôi muốn nói đến trường hợp Hòa Thượng lãnh đạo Giáo-Hội Thích-Huyền-Quang và người phụ tá Ngài, Hòa Thượng tiến sĩ Thích-Quảng-Độ ; hai vị học giả Phật giáo, Giáo sư triết gia Thích-Tuệ-Sỹ và Tiến sĩ sử gia Lê-Mạnh-Thất ; các Thượng tọa Thích-Trí-Tự, Thích-Không-Tánh, Thích-Nhật-Ban. Theo tin chúng tôi biết, các vị này bị cầm tù vì họ đã tổ chức một phái đoàn cứu trợ để phân phát tặng dũ và những nhu cầu cần thiết cho 500,000 nạn nhân lũ lụt vùng đồng bằng sông Cửu Long, và / hoặc các vị đã đứng lên bảo vệ một cách ôn hòa cho Nhân quyền và Tự do tôn giáo tại Việt-Nam.

“Những hành động như thế không thể gọi là “tội phạm” được. Vì đây chỉ là sự biểu tỏ công chính của các quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, những quyền được bản Hiến Pháp của nước quý Ngài bảo đảm và hàm chứa trong Công Ước Quốc-Tế của Liên-Hiệp-Quốc về Quyền Dân sự và Quyền Chính trị mà Chính phủ quý Ngài đã ký kết cùng cam kết thi hành.

“Sự giam cầm các Tăng sĩ nói trên không những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, mà còn mang lại hậu quả khắc nghiệt cho tương lai của nước quý Ngài. Đạo Phật Việt-Nam, với truyền thống từ bi và khoan dung trải qua hai ngàn năm, được đại đa số quần chúng Việt-Nam tôn thờ. Bằng sự cấm đoán

Giáo Hội truyền thống tức Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất hoạt động, và giam tù các nhà lãnh đạo Giáo-Hội này, quý Ngài đang đàn áp tinh thần của đa số người Việt và làm nguy hại cho sự tái thiết một xã hội thịnh vượng tại Việt-Nam.

“Chúng tôi đã tiếp đón nồng hậu những lời kêu gọi gần đây của quý Chính phủ và Đảng Cộng sản “hãy quên đi thù hận quá khứ” và “đoàn kết toàn dân không phân biệt xuất xứ hay chính kiến” để hòa giải dân tộc. Vì vậy, chúng tôi xin kêu gọi chính phủ quý Ngài hãy thi hành chính sách hòa giải ấy bằng việc ra lệnh trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho bảy vị Giáo phẩm nói trên và thiết lập ngay các quyền tự do căn bản.

“Trân trọng.

“Ký tên :

Dalai Lama, Tây Tạng, giải Nobel Hòa bình 1989

Francois Jacob, Pháp, giải Nobel Y khoa 1965

Mairead Maguire, Ái Nhĩ Lan, giải Nobel Hòa bình 1976

Jose Ramos-Horta, Đông Timor, Nam Dương, giải Nobel Hòa bình 1996”

Trong khi ấy, Phật giáo đồ Việt-Nam khắp nơi trên thế giới hân hoan chào đón ngày ra đời của Đức Phật. Tại thành phố Santa Ana, tiểu bang California, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ - Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo, là đại diện chính thức của GHPGVNTN trong nước, đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản hôm 26-4-98, với sự tham dự của 123 Tăng Ni và 25,000 Phật tử để kỷ niệm ngày ra đời của Đức Phật Thích-Ca và cũng để lên tiếng yêu sách

phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN và trả tự do tức khắc cho hàng giáo phẩm, cư sĩ bị tù đày vì đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ và tự do tôn giáo tại Việt-Nam. Hai tờ báo lớn Los Angeles Times và The Register phát hành ngày 27-4-98 viết bài tường thuật trang trọng nói lên tinh thần của ngày Đại Lễ nhằm đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ của Phật tử hải ngoại. Tổng Thống Hoa-Kỳ, Bill Clinton, đã gửi Thông điệp chào mừng, trong ấy có câu : "Vào lúc Phật tử khắp nơi trên lãnh thổ Hoa-Kỳ chung lòng với hàng triệu người trên thế giới cúng dường Mùa Phật-Đản, chúng ta không hề quên lời dạy của Đức Phật về Từ Bi, Đạo Đức và Khoan Hòa. Những bài học phi thời gian ấy tiếp tục hướng dẫn đạo hạnh cho hàng hà sa số chúng sinh trên trái đất và là con đường thênh rộng đưa tới hòa bình trong xã hội phức tạp ngày nay".

Bản Tin
Ngày 25-5-1998

*** PHÁI ĐOÀN GHPGVNTNHN-HK - VĂN PHÒNG II VIỆN-HÓA-ĐẠO**

Đến Liên-Hiệp-Quốc ở Genève gặp ông Abdelfattah Amor điều trần về hiện trạng Nhà Cẩm Quyền Cộng Sản đàn áp các tôn giáo tại Việt Nam.

Dưới áp lực của LHQ, nhiều chính phủ trong thế giới cũng như dư luận quốc tế, năm nay tại khóa họp lần thứ 54 của Ủy ban Nhân quyền LHQ tại Genève tháng tư vừa qua, nhà cầm quyền Hà-Nội đã phải chấp nhận cho Phái đoàn LHQ đến Việt-Nam điều tra hiện trạng đàn áp tôn giáo. Ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên LHQ đặc nhiệm Vụ Bất bạo dung tôn

giáo trong thế giới sẽ cầm đầu Phái đoàn LHQ đi Việt-Nam.

Được tin này Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ - Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo đã gửi một Phái đoàn của Giáo Hội đến Genève để điều trần về hiện trạng đàn áp các tôn giáo tại Việt-Nam nói chung và Phật giáo nói riêng. Phái đoàn do Hòa-Thượng Thích-Chánh-Lạc, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo cầm đầu, cùng với Thượng-Tọa Thích-Viên-Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo, Hòa-Thượng Thích-Minh-Tâm, Chủ Tịch Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất (GHPGVNTN) tại Âu Châu, Thượng-Tọa Thích-Quảng-Hiền, Chi Hội Trưởng GHPGVNTN tại Thụy Sĩ, ông Võ-Văn-Ái, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt-Nam kiêm Giám đốc phòng thông tin Phật-Giáo Quốc-Tế và chị Ý Lan, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt-Nam.

Ông Abdelfattah đã tiếp Phái đoàn trong hơn một giờ rưỡi đồng hồ sáng thứ hai 25-5-98 tại Trung tâm Nhân quyền LHQ ở Điện-Quốc-Liên, Genève. Ông đã chăm chú lắng nghe cuộc điều trần chi tiết về hiện trạng và chính sách đàn áp tôn giáo của Đảng và Nhà Nước Cộng Sản đối với Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành ... từ 1955 tại miền Bắc và từ 1975 tại miền Nam. Ông đã đặt rất nhiều câu hỏi chi tiết để tìm hiểu về thực trạng tôn giáo tại Việt-Nam.

Vì lý do chí công vô tư của Phái đoàn LHQ sắp đi Việt-Nam, chúng tôi tạm hoãn công bố những chi tiết về cuộc

điều trần và trao đổi giữa Phái đoàn GHPGVNTNHN-HK - Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo và ông Báo cáo viên LHQ Abdelfattah Amor tại Điện-Quốc-Liên. Nhưng nói chung, cuộc gặp gỡ đã diễn ra trong không khí thân tình, tương kính, cởi mở và bổ ích cho cả hai phía, và ông Amor đã hết lòng cảm ơn Phái đoàn cung cấp các tư liệu cần thiết và quý báu.

*** ĐẠI LỄ VU LAN - CHÙA PHẬT ĐÀ, SAN DIEGO :**

Thứ Bảy 15/8/98, chùa Phật Đà - San Diego - đã long trọng tổ chức Đại Lễ Vu Lan. Quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, cùng chư vị quan khách, chư vị văn hữu và hơn 700 Phật tử tề tựu về dự lễ. Hình ảnh ngài Mục-Kiền-Liên từ hòa, hiếu hạnh bên hai đóa hồng, biểu tượng của tình thương.

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan mở đầu chương trình Đại Lễ bằng những dòng pháp nhủ về hiếu tâm của người con Phật. Hòa Thượng Thích Đức Niệm ban Đạo từ nhắn nhủ mọi người làm tròn bốn phận con cháu đối với ông bà, cha mẹ. Sau đó là lễ Chúc thọ cho các cụ cao niên. Đặc biệt, T.T Thích Nguyên Siêu ra mắt "Ưu Đàm Lướt Bão", tác phẩm viết về chính sách đàn áp Phật giáo của nhà cầm quyền Hà-Nội. H.T Thích Trí Chơn phát biểu : "Chúng ta không nhìn Ưu Đàm Lướt Bão như một tác phẩm văn chương mà là một đóng góp cho kho tàng sử liệu nước nhà". Tiếp theo, nhà văn Phan Lạc Tiếp ca ngợi công trình của Thượng Tọa tác giả : "... Thầy còn bỏ công bên bỉ xây dựng một cây cầu từ cổng chùa sang ngôi nhà Văn hóa. Cây cầu vững chắc đẹp đẽ ấy chính là cuốn Ưu Đàm Lướt Bão. Chúng tôi ngưỡng mộ

công đức của Thầy ..." Và nhà văn Hoàng Khởi Phong : "... Tác phẩm Ưu Đàm Lướt Bão giúp cho những thế hệ sau nhìn rõ những dữ kiện lịch sử qua những góc độ khác nhau. Lịch sử trôi hoài không ngừng ... mỗi cái chớp mắt của lịch sử có khi hàng triệu người ngã xuống. Nhưng, những người ngã xuống cho lịch sử không bao giờ vô ích cả. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn thầy Nguyên Siêu cho chúng tôi những dữ kiện lịch sử, để chúng tôi có những chi tiết về những giai đoạn đó khi chúng tôi hoàn thành tác phẩm Người Trăm Năm Cũ của chúng tôi".

Các Phật tử vây quanh T.T. Nguyên Siêu xin chữ ký để kỷ niệm cuốn "Ưu Đàm Lướt Bão". Buổi lễ hoàn mãn vào khoảng 9 giờ tối, sau chương trình văn nghệ mừng Vu Lan.

Mọi người ra về trong niềm hân hoan với tác phẩm "Ưu Đàm Lướt Bão" trên tay.

Đây là buổi lễ mở đầu cho mùa Vu Lan Mậu Dần 1998. Khắp nơi các tự viện lớn nhỏ đều trang trọng tổ chức lễ Vu Lan báo hiếu. Số lượng Phật tử tham dự đông hơn năm ngoái, mà đặc biệt là thanh thiếu niên.

*** LỄ TƯỞNG NIỆM BỒ-TÁT THÍCH-QUẢNG-ĐỨC VÀ CHƯ THÁNH TỬ ĐẠO :**

Vào lúc 3 giờ chiều Chủ nhật 16-8-98, tại Hội trường Lạc Hồng long trọng cử hành lễ tưởng niệm Bồ-Tát Thích-Quảng-Đức và các Tăng Ni Phật tử đã hy sinh vì Phật Pháp. Đông đảo chư Tăng Ni, các nhân sĩ, Hội Đoàn và đồng bào Phật tử tham dự. Sau phần diễn văn khai mạc của Đạo hữu Nguyên Lượng là lễ truy niệm vô cùng trang nghiêm. Trong lời phát biểu cảm tưởng T.T Thích-

Nguyên-Trí nhắc lại lời tuyên bố của H.T Thích-Quảng-Đức trước khi tự thiêu. "Nếu thân tứ đại của tôi cháy hết thì Phật Pháp sẽ bị tiêu diệt. Nếu thân tôi cháy hết mà còn lưu lại cái gì thì Phật giáo còn. Trái tim Bồ-Tát Quảng Đức còn ...". T.T Thích-Hành-Đạo phát biểu : Sự hy sinh của Bồ-Tát Quảng Đức là ánh sáng chuyển hóa đối tượng chứ không phải để tạo thù nghịch. Vì Phật giáo không có đối tượng thù nghịch. Buổi lễ kết thúc lúc 6 giờ cùng ngày, ai nấy đều hiển lộ niềm hoan hỷ.



GIỚI THIỆU BỘ ĐẠI TẶNG KINH



Bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tặng Kinh được tu chỉnh công phu vừa mới in xong, bìa dày mạ vàng, giấy tốt, vô cùng giá trị. Toàn bộ gồm 100 cuốn, khổ lớn 8 x 11. Giá là US \$2,300 (Hai ngàn ba trăm mỹ kim). Địa chỉ nhà xuất bản :

Shyh Hyah Pringting Co. LTD
Nº 23, 1FL, Section 3, Shing Sheng
South Road
Taipei, TAIWAN, R.O.C.

Tel. (2) 2363-2220
Fax. (2) 2362-8523

thơ Thanh Hiền

Rừng Mai Phật Học Viện

Sáng nay nghe chim hót
Trong rừng mai thật vui
Ong đi tìm mật ngọt
Bướm tìm hoa lã lơi !
Sáng nay ta quét lá
Sân chùa nắng lang thang
Lũ quạ chùng hối hả
Bồ câu cũng vội vàng !
Thanh trúc cười trong nắng
Bồ Đề lá xanh tươi
Lối Rừng Mai thật ngắn
Nghe chuông chùa chơi vui ...
Bên kia hòn non bộ
Rêu xanh bám quanh hồ
Đàn cá vàng nhỏ nhỏ
Nước chảy bèo lơ lơ !
Tháp thoáng Tầng Kinh Các
Lối đi vào quanh co
Thấy Quán Âm Bồ Tát
Niệm niệm hoài Nam Mô ...

Thanh Hiền
Phật-Học-Viện 22-1-1998



QUYẾT NGHỊ

Của Đại-hội Huỳnh-trưởng Gia-đình Phật-tử Liên Miền Phước Huệ và Thiện Luật, tổ chức tại chùa Bồ-Đề thành phố Philadelphia tiểu bang Pennsylvania, Hoa-Kỳ từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 5 năm 1998.

NHẬN ĐỊNH

1. Gia-đình Phật-tử Việt-nam là một tổ chức trực thuộc Tổng-vụ Thanh-niên Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-Nhất đã được Hiến-chương Giáo-hội ứng định ở điều thứ 16 chương 2 lập ngày 14-12-1965, là Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất có một tổ chức giáo dục Thanh-niên lấy danh hiệu là Gia đình Phật tử Việt-Nam, tổ chức này trực thuộc Tổng-vụ Thanh-niên của Viện-Hóa-Đạo.

2. Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất trong nước tạm thời không thể hoạt động được bởi nhà cầm quyền Cộng-sản Việt-Nam, nên Hội-Đồng Lương-Viện đã ban hành Quyết Định số 27/VPLV/VHD do Hòa-thượng Thích-Huyền-Quang ký ngày 10-12-1992, ủy nhiệm cho Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ đại diện toàn quyền cho Giáo-Hội Quốc Nội và là Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo.

3. Thế đứng trung hòa và độc lập của Ban Hướng-dẫn Trung-ương Gia-đình Phật-tử Việt-Nam tại Hoa-Kỳ đã đi ngược lại nội quy của Gia đình Phật tử Việt-Nam và Quyết Định số 27/VPLV/VHD do Hòa-Thượng Thích-Huyền-Quang ký ngày 10-12-1992. Vì thế đã không đáp ứng được nguyện vọng chân chính và thiết tha của đại đa số chư Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, đặc biệt là hàng ngũ Huỳnh trưởng Gia đình Phật tử Việt-Nam.

Qua các nhận định trên, Đại hội Huỳnh trưởng Gia đình Phật tử Liên Miền Phước Huệ - Thiện Luật.

ĐỒNG THANH QUYẾT NGHỊ

1. Vì nhu cầu tu học và phát triển tổ chức, các đơn vị Gia đình Phật tử hiện sinh hoạt tại Miền Đông Bắc Hoa-Kỳ quyết định thành lập BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ LIÊN MIỀN PHƯỚC HUỆ - THIỆN LUẬT theo địa bàn hoạt động của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ.

2. Trong lúc chờ đợi có một cơ cấu điều hành chung, Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Liên Miền Phước Huệ - Thiện Luật đặt trực thuộc Vụ Thanh-Niên Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo, để điều hành mọi sinh hoạt Phật sự của các đơn vị Gia-Đình Phật-tử trong miền.

3. Cung thỉnh Thượng-Tọa Vụ trưởng Vụ Thanh niên, chư vị Tôn Túc Giáo Phẩm, chư vị Trụ-trì quý chùa, quý Ban Trị Sự Hội Phật Giáo tạo thuận duyên cho Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Liên Miền Phước Huệ - Thiện Luật hoàn thành sứ mạng kế tục và giữ vững truyền thống Gia đình Phật tử Việt-Nam.

Phật lịch, 2542 — Làm tại chùa Bồ-Đề - Philadelphia, Pennsylvania.

Ngày 31 tháng 05 năm 1998

ĐỒNG KÝ TÊN: GDPT BỒ-ĐỀ — GDPT ĐỨC-THIỆN — GDPT HUYỀN-QUANG
GDPT MINH TÂM — GDPT VẠN PHƯỚC — GDPT VIÊN LẠC
GDPT ƯU ĐÀM — CỤU HUYNH TRƯỞNG

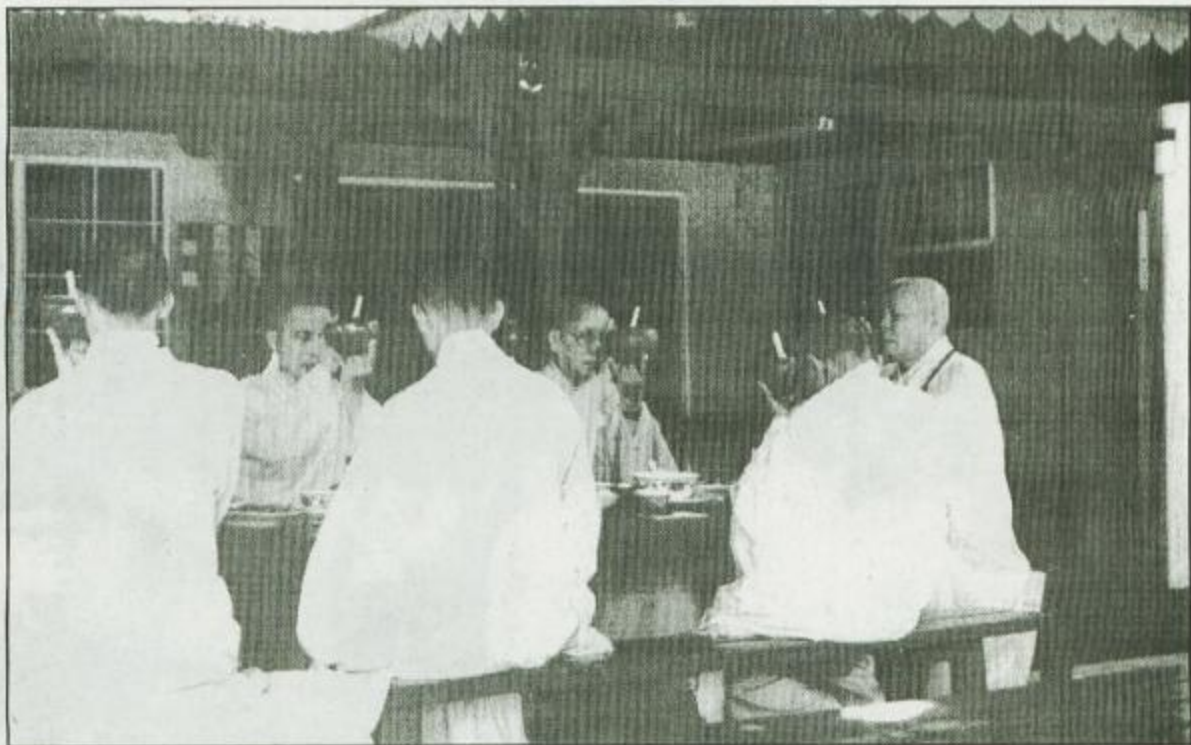
HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Chiều Chủ Nhật ngày 15-8-98, chùa Phật-Đà San Diego cử hành Đại Lễ Vu Lan vô cùng trọng thể, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Thích Thắng Hoan, Thích Trí Chơn và chư Tăng cùng đông đảo Phật tử tham dự.



Trong lễ Vu Lan, các Phật tử gắn bông hồng đến chư Tôn đức và quý Phật tử, để tưởng nhớ đến tình thương bao la cao cả của cha mẹ.



Vâng theo lời Phật dạy, hằng năm chư Tăng Ni tại Phật Học Viện Quốc Tế đều kiết hạ an cư, y như thiên môn quy cũ, bình bát quá đường, chuyên cần tu học.



Hằng ngày quá đường độ ngộ, kinh hành niệm Phật, tinh tấn tu tập theo thời khóa kiết hạ suốt thời gian an cư.



Chư Phật tử bốn hương vân tập đông đảo về Phật Học Viện phát nguyện theo hạnh chư Tăng tinh tấn tu tập, quá đường thọ trai, bái sám, kinh hành niệm Phật trong suốt thời gian an cư.



Thời gian an cư kết hạ viên mãn, các Phật tử cùng chư Tăng chụp ảnh lưu niệm, ai nấy đều thể hiện niềm hoan hỷ vô biên.



Hằng năm đến mùa an cư kiết hạ, dù bận Phật sự đến mấy, Hòa Thượng Thích Hoan vẫn dành thời gian hoan hỷ về Phật Học Viện an cư và dạy Tăng chúng.
Hòa Thượng đang giảng về Duy Thức.



Đại lễ Phật Đản 2542-1998, đông đảo Phật tử trên số ngàn đã vân tập về chùa Từ Đàm Dallas do Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa làm viện chủ, để nghe Hòa Thượng Thích Đức Niệm thuyết pháp và chứng minh.

TRI - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$800.00	Ni-Sư Thích nữ Nguyên Thanh	\$100.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Ni-Sư Thích nữ Diệu Từ	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$200.00	Chùa Việt-Nam Arizona	\$200.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa Quang Minh	\$200.00
T.T. Thích-Nguyên Siêu	\$100.00	Hội PG Chùa Phật Ân	\$200.00
Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$100.00	Chùa Giác-Hoa	\$100.00
		Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Nguyễn-T-Thanh-Võ	\$100.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Phúc Tường & Diệu Mỹ	\$100.00
Pt. Minh Quang	\$200.00	Pt. Thắng Tín	\$50.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Helen Anderson	\$50.00
Pt. Nguyễn-Mậu-Hưng	\$50.00	Pt. Quảng Thành & Diệu Nguyệt ...	\$50.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Trần-Hữu-Khiếu	\$50.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Cao Ha	\$50.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền	\$30.00	Pt. Nguyễn-Xuân-Khương	\$30.00
Pt. Ung-Văn-Đắc	\$25.00	Pt. Trần-Quốc-Hiếu	\$25.00
Pt. Lê-Văn-Chí	\$20.00	Pt. Phùng-Thị-Lê	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Dương-Thị-Mạnh	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Quảng Tịnh	\$20.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Nguyễn-Tường-Quy	\$20.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00	Pt. Bình Phan & Thành Tâm	\$20.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức	\$10.00	Pt. Cao-T-Quỳnh-Hoa	\$20.00
Pt. Bé Katie G.	\$2.00	Pt. Nguyễn-Thị-Bông	\$10.00

Ủng hộ kinh sách Tạp Chí Phật Giáo là ủng hộ công cuộc hoằng pháp truyền bá tư tưởng giác ngộ, tạo nhân trí tuệ giải thoát.

Toàn Ban Biên Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại chân thành tri ân
liệt quý vị hảo tâm ủng hộ.



NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 08 - 1998

Kinh Hoa Nghiêm (1, 2, 3, 4, 5, 6 - bìa dày)	Thích Trí Tịnh mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhựt Tụng	(Tụng Niệm hàng ngày)	\$12.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm (đủ loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn (Nghĩa).....	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Sở Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích Nữ Như Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng).	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Đại Nhựt	Pram Nguyễn	\$9.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại-Bi-Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Tâm-Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang	\$7.00
Kinh Hiền Ngu	Thích Trung Quán	\$10.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận	Thích Đức Niệm	\$8.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$13.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$14.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Âm Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch giải	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh)	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Văn-Thù Thọ Ký	Thích Trí Tịnh	\$5.00
Kinh Vị Tàng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Viên Giác	Huyền Cơ	\$4.00
Kinh Vô Lượng Thọ	Thích Đức Niệm	\$6.00
Ánh Đạo Vàng	Vô Đỉnh Cường	\$5.00
Bát Quan Trai Thập Giảng	Diễn Bồ Đại Sư	\$7.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00

Biên Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng	\$6.00
Con Đường Vô Tận	Huỳnh Trung Chánh	\$8.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa Phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cương Yếu Giới Luật	Thích Thiện Siêu	\$6.50
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Văn Mổ	Diệu Nga	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chết Có Thật Đáng Sợ Không (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang dịch.....	\$7.00
Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi)	\$3.00
Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đạt Ma Huyền Trang	Thích Tín Nghĩa	\$7.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật & Dòng Sử Việt	Thích Đức Nhuận	\$15.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt - Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Đường Về Cực-Lạc (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Trí Tịnh	\$11.00
Giáo Lý Bí Mật Về Thân Trung Âm	Nguyễn Pram	\$24.00
Giọt Lệ Như Sương	Diệu Nga	\$8.50
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo	Thích Bảo Lạc	\$12.00
Lá Thư Tịnh Độ	Liên Du	\$7.50
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hải & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Lối Vào Nhân Minh Học	Thích Thiện Siêu	\$6.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ	\$7.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang	\$8.00
Luận Thành Duy Thức	Thích Thiện Siêu	\$12.00

Luận Đại Thừa Khởi Tín	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán	\$72.00
Lược Truyện Tiên Thân Đức Phật	Thích Đức Niệm	\$6.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thế Quán	\$12.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường & Thế Quán	\$3.00
Ngũ Ngôn	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại	Thích Tâm Quang	\$7.00
Những Mùa Vu Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiện Tâm	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Trí Chơn, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đại Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chứng	Cao Hữu Đình	\$6.00
Phật Giáo Cho Người Mới Học	Ngài Narada	\$8.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00
Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Môn Tịnh Độ	Thích Trí Thủ	\$7.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sự Tích Đức Phật A-Di-Đà và Chư Vị Tổ Sư	\$9.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh Yếu Giải	Thích Đức Niệm	\$6.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tế Điền Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tin Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00

Pure Land Buddhism	Thích Thiên Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tứ Tướng Luận	Thích Đức Niệm	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tứ Tướng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiên Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tứ Tướng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tứ Tướng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Tứ Tướng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý	Nguyễn Vinh Thượng	\$9.00
Thầy Tăng Mỏ Nước	Nguyễn Huỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Thiền Tĩnh Quyết Nghi	Thích Trí Tịnh	\$3.00
Thiền Tài Cầu Đạo	Thích Đức Niệm	\$8.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$6.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu	\$15.00
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh)	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vì Sao Tín Phật (tập 1, 2, 3) - (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang dịch ... mỗi tập	\$10.00
Vô Ngã Là Niết Bàn	Thích Thiện Siêu	\$7.50
Vết Nhạ Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (tập 1 & 2)	Thích Thanh Từ ... mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đáo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
→ Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 11x16) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp... \$96.00		
→ Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.75

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt và Chuỗi Trâm 108 hạt	\$9.00
Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt	\$48.00
Chuỗi Mễ Nào	\$68.00
Chuông Mõ 3 inches	\$70.00
Chuông Mõ 5 inches	\$86.00
Khánh Dẫn Lễ	\$40.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung	(loại thường) \$46.00
Tấm Đà-La-Ni	(hoa sen) \$95.00

Thư từ ngân phiếu xin đề: Phật-Học-Viện Quốc-Tế
9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hoá đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích đó, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tị nạn và gửi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Đặc biệt, bộ tranh lịch sử Phật gồm 32 tấm từ đản sanh đến nhập niết-bàn, khổ lớn (11x16) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh có chú thích ý nghĩa bằng Việt-Anh rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp và ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sưu tầm nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp đầu tiên trong lịch sử Phật-giáo vậy.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật-giáo hay Cộng-đồng Phật-tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vướng bận ân tình thân sơ.

Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuần chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trang trải tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa, đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa, nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng Ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh lực hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bố-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng Chủ Nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử khắp bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám Hồng-Danh với sự hướng dẫn tận tình của chư Tăng, tiếp theo nghe Thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều Chủ Nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, tiếp theo đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách Thánh Hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật sẽ cảm thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bắc nhịp cầu thông cảm với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật, để làm phương tiện khai triển trí huệ, xây dựng hạnh phúc, thánh thiện hóa đời mình và con cháu. Tiền của vô thường. Kinh sách chan chứa lời Thánh Hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật, sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, đồng thời để cho lòng mình được tĩnh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm dưỡng tánh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có chọn lọc kỹ, chỉ có khả năng in một lần, và luôn luôn đổi mới.

Thư từ ngân phiếu xin gửi : **Phật-Học-Viện Quốc-Tế**

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827

LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY:

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy FREE-WAY 5 SOUTH - Exit OSBORN queo mặt - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH BAKERSFIELD - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

Lấy FREE-WAY 101 WEST - đổi FWY 170 N. đổi qua FWY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SANTA ANA:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SAN BERNADINO FREE-WAY:

Lấy FREE-WAY 605 NORTH - đổi 10 WEST đổi 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN queo trái - gặp NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo mặt - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

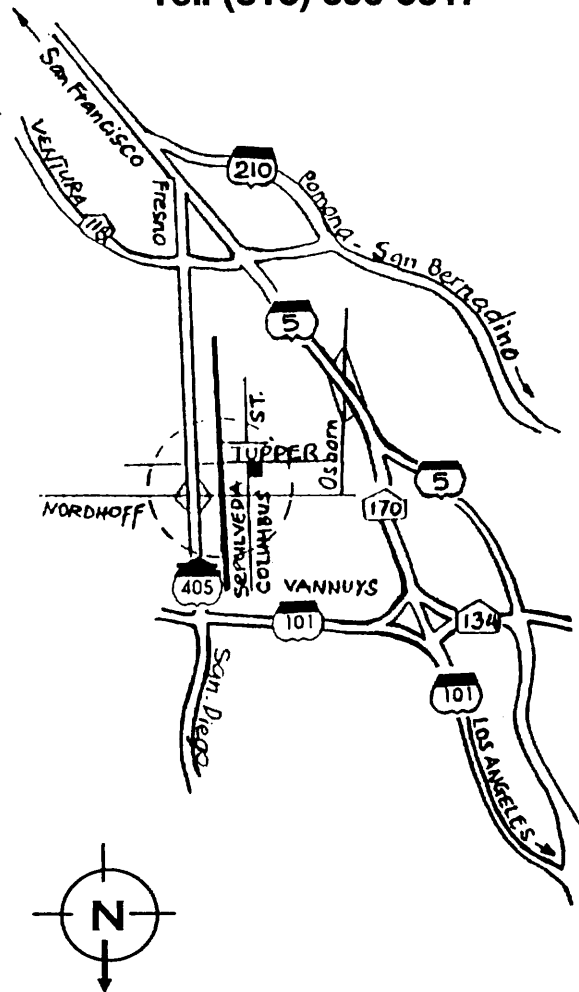
HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIÊN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317



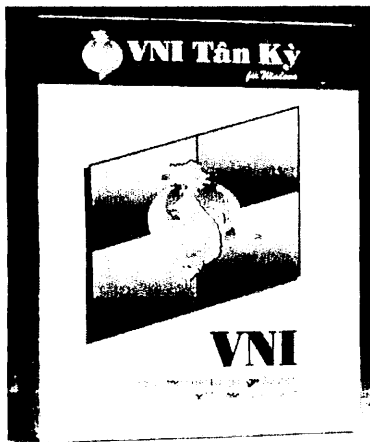
TỪ OXNARD - VENTURA:

Lấy FREE-WAY 101 SOUTH LOS ANGELES đổi FWY 405 N. SACRAMENTO - Exit NORDHOFF queo mặt - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SIMI VALLEY:

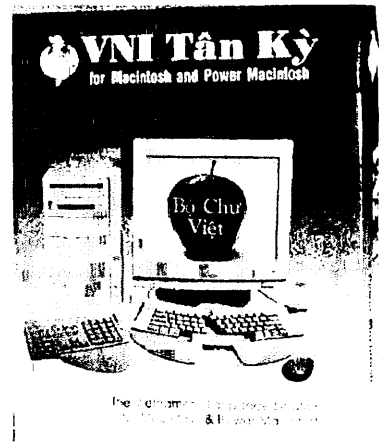
Lấy FREE-WAY 118 EAST đổi 405 SOUTH - Exit NORDHOFF queo trái - gặp SEPULVEDA queo trái - gặp TUPPER queo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì PHV nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

VNI hân hạnh giới thiệu các sản phẩm:

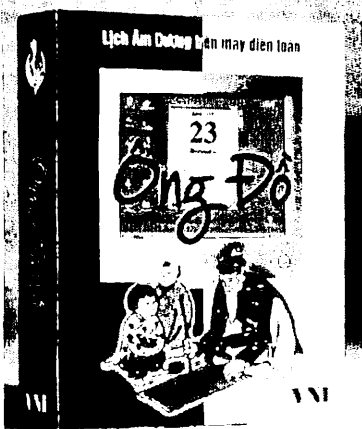


**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ 2.95
CHO WINDOWS 3.1/95/98**

**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ 4.0
CHO WINDOWS 95/98 & NT**



**BỘ CHỮ VIỆT VNI TÂN KỲ
CHO MACINTOSH**



**LỊCH ÂM DƯƠNG
TRÊN MÁY ĐIỆN TOÁN**

DỄ DÙNG ĐƠN GIẢN



**BỘ FONT BỔ TÚC CHO
WINDOWS & MAC**



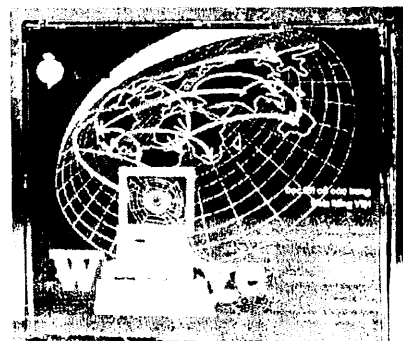
**GỬI E-MAIL CÓ DẤU CHỮ VIỆT
TRÊN INTERNET VỚI WEBNOTE**

**KHÔNG THỂ THIẾU trong
bất cứ công việc gì cần
chữ VIỆT trên computer.**



VNI

15103 Moran St.,
Westminster, CA 92683, USA.



**ĐỌC BẤT CỨ TRANG WEB
TIẾNG VIỆT NÀO TRÊN INTERNET**

Phone: (714) 891-7656 • Internet: www.vnisoft.com

Jũ Sách Gia Đình Không Thũ Thiếu:

*Các tác phẩm có giá trị, công phu, trung thực và khoa học
do Thích-Tâm-Quang soạn dịch:*

- 1- HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI :\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 2- LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY :\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 3- LÀM SAO TRÁNH KHỎI SỢ HÃI VÀ LO LẮNG : \$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 4- PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI :\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 5- PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC : ..\$5.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 6- BA NGÀN NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI :\$8.00 + \$1.50 C.P
- 7- NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI (HẾT) : \$9.00 + \$1.50 C.P
- 8- NỀN TẢNG CỦA ĐẠO PHẬT (HẾT) :\$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 9- CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG ? :\$7.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 10- VÌ SAO TIN PHẬT (TẬP I) :\$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)
- 11- VÌ SAO TIN PHẬT (TẬP II) :\$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)

ĐÃ PHÁT HÀNH

Vì Sao Tin Phật (Tập III) \$10.00 + \$1.50 C.P (SONG NGỮ - ANH VIỆT)

TÁC GIẢ HÒA THƯỢNG TIẾN SĨ K. SRI DHAMMANANDA, MỘT HỌC GIẢ UYÊN THÂM ĐÃ BAO QUÁT ĐƯỢC GIÁO LÝ THUẦN TÚY VÀ XÁC THỰC CỦA PHẬT GIÁO VỚI BÚT PHÁP HIỆN ĐẠI. TÁC GIẢ ĐÃ KHÔNG NHỮNG CỒ ĐỌNG TINH TÚY VÀ CỐT LỖI GIÁO PHÁP VỚI MỘT THUẬT NGỮ GIẢN DỊ VÀ DỄ HIỂU MÀ CÒN ĐỂ CẬP ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI MANG LỢI ÍCH RẤT THIẾT THỰC CHO NGƯỜI HỌC PHẬT:

NƠI PHÁT HÀNH:

CHÙA TAM BẢO

P.O. BOX 1903 FRESNO, CA 93718 - U.S.A.

TEL. (209) 264-2728

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A.

TEL. (818) 893-5317

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminister, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu támm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều tầng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

"Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trưng-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIẾU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây má cho hợp với thể đất...\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cầm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng **LƯU-KIM-CƯƠNG** (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngô Triệt trước miễn

Ra đi gặp giặc mình liền tan thây!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông **NGUYỄN-VĂN-BÔNG** (Viện-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thạch-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá **BẦU** về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng **DƯƠNG-VĂN-MINH** với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông **Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT** khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài **ĐỖ-VĂN-LÝ** khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư **NGUYỄN-HỮU-DOÃN** nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Có bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dừng cảm năm xưa, nay là **NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG** một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá **QUÁCH-NGỌC-LÂM** (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lot qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Nguyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Nguyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười: "Chồng ở mô mà sẵn rứa?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/ ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đày..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chi số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/ Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIẾU

- * *Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30*
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * *Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5*
- * *Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5*
- * *Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42*

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gọi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu : Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.

Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ : Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PĐM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NÀNG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi đầu-số và thầy địa-lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rũi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hàng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi đầu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ: = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đầy tháng

dem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

838 N. Broadway, Suite A., Los Angeles, CA 90012

(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

Tel. (213) 680-0888



Bác Sĩ Thiện Y, Đông Y gia truyền, đã chữa bệnh tại Việt-Nam và các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood. Trị hết nhiều bệnh thông thường đến nan y mà các danh sư khác không chữa được. Được rất nhiều người viết thư cảm tạ, báo chí khen ngợi và đồng bào Los Angeles khen tặng danh hiệu "DIỆU THỦ HỒI XUÂN". Đến với Bác sĩ NGUYỄN-THIỆN-Y để được chẩn mạch chính xác, chữa trị hữu hiệu. Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, uy tín, cẩn trọng, chữa bệnh lâu năm.

GIỜ LÀM VIỆC:
THỨ HAI đến CHỦ NHẬT
10:00AM - 6:00PM. Nghỉ thứ Sáu
FREE PARKING

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH ĐAU NHỨC VÀ NAN Y, NỘI THƯƠNG NGOẠI CẢM, BAN SỞI TRẺ EM, SAI KHỚP XƯƠNG, BONG GÂN TẠI ĐẦU GỐI, MẮT CÁ, TRỌNG QUAI HÀM, CỤP XƯƠNG SỐNG V.V...

DƯỢC THẢO CỦA BÁC SĨ Y (DR. Y'S HERBS) :

BÁN ĐỦ LOẠI THUỐC BẮC THƯỢNG HẢO HẠNG. NHẬN GỬI THUỐC ĐI KHẮP HOA-KỶ VÀ NGOẠI QUỐC. CHẨN MẠCH QUA ĐIỆN THOẠI. NHẬN VISA VÀ MASTER CARD.

- | | | |
|--|--|---|
| 100- Tiên dược siêu đẳng tăng sức khỏe, trị bá bệnh, trẻ mãi không già. | 110- Thuốc tế trị phong thấp, giúp người già ăn ngon ngủ khỏe. | 149- Say sóng, ói khi đi tàu, máy bay. |
| 101- Tiên dược trị đau bao tử và hệ thống tiêu hóa, loét bao tử, ruột. Đau bao tử lâu năm trị dứt, không bao giờ tái phát. | 111- Đau nhức các khớp xương, đầu gối, ngón tay, ngón chân (Arthritis Gout). | 150- Thuốc trị khô cổ họng. |
| 102- Gối Tiên trị đau lưng, đau cổ, bụng, phong thấp. | 112- Đổ mồ hôi tay chân, phong thấp lâu năm trị dứt, không tái phát. | 151- Thuốc trị giun sán. |
| 103- Tiên dược phục hồi sức khỏe, trị kiệt sức, mệt mỏi lâu năm, dễ ngất xỉu. | 113- Thuốc cầm cúm (uống hoặc xông) | 152- Méo miệng, bán thân hay toàn thân bất toại (có châm cứu sẽ hết nhanh hơn). |
| 104- Thuốc tăng trí nhớ, trị thần kinh suy, rất tốt cho sinh viên và người lớn tuổi. | 114- Thuốc trật đả, trị té ngã, vết bầm v.v... (uống thoa, xịt, bột đắp) | 153- Ban đêm ngủ hay co giật. |
| 105- Thuốc trị tiểu đường. | 115- Mất ngủ kinh niên. | 154- Thuốc bổ xương, trị xương xốp. |
| 251- "Siêu cường dương bổ thân" (rượu và viên). Siêu đẳng trị bất lực, yếu sinh lý, | 116- Tiêu chảy hay táo bón kinh niên. | 201- Phụ nữ lãnh cảm, yếu sinh lý. |
| 252- Thuốc trị xuất tinh sớm. | 118- Thuốc trị áp huyết cao | 202- Kinh không đều, có kinh đau bụng. |
| 253- Thuốc bột hòa với sữa, cho trẻ em xanh xao, biếng ăn, ốm yếu đổ mồ hôi đầu, minh, v.v.. | 119- Áp huyết thấp. | 203- Kinh nguyệt ra hoài không dứt. |
| 301- Dưỡng da giảm vết nhăn, đẹp da, da trắng hồng, đẹp hơn lên, người trẻ lại. | 120- Mỡ trong máu | 204- Không có kinh hay trễ kinh. |
| 302- Thuốc trị da mặt nám | 121- Viêm mũi, dị ứng "allergy". | 205- Hiếm muộn, muốn có con. |
| 303- Da mặt xanh xao thiếu máu. | 122- Run tay chân. | 206- Thuốc ngừa sẩy thai, |
| 304- Rụng tóc, hói đầu, làm mọc tóc, đen tóc, tóc óng mượt. (uống, xịt nơi hói) | 123- Cai thuốc lá, cai rượu. | 207- Muốn chọn sanh con trai hay con gái. |
| 305- Phong ngứa, nổi mề đay, ngứa dị ứng bởi thực phẩm v.v... | 125- Choáng váng đầu mắt | 208- Thuốc an thai, dưỡng thai. |
| 306- Phong độc, ghê độc (Psoriasis) các loại trị dứt, vĩnh viễn không tái phát. | 126- Ù tai, điếc tai | 209- Thuốc sanh con không đau, khỏi mổ. |
| 307- Dối ăn, nổi đờ ở mặt hay lưng, bụng | 127- Trị bệnh trĩ (trị nội & ngoại). | 210- Thuốc xổ lồng, ngừa sốt nhao, |
| 308- Các loại mụn ở mặt và lưng | 128- Sa ruột, sa tử cung (uống hay xông). | 212- Thuốc trị hậu sản, sau khi sanh nám mặt, yếu người. |
| 309- Nổi gân xanh ở mặt, tay, chân | 130- Thuốc trị phù thũng, chân giữ nước, đau nhức chân, đi nặng nề. | 213- Đản bà hết kinh, nóng mặt khó chịu. |
| 106- Viêm gan (Hepatitis A, B, C...) gan độc, chai gan, (cirrhosis), sưng mắt, vàng da, đen da, hay thời kỳ nguy hiểm. | 131- Thuốc trị nhức đầu kinh niên. | 214- Thuốc trị huyết trắng. |
| 107- Thuốc làm tăng cân. | 132- Nhức đầu một bên kinh niên. | 254- Thuốc trị giang mai, lậu, hoa liễu. |
| 108- Giảm cân (Lose weight fast & easy) | 133- Trị chảy nước mắt sống. | 310- Thuốc trị đau răng cấp thời, không kịp đi Nha sĩ (xúc vào răng hết đau). |
| 109- Phong thấp, đau lưng, nhức mỏi vọp bẻ, tê bại toàn thân. | 134- Trị đau mắt, làm bỏ mắt, sáng mắt. | 311- Lở, để chảy máu nướu răng. |
| | 135- Sốt rét quanh năm, sợ nước, sợ gió. | 312- Trị hết hôi miệng, làm thơm miệng (uống hay súc miệng). |
| | 136- Ôn lạnh xương sống | 314- Lở miệng, lở lưỡi. |
| | 137- Suyễn kinh niên. | 315- Lang ben, ghê lác (xoa). |
| | 139- Ho lâu năm, ho đàm hay ho khan. | 351- Thuốc trị bướu cổ. |
| | 140- Đau tim, yếu tim, khó thở, hồi hộp | 352- Bướu tử cung và các loại bướu. |
| | 141- Nghên van tim, uống thời gian ngắn, tim thông, khỏi mổ | 353- Thuốc trị bệnh AIDS/HIV, |
| | 142- Bí tiểu, khó đi tiểu. | 355- Thuốc trị ung thư máu (Leukemia). |
| | 143- Tiểu đêm nhiều lần | 356- Thuốc trị ung thư cổ (cervical cancer). |
| | 144- Thuốc trị sạn thận, uống vào sạn đi ra hay tan, khỏi mổ ... | 357- Thuốc trị ung thư các loại. |
| | 145- Thuốc trị sạn mắt | 402- Rượu thuốc Trường Xuân Tửu |
| | 146- Chảy máu cam | 403- Rượu thuốc Minh-Mạng Hoàng Đế toa chính truyền. |
| | 147- Tê chân, tê tay | 404- Rượu thuốc cho người mới sanh, mạnh gân, ăn ngon, ngủ khỏe. |
| | 148- Lạnh chân tay, thuốc làm ấm lại. | 405- Rượu thuốc THẤT BẢO MỸ ĐIỆN. |

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY

BÁC SĨ

PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY # 104., RESEDA, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172



- ☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- ☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- ☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG
CHO NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LON, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

NHẬN CÁC LOẠI MEDICAL PLAN:

BLUE CROSS - MAXICARE
- COMMUNITY HEALTH PLAN -
TOWER - FOUNDATION - MOLINA
- UNITED HEALTH PLANE -

NHẬN CÁC LOẠI PPG HMO BẢO HIỂM :

- ☆ AETNA - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - CIGNA
- ☆ CARE AMERICAN - HMO CA - FOUNDATION
- ☆ HEALTH NET - MAXICARE - PACIFIC CARE
- ☆ TAKE CARE - ONE HEALTH PLAN - BPS
- ☆ UNITED HEALTH CARE

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ

- ⇒ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ⇒ Truy tầm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)
- ⇒ Chương trình kế hoạch hóa gia đình và cấp thuốc ngừa thai.

NHẬN:

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO - PPO
Giá đặc biệt cho những người
trả tiền mặt

XIN GỌI

LẤY

HẸN TRƯỚC

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU:

SÁNG = 9:00AM - 12:00PM

CHIỀU = 2:00PM - 6:00PM

THỨ BẢY : 9:00AM - 3:00PM

CHỦ NHẬT: KHÁM THEO HẸN.

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯỜNG D.D.S

Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa tại Case Western Reserve University, Ohio 1994

Hội viên của: American Dental Association * Academy of General Dentistry * California Dental Association



- KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT (General Examination)
- PHÒNG NGỪA SÂU RĂNG (Preventative Dentistry using Fluoride and Sealant)
- NGỪA BỆNH HÔI MIỆNG (Bad Breath Prevention)
- TRÁM VÀ NHỔ RĂNG CHO TRÉ EM VÀ NGƯỜI LỚN (Treatment for Children and Adults)
- LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ (Crown, Bridge, Removable Prosthodontic)
- TẮY TRẮNG RĂNG TẠI VĂN PHÒNG HAY NHÀ (Bleaching in / out office)
- ĐẮP VÀ VÁ RĂNG BỊ SÚT MỀ HAY THƯA (Cosmetic Bonding, Porcelain Veneer)

Giờ làm việc:

THỨ BA - THỨ SÁU : 9AM - 6PM

THỨ BẢY - CHỦ NHẬT : 9AM - 3PM

NGHỈ THỨ HAI:

*Phòng mạch kháng trang và sạch sẽ.
Bác sĩ nha khoa tận tâm,
chú đáo và nhẹ nhàng.*

Nhận Bảo Hiểm, Medical, và
trả góp không tiền lãi.

Khám bệnh theo hẹn, trường hợp khẩn cấp
xin đến thẳng văn phòng.

**18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335**

Roscoe

Saticoy

Sherman Way

Vanowen

Wilbur

Amigo

NHA SĨ
TRẦN NGỌC
TÂM HƯỜNG

Reseda

— Đặc biệt dùng máy tối tân và kỹ thuật hiện đại như:

- ☆ Máy siêu âm (ultrasonic) làm răng sạch, kỹ lưỡng và không đau
- ☆ Máy chụp hình răng điện toán (computed dental radiography) giảm 90% tiếp xúc với tia X-Ray
- ☆ Máy điện tử rọi răng (intraoral camera) để bệnh nhân trông thấy hình trước và sau khi làm.



VIP PRINTING

4702 W. FIRST STREET, # E, SANTA ANA, CA 92703
TEL.: (714) 531-6381 * FAX: (714) 531-2844



Giờ mở cửa:
Mon-Sat: 9:00am - 6:00pm
Sun: Closed

○ **BUSINESS CARDS (DANH THIỆP)**

In chữ thường hay chữ nổi, một mặt hay hai mặt, một màu hay nhiều màu, đủ loại giấy tốt

○ **FLYERS (GIẤY QUẢNG CÁO ĐỦ MÀU)**

○ **WEDDING STATIONERY (THIỆP CƯỚI)**

Thiệp cưới Việt Nam và Âu - Mỹ.
Hàng ngàn mẫu đẹp, in chữ nổi

○ **LETTERHEADS (GIẤY VIẾT THƯ)**

○ **ENVELOPES (BAO THƯ ĐỦ CỠ)**

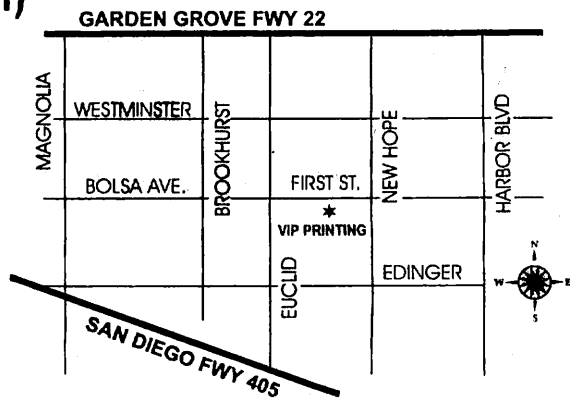
○ **CALENDAR (LỊCH)**

○ **BOOKS (IN VÀ ĐÓNG BÌA CÁC LOẠI KINH, SÁCH, BÁO)**

○ **NCR INVOICES TỪ 2 ĐẾN 5 PARTS**

○ **OFFICE FORMS (ĐỦ LOẠI MẪU ĐƠN TỪ, GIẤY TỜ VĂN PHÒNG)**

○ **RUBBER STAMPS (CON DẤU CÓ MỰC SẴN HOẶC KHÔNG)**



- **IN NHANH, RẺ, ĐẸP, GIAO ĐÚNG HẸN**
 - **ĐẶC BIỆT ẤN TỔNG KINH SÁCH VỚI GIÁ PHẢI CHĂNG**
- XII ☎ (714) 531-6381**

VAN'S

TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

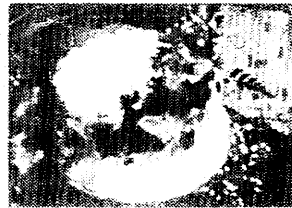
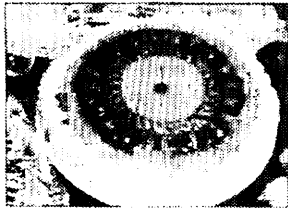
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật lộng lẫy
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

Bác Sĩ **TRẦN TIÊN SUM**

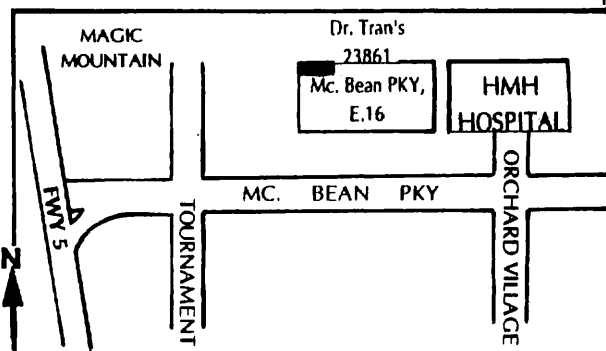
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
 - Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- => *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- => *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- => *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- => *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*
 - Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...*
- => *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- => *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
- => *Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
- => *Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
- => *Tẩy các vết sẹo*
- => *Tái tạo các chức phận của bàn tay, giầy thần kinh, gân và xương.*

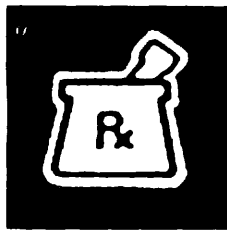
Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cầm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận **MEDICAL** và **CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM
 NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

BÁC SĨ NHA KHOA

LÊ THÀNH HÒA



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

ALHAMBRA

407 W. MAIN STREET
 ALHAMBRA, CA 91801
 Tel. (818) 281-6642

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:
 9AM - 6PM

BÁC SĨ NHA KHOA

THÁI QUỲNH QUANG



VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
 VAN NUYS, CA 91405
 Tel. (818) 904-0224

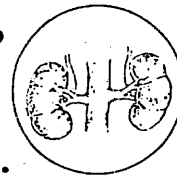
(cùng Building với Phan's Pharmacy)

GIỜ LÀM VIỆC:

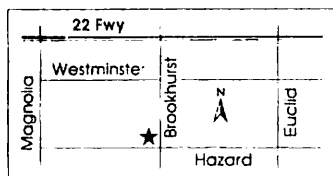
THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM
THỨ BẢY: 9AM - 5PM



Bác Sĩ **ĐỖ CẢNH MINH, M.D.**



**CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH :
THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT.**



**14441 Brookhurst St. # 6,
Garden Grove, CA 92643**
(Góc Brookhurst và Hazard)

- BỆNH NỘI KHOA NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM.
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức.
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi.
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ.
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên.
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn.
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mụn cóc, lở ngứa.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn.

GIỜ LÀM VIỆC :
Thứ Hai - Thứ Sáu : 9:30 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy : 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật : Nghỉ

**NHẬN MEDICAL / CALOPTIMA
MEDICARE VÀ BẢO HIỂM**

Điện Thoại : (714) 418-0488



Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food
9035 Reseda Blvd., Northridge, CA 91324
Tel. (818) 349-9135

Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

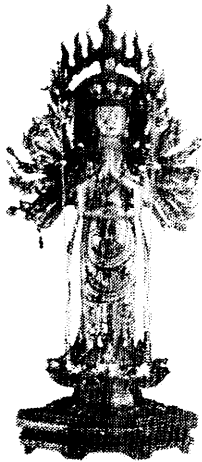
Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.

DAVICO INC. ĐẠI VIỆT CÔNG TY

Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries
The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206
 Los Angeles, CA 90012
 Tel. (213) 626-1868



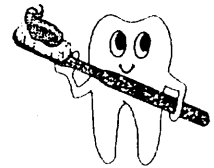
* Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ gỗ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.
 * Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiểng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, AN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

- ☺ Nha Khoa Gia Đình.
- ☺ Khám Răng Định Kỳ.
- ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

- ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
- ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.
- ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
 Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm
 Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
 Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
 9:00am = 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

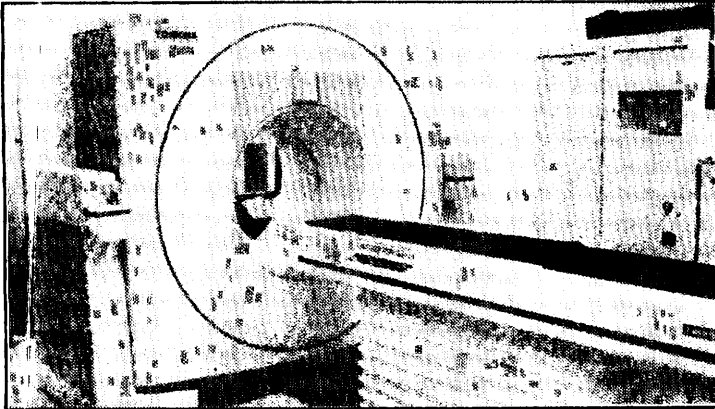
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

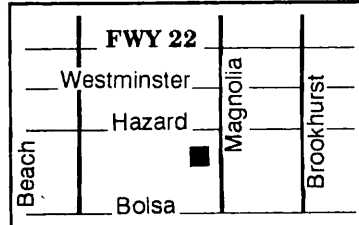
TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**



GIỜ MỞ CỬA:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM

DISCOUNT
*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mượn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

14044 Magnolia * Suite 128

Westminster, CA 92683

(corner Westminster Blvd.)

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443



VISA

MASTER CARD

LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM St., LONG BEACH, CA 90804

Tel (310) 439-7227 • 24hrs.

→ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

→ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

→ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

→ *Cộng tác chương trình băng sữa WIC*

→ *Đích thân sẵn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.*



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỖNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

✧ Khám răng định kỳ
✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

✧ Tẩy răng trắng
✧ Làm khít răng thưa
✧ Vá răng sút mé ...

*Tan Tam, Chu Đáo, Kỹ Lượng
Chữa Răng Nhẹ Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- > Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- > Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- > Bán các loại thiệp, quà tặng.
- > Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- > Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)
- > Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ
Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

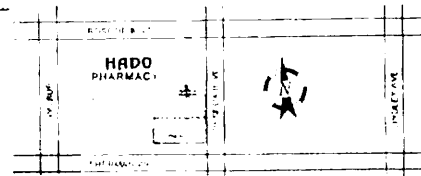
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Chờ làm việc

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:50 AM - 6:50 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM



DOUGLAS DUC PHAM
BROKER/OWNER



9017 RESEDA BLVD # 212, NORTHRIDGE, CA 91324

TEL. (818) 717-0939 ☎ PAGER. (818) 908-7686

HOÀNG-NGỌC-HÀ
MORTGAGE BROKER

- 3% - 5% Down cho những người mua nhà lần đầu.
- 20% Down, No Verify income, No Verify employment, No Tax Return.
- Home improvement loan up to 125% loan-to-value.
- Không cần tiền Down, hay bị phá sản, bad credit vẫn mua nhà được.
- Cần Thủ Tục chuyển nhượng Bất Động Sản, như rút tên ra, thêm tên vào, hay đổi tên trên giấy chủ quyền.

ĐẶC BIỆT

- CÓ NHIỀU DANH SÁCH NHÀ DO NGÂN HÀNG DÀ VÀ SẮP TỊCH THU, GIÁ RẺ, HẦU HẾT DÀ ĐƯỢC TÂN TRANG LẠI.
- CHỈ CẦN 3% 5% DOWN QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ TRONG VÒNG 30 NGÀY, NO PMI

TÍN NHIỆM - KÍN ĐÁO - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

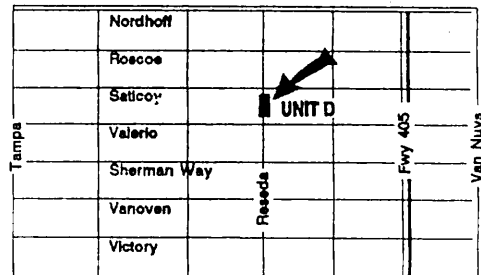
--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận *VISA, MASTERCARD*

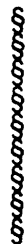


REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car



REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUYỀN TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

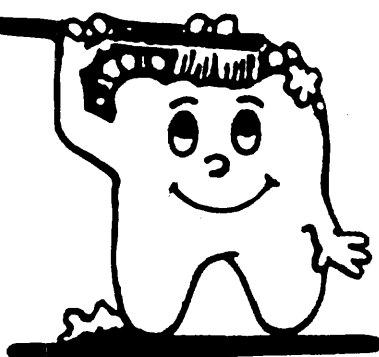
BÙI VĂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Saticoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- > Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- > Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.
Tẩy răng trắng.
Làm răng giả các loại.
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.
Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

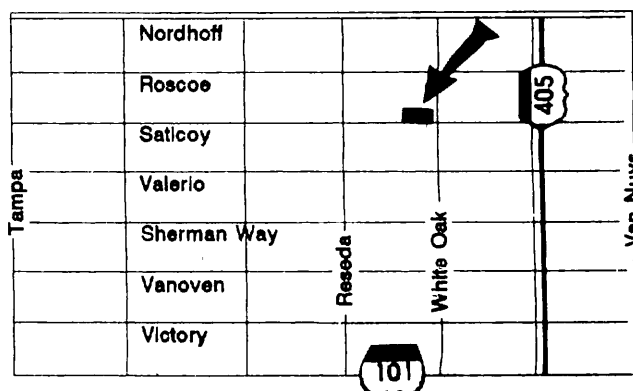
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ: CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM





ADVANCED SKIN & LASER CLINIC

7901 Westminster Blvd.
Westminster, CA 92683

Trung Tâm Khang Trang,
Uy Tín và Lâu Năm Nhất tại Little Saigon

Chuyên-Trị
Bệnh Ngoài Da Cho
Người Lớn và Trẻ Em

Mụn, Nám, Ngứa Da, Dị Ứng,
Chàm Da, Vảy Nến, Nấm Da,
Rụng Tóc, Gàu Tóc,
Giải Phẫu Nốt Ruồi, Mụn Cóc,
Giải Phẫu Ung Thư Da
bằng phương pháp
Mohs Micrographic
Surgery.

Giải-Phẫu Thẩm-Mỹ và
Tạo-Hình Toàn Khoa

MẮT: Một mí thành 2 mí, lấy da dư mắt bị sụp, lấy mỡ mí trên và mí mắt dưới.
MŨI: Nâng cho cao hoặc sửa cho gọn.
CẨM: Độn cằm cho thon khuôn mặt.
HÀM MẶT-MIỆNG: Sửa cho hết hô và móm.
CHÍCH: Chích Vết Nhăn và Môi bằng Collagen, Botox hay Mỡ của chính mình.
Chích thuốc cho tan đường gân máu ở đùi và chân.

Đặc Biệt Chuyên về:

Dùng tia Nd. Yag Laser để xóa vết tàn nhang, vết xăm, bớt bẩm sinh, gân máu đỏ v.v ... **Lột Da Mặt** bằng tia Ultrapulse Laser để mất vết sẹo, rỗ, vết nhăn (Skin Resurfacing) **Hút mỡ** bằng phương pháp mới Tumescant Liposuction và những phương-pháp mới **Cấy tóc và lông mày** bằng phương pháp Micrographs **Lấy mỡ mí mắt dưới** không phải cắt làn da.
Sửa Ngực rất tự nhiên. **Căng:** da trán da mặt nâng lông mày bằng phương pháp Nội-Soi (Endoscopy) **Lột Da Mặt** bằng nhiều phương pháp.

ĐẶC BIỆT CÓ: Chuyên Viên Skin Care của Oriki Cosmetics sẽ đảm trách phần Trị Mụn và Trị Nám dưới sự điều khiển của Bác Sĩ Ngoài Da. Hướng dẫn sản sóc da, sử dụng mỹ-phẩm, dạy trang-diểm.

Mọi Tham Khảo ý kiến xin gọi **ANGIE NGUYỄN**

ORANGE COUNTY
(714) 898-9368
NGOÀI ORANGE COUNTY
1-800-88-ORIKI
(1-800-886-7454)



BOARD CERTIFIED
DERMATOLOGISTS

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA
NGOÀI DA &
GIẢI PHẪU DA

NGUYỄN T. TUẤN, M.D.

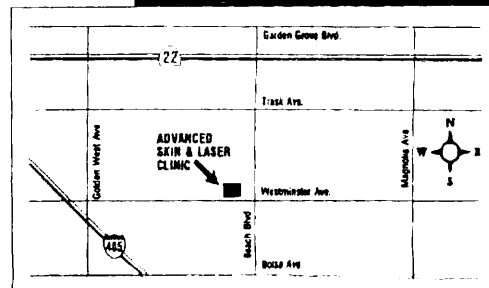
NGUYỄN H. QUÂN, M.D.

ALYSSA KIM, M.D.

BOARD CERTIFIED
PLASTIC SURGEON

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA
GIẢI PHẪU THẨM MỸ
& TẠO HÌNH TOÀN KHOA

JAE CHUN, M.D.



A Complete Dermatology and Plastic Surgery Center



OLDE PEKING ANTIQUES

225 E. Main Street., Alhambra, CA 91801
Tel. (626) 284-3099

(*Nằm giữa đường Garfield và Chapel*)



☆ Công Ty **BẮC KINH** danh tiếng bán đủ các loại thủ công mỹ nghệ phẩm với giá sỉ, lẻ rất đặc biệt rẻ.

☆ Những đồ cổ làm bằng gỗ, đá quý, ngọc, ngà, đồng v.v... được chạm trổ điêu khắc tuyệt đẹp và các đồ bằng sành, sứ mỹ thuật.

☆ Những đồ cổ quý giá của thời nhà Minh, Thanh Trung-Hoa và các thời đại cổ xưa. Những vật quý giá nghệ thuật tuyệt đẹp này rất thích hợp trang trí, thờ phượng v.v... mà quý vị khó tìm thấy ở nơi khác.

☆ Kính mời quý khách, chúng tôi nhiệt tình phục vụ, quý vị sẽ hài lòng.



NATIONWIDE REALTY

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC

CHUYÊN MÔN

- *Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.*
- *Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tái tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.*
- *Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.*



SAM S. NGUYEN

TEL. (818) 347-1222

PAGER. (818) 372-4961

RES. (818) 704-7056

FAX. (818) 347-3924

**NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG**

NORTH
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(562) 531-9778 ☎ (562) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN PHƯƠNG TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

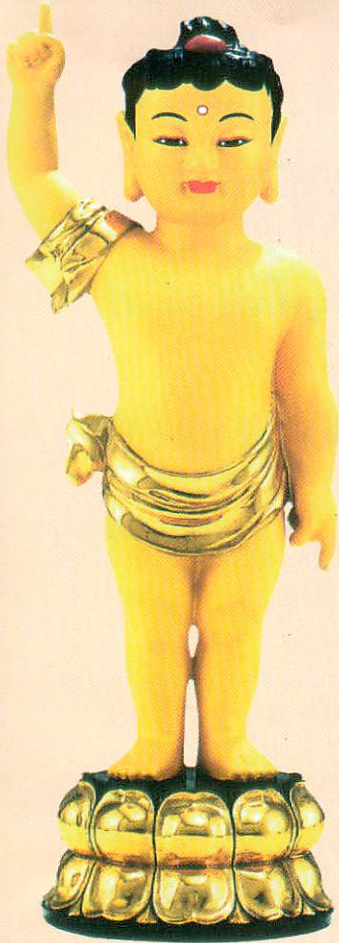
**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI**
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỬI HÀNG KHẮP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dục-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kính sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v.

Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.

☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Anh) MR. WU - TEL. (626) 280-7813 ; FAX. (626) 280-4752

(Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - TEL (626) 280-2598

China Town: CÔ PHƯƠNG (213) 625-7868 ☎ 620-0809 - Trong LIDO PLAZA # 306



NEWPORT SURGERY INSTITUTE

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn



Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. ©

BÁC SĨ NGUYỄN NGỌC THANH

Bà Phương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LỆ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

TEL: (949) 759-8276 - Res. 898-6514

1-800-367-9671